

*Các **Bí Tích***

*Gặp Gỡ Liên Tục với **Đức Kitô***

trích từ

Giáo Huấn của Đức Kitô

Giáo Lý Công Giáo cho Người Lớn

Hồng Y Donald W. Wuerl

Ronald Lawler, O.F.M. Cap.
Thomas Cornerford Lawler
Kris D. Stubna

Biên Tập bởi Jem Sullivan, Ph.D.

Dịch từ Nguyên Bản Anh Ngữ bởi Linh Mục Phaolô Trần Xuân Tâm

Our Sunday Visitor Publishing Division
Our Sunday Visitor, Inc.
Huntington, IN 46750

2010

MỤC LỤC TỔNG QUÁT

Lời Mở Đầu của Hồng Y Donald Wuerl	3
Dẫn Nhập	4
Chương Một – Phụng Vụ: Mầu Nhiệm Vượt Qua và Đời Sống Bí Tích	6
Chương Hai – Minh Máu Thánh: Trung Tâm Đời Sống	16
Chương Ba – Bí Tích Các Chức Thánh và Chức Tư Tế	37
Chương Bốn – Bí Tích Khai Tâm: Thanh Tẩy	54
Chương Năm – Bí Tích Thêm Sức	68
Chương Sáu – Bí Tích Chữa Lành: Sám Hối và Hòa Giải	76
Chương Bảy – Bí Tích Xức Dầu Bệnh Nhân	90
Chương Tám – Hôn Phối Kitô Giáo: Đức Kitô và Tình Yêu Con Người	99
Kết Luận	113

LỜI MỞ ĐẦU

CỦA HỒNG Y DONALD WUERL TỔNG GIÁM MỤC WASHINGTON

Có lẽ không có gì “Công Giáo” cách hữu hình về Giáo Hội Công Giáo cho bằng bảy bí tích. Giáo Hội xem các bí tích như một phần căn tính của mình đến nỗi Giáo Hội ngay cả gọi chính mình là một bí tích. Bí tích là gì? Và tại sao chúng lại quá quan trọng? Câu trả lời cho những câu hỏi này ở ngay phần quan trọng nhất của cách thức mà chúng ta là những người Công Giáo hiểu Đức Kitô là ai và làm sao mà Thiên Chúa đã chọn nói với chúng ta qua Ngài.

Đức Giêsu thật sự cứu rỗi chúng ta bằng những việc làm được thi hành trong nhân tính của Ngài, bằng tình yêu vâng phục và sự chịu đựng kiên nhẫn (đối chiếu: *Do Thái* 5,8) và bằng việc dâng lên “mạng sống Ngài làm giá chuộc thay cho nhiều người” (*Matthêu* 20,28).^{*} Giáo Hội long trọng dạy rằng hậu quả bi thảm của tội Adam đã không có sự chữa lành nào khác hơn là công nghiệp của Đấng Trung Gian duy nhất, Đức Giêsu Kitô Chúa chúng ta, Đấng đã hòa giải chúng ta với Thiên Chúa trong máu Ngài.

Giống như Ngôi Lời đã mặc lấy thân xác con người và trở thành người, thì Giáo Hội, sự hiện diện tiếp tục của Chúa Phục Sinh, cũng vậy, mặc lấy xác phàm của phụng vụ để tiếp tục việc làm của Đức Giêsu. Giáo Hội giống như đấng sáng lập thiên linh của mình dùng lời, dấu chỉ, biểu tượng, và mọi hình thức của thực tại để hoàn thành việc làm của mình. Sự mạng cao cả của Giáo Hội được thực hiện bởi những tác nhân con người. Khi làm việc của họ, những người này cử hành những nghi lễ thánh thiêng được liên kết trong những gì chúng ta gọi là các bí tích với những thực tại bình thường của đời sống con người: bánh, nước, rượu, dầu.

Bí tích là một dấu chỉ thánh thiêng. Trong cách dùng của Công Giáo, từ “bí tích” đặc biệt hơn cả thường chỉ về một trong bảy bí tích, trong đó những thực tại hữu hình do bởi ý muốn của Đức Kitô được làm thành những dấu chỉ hiệu lực cho những ơn huệ cứu rỗi của Ngài. Bởi vì các bí tích thật sự hoàn thành những gì chúng biểu tượng, chúng là những dấu chỉ độc nhất vô nhị. Bởi vì chúng đặt chúng ta trong sự tiếp xúc với Thiên Chúa theo cách mà ơn sủng của Ngài đụng chạm chúng ta, chúng là những dấu chỉ thánh thiện.

Trong các bí tích Giáo Hội có thể tiếp tục việc làm của Chúa bởi vì Đức Kitô là thừa tác viên chính yếu trong mỗi bí tích. Bởi vì chính Đức Kitô làm việc nhờ qua các bí tích, chúng có một quyền năng và hiệu lực tính không phụ thuộc vào một mình sự chuẩn bị của chúng ta hay sự thánh thiện của thừa tác viên con người.

Vì thật sự chính Đức Kitô đang làm việc theo cách phản ánh sự Nhập Thể của Ngài, những hiệu quả của các bí tích ràng buộc thân thiết với những dấu chỉ bên ngoài của mỗi bí tích. Vật liệu, những dấu chỉ hữu hình cho việc làm bên trong của ơn sủng, được gọi là chất thể của bí tích, giống như lời nói công bố hành động bí tích được gọi là mô thức. Những thực tại con người này, cùng với đức tin, cần thiết để phát sinh ra hiệu quả của bí tích.

Chúng ta sẽ nhìn vào mỗi bí tích cách riêng biệt để lắng nghe và cố gắng nghe những gì Thiên Chúa nói với chúng ta nhờ qua mẫu nhiệm của sự hiện diện Ngài.

^{*} Chú thích của người dịch: Tất cả trích dẫn Thánh Kinh trong sách này lấy từ *Kinh Thánh – Bản dịch của Linh mục Nguyễn Thế Thuấn – Dòng Chúa Cứu Thế*, xuất bản năm 1976 với đôi chút điều chỉnh nếu cần.

DẪN NHẬP

“Ta sẽ ở với các ngươi mọi ngày cho đến tận thế” (*Matthêu 28,20*). Lời hứa này của Đức Giêsu được ban cho các môn đệ và cho mỗi chúng ta. Trong khi Đức Giêsu còn rảo bước trên trái đất này, Ngài đã làm nhiều dấu chỉ và nhiều sự kỳ diệu. Thanh Tẩy của Ngài ở sông Giođan bắt đầu thừa tác vụ công khai của Ngài khi Ngôi Cha mạc khải Con yêu dấu của Ngài. Rồi thì Đức Giêsu tha thứ tội lỗi và hòa giải các tội nhân. Ngài chữa lành người bệnh và làm cho kẻ chết sống lại, và Ngài cho đám đông ăn bánh và lời Ngài. Vào đêm khổ nạn của Ngài, Đức Giêsu thiết lập [bt] Minh Máu Thánh* và chức tư tế. Và trong Mầu Nhiệm Vượt Qua của sự đau khổ, chết và sống lại, Đức Giêsu yêu mến dâng lên Ngôi Cha chính Minh và Máu Ngài như hy tế sống động kéo dài mãi mãi. Sau khi lên cùng Cha Ngài, Ngôi Thánh Thần được sai đến như Đấng bầu chữa, hướng dẫn, và thánh hóa Giáo Hội.

Khi chúng ta đọc hay nghe công bố những dấu chỉ và những việc kỳ diệu của Đức Giêsu, chúng ta có thể có khuynh hướng nghĩ rằng những trình thuật Tin Mừng này là những biến cố của quá khứ. Chúng ta ngạc nhiên vì mầu nhiệm cuộc đời, khổ nạn, chết, và sống lại của Đức Giêsu, giống như những môn đệ đầu tiên chắc cũng đã ngạc nhiên. Dầu vậy, Đức Giêsu khao khát không chỉ chữa lành, tha thứ, và lôi kéo dân chúng đến với Ngài trong thời Ngài. Những lời nói và việc làm cứu rỗi của Ngài là cho mọi người ở mọi thời. Và việc cứu rỗi của Ngài, nghĩa là sự viên mãn của mạc khải Thiên Chúa, sẽ kéo dài đến tận cùng thời gian.

Bảy bí tích của Giáo Hội Công Giáo là những phương thế nhờ bởi đó việc cứu chuộc của Đức Kitô trong cuộc khổ nạn, chết, và sống lại của Ngài hiện diện luôn mãi cho mọi tín hữu. Các bí tích là sự tiếp tục ở mọi thời những dấu chỉ và những điều kỳ diệu mà Đức Giêsu đã làm trong khi Ngài vẫn còn rảo bước trên mặt đất chừng hai ngàn năm qua. Chúng ta tin rằng “các bí tích đúng thật là những cánh tay của chính Đấng Cứu Thế nhờ bởi đó Ngài mở rộng hành động của Ngài xuyên qua không gian và thời gian để trao ban sự sống, giáng phúc, canh tân, chữa lành, và hóa ra nhiều bánh sự sống”.

Cuốn Giáo Lý vắn tắt về các bí tích này mời các bạn đào sâu sự hiểu biết của mình về cái đẹp và tính phong phú của đời sống bí tích trong Giáo Hội. Nó cũng mời gọi kinh nghiệm sự hoán cải liên tục và sự biến dạng hàng ngày của đời sống nhờ qua các ơn sủng của các bí tích.

Chúng ta bắt đầu với chương dẫn nhập về bảy bí tích của Giáo Hội để suy tư của các bạn về mỗi một bí tích được đặt trong nhận thức của Giáo Hội về bản tính của phụng vụ, Mầu Nhiệm Vượt Qua của Đức Kitô, và đời sống bí tích của Giáo Hội. Rồi thì từng bí tích một trong bảy bí tích được trình bày như phương thế độc đáo nhờ bởi đó sự hiệp thông của Giáo Hội thông dự vào sự hiệp thông của Ba Ngôi Thánh.

Như những môn đệ của Đức Giêsu Kitô, chúng ta khao khát hiểu biết, mến yêu, và phụng sự Ngài như những chi thể của Thân Mình Ngài là Giáo Hội. Chúng ta khao khát

* Chú thích của người dịch: Trong sách này chỗ nào có nhóm từ Minh Máu Thánh mà trước đó có “[bt (= bí tích)]” thì chắc chắn là nguyên bản Anh ngữ dùng từ “Eucharist” hay “eucharistic”, mà nguồn gốc tiếng Hy Lạp nghĩa là “tạ ơn” và được các ngôn ngữ Tây Phương dùng như từ riêng, chứ không dịch ra. Ngôn ngữ Công Giáo Việt Nam trái lại dịch thành “Minh Máu Thánh” (xưa) hay “Thánh Thể” (nay), tuy đúng theo thực tại nhưng lại bất lợi theo nghĩa trong một số văn cảnh. Về việc người dịch chọn “Minh Máu Thánh” hơn là “Thánh Thể” là vì nhóm từ trước chính xác hơn, vì “thể” trong tiếng Việt có nghĩa là thân thể, thân mình, mà không nhất thiết hàm nghĩa “máu” như theo ý nghĩa hàm chứa trong từ “Eucharist”.

sống trong tự do và quyền năng của ơn huệ tình yêu của Thiên Chúa. Với sự giúp đỡ của cuốn Giáo Lý vắn tắt về bảy bí tích này, các bạn được mời gọi đào sâu tương quan của mình với bản thân Đức Giêsu Kitô, nhờ qua sự hiện diện bí tích sống động của Ngài. Bảy bí tích được Đức Kitô thiết lập là những phương thế nhờ bởi đó Giáo Hội Công Giáo trao ra cho mỗi người tình yêu và sự hiện diện ban sự sống của Thiên Chúa, tức là ơn sủng. Với cuốn Giáo Lý vắn tắt này như người bạn đồng hành và hướng dẫn viên, chớ gì sự nghiên cứu và suy tư cầu nguyện của các bạn là lúc đổi mới như thể của ơn sủng để các bạn kinh nghiệm được sự hiện diện trường tồn của Đức Giêsu Kitô trong Giáo Hội Ngài, trong đời sống của các bạn và gia đình các bạn.

CHƯƠNG MỘT

Phụng Vụ: Mẫu Nhiệm Vượt Qua và Đời Sống Bí Tích

(SGLHTCG* 1076-1130; 1179-1206; 1667-1676)

Tôn giáo trong cốt lõi là sự tìm kiếm Thiên Chúa. “Chỉ có một điều tôi khẩn xin Giavê, điều tôi khắc khoải tìm, là được ở trong nhà Giavê suốt mọi ngày đời tôi” (*Thánh Vịnh* 27, 4). Sự tìm kiếm Thiên Chúa mang tính cá vị này đặc biệt tập trung vào cầu nguyện; nhưng sự cầu nguyện cá vị của chúng ta mở rộng ra liên kết với sự cầu nguyện cá vị của anh chị em đồng đạo chúng ta trong sự cầu nguyện cộng đoàn. Khi cầu nguyện cộng đoàn là sự cầu nguyện của chính Giáo Hội đang sống, tập hợp dân chúng thành một theo những cách thức mới, thì nó trở thành phụng vụ.

Phụng vụ là gì? Phụng vụ là “sự thờ phượng công cộng vẹn toàn được thực thi bởi Thân Mình Mẫu Nhiệm của Đức Giêsu Kitô, nghĩa là, bởi Đầu và các chi thể Ngài” [*Sacrosanctum Concilium* (*Hiến chế phụng vụ*), 7]*.

Trong chương này chúng ta bàn về phụng vụ và sự hiện diện của Đức Kitô ở đó, Mẫu Nhiệm Vượt Qua, ý nghĩa của “bí tích”, và việc dùng các á bí tích trong Giáo Hội. Trong các chương theo sau, từng bí tích một trong số bảy bí tích mà Đức Kitô thiết lập sẽ được bàn đến chi tiết.

Đức Kitô Hiện Diện trong Phụng Vụ

Cầu nguyện phụng vụ không chỉ là cầu nguyện cộng đoàn. Công Đồng Vaticanô II trong Hiến chế về Phụng Vụ Thánh một lần nữa cho thấy bằng cách nào mà các thực tại cầu nguyện và cộng đoàn – và tính cách bí tích – đồng quy ở phụng vụ. Công Đồng không chỉ nói đến sự tìm kiếm, hay sự gặp gỡ, mà còn là sự hiện diện, nghĩa là, sự hiện diện của Thiên Chúa trong Đức Kitô ở nơi phụng vụ. Thật vậy, chúng ta tìm kiếm và gặp thấy Thiên Chúa chỉ khi Ngài đến với chúng ta trước. “Lòng mến thực là nơi điều này: là không phải vì chúng ta đã yêu mến Thiên Chúa nhưng là chính Ngài đã yêu mến chúng ta...” (*1 Gioan* 4, 10). Thiên Chúa hiện diện và vậy. Chính chúng ta khiêm diện và phải tìm kiếm sự gặp gỡ; các chương ngại phải dẹp bỏ là nơi chúng ta.

Đức Kitô luôn hiện diện trong Giáo Hội Ngài, đặc biệt trong các cử hành phụng vụ. Ngài hiện diện trong hy tế Thánh Lễ, không chỉ trong bản thân thừa tác viên của Ngài, vì “như xưa Ngài đã dâng hiến chính mình trên thập giá thì nay chính Ngài cũng đang dâng thánh lễ nhờ qua thừa tác vụ của các tư tế”,¹ mà còn nhất là hiện diện thật sự dưới hình sắc [bt] Mình Máu Thánh. Ngài hiện diện trong các bí

* Chú thích của người dịch: Sách Giáo Lý của Hội Thánh Công Giáo (SGLHTCG) được tham khảo ở đây là bản dịch Việt ngữ chính thức của Ủy Ban Giáo Lý Đức Tin thuộc Hội Đồng Giám Mục Việt Nam, ấn bản 2009.

* Chú thích của người dịch: Tất cả trích dẫn văn kiện Công Đồng Vaticanô II trong sách này lấy từ *Thánh Công Đồng Chung Vaticanô II – Phần I: Văn Kiện Công Đồng*, Bản dịch của Giáo Hoàng Học Viện Pío X, xuất bản năm 1972 với sự điều chỉnh nếu cần

¹ Công Đồng Trentô, Phiên Hợp 22, ngày 17 tháng 9, 1562, *Giáo lý về Hy Tế Cực Thánh của Thánh Lễ*, chương 2 (DS 1743).

tích bằng quyền năng của Ngài; vì thế khi một người thanh tẩy, thì thực sự chính Đức Kitô thanh tẩy. Ngài hiện diện bằng lời của Ngài, vì chính Ngài nói khi Thánh Kinh được đọc trong Giáo Hội. Sau cùng, Ngài hiện diện khi Giáo Hội cầu khẩn và hát thánh vịnh vì chính Ngài đã hứa: “Đâu có hai hay ba người họp lại nhân danh Ta, thì có Ta ở đó giữa họ” (*Matthêu 18, 20*). (*Hiến chế phụng vụ, 7*)

Vậy thì Đức Kitô hiện diện ngay cả khi các chi thể Ngài tập hợp nhau trong cầu nguyện chung. Trong phụng vụ chúng ta thấy Giáo Hội được triệu tập vì mục đích trung tâm của việc thờ phượng nơi Giáo Hội. Ở đây Đầu và các chi thể được tập hợp với nhau trước mặt Ngôi Cha. Ở đây chúng ta được bao bọc bởi giao ước mà chính Thiên Chúa đã thiết lập, không phải với những cá nhân tách rời nhau nhưng với dân của Ngài hiệp nhất trong Đức Kitô. Thờ phượng đòi hỏi sự cộng tác của toàn thể cộng đoàn, không phải thuần túy như những khán giả nhưng như những tham dự viên.

Một lần nữa, Đức Kitô hiện diện trong lời Ngài. “Chính Ngài nói khi Thánh Kinh được đọc trong Giáo Hội” (*Hiến chế phụng vụ, 7*). Bởi vì Giáo Hội muốn làm cho sự giàu có của lời Thiên Chúa được đón nhận nhiều hơn, nên việc cử hành mỗi bí tích hiện nay bắt đầu với Phụng Vụ Lời. Phụng vụ này bao gồm bên cạnh các bài đọc là những chỗ dừng để suy niệm và cầu nguyện. Phụng Vụ Lời trong thực tại là trường học tích cực của cầu nguyện, là sự thăng tiến nhờ lắng nghe, suy niệm, và chuyên tâm vào tính thân mật. Vì sự tìm kiếm Thiên Chúa là con tim đồng thời của mọi sự cầu nguyện và đặc biệt của phụng vụ, nên cầu nguyện phải thực sự hướng dẫn và hình thành các hành vi phụng vụ. Nghi thức mà không có cầu nguyện thì không phải là phụng vụ.

Tuy nhiên điều kỳ diệu hơn hết trong phụng vụ là Đức Kitô ở với chúng ta bằng sự hiện diện Mình Máu Thánh; và Ngài hiện diện bằng quyền năng cứu rỗi mà nhờ đó Ngài tác động trong tất cả các bí tích.

Tất cả những sự hiện diện này thuộc về những gì thánh Phaolô gọi là mầu nhiệm của Thiên Chúa, mầu nhiệm của Đức Kitô, Mầu Nhiệm Vượt Qua, hay đơn giản “mầu nhiệm” (đối chiếu: *Colosê 2,2; 4,3*).

Mầu Nhiệm Vượt Qua của Đức Kitô

Giáo Tông Bênêdictô XVI viết trong Tông Huấn *Sacramentum Caritatis* (*Bí Tích của Đức Bác Ái*): “Đức tin của chúng ta và Phụng Vụ Mình Máu Thánh, cả hai có nguồn gốc trong cùng một biến cố: Quà tặng chính mình của Đức Kitô trong Mầu Nhiệm Vượt Qua” (34). Thật vậy, Giáo Hội định vị trung tâm của toàn bộ tôn giáo Kitô nơi Mầu Nhiệm Vượt Qua. Đức Kitô cứu chuộc nhân loại “chính yếu nhờ Mầu Nhiệm Vượt Qua gồm cuộc khổ nạn hồng phúc, việc sống lại từ cõi kẻ chết, và việc lên trời vinh hiển của Ngài. Nhờ đó ‘Ngài đã chết để hủy diệt sự chết nơi chúng con và sống lại để phục hồi sự sống cho chúng con’” (*Hiến chế phụng vụ, 5*).² “Giáo Hội không bao giờ bỏ việc cùng nhau quy tụ để cử hành Mầu Nhiệm Vượt Qua: gồm việc đọc ‘các điều đã viết về Ngài trong toàn bộ Thánh Kinh’ (*Luca 24, 27*), và việc cử hành [bt] Mình Máu Thánh trong đó ‘sự vinh thắng và khải hoàn nhờ cái chết Ngài được làm hiện diện lại’,³ đồng thời ‘tạ ơn Thiên Chúa vì ơn huệ khôn lường của Ngài’ (*2 Corinthô 9, 15*) trong Đức Kitô Giêsu, ‘để

² Trích dẫn ở trong là từ kinh Tiền Tụng cho lễ Phục Sinh trong *Sách Lễ Rôma*.

³ Công Đồng Trentô, Phiên Hợp 13, ngày 1 tháng 10, 1551, *Sắc Lệnh về [bt] Mình Máu Cực Thánh*, chương 5 (DS 1644).

ca tụng vinh quang Ngài’ (*Êphêsô* 1, 12), nhờ quyền năng của Ngôi Thánh Thần” (*Hiến chế phụng vụ*, 6).

Chỉ bằng cách nhận ra rằng trong phụng vụ vinh thắng và khai hoàn của cái chết Đức Kitô được làm hiện diện, mà chúng ta mới có thể hiểu hai tuyên bố của Công Đồng Vaticanô II bằng không xem ra không thể hiểu được: “Phụng vụ là tột đỉnh mà hoạt động của Giáo Hội quy hướng về, đồng thời là nguồn mạch mà từ đó mọi năng lực của Giáo Hội tuôn trào ra” (*Hiến chế phụng vụ*, 10), và “là cội nguồn tiên khởi và thiết yếu mà từ đó người tín hữu phải múc lấy tinh thần Kitô giáo đích thật...” (*Hiến chế phụng vụ*, 14). Nếu phụng vụ là nghi thức biểu tượng thuần túy, thì không thể có được những khẳng định như thế về phụng vụ. Những khẳng định đó là đích thật chỉ bởi vì phụng vụ (bao gồm tất cả các bí tích nhưng tập trung vào [bt] Mình Máu Thánh) tiếp tục và làm hiện diện Mầu Nhiệm Vượt Qua của Đức Kitô.

Sự Bộc Lộ Kế Hoạch của Thiên Chúa

Mầu Nhiệm Vượt Qua là trung tâm của kế hoạch cứu rỗi mà Thiên Chúa dành cho chúng ta. Kế hoạch này – mà trung tâm và tột đỉnh của nó là Đức Kitô – bộc lộ dần dần trong lịch sử của những gì Thiên Chúa đối xử với gia đình nhân loại và đạt đến cực điểm của nó bằng cách đem mọi cái vào sự hiệp nhất trong Đức Kitô, hiệp nhất “vạn vật dưới một đầu, một mối trong Đức Kitô, vật trên trời, vật dưới đất” (*Êphêsô* 1, 10).

Kế hoạch cứu rỗi của Thiên Chúa đạt tột đỉnh lúc “muôn thời được viên mãn” (*Êphêsô* 1, 10) với sự chết và sống lại của Đức Kitô. Bằng cách chết đi Ngài hủy diệt sự chết của chúng ta, và bằng cách sống lại Ngài phục hồi sự sống cho chúng ta. Ở tột đỉnh này một sự biến dạng kỳ diệu đã xảy ra. Cái đã xuất hiện lúc đó như một thứ hành hình tàn ác và bất công được *Thư gửi Do Thái* đặt trong viễn tượng đích thật của nó, trong bối cảnh phụng vụ của vũ trụ. Calvariô được nhìn như nút cao vút trời, như cung thánh ở đó vị Thượng Tế mới dâng hy tế cho mọi dân nước trên thế giới. Người Tội Tớ bị đóng đinh trần trụi, nay thay thế Aaron, xuất hiện như Thượng Tế của nhân loại theo phẩm trật Melkisêdek (đối chiếu: *Do Thái* 7; *Khởi Nguyên* 14, 18):

Nhưng khi Đức Kitô đã xuất hiện như một thượng tế của những phúc lành lai thời, lúc đó xuyên qua Lều tạm vĩ đại và hoàn hảo hơn (không được làm bằng tay, nghĩa là không thuộc về thế giới thụ tạo này) Ngài đã vào Nơi Thánh một lần cho mãi mãi, lấy không phải máu dê, máu bê, nhưng máu của chính Ngài, mà nhờ vậy thiết lập bền vững sự cứu chuộc đời đời... Vì Đức Kitô đã không vào một cung thánh làm bằng tay, bản sao của cung thánh đích thật, nhưng vào chính thiên đàng, để nay xuất hiện trước mặt Thiên Chúa vì chúng ta. (*Do Thái* 9, 11-12.24)

Sách *Khải Huyền* cũng mô tả phụng vụ này như cực điểm của lịch sử:

Và giữa ngai tòa và bốn sinh vật và giữa các bô lão, tôi đã thấy Chiên Con đứng như đã bị sát tế... ‘Chiên Con đã bị sát tế xứng đáng lãnh nhận quyền năng, phú quý, khôn ngoan, dũng lực, danh dự, vinh quang, và chúc tụng!’ (*Khải Huyền* 5, 6.12)

Vì vậy, Đức Giêsu bị đóng đinh, rồi sống lại trong vinh quang phục sinh và lên trời vào cung thánh thiên quốc, dâng hy tế đáng được chấp nhận trong một phụng

vụ mang tính vũ trụ, một phụng vụ liên kết mọi người được cứu chuộc với nhau như họ được hiệp nhất bởi Đức Kitô vào Ngài và Ngôi Cha.

Đức Kitô trong Bí Tích

Phụng vụ này, hy tế độc nhất cứu chuộc tất cả này, hành vi thờ phượng hoàn hảo nhất này, nay được ban cho Giáo Hội. “Vì thế, phụng vụ thật đáng được xem là việc thực thi tác vụ tư tế của chính Đức Giêsu Kitô” (*Hiến chế phụng vụ*, 7). Trong phụng vụ này chính Đức Giêsu là Cội Nguồn của mọi bí tích, và của mọi dấu chỉ hữu hình cho sự cứu rỗi. Ngài là sự gặp gỡ của nhân loại với Thiên Chúa. Ngài là Lời đã thành xác phàm (đối chiếu: *Gioan* 1, 14). “Vì nhờ mầu nhiệm Ngôi Lời nhập thể... để khi nhận biết Thiên Chúa xuất hiện hữu hình, thì nhờ Ngài lôi cuốn mà chúng con yêu mến Đấng vô hình”.⁴ Như thế Ngài tỏ ra cho chúng ta trong bản thân Ngài, nhờ bởi nhân tính mà Ngài đã lãnh nhận, biết bí tích là gì: Thiên Chúa trao ban sự sống Ngài cho chúng ta, Thiên Chúa làm công việc cứu chuộc trên chúng ta nhờ qua thụ tạo hữu hình của Ngài. Đức Giêsu mở rộng nguyên lý này xa hơn khi Ngài thiết lập Giáo Hội của Ngài, bí tích nền tảng, mà trong đó những con người mang xác phàm giống như chính Ngài – những người thật sự là anh chị em của Ngài – được ghi dấu bởi ảnh hưởng của Thần Khí ẩn giấu, một ảnh hưởng định hình tính cách của họ. Các bí tích khác là phương thế nhờ đó Đức Kitô đến với nhân loại, và cũng nhờ đó Giáo Hội, được liên kết với Ngài như Thân Mình Ngài, cũng mở rộng hành động chữa lành và thánh hóa của Ngài đến với mọi chi thể Ngài. Như Giáo Tông Bênêdictô XVI dạy trong *Bí Tích của Đức Bác Ái*:

Giáo Hội tiếp nhận và đồng thời diễn tả chính bản thân mình là gì trong bảy bí tích, nhờ đó mà ơn sủng của Thiên Chúa ảnh hưởng cách cụ thể trên đời sống của người tín hữu, để toàn bộ sự hiện hữu của họ, được cứu chuộc bởi Đức Kitô, có thể trở thành hành vi thờ phượng đẹp lòng Thiên Chúa. (16).

Từ “bí tích” đến từ một từ Latin^{*} dịch lại một từ Hy Lạp là “mysterion”, nghĩa là mầu nhiệm của Thiên Chúa trong Đức Kitô mà trong đó thánh Phaolô thấy kế hoạch và hành động bao la của Thiên Chúa đang bộc lộ giữa chúng ta (đối chiếu: ví dụ *Colosê* 1, 26). Trong mầu nhiệm này, Đức Kitô đã tuôn đổ vào Giáo Hội, bí tích vĩ đại phát sinh từ Ngài, mọi sự giàu có của ơn sủng và sự thật đạt được nhờ qua sự chết và sống lại của Ngài. Giáo Hội, như chúng ta thấy, đã được sinh ra “từ cạnh sườn Đức Kitô khi ngủ trên thập giá giấc ngủ của sự chết” (*Hiến chế phụng vụ*, 5). Kinh Tiền Tụng của lễ Thánh Tâm chứa đựng những lời này: “Từ cạnh sườn bị thương của Ngài, tuôn chảy ra máu và nước là nguồn mạch ơn sủng canh tân Giáo Hội qua đời sống bí tích”.

Bảy Bí Tích

Nhờ qua các bí tích mà người tín hữu bám vào Đức Kitô và rút ra từ Ngài ơn sủng và đời sống này. Giáo Hội tuyên bố rằng trong Luật Mới có bảy nghi thức bí tích được Chúa

⁴ *Sách Lễ Rôma*, Kinh Tiền Tụng I cho lễ Giáng Sinh. [Chú thích của người dịch: hay nếu dịch sát hơn “Trong Ngài chúng con thấy Thiên Chúa của chúng con trở thành hữu hình và vì vậy được lôi cuốn vào tình yêu đối với đấng Thiên Chúa chúng con không thể thấy”].

^{*} Chú thích của người dịch: Trong ngôn ngữ Công Giáo Việt Nam, từ Latin “sacramentum” trước tiên được dịch là “phép” hay “phép bí tích”, sau này cũng được dịch là “nhiệm tích”.

Giêsu Kitô của chúng ta thiết lập.⁵ Bảy bí tích này là Thanh Tẩy, Thêm Sức, Mình Máu Thánh, Sám Hối, bí tích của Bệnh Nhân, các Chức Thánh, và Hôn Phối.*

Mỗi nghi thức này có một hay nhiều yếu tố vật chất hữu hình như bánh, rượu, nước, dầu, hay các hành động hữu hình của con người. Những yếu tố chất thể này được soi sáng bởi những ngôn từ thánh thiêng để trở thành những dấu chỉ của đức tin và những dụng cụ cho hành động cứu rỗi của chính Đức Kitô trên nhân loại. Dấu hiệu hữu hình của mỗi bí tích biểu tượng quà tặng ơn sủng mà Đức Kitô ban xuống trong bí tích đó.

Vậy thì bảy bí tích này là những hành động của Đức Kitô và của Giáo Hội Ngài. Chúng là những biểu tượng và dấu chỉ là chúng ta được Thiên Chúa giáng phúc và được cứu rỗi bởi lòng thương xót cứu chuộc của Đức Kitô. Chúng là những dấu chỉ của đức tin mà bởi đó chúng ta bám vào Đức Kitô trong việc thờ phượng để chia sẻ những hoa trái ơn huệ vượt qua của Ngài; chúng là những dụng cụ mà bởi đó Đức Kitô, nhờ qua những hành vi phụng vụ của Giáo Hội Ngài, thực sự ban xuống các ơn sủng mà các bí tích biểu tượng.

Giáo Tông Bênêdictô XVI nhắc nhở chúng ta về sự hiệp nhất của bảy bí tích bằng những lời này:

Nếu [bt] Mình Máu Thánh thực sự là cội nguồn và tột đỉnh của đời sống và sứ mạng Giáo Hội, thì phải kết luận rằng quá trình gia nhập Kitô giáo phải liên tục quy về việc lãnh nhận bí tích này... vậy thì [bt] Mình Máu Thánh đem sự gia nhập Kitô giáo đến chỗ thành toàn và diễn tả trung tâm và mục đích của toàn bộ đời sống bí tích. (*Bí Tích của Đức Bác Ái*, 17).

Những Dấu Chỉ Chất Thể

Đức Giêsu bày tỏ quyền năng và đồng thời lòng thương xót của Ngài trong việc đáp ứng những nhu cầu và khát vọng của con người và làm vậy theo cách mà chúng ta có thể thấy và hiểu. Hơn nữa Ngài bày tỏ sự khôn ngoan và thông hiểu trong việc chọn những yếu tố mà tinh thần tôn giáo của những bản vị thụ tạo một cách hầu như phổ quát công nhận như có tính cách gần như thánh thiêng; và có như vậy là bởi vì sự liên kết của chúng với sự sống mà Thiên Chúa là cội nguồn. Đức Kitô đã thường xuyên sử dụng sức biểu tượng mạnh mẽ có sẵn của những thực tại chất thể này như nước (đối chiếu: *Gioan* 4, 10-14) và bánh (đối chiếu: *Gioan* 6, 27-58). Thật sự là những yếu tố này có thể và đã từng bị biến lệch trong ngoại giáo thành những thực hành ma thuật hay mê tín. Nhưng chúng cũng có thể được kéo vào trong nỗ lực của Đức Kitô và của nhân loại nhằm tôn vinh Ngôi Cha.

Như vậy các bí tích là những ơn huệ của Đức Kitô mà bởi đó Ngài ban xuống đời sống thiên linh và thi hành quyền năng thiên linh nhờ qua những dấu chỉ diễn tả bên ngoài thích ứng với bản tính con người chúng ta. Trong các bí tích, Đức Kitô đến với mọi người ở mọi nơi, mọi chốn. Trong cuộc đời trần thế của Ngài, Đức Kitô đã chia sẻ giới hạn của chúng ta bị xác định vào một nơi, một lúc. Nhờ qua các bí tích, Đức Kitô nay

⁵ Đối chiếu Công đồng Trentô, Phiên Hợp 7, ngày 3 tháng 3 năm 1547. *Sắc Lệnh về các Bí Tích*, khoản 1 về các bí tích nói chung (DS 1601).

* Chú thích của người dịch: Trong ngôn ngữ Công Giáo Việt Nam, bí tích Thanh Tẩy vốn được gọi là *Rửa Tội*, bí tích Sám Hối vốn thường được gọi là *Giải Tội* hay có khi *Cáo Giải* và sau này còn được gọi là *Thống Hối* hay *Hòa Giải*, bí tích của Bệnh Nhân hay Xức Dầu Bệnh Nhân được gọi gọn hơn là *Xức Dầu Thánh*, và sau cùng bí tích các Chức Thánh thì được gọi là *Truyền Chức Thánh*.

được vinh hiển bỏ qua một bên những giới hạn này, và bằng những dấu chỉ hữu hình thích hợp với điều kiện chúng ta, Ngài lôi kéo chúng ta vào thế giới mới của đời sống vĩnh cửu, hiện diện rồi nhưng còn ẩn giấu. Hành động của Ngài qua bí tích sẽ tiếp tục khắp nơi cho đến khi tất cả lời hứa của Ngài được hoàn tất.

Sự Gặp Gỡ trong Bí Tích

Sự gặp gỡ trong bí tích của chúng ta với Thiên Chúa nhờ qua Đức Giêsu Kitô là một sự gặp gỡ bị che phủ. Tuy nhiên, đó cũng là sự gặp gỡ bày tỏ ra bởi vì các yếu tố bí tích biểu tượng tính cách của hành động Thiên Chúa trên chúng ta. Nước biểu tượng sự tẩy rửa và sự sống. Bánh và rượu mang ý nghĩa nuôi dưỡng. Dầu có ý nghĩa chữa lành và sức mạnh. Và theo giáo huấn Công Giáo, chúng là dấu chỉ của những gì mà Đức Kitô tạo ra nhờ qua chúng. Vậy thì, mặc dầu gặp gỡ của chúng ta với Thiên Chúa trong phụng vụ bị che phủ, đó vẫn là sự gặp gỡ đích thật. Nhờ qua sự gặp gỡ đó mà trong tất cả nghi thức bí tích chúng ta được lôi kéo vào mầu nhiệm sự chết, sống lại, và lên trời của Chúa.

Trong mỗi bí tích chúng ta vươn lên Thiên Chúa bằng ca tụng, cầu xin, và cảm tạ. Đồng thời Thiên Chúa đến với chúng ta mang theo sự sống và những ơn huệ khác. Người ta có thể nghĩ đến ở đây giấc mơ của Giacôb về cái thang mà trên đó các sứ giả của Thiên Chúa đang đi lên, đi xuống (đối chiếu: *Khởi Nguyên* 28, 12). Mỗi việc phụng vụ là một “cuộc trao đổi kỳ diệu” như một lời nguyện mùa Giáng Sinh diễn tả.⁶

Cử Hành Phụng Vụ

Bởi vì các bí tích là những hành động biểu tượng với những hiệu quả có thật, cần phải cẩn thận để ban phát các bí tích cách hiệu lực, nghĩa là theo cách thế mà dấu chỉ đầy đủ được hiện diện và mục đích của nó được thành đạt. Đối với mọi hành động biểu tượng, ngay cả những hành động thể tục, quan tâm về hiệu lực tính là điều căn bản. Khi người ta mua nhà, hành động biểu tượng ký hợp đồng có những luật quan trọng để có hiệu lực; ví dụ có thể là một điều thiết yếu để cho hợp đồng là một dụng cụ hiệu lực đó là việc ký kết có nhân chứng và có ghi ngày tháng. Nếu một hành động biểu tượng không hiệu lực, nó trở thành vô ích và vô nghĩa. Nó có thể phản ảnh ý định thành thật, nhưng nó không đạt được hiệu quả mong muốn.

Các bí tích có những điều kiện để thành hiệu lực. Các bí tích là những dấu chỉ của đức tin và những hành vi vâng phục đối với Đức Kitô, và người ta không được võ đoán chọn những dấu chỉ nào khác hơn là những dấu chỉ mà Ngài đã đặt định và ủy thác cho Giáo Hội Ngài. Việc chỉ ra những điều kiện về hiệu lực tính cho các bí tích thuộc về phạm vi của Giáo Hội. Đây là điều Giáo Hội làm.

Ví dụ, Giáo Hội, trung thành với Thánh Kinh, đòi hỏi dứt khoát rằng Thanh Tẩy chỉ có thể làm cách hiệu lực bằng nước, chứ không bằng chất lỏng nào khác, và chỉ có bánh [mì] và trái của cây nho, chứ không phải chất liệu nào khác, mới có thể dùng cách hiệu lực trong [bt] Mình Máu Thánh. Không phải là những dấu chỉ thể chất này có bất kỳ quyền năng bí tích nào trong chính chúng. Hiệu quả của chúng ở đây đến từ cuộc khổ nạn của Đức Kitô và sự quan tâm hiện tại của Ngài. Nhưng trong các bí tích Đức Kitô làm những việc quyền năng cho thiện ích chung của Giáo Hội, và những việc của Ngài phải

⁶ *Phụng Vụ các Giờ Kinh*, Lễ Trọng Đức Maria Mẹ Thiên Chúa, Bát Nhật Giáng Sinh (ngày 1 tháng Giêng), điệp ca đầu tiên của kinh chiều.

được làm cách trung thành trong Giáo Hội nếu chúng phải là những hành động cứu rỗi của Ngài.

Đúng thật là sự quảng đại của Thiên Chúa không bị giới hạn vào các bí tích. Nếu một thừa tác viên với lòng tin ngay lành không ban phát được các bí tích cách hiệu lực, thì Thiên Chúa bằng những cách khác vẫn có thể đáp ứng những nhu cầu của những ai tìm kiếm Ngài. Tuy vậy, một bí tích chính nó thuần túy không làm được nếu những điều kiện được Đức Kitô thiết lập, do đích thân Ngài hay qua Giáo Hội, không được hoàn thành. Các bí tích là những hành động thánh thiêng, và thừa tác viên con người nên cử hành chúng với một đức tin và đức mến lớn mạnh. Tuy nhiên, như Giáo Hội vẫn luôn dạy, hiệu lực tính của một bí tích không phụ thuộc vào sự xứng đáng của thừa tác viên. Không phải từ sự tốt lành hay quyền năng của các thừa tác viên con người mà người tín hữu hy vọng rút ra được những hoa trái của sự cứu rỗi, nhưng là từ chính Đức Kitô, Đấng luôn luôn là thừa tác viên chính yếu của các bí tích. Hiệu lực tính của các bí tích được rút ra từ Ngài; các bí tích căn bản là những hành động của Đức Kitô. “Khi Phêrô thanh tẩy, thì chính Đức Kitô thanh tẩy; khi Phaolô thanh tẩy, thì chính Đức Kitô thanh tẩy; khi Giuđa thanh tẩy, thì chính Đức Kitô thanh tẩy”.⁷

Một số tính cách hay điều kiện về phía con người, có thể có được là nhờ ơn sủng, cần thiết cho việc lãnh nhận bí tích được hiệu lực. Bối cảnh đức tin và ý muốn cá vị chấp nhận Đức Kitô và lãnh nhận ơn huệ cần phải có nơi bất kỳ người lớn nào ước muốn lãnh nhận một bí tích cách hiệu quả.

Giáo Hội chịu trách nhiệm kính trọng quan tâm đến các bí tích. Giáo Hội làm luật cho việc cử hành chúng cách hợp pháp và cho việc lãnh nhận chúng cách thích hợp, để sự kính trọng phải có đối với những ơn huệ này và thiện ích của người tín hữu được duy trì. Do vậy Giáo Hội dứt khoát khẳng định những đòi hỏi hợp lý về địa điểm và hoàn cảnh đối với những hành vi thờ phượng công cộng này.

Nhưng trong việc ban phát các bí tích, còn rất nhiều điều khác được đòi hỏi chứ không chỉ là sự tuân giữ những yêu cầu tối thiểu cho có hiệu lực tính và hợp pháp tính. Mỗi phụng vụ bí tích nên được cử hành cách trọn vẹn như một hành vi thờ phượng:

Vì vậy, mục tử của các linh hồn phải nhận thức rằng khi phụng vụ được cử hành, còn nhiều điều được đòi hỏi hơn là sự tuân giữ thuần túy những luật lệ quy định việc cử hành hiệu lực và hợp pháp. Bổn phận của các ngài cũng còn phải lo bảo đảm rằng người tín hữu tham dự với sự hiểu biết, cách tích cực và hữu hiệu.” (*Hiến chế phụng vụ*, 11)

Khó có được một sự cử hành, khi tuân giữ vô hồn và vội vã một nghi thức không hơn không kém. Phụng vụ của chúng ta tưởng niệm và loan báo sự chết và sống lại của Chúa. Giáo Hội muốn người tín hữu tham dự “với sự hiểu biết, cách tích cực và hữu hiệu”. Giáo Hội cho rằng bản tính của phụng vụ đòi hỏi sự tham dự tích cực, có ý thức, và trọn vẹn (đối chiếu: *Hiến chế phụng vụ*, 14).

Vậy thì các nghi thức bí tích không nên được xử sự cách máy móc, nhưng với đức tin và với sự cử hành vui tươi. Quá khứ, hiện tại, và tương lai đến với nhau trong việc cử hành vui tươi một nghi thức. Mỗi bí tích gợi lại Mầu Nhiệm

⁷ Thánh Augustinô, *Tractatus in Ioannis Evangelium (Khảo luận về Tin Mừng của Gioan)* 6.7 (ML 35. 1428)

Vượt Qua trong đó Đức Kitô đạt được sự cứu chuộc [cho nhân loại]; mỗi bí tích biểu tượng một ơn sủng mà Ngài nay ban xuống; các bí tích luôn chỉ về sự viên mãn của đời sống vĩnh cửu.⁸

Các Á Bí Tích

Như chúng ta đã quan sát, chính Đức Giêsu ấn định những dấu chỉ chất thể căn bản mà các cử hành bí tích xoay quanh đó. Giáo Hội đi ra xa hơn vào trong vũ trụ vật chất và sử dụng thích ứng nhiều vật khác – thật sự là mọi vật theo tiềm năng – trong việc trực tiếp phụng sự Thiên Chúa và như là những dấu chỉ trong việc thờ phượng Ngài. Những cái này Giáo Hội gọi là các á bí tích, phân biệt chúng bằng tên gọi kéo chúng bị lầm lẫn với những dấu chỉ là các bí tích của Đức Kitô. Á bí tích và bí tích phân biệt với nhau thế này: hiệu quả thiêng liêng của các á bí tích phụ thuộc vào đức tin và lòng tôn sùng của người sử dụng, trong khi các bí tích thật là những cánh tay của chính Đấng Cứu Thế bởi đó mà Ngài mở rộng hoạt động của Ngài ra khắp mọi nơi, tới mọi thời để trao ban sự sống, để giáng phúc, để canh tân, để chữa lành, và để hóa bánh hằng sống ra nhiều.

Nhiều dấu chỉ đệ nhị này – ví dụ bàn thờ, giềng rửa tội, các đồ đựng thánh thiêng – cũng được trực tiếp đưa vào trong việc thờ phượng, bổ sung những dấu chỉ đệ nhất, thực sự cùng với chúng hình thành một tập hợp các dấu chỉ cho mỗi bí tích bởi đó mà ý nghĩa của bí tích đó có thể được tỏ bày, diễn tả, và chia sẻ bởi những người thờ phượng. Xem xét tìm hiểu, ngay cả khai thác những dấu chỉ này là phận vụ của sự tham dự tích cực, có ý thức, và trọn vẹn. Tất cả sự giàu có của ngôn ngữ nghi thức cần được nại đến để làm sáng tỏ và thăng tiến những dấu chỉ này và như thế loan báo mầu nhiệm của Đức Kitô với bầu nhiệt huyết, niềm xác tín, và lòng hoan hỉ.

Tóm Tắt: Hạt Lúa Mì

Chính Chúa đã đưa ra sự mô tả về Mầu Nhiệm Vượt Qua ngay trước khi Ngài chết và sống lại. Mô tả này bao gồm giải thích thần học của Ngài về điều đã sắp xảy ra, nhưng Ngài mô tả cho chúng ta bằng một hình ảnh rút ra từ thiên nhiên.

Giờ đã đến cho Con Người được tôn vinh. Quả thật, quả thật, Ta bảo các ngươi, nếu hạt lúa mì rơi xuống đất và mà không chết đi, thì nó trổ trọt một mình; nhưng nếu nó chết đi, nó mới sai hoa lắm trái. (*Gioan 12, 23-24*).

Chính Đức Giêsu là Hạt Lúa Mì, Đấng chết để “sai hoa lắm trái”. Hoa trái này, phát sinh từ Mầu Nhiệm Vượt Qua, đến với chúng ta trong các phụng vụ bí tích.

Cùng một luật cũng áp dụng cho những ai theo Ngài, họ cũng là những hạt lúa mì:

Ai yêu mạng sống mình thì sẽ mất, còn ai ghét mạng sống mình nơi thế gian này, thì sẽ giữ được nó cho sự sống vĩnh cửu. (*Gioan 12, 25*).

Vì vậy Mầu Nhiệm Vượt Qua trở thành con đường đời cho tất cả những ai theo Đức Giêsu. Thánh Phaolô nói:

⁸ Đối chiếu: Thánh Tôma Aquinô, *Summa Theologica (Tổng Luận Thần Học)* II-II, 60, 3.

Trong khi chúng tôi đang sống, chúng tôi luôn bị phó nộp cho cái chết vì Đức Giêsu, để sự sống của Đức Giêsu có thể được tỏ hiện nơi xác thịt chết dờ của chúng tôi. (2 Côrinthô 4, 11).

Và chúng ta mang những gì chết đi và sống lại hàng ngày của chúng ta đến với chính các phụng vụ bí tích, đặc biệt đến với chính [bt] Minh Máu Thánh để được lôi kéo vào trong Mầu Nhiệm Vượt Qua của Đấng Cứu Thế. Bằng cách này cùng với thánh Tông Đồ, chúng ta cũng có thể nói:

Trong thân xác tôi, tôi bù đắp những gì còn thiếu nơi những khổ nạn mà Đức Kitô phải chịu vì Thân Mình Ngài, tức là Giáo Hội. (Colosê 1, 24)

----- Những Câu Hỏi Thảo Luận -----

1. Hãy bàn về tầm quan trọng của xác tín Công Giáo về các bí tích như tiếp diễn sự hiện diện và việc cứu rỗi của Đức Kitô Giêsu. Hãy bàn về sự ăn nhập của nhận thức Công Giáo này về các Bí Tích với đời sống của Giáo Hội và đời sống đức tin của bạn.
2. Dựa trên những gì bạn đọc trong chương này, hãy bàn về những lý do tại sao các Bí Tích của Giáo Hội phải được ban phát và cử hành cẩn thận, để dấu chỉ trọn vẹn của bí tích được hiện diện và mục đích cứu rỗi của nó được thành đạt.
3. Đức Kitô hiện diện trong phụng vụ bằng nhiều cách, như đã giải thích trong chương này. Hãy chia sẻ bằng cách nào bạn có thể đào sâu sự gặp gỡ của bạn với Đức Giêsu Kitô nhờ và trong các bí tích – Đấng hiện diện bằng nhiều cách như thế trong phụng vụ.

Tham Khảo Thêm:

United States Catholic Catechism for Adults (Giáo Lý Công Giáo Hoa Kỳ cho Người Lớn): Chương 14 – Cử Hành Mầu Nhiệm Vượt Qua của Đức Kitô.

Sách Giáo Lý của Hội Thánh Công Giáo, 1076-1130; 1179-1206; 1667-1676.

Giáo Tông Bênêđictô XVI, *Sacramentum Caritatis (Bí Tích của Đức Bác Ái)*. Tông Huấn sau Công Nghị [các Giám Mục], ngày 22 tháng 2 năm 2007.

Những Điều Cần Nhớ...

- ✱ Đức Kitô cứu chuộc nhân loại “chính yếu nhờ Mầu Nhiệm Vượt Qua gồm cuộc khổ nạn hồng phúc, việc sống lại từ cõi kẻ chết, và việc lên trời vinh hiển của Ngài...” (*Hiển chế phụng vụ*, 5).
- ✱ Trung tâm của phụng vụ là hy tế Minh Máu Thánh hay Thánh Lễ, trong đó Đức Kitô là trưởng tế, và là chiên con của hy tế; trong đó Mầu Nhiệm Vượt Qua được làm hiện diện và được cử hành.

- ✘ Bảy bí tích là Thanh Tẩy, Thêm Sức, Mình Máu Thánh, Sám Hối, Xức Dầu Bệnh Nhân, các Chức Thánh, và Hôn Phối; những bí tích này là những dấu chỉ thánh thiêng, được Đức Kitô thiết lập, thực sự ban xuống những ơn sủng mà chúng là dấu chỉ.
- ✘ Cần phải quan tâm đến việc ban phát các bí tích cách hiệu lực, nghĩa là, theo cách thể mà dấu chỉ đầy đủ được hiện diện và mục đích của nó được thành đạt.
- ✘ Các á bí tích (như bàn thờ, nước thánh, các đồ đựng thánh thiêng) là những dấu chỉ được Giáo Hội thiết lập; hiệu lực của chúng phụ thuộc vào đức tin và lòng tôn sùng của những ai dùng chúng.

CHƯƠNG HAI

[Bt] Minh Máu Thánh: Trung Tâm Đời Sống

(SGLHTCG 1322-1405; 1536-1589)

[Bt] Minh Máu Thánh ở trung tâm đời sống Giáo Hội. Trong [bt] Minh Máu Thánh chính Đức Kitô hiện diện cho dân Ngài trong Mầu Nhiệm Vượt Qua. [Bt] Minh Máu Thánh, phong phú về biểu tượng và càng phong phú hơn trong thực tại, mang trong bí tích đó thực tại toàn vẹn của Đức Kitô và là môi giới đem lại việc cứu rỗi của Ngài cho chúng ta. Giáo Tông Bênêdictô XV viết: “Mầu nhiệm cực thánh này cần phải được tin vững vàng, cử hành sốt sắng, và sống mãnh liệt trong Giáo Hội” (*Bí Tích của Đức Bác Ái*, 94).

Trong bữa Tiệc Ly, vào đêm Ngài bị phản bội, Đấng Cứu Thế của chúng ta đã thiết lập Hy Tế Tạ Ơn bằng Minh Máu Thánh Ngài. Ngài làm vậy để làm cho Hy Tế Thập Giá trường tồn qua mọi thời đại cho tới khi Ngài lại đến, và vì vậy ủy thác cho hiền thê yêu dấu của Ngài là Giáo Hội việc tưởng niệm sự chết và sống lại của Ngài: đây là bí tích của tình yêu, dấu chỉ của sự hiệp nhất, sự ràng buộc của đức bác ái, đại tiệc vượt qua ‘trong đó chúng ta lãnh nhận Đức Kitô, tâm trí được đầy ơn sủng, và được hứa bảo đảm vinh quang đời sau. (*Hiến chế phụng vụ*, 47)

Chương này bàn về [bt] Minh Máu Thánh và vai trò trung tâm của bí tích này trong đời sống Kitô hữu, bằng cách nào mà bí tích này là hy tế của giao ước mới và lương thực cứu rỗi của chúng ta, những hiệu quả phong phú của bí tích này, và sự hiện diện thật sự của Đức Kitô trong bí tích này.

[Bt] Minh Máu Thánh: Trung Tâm Đời Sống Kitô Hữu

Trung tâm của tất cả đời sống Kitô hữu là chính Đức Kitô. Nhờ bởi sự Nhập Thể và việc cứu chuộc của Ngài mà chúng ta được chữa lành, được kêu gọi đến thông phần vào sự sống mới, sự sống ràng buộc chúng ta với nhau như con cái của Thiên Chúa và những người thông phần vào sự sống của Ba Ngôi.

Công Đồng Vaticanô II đã tuyên bố cách đúng đắn rằng Hy Tế Minh Máu Thánh là “cội nguồn và chóp đỉnh của đời sống Kitô hữu” [*Lumen Gentium (Hiến chế tín lý về Giáo Hội)*, 11] vì trong [bt] Minh Máu Thánh Đức Kitô ban chính mình Ngài cho chúng ta, và chúng ta gặp thấy và giữ lấy Ngài. [Bt] Minh Máu Thánh không chỉ là một dấu chỉ hay nghi lễ; đó là bí tích mà trong đó hầu hết việc cứu rỗi của Đức Giêsu và những ơn huệ của Thiên Chúa được làm thành hưởng dùng được đối với con người.

Sự hiện hữu của Giáo Hội hoàn vũ và địa phương sẽ không thể nghĩ ra được nếu không có [bt] Minh Máu Thánh. “Không một cộng đoàn Kitô hữu nào có thể hình thành được mà không đặt nền tảng và trọng tâm vào việc cử hành [bt] Minh Máu Cực Thánh” [*Presbyterorum Ordinis (Sắc lệnh về tác vụ và đời sống linh mục)*, 6].

Tương quan nhờ ơn sủng được bắt đầu trong Thanh Tẩy và được củng cố trong Thêm Sức là để được sắp đặt hướng đến sự hiệp nhất với Đức Kitô trong Minh Máu Thánh và sự tham dự vào hy tế cứu rỗi của Ngài trong Thánh Lễ. [Bt] Minh Máu Thánh là “thuốc bất tử” bổ sung những hiệu quả chữa lành của Sám Hối và Xức Dầu Bệnh Nhân. Các

Chức Thánh ban xuống chức tư tế dành cho bàn thờ của [bt] Minh Máu Thánh. Hôn Phối biểu tượng sự hiệp nhất của Đức Kitô và Giáo Hội là hoa trái của [bt] Minh Máu Thánh. Theo lời Giáo Tông Bênêdictô XVI:

không được bao giờ quên rằng việc chúng ta lãnh nhận Thanh Tẩy và Thêm Sức là để được sắp đặt hướng đến Minh Máu Thánh... bí tích Thanh Tẩy mà nhờ bởi đó chúng ta được đồng hình dạng với Đức Kitô, được trở nên thành phần của Giáo Hội và được làm thành con cái của Thiên Chúa, là cửa ngõ vào tất cả các bí tích... Tuy nhiên, chính sự tham dự của chúng ta vào Hy Tế Minh Máu Thánh hoàn thiện trong chúng ta những ơn huệ được ban cho chúng ta trong Thanh Tẩy... vậy thì [bt] Minh Máu Thánh đem sự gia nhập Kitô giáo đến chỗ thành toàn và thể hiện trung tâm và mục đích của tất cả đời sống bí tích. (*Bí Tích của Đức Bác Ái*, 17)

Hy Tế Mới của Giao Ước Mới

Bởi vì [bt] Minh Máu Thánh là sự hiện diện thánh thiêng nhất của Đức Kitô và Mầu Nhiệm Vượt Qua của Ngài trong Giáo Hội, bí tích đó vừa là “cội nguồn và chóp đỉnh” (*Sắc lệnh về tác vụ và đời sống linh mục*, 5) của tất cả thừa tác vụ và việc tông đồ của Giáo Hội. Bí tích đó dệt nên vẻ đẹp, ý nghĩa, và mục đích xuyên suốt qua mọi hoạt động liên quan đến việc yêu mến Thiên Chúa, bản thân chúng ta, và tha nhân. Bí tích đó dâng ra sự tiếp xúc với thực tại siêu việt; trên sự tiếp xúc đó chúng ta có thể định hướng cho mình theo những chiều kích vũ trụ và vô thời gian của hiện hữu mình. Trong việc cử hành [bt] Minh Máu Thánh với và trong Đức Kitô, người tín hữu không những được ban cho sự thông phần vào sự sống Ngài mà họ còn “được mời gọi và dẫn đưa đến việc hiến dâng chính mình, dâng những lao công vất vả của mình và mọi thứ thụ tạo, làm một với chính Ngài” (*Sắc lệnh về tác vụ và đời sống linh mục*, 5).

Chúng ta đã thấy rằng chính nhờ bởi thập giá và sự sống lại của Ngài mà Đức Giêsu đã đem chúng ta đến sự mới mẻ của đời sống. Nhờ bởi những điều này Ngài đã thiết lập một giao ước mới trong đó Ngài ban cho chúng ta Thần Khí của Ngài và làm cho chúng ta thành con cái Thiên Chúa, những người thông phần vào sự sống của Ngài. Chúng ta được làm thành một cộng đoàn mới, một dân mới của Thiên Chúa, có khả năng thờ phượng Ngài “trong Thần Khí và sự thật” (*Gioan 4,23*), có khả năng tham dự như một gia đình của Thiên Chúa vào chỉ một hy tế là niềm hy vọng và sự cứu rỗi đời đời của tất cả.

Những ơn huệ này của Thiên Chúa được môi giới cho chúng ta chính yếu nhờ qua Hy Tế Minh Máu Thánh. Hy tế tưởng niệm này đã được tiên báo bằng dấu chỉ trong Cựu Ước, được thiết lập bởi Đức Giêsu, và đang được sống trong Giáo Hội Ngài.

Được tiên báo bằng dấu chỉ trong Cựu Ước

Theo một trong những Kinh Nguyên Minh Máu Thánh của phụng vụ Rôma, lịch sử cứu rỗi được gợi nhớ:

Lạy Cha...,
Cha đã dựng nên con người giống hình ảnh Cha...
Và khi con người đã mất tình nghĩa với Cha vì bất phục tùng
Cha đã không bỏ mặc con người dưới quyền lực sự chết.
Thật vậy, Cha đã thương cứu giúp mọi người,

để những ai tìm Cha đều gặp Cha.
Hơn nữa, nhiều lần Cha đã giao ước với loài người...⁹

Trong những thời đại trước sự Nhập Thể của Đức Kitô, Thiên Chúa đã ban cho dân Ngài khả năng tìm kiếm Ngài và gặp thấy lòng thương xót [của Ngài]. Bằng nhiều cách khác nhau Thiên Chúa đã dạy họ cũng biết trông cậy và hiến dâng các hy tế mà nhờ đó họ công nhận Quyền Chủ Tể của Ngài và ràng buộc với nhau như dân của Ngài. Đặc biệt giữa dân được tuyển chọn của Thiên Chúa, một dân được ưu đãi bởi sự hướng dẫn của mạc khải đặc biệt đến từ Ngài, đã có những hy tế là dấu chỉ tiên báo về một hy tế duy nhất thực sự lập công cứu rỗi cho mọi dân tộc và cho mọi thời.

Mọi hy tế chân thật là sự dâng hiến thánh thiêng hướng vào một mình Thiên Chúa, để công nhận Ngài là Chúa của mọi sự. Chính sự công nhận vinh quang siêu việt và chủ quyền tối thượng của Ngài giúp người thờ phượng đến gần Ngài là Đấng vĩ đại hơn tất cả. Trong nhiều hy tế Cựu Ước, một bữa ăn thánh thiêng là một yếu tố trong việc thờ phượng. Trong nhiều hy tế một phần lễ vật được hủy diệt để biểu tượng sự công hiến thật sự trọn vẹn cho Thiên Chúa; nhưng một phần, được thánh hóa nhờ bởi được dùng trong hy tế, được trả lại cho người dâng hiến để hưởng dùng. Bằng sự thông phần này, một thứ hiệp thông với Thiên Chúa đã được thực hiện.

Từ những trang đầu của sách *Khởi Nguyên* trở đi, chúng ta thấy rằng khởi xướng “chia sẻ” rõ ràng và cách nhất quán đã luôn đến từ Thiên Chúa. Lần này tới lần khác, Thiên Chúa đã kêu gọi con người đến việc thờ phượng thánh thiêng mà trong đó họ có thể thông phần vào sự hiện diện và lòng thương xót của Ngài. Tất cả những ơn huệ này của Thiên Chúa đã được đem đến tột đỉnh trong việc thiết lập [bt] Minh Máu Thánh.

Với cả Noê (đối chiếu: *Khởi Nguyên* 8,20 và 9,9) và Abraham (đối chiếu: *Khởi Nguyên* 15,9 và 18), các giao ước đều đã được làm trong bối cảnh một hy tế của ăn. Sau đó, khi con cháu của họ từ chối tôn trọng những giao ước này, Thiên Chúa đã không bỏ họ. Thay vào đó, Ngài đã làm một kết ước hoàn hảo nhất trong các kết ước của Cựu Ước trong một chuỗi các biến cố mệnh danh là Xuất Hành. Lại một lần nữa, giao ước được gắn với một bữa ăn thánh thiêng.

Vào buổi tối trước cuộc giải phóng dân tuyển chọn khỏi ách nô lệ các Pharaô, Thiên Chúa đã nói với Môsê và Aharôn:

Các ngươi hãy nói với toàn thể cộng đồng Israel rằng: Mùng mười tháng này, mỗi người chúng hãy tìm lấy cho gia tộc mình một con chiên... Chiên các ngươi chọn phải toàn vẹn, giống đực, tuổi một năm... Các ngươi sẽ giữ lại nó cho đến ngày mười bốn tháng này; lúc đó toàn thể đoàn hội cộng đồng Israel sẽ tế nó vào chiều tối. Rồi chúng sẽ lấy máu mà bôi trên hai thành cửa và mi cửa các nhà mà trong đó chúng ăn thịt chiên. Đêm ấy chúng sẽ ăn thịt nướng lửa; chúng sẽ ăn chiên với bánh không men và rau đắng. (*Xuất Hành* 12,3.5-8)

Có những hướng dẫn thêm:

Và đây là cách mà các ngươi ăn nó: lưng thắt gọn, chân mang dép quai, tay cầm gậy; các ngươi sẽ ăn chiên cách hối hả: Đó là lễ Vượt Qua mừng Giavê. Ta sẽ đi xuyên qua đất Ai Cập đêm ấy, và Ta sẽ đánh phạt mọi con đầu lòng Ai Cập... Máu nơi các nhà đối với các ngươi là dấu cho biết có các ngươi ở đó; Ta thấy máu và Ta sẽ bỏ qua cho các ngươi. (*Xuất Hành* 12,11-13)

⁹ *Sách Lễ Rôma*, Nghi Thức Thánh Lễ, Kinh Nguyên Minh Máu Thánh IV.

Vì thế, bữa ăn như một thành phần được nối kết với những hoàn cảnh của cuộc giải phóng. Những biểu tượng của việc nuôi dưỡng lấy trong cộng đồng và của việc ăn vội vã trong khi chuẩn bị cho cuộc chạy thoát, cả hai nằm bắt trong nghi thức những gì mà Thiên Chúa sắp thực hiện trong lịch sử.

Thêm vào đó là lệnh truyền đặc biệt của Đức Chúa phải lặp lại những nghi lễ này trong tương lai:

Ngày ấy đối với các ngươi sẽ thành kỷ niệm và các ngươi sẽ mừng ngày ấy như khánh lễ mừng Giavê: Qua các thế hệ, các ngươi sẽ mừng lễ như luật điều vạ đại... vì chính vào ngày ấy Ta đã dẫn cơ binh các ngươi ra khỏi đất Ai Cập. Và qua các thế hệ, các ngươi sẽ giữ ngày ấy như luật điều vạ đại. (*Xuất Hành* 12,14.17)

Về mặt lịch sử, giao ước Xuất Hành vĩ đại đã chỉ được hoàn tất với việc ban cho Lễ Luật trên núi Sinai. Tại đây dân chúng đã lãnh nhận bổn phận của họ theo giao ước, và Môsê đã đóng ấn sự đồng thuận bằng cách rảy máu bò tơ trên bàn thờ hy tế. Nửa lượng máu ông rảy trên dân chúng với những lời này: “Đây là máu của Giao Ước mà Đức Chúa đã kết với các ngươi, thế theo mọi lời ấy” (*Xuất Hành* 24,8).

Toàn bộ chuỗi các biến cố cứu rỗi đã được duy trì bằng nghi thức trong việc lặp lại hàng năm bữa ăn vượt qua trong cái được gọi là “lễ tưởng niệm”. Khi thế hệ này đến thế hệ khác chia sẻ chiến vượt qua và bánh không men, các người cha kể cho con cái họ những kỳ công mà Giavê đã làm cho dân tuyển chọn của Ngài. Trong “lễ tưởng niệm” này, họ hiểu biết và cử hành nhiều điều hơn là một lễ hội cộng đồng. Bữa ăn vượt qua không được xem chỉ như một cơ hội ôn lại lịch sử đã qua. Trong bữa ăn này dân Thiên Chúa biết rằng họ ở với Thiên Chúa của họ, và họ lặp lại giao ước mà Ngài đã ký kết với họ.

Được Thiết Lập bởi Đức Kitô

Trong bữa Tiệc Ly, Chúa đã thiết lập một hy tế tưởng niệm mới. “Chiên Thiên Chúa” thật sự (*Gioan* 1,29) sắp sửa bị sát tế. Nhờ bởi thập giá và sự phục sinh của Ngài, Ngài sẽ giải thoát không chỉ một dân tộc khỏi sự nô lệ mà tất cả nhân loại khỏi sự nô lệ tội lỗi còn cay đắng hơn. Ngài sắp sửa tạo dựng một dân tộc mới của Thiên Chúa nhờ bởi ơn huệ phong phú của Thần Khí Ngài. Sẽ phải có một luật mới của tình yêu, một tiếp cận mới với Thiên Chúa, một đất hứa mới. Mọi sự sẽ mới khi Thiên Chúa hoàn tất những lời hứa muôn thời qua các mầu nhiệm vượt qua. Vậy thì điều đúng đắn đó là cũng nên có một hy tế tưởng niệm mới mà trong đó qua mọi thời cho đến sự viên thành chung cục, dân Thiên Chúa vẫn có thể hiệp nhất vào những việc cứu rỗi của giờ này.

Trước tiên, Đức Giêsu đã thi hành những quy định của nghi thức Vượt Qua. Nhưng trong đêm thánh này, Ngài nói về những ơn huệ mới sẽ đến, những ơn huệ mà những kho tàng của quá khứ chỉ là những bóng mờ và hình ảnh. Ngài công bố Lễ Luật Mới của Giao Ước Mới: “Đây là lệnh truyền của Ta: các ngươi hãy yêu mến nhau như Ta đã yêu mến các ngươi” (*Gioan* 15,12). Ngài nói về việc cứu rỗi mà Ngài sắp sửa làm cho họ vì sự vâng phục yêu thương đối với với Ngôi Cha (đối chiếu: *Gioan* 14,31) và vì tình yêu đối với chúng ta (đối chiếu: *Gioan* 15,13). Rồi Ngài làm hy tế chuộc tội đó hiện diện trong

việc thiết lập [bt] Minh Máu Thánh, trong nghi thức tưởng niệm mà Ngài sẽ truyền lệnh cho họ thi hành luôn mãi để nhớ đến Ngài.

Trong bữa ăn, vào một trong những lúc ăn bánh không men theo lễ nghi, Đức Giêsu “cầm lấy bánh, đọc lời chúc tụng, bẻ ra, và trao cho các môn đệ mà phán: ‘Hãy lãnh nhận, hãy ăn; này là mình Ta’” (*Matthêu* 26,26). Nhắc chén rượu nghi lễ, Ngài tạ ơn và chuyển nó cho các môn đệ, mà phán: “Chén này là Giao Ước mới trong máu Ta, phải đổ ra cho các người” (*Luca* 22,20). Sau cùng, Ngài truyền lệnh cho họ: “Hãy làm việc này mà nhớ đến Ta” (*1 Corinthô* 11,24). Rồi sau khi hát ca vịnh ngợi khen (đối chiếu: *Matthêu* 22,30; *Marcô* 14,26), họ đi xuống qua thung lũng đến nơi Đức Giêsu bị bắt.

Sự tương tác diễn ra trong cuộc Xuất Hành giữa nghi thức và lịch sử đã được lặp lại trong Lễ Vượt Qua Mới. Sự đóng đinh thập giá và sống lại của Đức Kitô là hiến lễ hy tế giải thoát chúng ta khỏi tội lỗi diễn ra sau Bữa Tiệc Ly, cũng giống như việc bỏ chạy khỏi Ai Cập và những biến cố Sinai đã theo sau bữa tiệc vượt qua đầu tiên. Nhưng lệnh truyền của Đức Giêsu phải lặp lại việc này như sự “tưởng niệm” đến Ngài đã thiết lập Bữa Tiệc Ly như bối cảnh có tính nghi lễ cho việc mô tả những biến cố của sự cứu rỗi chúng ta. Trong hy tế tưởng niệm này giao ước mới đã có thể và sẽ liên tục được tái diễn với mọi thế hệ nối tiếp.

Giống như bữa tiệc vượt qua, hy tế tưởng niệm của Lễ Luật Mới vừa là hy tế vừa là bữa ăn thánh thiêng.

Cả hy tế lẫn bí tích thuộc về cùng một mầu nhiệm mà không thể tách rời nhau. Bằng việc tái diễn không đổ máu Hy Tế Thập Giá và bằng việc áp dụng quyền năng cứu rỗi của hy tế đó mà Chúa được sát tế trong Hy Tế Thánh Lễ khi Ngài, qua những lời thánh hiến (hay truyền phép), bắt đầu hiện diện bằng hình thức bí tích dưới biểu hiện bên ngoài của bánh và rượu để trở nên lương thực thiêng liêng của người tín hữu.¹⁰

Như nhiều hy tế của thế giới cổ đại, hy tế giao ước của Đức Kitô đã được hoàn tất bằng việc đổ máu. Đây không phải là máu dê, máu bê, như Tân Ước nhắc nhở chúng ta, mà là máu của chính vị Tư Tế người chủ tọa trong nhà tiệc ly và trên núi Calvariô (đối chiếu: *Do Thái* 9,12). Đức Giêsu đã chết chỉ một lần và đổ máu Ngài chỉ một lần, nhưng bởi vì lệnh truyền phải tưởng niệm, Máu đó được làm thành có thể hưởng dùng đối với mọi thời.

Giáo Tông Bênêdictô XVI lưu ý: “Việc thiết lập [bt] Minh Máu Thánh minh chứng bằng cách nào mà cái chết của Đức Giêsu, mặc dầu với đủ thứ bạo hành và phi lý trong đó, đã trở nên nơi Ngài hành vi tối thượng của tình yêu và sự giải cứu chung quyết nhân loại khỏi sự dữ” (*Bí Tích của Đức Báp Ti, 10*).

Minh Máu Thánh và Giáo Hội

Khi mô tả đời sống của Giáo Hội sơ khai, các tác giả Kitô giáo thời đó đã đặc biệt quan tâm đến [bt] Minh Máu Thánh. Vì [bt] Minh Máu Thánh là cử hành trọng yếu của cộng đoàn; bí tích đó duy trì và là dấu chỉ cho thấy sự hiện diện thật sự nhất của Đức Kitô trong cộng đoàn. Trong *Công Vụ các Tông Đồ*, thánh

¹⁰ Giáo Tông Phaolô VI, Thông Điệp *Mysterium Fidei* (*Mầu Nhiệm Đức Tin*) (ngày 3 tháng 9 năm 1965) (EV 2.42 1).

Luca nói về những người trở lại ở Giêrusalem rằng họ “chuyên cần với giáo huấn và sự hiệp thông của các tông đồ, với việc bẻ bánh và kinh nguyện” (2,42).

Nhóm từ “bẻ bánh” cũng xuất hiện chỗ khác trong Tân Ước (đối chiếu: *Công Vụ các Tông Đồ* 2,46; 20,7.11; 27,35; *I Corinthô* 10,16) và trong những hướng dẫn phụng vụ xưa nhất không thuộc về Thánh Kinh mà chúng ta biết đến.¹¹ Mô tả hoạt động của Giáo Hội bằng những từ ngữ như thế, các tác giả đã là những chứng nhân về bản tính thiết yếu Giáo Hội của [bt] Minh Máu Thánh rồi. Giáo Hội hôm nay tiếp tục là cộng đoàn Minh Máu Thánh. Việc cử hành Mầu Nhiệm Vượt Qua là lý do cho sự hiện hữu của Giáo Hội. [Bt] Minh Máu Thánh là “sở hữu quý giá nhất mà Giáo Hội có thể có trong hành trình của mình qua lịch sử”.¹²

Như Giáo Tông Bênêdictô XVI viết trong *Bí Tích của Đức Bác Ái*:

Giáo Hội rút ra sự sống của mình từ [bt] Minh Máu Thánh. Vì [bt] Minh Máu Thánh làm hiện diện hy tế cứu chuộc của Đức Kitô, chúng ta phải bắt đầu thừa nhận rằng có một ảnh hưởng mang tính nguyên nhân của [bt] Minh Máu Thánh trong chính những nguồn gốc của Giáo Hội. [Bt] Minh Máu Thánh là Đức Kitô Đấng trao ban chính Ngài cho chúng ta và tiếp tục kiến tạo chúng ta như Thân Mình Ngài... Giáo Hội có khả năng cử hành và tôn thờ mầu nhiệm của Đức Kitô hiện diện trong [bt] Minh Máu Thánh chính xác bởi vì Đức Kitô trước tiên đã trao ban chính Ngài cho Giáo Hội trong Hy Tế Thập Giá... vì vậy chúng ta cũng tuyên xưng sự tối ưu của quà tặng từ Đức Kitô tại mỗi cử hành [bt] Minh Máu Thánh. (14)

Hình thức phụng vụ của việc thờ phượng Minh Máu Thánh đã phát triển nhiều nơi cùng một lúc. Dĩ nhiên nổi lên nhiều hình thức khác nhau phản ánh các nền văn hóa của những cộng đoàn đức tin khác nhau, cũng như những nhận thức thần học sâu sắc và những sở thích tôn sùng khác nhau của dân chúng trong các cộng đoàn. Sự đa dạng về nghi lễ bên ngoài này vẫn còn hiện hữu; mỗi loại được gọi là một “lễ điển”.

Bên nửa phía Tây của đế quốc Rôma, sự đa dạng này cuối cùng đã nhập với nhau thành sự hiệp nhất căn bản trong lễ điển Latin. Bên phía Đông sự đa dạng của các di sản mỗi vùng đã được duy trì. Hai sự tiếp cận đưa đến kết quả là sự phong phú về phụng vụ mà Giáo Hội hoàn vũ bảo vệ và trân trọng gìn giữ [đối chiếu: *Orientalium Ecclesiarum* (Sắc lệnh về các Giáo Hội Đông Phương), 1-6].¹³

Sự Hiệp Nhất Đức Tin

Với tất cả sự đa dạng về nghi lễ trong Giáo Hội, lại có sự nhất dạng kỳ diệu về niềm tin vào cùng một thực tại duy nhất được cử hành. Sự đóng đỉnh thập giá cùng với sự sống lại của Đức Giêsu phải cấu thành sự cứu chuộc chúng ta: “Đức Giêsu, Chúa chúng ta,... đã bị phó nộp vì những lỗi phạm của chúng ta, và đã sống lại vì để chúng ta được công chính hóa” (*Rôma* 4,24-25). Không giống như những hy tế lặp đi lặp lại của Lễ Luật Cũ,

¹¹ Đối chiếu: *Didache* 14.1 (= ACW 6.23).

¹² Giáo Tông Gioan-Phaolô II, Thông Điệp *Ecclesia de Eucharistia* (Giáo Hội từ Minh Máu Thánh) (ngày 17 tháng 4 năm 2003), số 9.

¹³ Đối chiếu: Bộ Phụng Tự và Kỷ Luật Bí Tích, Huấn Thị *Inaestimabile Donum* (Quà Tặng Vô Giá) (ngày 3 tháng 4 năm 1980) (EV 7.288-323).

hy tế duy nhất của cái chết vâng phục nơi Đức Giêsu đã đầy đủ vẹn toàn trong chính nó. Như *Thư gửi các tín hữu Do Thái* nhấn mạnh, Ngài đã không phải “dâng đi dâng lại chính mình Ngài như vị thượng tế hàng năm đi vào thánh điện với máu không phải của ông; vì nếu vậy, Ngài sẽ phải chịu khổ nạn nhiều lần từ lúc tạo thiên lập địa. Nhưng thật ra, Ngài đã tỏ hiện chỉ có một lần vào lúc viên mãn của thời gian để khử trừ tội lỗi nhờ bởi hy tế của chính Ngài” (9,25-26).

Một Hy Tế Duy Nhất

Đức Giêsu không chết đi và sống lại mỗi lần Phụng Vụ Minh Máu Thánh diễn ra, nhưng hy tế duy nhất của Ngài được làm hiện diện cho mọi người trong mỗi cử hành Thánh Lễ. Đấng Thiên-Nhân đã thiết lập Thánh Lễ với chiều kích giáo hội – khả năng được tiếp tục làm khắp nơi trên thế giới – để “hy tế đổ máu đã được dâng hiến một lần trên thập giá sẽ được làm hiện diện, sự tưởng niệm hy tế đó sẽ được duy trì đến tận thế, và quyền năng đem đến sự cứu rỗi của hy tế đó sẽ được áp dụng cho việc tha thứ tội lỗi mà chúng ta phạm hàng ngày”. Khi Giáo Hội cử hành Minh Máu Thánh, “việc tưởng niệm sự chết và sự sống lại của Chúa mình”, biến cố trung tâm này của sự cứu rỗi trở nên hiện diện thật sự và “việc cứu chuộc chúng ta được thực hiện”.¹⁴

Trong Thánh Lễ cũng như trên thập giá, Đức Giêsu là Tử Tế Chính và cũng là Vật Hy Tế ca tụng và thỏa mãn Ngôi Cha một cách vô hạn và vĩnh viễn. Nhưng trong Thánh Lễ, Giáo Hội Ngài liên kết với Ngài trong hy tế. Với Ngài, Giáo Hội cũng thi hành vai trò tư tế và vật hy tế, bằng cách từ bản thân mình làm nên một lễ vật toàn vẹn cùng với Ngài.¹⁵

Đức Kitô truyền lệnh cho các tông đồ Ngài phải cử hành hy tế này: “Hãy làm việc này mà nhớ đến Ta” (1 Corinhtô 11,24). Đây là một phận vụ thánh thiêng: tác động nhờ trong bản thân Đức Kitô (*in persona Christi*), là thừa tác viên của Ngài, nói những lời làm Đức Kitô hằng sống hiện diện, và tái diễn những mầu nhiệm vượt qua. Việc này chỉ có thể làm được theo ý muốn của Đức Kitô, bởi những ai mà Ngài ban cho quyền năng đến nỗi có thể tác động như những thừa tác viên của Ngài, bằng cách kêu gọi họ và đóng ấn họ bằng bí tích các Chức Thánh. Khi các giám mục và các linh mục, nhờ trong bản thân Đức Kitô, nói ra những lời thánh hiến (hay truyền phép), thì hy tế của Giao Ước Mới được làm hiện diện cho người tín hữu bằng cách mà họ cũng có thể tham dự vào đó được.

Và lại, như Đức Bênêđictô XVI lưu ý trong *Bí Tích của Đức Báp Tiê*:

Bởi lệnh truyền của Ngài phải “làm việc này mà nhớ đến Ta” (Luca 22,19; 1 Corinhtô 11,25), Ngài yêu cầu chúng ta đáp trả ơn huệ Ngài và làm cho ơn huệ đó hiện diện theo bí tích. Thật vậy, bằng những lời này Chúa diễn tả sự mong chờ của Ngài là Giáo Hội, sinh ra từ hy tế của Ngài, sẽ lãnh nhận ơn huệ này... việc tưởng nhớ ơn huệ hoàn hảo của Ngài không phải cốt ở trong việc thuần túy lặp lại bữa Tiệc Ly, nhưng trong chính [b]í Minh Máu Thánh, nghĩa là, trong sự mới mẻ triệt để của việc thờ phượng Kitô giáo. (11)

¹⁴ Công Đồng Trentô, Phiên họp 22, ngày 17 tháng 9 năm 1562. *Giáo Lý về Hy Tế Cực Thánh của Thánh Lễ*, chương 1 (DS 1740). Đối chiếu: Giáo Tông Gioan Phaolô II, Thư gửi tất cả giám mục trong Giáo Hội về mầu nhiệm và sự tôn sùng [b]í Minh Máu Thánh, *Dominicae Cenae (Bữa Tiệc Chúa Nhật)*, (ngày 24 tháng 2 năm 1980) số 9 (EV 7.190-198) và Giáo Tông Gioan Phaolô II, Thông Điệp *Giáo Hội từ Minh Máu Thánh* (ngày 17 tháng 4 năm 2003) số 11.

¹⁵ Đối chiếu: Bộ Lễ Nghi (chú thích của người dịch: nay là Bộ Phụng Tự và Kỷ Luật Bí Tích), Huấn Thị *Eucharisticum Mysterium (Mầu Nhiệm Minh Máu Thánh)* (ngày 25 tháng 5 năm 1967) số 3 (EV 2.1296-1303).

Thánh Lễ dâng lên cho Tất Cả

Các tư tế được kêu gọi để dâng lên Ngôi Cha Hy Tế Minh Máu Thánh, cùng với Đức Kitô, trong Ngôi Thánh Thần, cho người sống lẫn kẻ chết, cho sự cứu rỗi của tất cả, cho nhiều nhu cầu của dân Thiên Chúa. Bởi vì Hy Tế Minh Máu Thánh là hành vi thờ phượng tối cao, hy tế đó được dâng lên chỉ có thể cho một mình Thiên Chúa.¹⁶ Giáo Hội liên tục rút ra sự sống của mình từ hy tế cứu chuộc; Giáo Hội đến với hy tế đó không những nhờ qua sự tưởng niệm đầy đức tin mà còn nhờ qua sự tiếp xúc thật sự, vì hy tế này được làm tái hiện luôn mãi, được làm trường tồn theo cách bí tích, trong mọi cộng đoàn dâng lên hy tế đó nhờ tay của thừa tác viên đã được thánh hiến.

Một Thánh Lễ có thể được dâng nhân dịp lễ một vị thánh, và đem đến cho ngài một danh dự phụ thuộc. Nhưng hy tế của Đức Kitô được dâng lên chỉ cho Thiên Chúa, vì một mình Ngài mới xứng đáng với sự tôn thờ và ca tụng hoàn hảo này. Các thánh lễ có thể được dâng cho những nhu cầu cá vị của một người, còn sống hay đã qua đời, nhưng không có Thánh Lễ nào có thể được dâng lên một cách độc tôn cho một ý chỉ giới hạn như thế. Mọi Thánh Lễ đều được dâng lên chính yếu bởi Đức Kitô, và vị tư tế thừa tác viên của Ngài phải chia sẻ những mục đích cứu rỗi phổ quát của Ngài. Thánh Lễ được dâng lên để tôn vinh Thiên Chúa, để mang đến sự cứu rỗi cho tất cả, để làm cho kho tàng vô hạn của Đức Kitô hiện diện và hưởng dùng được.

Thường thì người tín hữu xin Thánh Lễ dâng cho một trong những ý chỉ đặc biệt của họ: cho sự an nghỉ vĩnh cửu của một người đã qua đời, cho nhu cầu thiêng liêng hay trần thế nào đó, hay để bày tỏ sự cảm tạ đối với Thiên Chúa. Thông thường họ dâng cúng một số tiền khi họ yêu cầu như thế. Khi tiền xin Thánh Lễ hay bổng lễ được cúng để Thánh Lễ được dâng cho một ý định đặc biệt, thì trong thực tại đó chỉ là sự khẩn cầu rằng một phần hoa trái của Thánh Lễ có thể đến với người được yêu mến trong Đức Kitô. Tiền cúng xin Thánh Lễ hay bổng lễ phải được hiểu như sự diễn tả ước muốn tham dự cách mật thiết vào Hy Tế Minh Máu Thánh về phía những người cho bằng cách thêm “vào hy tế đó một hình thức hy sinh của chính họ mà nhờ đó họ đóng góp cách cụ thể vào những nhu cầu của Giáo Hội và đặc biệt vào việc nâng đỡ đời sống của các thừa tác viên Giáo Hội”.¹⁷

Sự Hiệp Thông Thánh Thiện*

Trách nhiệm được đặc ân của thừa tác viên mỗi Thánh Lễ đó là phân phát Bí Tích [Minh Máu Thánh] cho mình và dân chúng. Vị đó có thể được phụ giúp bởi các thừa tác viên khác có chức thánh (các giám mục, linh mục, phó tế), nếu các vị đó có thể nhờ giúp được, hay, khi cần thiết, bởi các thừa tác viên phụ tá (các giúp lễ hay các giáo dân được bổ nhiệm đặc biệt).

Minh Máu Thánh như được lãnh nhận cách bí tích được gọi là “Sự Hiệp Thông Thánh Thiện”. Tên gọi đó thích hợp bởi vì như từ “hiệp thông” chỉ ra, đó là việc chia sẻ

¹⁶ Giáo Tông Gioan Phaolô II, Thông Điệp *Giáo Hội từ Minh Máu Thánh* (ngày 17 tháng 4 năm 2003), số 12.

¹⁷ Giáo Tông Phaolô VI, *Tông Thư về Bổng Lễ* (ngày 13 tháng 6 năm 1974) (EV 5.534).

* Chú thích của người dịch: Thường được dịch trong ngôn ngữ Công Giáo Việt Nam là “Hiệp Lễ” hay thông dụng hơn là “Rước Lễ”.

on huệ Thiên Chúa cho tất cả; đó là đi đến sự hiệp nhất thân mật với Đức Kitô và với các anh chị em mình ở trong Ngài.

Bởi vì sự nối kết mật thiết của nó với khía cạnh hy tế của Thánh Lễ, Hiệp Lễ Thánh được lãnh nhận cách thích hợp nhất bởi những ai tham dự [Thánh Lễ]. Một người đã rước lễ trong cùng một ngày có thể rước lễ lần thứ hai nhưng chỉ trong việc cử hành Minh Mầu Thánh mà người đó tham dự.¹⁸ Người Công Giáo thuộc lễ điển Latin thông thường vốn lãnh nhận [bt] Minh Mầu Thánh chỉ dưới hình bánh, dầu có nhiều trường hợp hay hoàn cảnh trong đó họ có thể lãnh nhận dưới cả hai hình bánh và rượu. Dù một người lãnh nhận dưới một hình hay hai hình, người đó vẫn lãnh nhận toàn vẹn Đức Kitô trong Hiệp Lễ Thánh.¹⁹ Đây là sự thật vì trong Bí Tích [Minh Mầu Thánh] chính Đức Kitô phục sinh hiện đang sống là Đấng hiện diện toàn thể và trọn vẹn dưới vẻ bề ngoài của bánh cũng như dưới vẻ bề ngoài của rượu.

Dụng cụ các Hình Sắc Thánh Thiêng và chia sẻ các hình sắc đó với bàn tay mình là đặc ân của người có chức thánh, điều này chỉ về sự tham dự tích cực vào thừa tác vụ của [bt] Minh Mầu Thánh. Nhưng một điều rõ ràng là Giáo Hội có thể ban quyền đó cho những ai không phải tư tế hay phó tế, thuộc bất kỳ loại nào, dù họ là những giúp lễ đang làm theo thừa tác vụ của mình, đặc biệt nếu họ được nhắm đến cho việc chịu chức thánh trong tương lai, hay dù họ là những giáo dân khác đón nhận năng quyền đó vì sự cần thiết chính đáng, nhưng luôn luôn phải sau khi được chuẩn bị thích hợp.²⁰

Sự Tham Dự

Vị tư thế theo thừa tác vụ, hành động nhờ trong bản thân Đức Kitô, hiện thực Hy Tế Minh Mầu Thánh và dâng hy tế đó lên Thiên Chúa nhân danh tất cả dân chúng. Người tín hữu, nhờ bởi “bậc tư tế vương giả” của mình (đối chiếu *1 Phêrô* 2,9), cũng tham dự vào việc dâng hiến (đối chiếu: *Hiến chế tín lý về Giáo Hội*, 10). Họ làm vậy không những bằng việc lãnh nhận sự Hiệp Lễ Thánh, mà còn bằng việc thi hành cương vị của mình cách đầy đủ như là những chi thể của Thân Minh Mầu Nhiệm, “dâng hiến Lễ Vật và chính bản thân mình không những qua tay vị linh mục mà còn với vị ấy”.²¹

Việc cử hành Thánh Lễ là hành động của Đức Kitô và dân Thiên Chúa được tập hợp theo phẩm trật... Điều tối quan trọng đó là việc cử hành Thánh Lễ, Bữa Tiệc của Chúa, được sắp xếp sao để các thừa tác viên và người tín hữu có thể có phần thích hợp trong đó và nhờ vậy đạt được hoa trái của nó cách đầy đủ. Đó là tại sao mà Đức Kitô đã thiết lập hy tế tạ ơn của Minh và Mầu Ngài và đã ủy thác cho hiền thê của Ngài là Giáo Hội hy tế đó như việc tưởng niệm cuộc khổ nạn và phục sinh của Ngài. Mục đích này sẽ được hoàn thành nếu việc cử hành xét đến

¹⁸ Đối chiếu: *Bộ Giáo Luật*, khoản 917. Trong trường hợp nguy tử một người dĩ nhiên có thể rước lễ như Của Ăn Đàng cho dầu người đó đã rước lễ trước đó trong cùng ngày; đối chiếu: *Bộ Giáo Luật*, khoản 921,2.

¹⁹ Đối chiếu: Công Đồng Constance, Phiên Hợp 13, ngày 15 tháng 6 năm 1415, *Sắc Lệnh về Hiệp Lễ Chỉ dưới Hình Bánh* (DS 1198-1200); Công Đồng Trentô, Phiên Hợp 21, ngày 16 tháng Bảy năm 1562, *Giáo Lý về Hiệp Lễ dưới Hai Hình và Hiệp Lễ của Trẻ Em*, chương 1 và các khoản 1-3 (DS 1726-1727, 1731-1733).

²⁰ Giáo Tông Gioan Phaolô II, Thư gửi tất cả giám mục của Giáo Hội về mầu nhiệm và sự tôn sùng [bt] Minh Mầu Thánh, *Bữa Tiệc Chúa Nhật*, (ngày 24 tháng 2 năm 1980), số 11 (EV 7.215).

²¹ *Sách Lễ Rôma*, Hướng Dẫn Tổng Quát, số 62.

bản tính và hoàn cảnh của mỗi cuộc tập hợp và được sắp xếp để làm phát sinh sự tham dự đầy đủ, tích cực, và có ý thức của dân chúng được thúc đẩy bởi động lực tin, cậy, và mến. Sự tham dự như thế của tinh thần và thể xác được ước muốn bởi Giáo Hội, được đòi hỏi bởi bản tính của việc cử hành đó, và là quyền và bổn phận của các Kitô hữu vì [bt] Thanh Tẩy của họ.²²

Giáo Tông Bênêdictô XVI quan sát rằng “thình thoảng nổi lên sự hiểu lầm nào đó về ý nghĩa chính xác của việc tham dự này” nơi người tín hữu trong [bt] Mình Máu Thánh. Đức Thánh Cha chỉ ra việc cần có “sự tham dự chân chính” khi ngài viết:

nên làm rõ là từ “sự tham dự” không chỉ về hoạt động bề ngoài thuần túy trong cuộc cử hành. Thật vậy, sự tham dự tích cực mà Công Đồng mời gọi phải được hiểu theo khía cạnh nền tảng hơn, trên căn bản của sự nhận thức lớn hơn về mầu nhiệm đang được cử hành và tương quan của nó với đời sống hàng ngày. (*Bí Tích của Đức Bác Ái*, 52)

Để có sự tham dự hiệu quả vào [bt] Mình Máu Thánh một số điều kiện liên quan đến cá nhân được đòi hỏi về phía người tín hữu. Giáo Tông Bênêdictô XVI lưu ý thêm:

Một trong những điều kiện này chắc chắn là tinh thần hoán cải liên tục phải đánh dấu đời sống của mọi tín hữu. Khó có thể mong chờ được sự tham dự tích cực vào phụng vụ Mình Máu Thánh nếu một người tiếp cận phụng vụ đó cách nông cạn, không có sự kiểm thảo đời sống của mình. Tính cách chuẩn bị bên trong này có thể được nuôi dưỡng ví dụ bằng hồi tâm và thỉnh lạng tối thiểu vài chốc lát trước khi bắt đầu phụng vụ, bằng ăn chay và khi cần thiết bằng việc xưng tội nhờ qua bí tích. Một tấm lòng được hòa giải với Thiên Chúa làm cho sự chuẩn bị chân chính thành khả dĩ. Người tín hữu cần được nhắc nhở rằng không thể có *actuosa participatio* [sự tham dự tích cực] trong các mầu nhiệm thánh nếu không có một nỗ lực đồng hành là sự tham dự tích cực vào đời sống của Giáo Hội xét trong toàn thể, bao gồm sự dẫn thân truyền giáo để đem tình yêu của Đức Kitô vào trong đời sống xã hội. (55)

Sự Cần Thiết của Hiệp Lễ

Chính Đức Giêsu nhấn mạnh chúng ta cần phải rước lễ. “Nếu các ngươi không ăn thịt Con Người và uống máu Ngài, các ngươi không có sự sống nơi mình các ngươi” (*Gioan* 6,53).

Giới lệnh thiên linh không nói một người phải rước lễ thường xuyên như thế nào. Giáo Hội đòi hỏi người tín hữu rước lễ tối thiểu một lần trong năm, trong mùa Phục Sinh, trừ khi có nguyên nhân chính đáng phải rước vào thời gian khác.²³ Giáo Hội cũng nói về bổn phận rước lễ khi ở trong tình trạng nguy tử.²⁴ Nhưng một người yêu mến Đức Kitô tự nhiên ước muốn đào sâu tình bạn của mình với Ngài bằng việc thường xuyên lãnh nhận bí tích này.

²² *Sách Lễ Rôma*, Hướng Dẫn Tổng Quát, số 1-3.

²³ Đối chiếu: *Bộ Giáo Luật*, khoản 920.

²⁴ Đối chiếu: *Bộ Giáo Luật*, khoản 921.1.

Sự Lãnh Nhận Hợp Pháp

Để lãnh nhận bí tích này xứng đáng, một người phải là Công Giáo đã được rửa tội, sống trong tình trạng ơn sủng và tin những gì Giáo Hội dạy về bí tích này. Một người ý thức đã phạm một tội trọng thì phải xưng tội nhờ qua bí tích trước khi đến lãnh nhận Mình Máu Thánh.²⁵ Nếu một người phạm tội nghiêm trọng có nhu cầu cấp thiết lãnh nhận Mình Máu Thánh và không có cơ hội xưng tội, người đó nên trước tiên có hành vi ăn năn trọn vẹn, một hành vi bao gồm việc hứa đi xưng tội sớm hết sức có thể.²⁶

Tân Ước nhắc nhở chúng ta về bổn phận quan trọng của chúng ta phải lãnh nhận cách xứng đáng:

Cho nên kẻ ăn Bánh hay uống Chén của Chúa cách bất xứng tất sẽ mắc tội đối với Mình và Máu Chúa... Vì kẻ ăn và uống mà không phân biệt được Thân Mình, tức là ăn và uống án phạt cho mình. (1 Corinthô 11,27-29)²⁷

Sự kính trọng đối với [bt] Mình Máu Thánh phản ánh...

... sự tăng triển trong nhận thức về mầu nhiệm Thiên Chúa hiện diện giữa chúng ta. Điều này có thể được diễn tả bằng những dấu chỉ bề ngoài của sự kính trọng đối với [bt] Mình Máu Thánh... tầm quan trọng của các cử chỉ và tư thế như quỳ trong những giây phút trung tâm của kinh nguyện Mình Máu Thánh. Ở giữa sự đa dạng hợp pháp về các dấu chỉ được dùng trong bối cảnh văn hóa khác nhau, mỗi người nên có khả năng kính nghiệm và diễn tả sự nhận thức rằng tại mỗi cuộc cử hành chúng ta đứng trước sự uy nghi vô hạn của Thiên Chúa, Đấng đến với chúng ta trong sự thấp hèn của các dấu chỉ bí tích. (*Bí Tích của Đức Bác Ái*, 65)

Giữ Chay Mình Máu Thánh

Xét như dấu chỉ chung và bề ngoài của sự nhận thức sùng kính về Đấng mà chúng ta lãnh nhận trong [bt] Mình Máu Thánh và xét như sự chuẩn bị mang tính đền tội, Giáo Hội chỉ dạy chúng ta phải kiêng đồ ăn và thức uống một giờ trước Hiệp Lễ Thánh. Người bệnh và người già cũng như những ai chăm sóc họ không buộc phải kiêng. Uống nước lã và uống thuốc không phá việc giữ chay Mình Máu Thánh.²⁸

Khi ban hành hình thức dễ hơn này của việc giữ chay Mình Máu Thánh, Giáo Tông Piô XII đã khích lệ những tín hữu nào có thể giữ được thì giữ hình thức cổ kính của chay trước Hiệp Lễ, nghĩa là, kiêng hoàn toàn mọi đồ ăn thức uống, kể cả nước lã, từ nửa đêm trước.²⁹

²⁵ Đối chiếu: Công Đồng Trentô, Phiên Hợp 13, ngày 11 tháng 10 năm 1551, *Sắc Lệnh về Mình Máu Cực Thánh*, chương 7 (DS 1647).

²⁶ Đối chiếu: *Bộ Giáo Luật*, khoản 916.

²⁷ Giáo Tông Gioan Phaolô II đã lưu ý về một số áp lực hiện đại dẫn đến việc rước lễ bất xứng và đã thúc giục sự quan tâm mục vụ nhằm bảo vệ người tín hữu khỏi một điều quá xấu xa như thế; xem Thư gửi tất cả giám mục của Giáo Hội về mầu nhiệm và sự tôn sùng [bt] Mình Máu Thánh, *Bữa Tiệc Chúa Nhật*, (ngày 24 tháng 2 năm 1980), số 11 (EV 7.208-209); Thông Điệp *Redemptor Hominis* (*Đấng Cứu Chuộc Con Người*) (ngày 4 tháng 3 năm 1979), số 20 (EV 6.1251-1256).

²⁸ Đối chiếu: *Bộ Giáo Luật*, khoản 919.1 và 3.

²⁹ Đối chiếu: Giáo Tông Piô XII. Tông Hiến, *Christus Dominus* (*Chúa Kitô*) (ngày 5 tháng 1 năm 1953).

Thanh Tẩy cũng chuẩn bị cho một người hiệp lễ bằng cách làm cho người đó thành chi thể Giáo Hội. Vì toàn bộ cử hành phụng vụ Minh Máu Thánh là hoạt động quan trọng và đặc trưng nhất của Giáo Hội, cử hành đó là sự diễn tả niềm tin chung, không những vào sự hiện diện của Đức Kitô trong [bt] Minh Máu Thánh, mà còn vào tất cả những gì Giáo Hội là và giảng dạy nhân danh Đức Kitô. Tham dự trọn vẹn vào đại tiệc hy tế chính nó là một hành vi đức tin; nhờ qua nó người Kitô hữu củng cố và tăng sức mạnh cho niềm tin hiệp nhất họ với Thiên Chúa và với nhau.

Chính bởi vì ý nghĩa này mà những người không phải Công Giáo chỉ có thể rước lễ trong Giáo Hội Công Giáo trong những hoàn cảnh ngoại lệ thôi. Đó là: (1) người rước lễ phải có cùng một đức tin vào [bt] Minh Máu Thánh như được tuyên xưng bởi người Công Giáo; (2) họ phải có nhu cầu thiêng liêng sâu xa đối với [bt] Minh Máu Thánh; (3) họ đã không có thể rước lễ được trong giáo hội của họ một thời gian kéo dài; (4) tự mình họ và theo tự do của họ, họ phải thỉnh cầu bí tích của sự Hiệp Thông. Giám mục Công Giáo địa phương có bốn phận phán xét từng trường hợp như thế.³⁰

Biểu Tượng và Các Thực Tại

Các bí tích là những dấu chỉ bề ngoài được Đức Kitô thiết lập biểu tượng những gì chúng tạo ra và tạo ra những gì chúng biểu tượng. Điều này đặc biệt đúng thật đối với [bt] Minh Máu Thánh khi người tín hữu lãnh nhận bí tích này tại bàn tiệc của Chúa.

Minh Máu Thánh là Đồ Ăn

Dấu chỉ rõ ràng nhất của bí tích này là hình ảnh sự nuôi dưỡng. Những yếu tố được dùng trong bữa ăn vượt qua đã là lương thực căn bản của chế độ ăn uống Palestin trong

³⁰ Văn phòng Thư Ký Cố Vụ Sự Hiệp Nhất Kitô Hữu (chú thích của người dịch: nay là Hội Đồng Giáo Hoàng Cố Vụ Sự Hiệp Nhất Kitô Hữu), Huân Thị *De Peculiaribus Casibus Admitendi Alios Christianos ad Communionem Eucharisticam (Về Những Trường Hợp Cá Thể của Việc Chấp Nhận Cho Những Kitô Hữu Khác Rước Minh Máu Thánh)* (ngày 1 tháng 6 năm 1972) (EV 4.1626-1640). – *Hội Đồng Giám Mục Công Giáo Toàn Quốc* đã cho ra những “Hướng Dẫn về Rước Lễ” sau đây: “– *Đối với Người Công Giáo*: Người Công Giáo tham dự trọn vẹn vào việc cử hành Minh Máu Thánh khi họ rước lễ để chu toàn lệnh truyền của Đức Kitô hãy ăn Minh Ngài và uống Máu Ngài. Để được chuẩn bị cách thích hợp cho việc rước lễ, người rước lễ phải không ý thức mình có tội trọng, đã giữ chay một giờ, và tìm cách sống trong bác ái và yêu thương với tha nhân mình. Những người ý thức mình có tội trọng trước tiên phải giao hòa với Thiên Chúa và Giáo Hội nhờ qua bí tích Đền Tội. Mọi người được khuyến khích lãnh nhận bí tích Đền Tội thường xuyên. – *Đối với Những Kitô Hữu Khác*: chúng tôi hoan nghênh những Kitô hữu không hiệp nhất trọn vẹn với chúng tôi vào việc cử hành này của [bt] Minh Máu Thánh. Chính là hậu quả của những chia rẽ đau buồn trong Kitô giáo mà chúng tôi không thể mở rộng sự mời gọi họ nói chung đến với việc rước lễ. Người Công Giáo tin rằng [bt] Minh Máu Thánh là hành động của cộng đoàn cử hành mang ý nghĩa sự duy nhất trong đức tin, đời sống, và việc thờ phượng của cộng đoàn. Việc lãnh nhận [bt] Minh Máu Thánh bởi những Kitô hữu không hiệp nhất trọn vẹn với chúng tôi sẽ ám chỉ một sự duy nhất mà vẫn chưa hiện hữu, sự duy nhất mà chúng ta hết thảy cầu nguyện cho có. – *Đối với Những Ai Không Rước Lễ*: Những ai không hiệp lễ nhờ bí tích được khuyến khích diễn tả trong lòng mình sự khao khát đầy tâm tình cầu nguyện đối với sự hiệp nhất với Chúa Giêsu và với nhau. – *Đối với Những Ai Không Phải Kitô Hữu*: Chúng tôi cũng hoan nghênh vào việc cử hành này những ai không chia sẻ đức tin của chúng tôi vào Đức Giêsu. Trong khi chúng tôi không thể mở rộng sự mời gọi họ đến rước lễ, chúng tôi mời gọi họ hiệp nhất với chúng tôi trong việc nguyện cầu”.

thời Thánh Kinh. Bánh đã có thể hưởng dùng được đối với mọi người, là đồ ăn thông dụng nhất. Rượu đã được dùng như thức uống thông thường tại bàn ngay cả trong nhà người nghèo.

Giáo Hội Tây Phương dùng bánh không men bởi vì bánh không men đã được dùng tại bữa Tiệc Ly. Bánh phải được chỉ làm bằng lúa mì.³¹ Thánh Phaolô đã xem bánh không men là biểu tượng của sự tinh sạch và mới mẻ (đối chiếu: *1 Corinthô* 5,6-8). Bánh không men cũng được làm mau hơn là bánh có men, và nhờ vậy nó thích hợp với ý tưởng “dân lũ hành” được liên kết với cuộc Xuất Hành. Chúng ta là một Giáo Hội lũ hành, và chúng ta lãnh nhận Bánh thiêng liêng của chúng ta dưới hình thức này nhắc nhở chúng ta là chúng ta vẫn còn trên đường về đất hứa của chúng ta.

Rượu, theo suy nghĩ phổ thông, đã được liên kết với sự phấn khởi vui tươi (đối chiếu: *Thánh Vịnh* 104,15). Tham chiếu việc người Samaritanô tốt lành đổ rượu trên những vết thương của người lũ khách bị thương (đối chiếu: *Luca* 10,34) và lời thánh Phaolô khuyên Timôthêô là một chút rượu tốt cho bao tử và căn bệnh hay tái phát (đối chiếu: *1 Timôthêô* 5,23) gợi ý rằng thế giới thượng cổ cũng đã xem rượu có tác dụng trị liệu cách nào đó. Biểu tượng này được giữ lại trong Thánh Lễ, trong đó rượu nho vẫn được dùng.

Những lệnh truyền tại bữa Tiệc Ly hãy ăn và uống thích hợp với cùng biểu tượng. Đức Giêsu cũng đã tiên báo khía cạnh nuôi dưỡng của bí tích này trong việc rao giảng của Ngài:

Bánh sự Sống, chính là Ta; ai đến với Ta sẽ không hề đói, và ai tin vào Ta sẽ không hề khát bao giờ... Vì thịt Ta thật là của ăn và máu Ta thật là của uống.
(*Gioan* 6,35.55)

Mình Máu Thánh sinh ra hiệu quả dưỡng nuôi mà bí tích đó biểu tượng. Điều này đạt được nhờ qua sự hiện diện của chính Đức Giêsu và việc ban xuống ơn sủng trên những ai lãnh nhận Ngài tùy theo những nhu cầu cá nhân và những nhu cầu cộng đồng. Bao lâu chúng ta còn bị tội lỗi làm tổn thương, thì bấy lâu Đức Kitô và quyền năng của Ngài vẫn làm việc như một cách chữa trị; cho đến mức chúng ta tiến bộ trong sự thánh thiện, thì Ngài làm vững mạnh và nuôi dưỡng sự tăng triển của chúng ta.

Và, mặc dầu thật sự là [bt] Mình Máu Thánh đã luôn và phải tiếp tục là sự mạc khải sâu xa nhất về tình huynh đệ con người của các môn đệ Đức Kitô và của những ai tuyên xưng Ngài, bí tích này không thể được xem thuần túy như một “cơ hội” bày tỏ tình huynh đệ này. Khi cử hành bí tích Mình và Máu Thánh Chúa, phải tôn trọng tầm mức lớn lao trọn vẹn của mầu nhiệm thiên linh đó cũng như ý nghĩa trọn vẹn của dấu chỉ bí tích này mà trong đó Đức Kitô hiện diện thật sự...³²

Biểu Tượng của Sự Duy Nhất

[Bt] Mình Máu Thánh cũng biểu tượng sự duy nhất của Giáo Hội. Đức Kitô cầu nguyện cho sự duy nhất tại Hy Tế Mình Máu Thánh đầu tiên (đối chiếu: *Gioan* 17,20-21). Bánh và rượu mà Ngài đã dùng, chính chúng đã là những biểu tượng của sự duy

³¹ Đối chiếu: Bộ Phụng Tự và Kỷ Luật Các Bí Tích, Huấn Thị *Quà Tặng Vô Giá* (ngày 3 tháng 4 năm 1980), số 8 (EV 7.298); *Bộ Giáo Luật*, khoản 924.2.

³² Giáo Tông Gioan Phaolô II, Thông Điệp *Đấng Cứu Chuộc Con Người* (ngày 4 tháng 3 năm 1979), số 20 (EV 6.1254).

nhất; gia đình của Thiên Chúa sẽ được nhóm họp nên một, như nhiều hạt lúa mì được gom lại với nhau để làm bánh và nhiều trái nho được gom lại với nhau để làm rượu. Một kinh nguyện Minh Máu Thánh xưa gợi lại điều này:

Như tấm bánh được bẻ ra này được phát tán khắp đồi núi, và rồi khi được thu góp lại, thì trở nên một đồng lớn, cũng vậy chờ gì Giáo Hội Ngài được nhóm họp lại thành vương quốc Ngài từ tận cùng trái đất.³³

Sự duy nhất cũng được biểu tượng bởi sự thông phần của cộng đồng vào chỉ một Bánh là Đức Kitô:

Bởi vì chỉ có một bánh, nên chúng ta tuy là nhiều cũng chỉ là một thân mình, vì hết thầy chúng ta cùng chia phần chỉ một bánh. (1 Corinthô 10,17)

Nhờ bởi bí tích Minh Máu Thánh “sự duy nhất của Giáo Hội vừa được làm cho biết ý nghĩa vừa được làm phát sinh ra” [*Unitatis Redintegratio* (*Sắc lệnh về Hiệp Nhất*), 2]. Sự duy nhất của Giáo Hội, Thân Mình Mầu Nhiệm của Đức Kitô, được tạo ra chính yếu nhờ bởi tình yêu:

Phụng vụ thúc giục người tín hữu khi ném đủ “các mầu nhiệm vượt qua”, phải “cùng một lòng trong tình yêu”³⁴; phụng vụ cầu nguyện cho “họ giữ vững trong đời sống họ những gì họ đã lãnh nhận nhờ đức tin”.³⁵ Sự lặp lại trong [bt] Minh Máu Thánh giao ước giữa Chúa và con người lôi cuốn người tín hữu vào trong tình yêu mãnh liệt của Đức Kitô và nung nấu lòng họ. (*Hiển chế phụng vụ*, 10)

Sự hiệp nhất mà việc rước lễ xứng đáng làm vững mạnh trước tiên thuộc về sự kết hiệp cá vị với Đức Kitô. Tại bữa Tiệc Ly Đức Kitô nói: “Hãy ở lại trong Ta và Ta trong các ngươi. Cũng như nhánh nho không thể sinh trái tự nó, nếu không lưu lại trong thân nho, thì các ngươi cũng vậy, nếu không lưu lại trong Ta” (*Gioan* 15,4). Nhưng nhờ qua sự hiệp nhất với Ngài chúng ta được ràng buộc với nhau, và nhờ vậy được làm cho có khả năng sinh hoa trái cho nhau trong các việc của tình yêu.

Xét như một biểu tượng về sự duy nhất của Giáo Hội, thì điều rõ ràng đó là:

... vì Phụng Vụ Minh Máu Thánh thiết yếu là một *actio Dei* [hành động của Thiên Chúa] lôi cuốn chúng ta vào trong Đức Kitô nhờ qua Ngôi Thánh Thần, cấu trúc căn bản của nó không phải là một cái gì thuộc quyền thay đổi của chúng ta, nó cũng không thể bị cầm giữ như con tin bởi những khuynh hướng mới đây... việc cử hành Minh Máu Thánh ám chỉ và liên quan đến Truyền Thống sống động. Giáo Hội cử hành Hy Tế Minh Máu Thánh trong sự vâng phục lệnh truyền của Đức Kitô, căn cứ trên kinh nghiệm của Giáo Hội về Chúa Phục Sinh và về việc tuôn đổ xuống Ngôi Thánh Thần. (*Bí Tích của Đức Bác Ái*, 37)

Minh Máu Thánh và Sự Sống Vĩnh Cửu

Biểu tượng thứ ba là biểu tượng của gia nghiệp thiên quốc chúng ta thừa hưởng:

³³ *Didache* 9.4 (= ACW 6.20).

³⁴ *Sách Lễ Rôma*, Lời Nguyện Hiệp Lễ trong Thánh Lễ Vọng Phục Sinh và Thánh Lễ Chúa Nhật Phục Sinh.

³⁵ *Sách Lễ Rôma*, Lời Nguyện Thánh Lễ Ngày Thứ Hai trong Tuần Bát Nhật Phục Sinh.

Trong phụng vụ dưới đất, chúng ta tham dự, bằng cách nếm trước, phụng vụ trên trời được cử hành trong thành thánh Giêrusalem, nơi mà chúng ta là lữ khách đang hành trình về và nơi mà trong đó Đức Kitô đang ngự bên hữu Thiên Chúa như thừa tác viên của cung thánh và của nhà tạm đích thật. (*Hiến chế phụng vụ*, 8)

Toàn bộ cử hành phụng vụ Mình Máu Thánh trở nên biểu tượng của vương quốc Thiên Chúa trong sự viên mãn chung cục của nó. Lúc đó, cộng đoàn các tín hữu, được nhóm họp chung quanh ngai tòa của Ngôi Cha cùng với những người thân yêu của mình, sẽ tràn trề hoan lạc mà tham dự sự ca tụng trường cửu của Đức Kitô và lãnh nhận chính Thiên Chúa như ân thưởng muôn đời của mình, như Abraham đã từng được hứa (đối chiếu: *Khởi Nguyên* 15,1).

Trong việc cử hành dưới đất có một kinh nghiệm cho biết trước tất cả những yếu tố này. Sự an bình của nó, vẻ đẹp và trật tự của nó, dù luôn bất toàn trên đời này, vẫn là bóng mờ tiên đoán những trạng thái thiên đàng.

Tham dự vào Thánh Lễ không những hiệp nhất chúng ta với Giáo Hội đang sống dưới đất mà còn với những ai ra đi trước chúng ta được ghi dấu với ấn tính không thể xóa của đức tin.

Vì vậy, trong việc cử hành Hy Tế Mình Máu Thánh, chúng ta được hiệp nhất rất mật thiết với Giáo Hội đang thờ phượng trên trời khi chúng ta liên kết với... tất cả các thánh. (*Hiến chế tín lý về Giáo Hội*, 50)

Một cách kỳ diệu hơn hết, chúng ta kinh nghiệm sự nếm trước ân thưởng lớn lao nhất là sự hiện diện của Thiên Chúa trong chúng ta. Trong [bt] Mình Máu Thánh, chúng ta thấy Ngài, mặc dầu một cách không phân biệt theo đức tin yếu kém của chúng ta, như thấy trong những tấm gương mờ tối bằng kim loại của thời thượng cổ; tuy nhiên cũng chính cùng Đức Chúa hiện nay mà chúng ta sẽ thấy trên thiên đàng “diện đối diện” (*I Corinthô* 13,12).

[Vì] con người được tạo dựng cho hạnh phúc đích thật và vĩnh cửu mà chỉ một mình tình yêu của Thiên Chúa mới có thể ban cho... để tiến đi đúng hướng, chúng ta tất cả cần được hướng dẫn đến mục đích chung cục của chúng ta. Mục đích đó là chính Đức Kitô, Chúa, Đấng đã chinh phục tội lỗi và sự chết, và làm cho bản thân Ngài hiện diện cho chúng ta một cách đặc biệt trong cử hành Mình Máu Thánh. (*Bí Tích của Đức Báp-tít*, 30)

Hiện Diện Thật Sự

Đức tin của Giáo Hội vào sự hiện diện của Đức Giêsu trong [bt] Mình Máu Thánh dưới vẻ bên ngoài của bánh và rượu trở về lại với sự rao giảng của chính Đức Giêsu được ghi nhận trong *Tin Mừng của thánh Gioan*. Trong diễn từ Mình Máu Thánh sau phép lạ hóa bánh ra nhiều (đối chiếu: *Gioan* 6,22-71), Chúa chúng ta đối chọi bánh thông thường với Bánh không thuộc về thế giới này nhưng chứa đựng sự sống vĩnh cửu cho những ai ăn bánh ấy.

Bánh Sự Sống chính là Ta... Bánh hằng sống bởi trời xuống chính là Ta! Ai ăn bánh này, thì sẽ được sống đời đời. Và bánh Ta sẽ ban, ấy là thịt Ta! (*Gioan* 6,48.51)

Phản ứng lập tức của đám đông đối với khẳng định này đã là một phản ứng lẫn lộn. Một số thấy rằng lời hứa này đi quá mức có thể tin được. Sự chán ghét của họ đối với một giáo huấn gây lẫn lộn khó hiểu này đã quá mạnh đến nỗi nhiều môn đệ rời bỏ và từ chối không theo Đức Giêsu nữa. Những người khác, bao gồm Nhóm Mười Hai, đã chấp nhận nó. Mặc dầu một ý niệm như thế – đối với họ cũng giống như đối với những ai khước từ nó – vẫn là cái gì vượt quá kinh nghiệm cá vị của họ, họ đã chấp nhận lời Ngài bởi vì họ đã công nhận Đức Giêsu là Đấng Thánh của Thiên Chúa và họ đã tín thác vào sự bảo đảm của Ngài nhiều hơn là vào vẻ bên ngoài của các sự việc (đối chiếu: *Gioan 6,69*).

Tuy nhiên, cả hai nhóm rõ ràng đồng ý nhau về một điểm. Tất cả những ai nghe đã hiểu rằng Đức Giêsu đang đưa ra một tuyên bố phải được hiểu hoàn toàn theo nghĩa đen. Ngài cũng không muốn lời Ngài được hiểu cách nào khác. Như các nhà bình giải Kitô giáo liên tiếp nhận ra, khi những ai không tin bỏ đi, Đức Giêsu đã không rút lại lời hứa hay cố thay đổi nhận thức của họ về lời Ngài. Ngài không gọi họ lại để nói rằng Ngài đã nói những điều đó theo cách thi phú hay ẩn dụ.

Chúng ta liên tục được nhắc nhở trong phụng vụ rằng [bt] Minh Máu Thánh là «mầu nhiệm đức tin». Giáo Tông Bênêdictô XVI viết:

Với những lời này, được nói ra ngay sau những lời thánh hiến (truyền phép), vị linh mục loan báo mầu nhiệm đang được cử hành và và diễn tả sự kinh phục của ngài trước sự thay đổi bản thể của bánh và rượu thành Mình và Máu của Chúa Giêsu, một thực tại vượt quá mọi nhận thức con người. Minh Máu Thánh là một «mầu nhiệm đức tin» cách tuyệt đỉnh. Đức tin của Giáo Hội thiết yếu là một đức tin [bt] Minh Máu Thánh, và đức tin đó thiết yếu được nuôi dưỡng tại bàn tiệc của Minh Máu Thánh... Mọi canh tân vĩ đại đã từng được móc nối cách nào đó với việc tái khám phá niềm tin vào sự hiện diện theo Minh Máu Thánh của Chúa giữa dân Ngài. (*Bí Tích của Đức Báp-tít*, 6)

Mầu nhiệm này chỉ có thể được tiếp cận «với sự khiêm nhường và tôn kính, không dựa vào lý luận con người, lý luận đó nên giữ im lặng, nhưng thay vào đó bám chặt vào mạc khải thiên linh».³⁶ Vì vậy thánh Gioan Kim Khẩu theo gương đức tin của thánh Phêrô vào [bt] Minh Máu Thánh (đối chiếu: *Gioan 6,68*) khi ngài nói:

Chúng ta hãy phục tùng Thiên Chúa trong mọi sự và đừng mâu thuẫn với Ngài, cho dầu những gì Ngài nói xem ra mâu thuẫn với lý luận và hiểu biết của chúng ta... Chúng ta hãy làm như vậy đối với các mầu nhiệm, không giới hạn quan tâm của chúng ta vào những cái có thể cảm nhận bằng giác quan, nhưng thay vào đó tin giữ chặt chẽ những gì Ngài nói. Vì lời Ngài không thể lừa dối bao giờ.³⁷

Hiện Diện theo Nghĩa Trọn Vẹn Nhất

Sự hiện diện của Đức Giêsu trong [bt] Minh Máu Thánh không phải là hình thức hiện diện duy nhất của Ngài trong Giáo Hội, nhưng kỳ quan của sự hiện diện Minh Máu Thánh Ngài là độc nhất vô nhị. Ngài chắc chắn cũng hiện diện với Giáo Hội cách đặc biệt khi Giáo Hội tin, cầu nguyện, và làm các việc thương người, và trong đức tin của Giáo

³⁶ Giáo Tông Phaolô VI, Thông Điệp *Mysterium Fidei* (*Mầu Nhiệm Đức Tin*) (ngày 3 tháng 9 năm 1965) (EV 2.411).

³⁷ Thánh Gioan Kim Khẩu, *Bài Giảng về Matthêu 82.4* (MG 58.743).

Hội; Ngài ở với các giám mục và các linh mục của Giáo Hội khi các vị rao giảng lời Ngài, cai quản dân Ngài, và ban phát các bí tích khác của Ngài. Nhưng sự hiện diện bí tích của Đức Giêsu được phát sinh ra trong Thánh Lễ có quyền đặc biệt đòi hỏi sự mô tả «hiện diện thật sự» – không phải bởi vì những kiểu hiện diện khác không «thật sự», nhưng bởi vì đó là «sự hiện diện theo nghĩa trọn vẹn nhất».³⁸ Sáu bí tích khác là những nghi thức trong đó người tín hữu gặp gỡ Đức Kitô trong hành động và quyền năng của Ngài. Tuy nhiên, duy chỉ [bt] Mình Máu Thánh là Đức Giêsu Kitô.

Cách thức mà Chúa Giêsu hiện diện trong [bt] Mình Máu Thánh không thể được giải thích theo phương diện vật lý bởi vì nó siêu vượt những đòi hỏi thông thường về không gian và đo lường. Không phải như thể Đức Giêsu mang lấy một thân thể thu nhỏ để hiện diện trong [bt] Mình Máu Thánh hay như thể Ngài hiện diện cách tự nhiên nhưng ẩn dấu dưới một lớp mỏng của bánh và rượu. Một Ngôi Vị, Đấng trở nên hiện diện trọn vẹn trong Thánh Lễ, cũng là cùng Đấng Cứu Thế đã sống lại, Đấng đang ngự bên hữu Ngôi Cha: đó là một mầu nhiệm siêu nhiên. Khi trở nên hiện diện trên bàn thờ tình trạng của Đức Kitô không thay đổi. Ngài không phải rời thiên đàng để trở nên hiện diện dưới đất.

Cũng thật như vậy khi nhiều Thánh Lễ được cử hành đồng thời. Cái thay đổi không phải là Đức Giêsu, nhưng là con số những nơi mà Ngài hiện diện. Đức Giêsu không bị nhân tăng lên khi Phụng Vụ Mình Máu Thánh được cử hành khắp thế giới, như hàng ngày «từ lúc mặt trời mọc tới lúc mặt trời lặn» (*Malaki* 1,11); Ngài cũng không bị hao giảm đi khi Mình và Máu thánh thiêng của Ngài được tiêu dùng trong Hiệp Lễ Thánh. Tương tự như lửa của nền phục sinh được chia sẻ giữa các tín hữu trong đêm Phục Sinh mà chính nó không trở thành sáng hơn hay mờ đi, và như sứ điệp của Thiên Chúa trong Tin Mừng được chia sẻ với tất cả thành phần của một cộng đoàn trong Thánh Lễ mà chính nó không bị nói rộng ra hay thu hẹp lại, cũng vậy Mình và Máu Đức Giêsu không bị biến đổi bất cứ cách nào trong nhịp đập liên tục của các cử hành Mình Máu Thánh khắp Giáo Hội hoàn vũ.

Ý Nghĩa của Sự Hiện Diện Mình Máu Thánh

Sự hiện diện Mình Máu Thánh của Đức Giêsu quá phong phú về ý nghĩa đến nỗi sự hiện diện đó có thể được nói đến bằng nhiều cách. Khi những lời thánh hiến (truyền phép) được nói trên bánh và rượu, có sự biến đổi lớn lao về ý nghĩa, một sự «biến nghĩa». Cái đã có ý nghĩa cho chúng ta chỉ như đồ ăn thức uống trần gian, nay có ý nghĩa trỗi vượt xa hơn nhiều và nói với chúng ta về sự hiện diện của Đức Giêsu. Cũng có sự biến đổi về mục đích của cái mà chúng ta thấy, một sự «biến đổi cứu cánh». Mục đích của bánh trần gian là chăm lo cho sự sống thể xác tự nhiên; khi những lời của Đức Giêsu đụng chạm lễ vật hữu hình này của [bt] Mình Máu Thánh, toàn bộ lực đẩy và sức năng động của nó thành khác biệt. Nó trở thành một thứ Đồ Ăn nuôi dưỡng sự sống của Thiên Chúa trong chúng ta và tăng sức mạnh của chúng ta cho sự sống vĩnh cửu.

Nhưng sâu sắc hơn tất cả những biến đổi này, nằm dưới chúng và đặt nền cho chúng, đó là sự biến đổi trong *hữu thể*, sự «biến đổi bản thể». Về bề ngoài của bánh và rượu «mang lấy ý nghĩa mới này, cứu cánh mới này, chính xác bởi vì chúng chứa đựng một thực tại mới».³⁹ Đức tin liên quan sâu sắc đến thực tại này; Đức Giêsu ở đây. Ngài hiện diện không chỉ cách thiêng liêng, bằng sự nhận biết của Ngài, bằng sự chăm sóc của

³⁸ Giáo Tông Phaolô VI, Thông Điệp *Mầu Nhiệm Đức Tin* (ngày 3 tháng 9 năm 1965) (EV 2.424).

³⁹ Giáo Tông Phaolô VI, Thông Điệp *Mầu Nhiệm Đức Tin* (ngày 3 tháng 9 năm 1965) (EV 2.427).

Ngài, bằng hoạt động của Ngài, nhưng Ngài hiện diện «một cách độc nhất vô nhị, toàn bộ và trọn vẹn, Thiên Chúa và người, theo bản thể và trường tồn».⁴⁰

Trên những gì đã là bánh và rượu Đức Giêsu đã phán: «Đây là Mình Ta... Đây là Máu Ta».

Với đức tin vững chắc vào Đức Kitô, Giáo Hội luôn tin rằng những gì mà Ngài cho chúng ta trong [bt] Mình Máu Thánh thật sự là Mình Ngài và Máu Ngài. Khi linh mục của Ngài nói những lời thánh thiêng của Ngài trên các lễ vật, bánh và rượu «chấm dứt hiện hữu» và chính «Mình và Máu đáng tôn thờ của Chúa Giêsu từ lúc đó trở đi thực sự có trước mặt chúng ta dưới những hình sắc bí tích của bánh và rượu».⁴¹

Với đức tin Phục Sinh chúng ta công nhận rằng đó là Chúa.

Được huấn giáo về những vấn đề này và chắc chắn trong đức tin rằng cái xem ra là bánh không phải là bánh nhưng thay vào đó là Mình của Đức Kitô – mặc dầu cái đó nếm như bánh, và cái xem ra là rượu không phải là rượu nhưng là Máu của Đức Kitô – mặc dầu cái đó xem ra như rượu đối với vị giác... hãy tăng sức mạnh cho lòng bạn bằng việc lãnh nhận Bánh này như của ăn thiêng liêng và hãy làm diễm mạo linh hồn bạn vui sướng lên.⁴²

Sự biến đổi xảy ra khi Đức Kitô trở nên hiện diện theo cách bí tích trong [bt] Mình Máu Thánh, sự biến đổi đó tồn tại lâu dài bởi vì đó là một sự biến đổi quá thật, quá triệt để. Sau thánh hiến (truyền phép), Đức Giêsu tiếp tục hiện diện bằng thân mình Ngài bao lâu mà về bề ngoài của bánh và rượu vẫn còn đó. Trở lui lại thế kỷ thứ năm, thánh Cyrilô thành Alexandria đã từng phải đương đầu với ý kiến sai lầm rằng nếu một phần của Mình Máu Thánh được lưu lại cho đến hôm sau thì phần đó sẽ mất đi quyền năng thánh hóa. Ngài bác bỏ ý kiến này và trả lời với xác tín mà đức tin vốn luôn công bố:

Vì Đức Kitô không bị biến đổi và Mình Thánh của Ngài không bị biến đổi, nên quyền năng và sức lực và ơn sủng ban sự sống của phép lành tồn tại trong đó mãi mãi.⁴³

Sự Thờ Phụng Bí Tích Thánh

Đức tin vào sự hiện diện kéo dài của Đức Giêsu trong Bí Tích Thánh thúc đẩy sự phát triển dần dần của những việc tôn sùng đối với Đức Kitô trong [bt] Mình Máu Thánh ngay cả ngoài Thánh Lễ. «Sự thờ phụng [bt] Mình Máu Thánh ngoài Thánh Lễ có giá trị không thể lường được đối với đời sống của Giáo Hội».⁴⁴

Giáo Tông Bênêđictô XVI nói về sự liên kết giữa Thánh Lễ và sự thờ phụng và tôn sùng Mình Máu Thánh bằng cách này:

⁴⁰ Bộ Lễ Nghi, Huấn Thị *Mầu Nhiệm Mình Máu Thánh* (ngày 25 tháng 5 năm 1967) (EV 2.1309).

⁴¹ Giáo Tông Phaolô VI, *Professio Fidei (Tuyên Xưng của Đức Tin* hay “Kinh Tin Kính của Dân Thiên Chúa”) (ngày 30 tháng 6 năm 1968) (EV 3.561).

⁴² Thánh Cyrilô thánh Giêrusalem, *Catechesis (Giáo Lý)* 22 (myst. 4).9 (MG 33.1104).

⁴³ Thánh Cyrilô thành Alexandria, *Epistula ad Calosyrium (Thư gửi Calosyriô)* (MG 76.1075).

⁴⁴ Giáo Tông Gioan Phaolô II, *Ecclesia de Eucharistia (Giáo Hội của Mình Máu Thánh)* (ngày 17 tháng 4 năm 2003), số 25.

Trong [bt] Minh Máu Thánh, Con Thiên Chúa đến gặp chúng ta và ước muốn nên một với chúng ta; việc thờ phượng Minh Máu Thánh chỉ là hiệu quả tự nhiên của việc cử hành Minh Máu Thánh mà chính nó là hành vi thờ phượng tối cao của Giáo Hội... hành vi thờ phượng ngoài Thánh Lễ kéo dài và tăng sức mạnh cho tất cả những gì diễn ra trong chính cử hành phụng vụ. (*Bí Tích của Đức Báp-tít*, 66)

Trong những thế kỷ đầu tiên của Giáo Hội, lý do chính của việc duy trì các Hình Sắc Thánh Thiêng là để giúp những ai không thể tham dự phụng vụ, đặc biệt những người bệnh và hấp hối. Bí Tích của Chúa được cung kính đem đến cho họ để họ cũng có thể rước lấy.

Với dòng thời gian, suy tư kính trọng dẫn Giáo Hội đến chỗ làm phong phú sự tôn sùng Minh Máu Thánh. Đức tin rằng Đức Giêsu thực sự hiện diện trong bí tích này dẫn người tín hữu đến thờ phượng Đức Kitô cư ngụ thường trực với chúng ta trong bí tích này. Ở đâu có bí tích này, thì ở đó có Đức Kitô là Chúa và là Thiên Chúa của chúng ta; do vậy Ngài phải luôn được thờ phượng trong mầu nhiệm này.⁴⁵ Sự thờ phượng như thế được diễn tả bằng nhiều cách: bằng những việc bái gối, bằng sự thờ phượng Minh Máu Thánh, bằng nhiều hình thức tôn sùng Minh Máu Thánh mà đức tin nuôi dưỡng.

Vào thế kỷ mười ba, khi những đặc sủng của những vị thánh như Phanxicô thành Assisi và Tôma Aquinô tăng sức mạnh cho lòng biết ơn của Giáo Hội đối với sự hiện diện tồn tại lâu dài của Đức Giêsu, lễ Corpus Christi (Minh Thánh Đức Kitô) được thiết lập. Tính phổ biến của lễ này với những tụng ca vui tươi và những cuộc rước kiệu công cộng, khích lệ nhiều hơn những phát triển của sự tôn sùng Minh Máu Thánh.

Bí Tích Thánh thể thỉnh thoảng được dời ra khỏi nhà tạm nơi mà bí tích này thường được lưu giữ và được đặt trên bàn thờ để thờ phượng. Thông thường thì Minh Thánh được đặt trong hào quang, để Hình Sắc Thánh Thiêng có thể được nhìn thấy bởi các tín hữu thờ phượng Đức Chúa của họ đang hiện diện nhưng không thấy được. Những khoảng thời gian trưng bày để châu này thỉnh thoảng được kéo dài thành những Giờ Thánh. Các giáo xứ Công Giáo thường cử hành những Ngày Minh Máu Thánh, hay sự Tôn Sùng theo Bốn Mươi Giờ, trong đó Bí Tích này được trưng bày trên bàn thờ để châu liên tục trọn ngày hay lâu hơn, nhằm tăng sức mạnh cho đời sống dựa vào Minh Máu Thánh của giáo xứ. Khi sự trưng bày để châu như thế kết thúc, vị linh mục nâng Minh Thánh lên trước mặt dân chúng lúc ban phúc lành. Từ hành vi kết thúc này đã phát sinh tên gọi «Việc ban phúc lành của Bí Tích Thánh».

Trong một vài giáo phận và cộng đồng tu sĩ, sự thờ phượng luôn được duy trì trước Minh Thánh tiếp tục được trưng bày để châu. Nhưng mỗi nhà thờ Công Giáo là một nơi mà người tín hữu được mời đến để thờ phượng Đức Kitô đang hiện diện trong đó. Việc thăm viếng Chúa trong nhà tạm lại là một hình thức khác của sự tôn sùng đối với sự Hiện Diện Thật Sự mà Giáo Hội nồng nhiệt khuyến khích.⁴⁶

⁴⁵ Đối chiếu Giáo Tông Phaolô VI, Thông Điệp *Mysterium Fidei* (*Mầu Nhiệm Đức Tin*) (ngày 3 tháng 9 năm 1965) (EV 2.433-434).

⁴⁶ Bộ Lễ Nghi, Huấn Thị *Mầu Nhiệm Minh Máu Thánh* (ngày 25 tháng 5 năm 1967) phần III (EV 2.1331-1341).

Từ hậu bán thế kỷ mười chín, các Đại Hội Minh Máu Thánh đã lôi cuốn người Công Giáo đến những cuộc nhóm họp quốc tế nổi bật với những hoạt động phụng vụ, những hội thảo, và những biến cố khác. Tất cả những việc này được bàn soạn ra để bày tỏ lòng đội ơn và ngợi khen được hiệp nhất của chúng ta đối với ơn huệ vĩ đại của Ngôi Cha cho chúng ta trong cuộc đời này là Con Yêu Dấu của Ngài hiện diện giữa chúng ta dưới hình vẻ bề ngoài của bánh và rượu.⁴⁷

Những Hiệu Quả của Sự Thờ Phụng Minh Máu Thánh

Toàn bộ đời sống phải được biến dạng bởi sự tham dự đích vào [bt] Minh Máu Thánh. Giáo Tông Bênêdictô XVI lôi kéo sự quan tâm đến «hiệu quả bao hàm tất cả của việc thờ phụng Minh Máu Thánh» khi ngài nói rằng:

Không có cái gì đích thật con người – tư tưởng và tình cảm của chúng ta, lời nói và hành động của chúng ta – mà không tìm thấy được trong bí tích Minh Máu Thánh hình thức mà nó cần để được sống tới mức trọn vẹn. Ở đây chúng ta có thể thấy ý nghĩa nhân bản trọn vẹn của tính mới mẻ triệt để được Đức Kitô đem đến trong [bt] Minh Máu Thánh: sự thờ phụng Thiên Chúa trong đời sống chúng ta không thể được hạ giá xuống thành cái gì riêng tư và cá nhân, nhưng theo bản tính hướng đến việc thâm nhập mọi khía cạnh thuộc về hiện hữu của chúng ta. Do vậy sự thờ phụng đẹp lòng Thiên Chúa trở nên một cách thức mới sống trọn đời sống chúng ta, mỗi phút chốc cụ thể của đời sống đó được nâng lên cao, vì nó được sống như một phần của tương quan với Đức Kitô và như một hiến lễ dâng lên Thiên Chúa. (*Bí Tích của Đức Báp Tiê, 71*)

----- Những Câu Hỏi Thảo Luận -----

1. Hãy đọc những tường thuật Tin Mừng về Bữa Tiệc Ly (*Luca 22,7-20; Matthêu 26,17-29; Marcô 14,12-25*). Hãy bàn về cách nào mà [bt] Minh Máu Thánh đã được Đức Giêsu thiết lập tại Bữa Tiệc Ly tiếp tục việc cứu rỗi của Ngài trong mỗi phụng vụ.
2. Hãy bàn đến những hiểu biết của bạn về giáo lý Công Giáo liên quan đến sự hiện diện thật sự của Đức Kitô trong [bt] Minh Máu Thánh. Tại sao giáo lý này quan trọng cho đời sống Giáo Hội và đời sống đức tin?
3. [Bt] Minh Máu Thánh có ăn nhập gì đến đời sống hàng ngày và sự tăng triển thiêng liêng của bạn không? Hãy bàn về sự cần thiết của việc rước lễ như là phương thế bí tích mà nhờ bởi đó chúng ta đào sâu tình bạn và sự hiệp thông với Đức Kitô và với Thân Mình Ngài là Giáo Hội.

⁴⁷ Đối chiếu: Giáo Tông Gioan Phaolô II, Thư gửi tất cả giám mục của Giáo Hội về mầu nhiệm và sự tôn sùng [bt] Minh Máu Thánh, *Bữa Tiệc Chúa Nhật*, (ngày 24 tháng 2 năm 1980), số 3 (EV 7.163-164).

Tham Khảo Thêm:

Giáo Lý Công Giáo Hoa Kỳ cho Người Lớn: Chương 17 – Minh Máu Thánh: Cội Nguồn và Chóp Đỉnh của Đời Sống Kitô Hữu

Sách Giáo Lý của Hội Thánh Công Giáo, 1322-1405; 1536-1589.

Giáo Tông Bênêdictô XVI, *Bí Tích của Đức Bác Ái*. Tông Huấn sau Công Nghị [các Giám Mục], ngày 22 tháng 2 năm 2007.

Những Điều Cần Nhớ...

- ✠ «Hãy cầm lấy mà ăn, này là Minh Ta... Này là Máu Ta, Máu Giao Ước» (*Matthêu* 26,27-28).
- ✠ Đức Giêsu tại bữa Tiệc Ly biến đổi bánh và rượu thành Minh và Máu Ngài, và truyền lệnh các tông đồ phải làm điều Ngài đã làm.
- ✠ Trong Thánh Lễ, Đức Kitô nhờ qua các tư tế của Ngài biến đổi bánh và rượu thành Minh và Máu Ngài, và làm hiện diện cho chúng ta hy tế mà Ngài đã từng hiến dâng trên thập giá.
- ✠ Lãnh nhận sự Hiệp Lễ cách xứng đáng là có hy vọng chắc chắn vào sự sống vĩnh cửu; chúng ta rước cách xứng đáng nếu chúng ta ở trong tình trạng ơn sủng và có đức tin vào [bt] Minh Máu Thánh.
- ✠ Chúng ta thờ phượng Đức Kitô trong Bí Tích Thánh, vì Ngài luôn còn có đó như Đấng Cứu Thế và Bạn chúng ta.
- ✠ «[Bt] Minh Máu Cực Thánh chứa đựng toàn bộ thiện ích thiêng liêng của Giáo Hội, nghĩa là chính Đức Kitô» (*Sắc lệnh tác vụ và đời sống linh mục*, 5); vì vậy bí tích này là cội nguồn của tất cả đời sống và hoạt động của Giáo Hội.

CHƯƠNG BA

Bí Tích các Chức Thánh và Chức Linh Mục

(SGLHTCG 1533-1600)

Nguồn Gốc của Tác Vụ Linh Mục

Vào cùng ngày thứ Năm Thánh đầu tiên, ngày mà Ngài đã thiết lập bí tích Mình Máu Thánh, Đức Kitô cũng ban xuống chức linh mục trên các tông đồ: “Hãy làm việc này mà nhớ đến Ta”.

Bằng việc thiết lập bí tích Mình Máu Thánh, Ngài đã tạo ra những gì sẽ là việc tái diễn sống động sự chết và sống lại của chính Ngài. Đồng thời Ngài cũng đã giao phó cho một số người trách nhiệm để lo sao mầu nhiệm thánh thiêng này sẽ được cử hành từ đó trở đi mà tưởng nhớ Ngài. Do vậy nguồn gốc của các Chức Thánh nằm trong ý muốn của Đức Kitô và những hành vi minh nhiên của Ngài vào ngày thứ Năm Thánh đầu tiên.

Các Chức Thánh và hy tế vượt qua vĩ đại của Kitô giáo không thể tách rời nhau. Đức Kitô Tư Tế đã dâng hiến chính Ngài vì sự cứu rỗi của chúng ta; Mình Máu Thánh là sự tái diễn tiếp tục của hy tế đó; chức linh mục là sự tham dự đặc biệt của con người vào công việc thiên linh đó.

Vào ngày lễ Phục Sinh đầu tiên, Đức Kitô phục sinh đã thở hơi trên các linh mục* mới của Ngài và đã ban cho họ quyền tha tội: “Hãy lãnh nhận Thánh Thần. Các người tha tội cho ai, thì tội họ được tha; các người cầm giữ tội ai, thì tội họ bị cầm buộc” (Gioan 20,22-23).

Chức linh mục mới được Đức Kitô thiết lập đã là một “chức tư tế ngoại tại và hữu hình”:

Thánh Kinh tỏ cho thấy, và truyền thống của Giáo Hội Công Giáo vẫn luôn dạy rằng chức tư tế này đã được thiết lập bởi cùng một Chúa, Đấng Cứu Thế của chúng ta, và rằng quyền năng thánh hiến, dâng tiến, và ban phát Mình và Máu Ngài, cũng như quyền năng tha tội và cầm tội, đã được ban cho các tông đồ và những ai kế vị họ trong chức tư tế.⁴⁸

* Chú thích của người dịch: Bản tiếng Anh dùng danh từ “priest” và các từ liên hệ như “priesthood” và “priestly”. Trong tiếng Anh từ “priest” có nghĩa: 1. *sacerdos* (tư tế), dù thuộc về chức tư tế chung (*sacerdotium commune*) – áp dụng cho mọi người đã lãnh nhận bí tích Thanh Tẩy – hay thuộc về chức tư tế theo thừa tác vụ hay theo phẩm trật (*sacerdotium ministeriale seu hierarchicum*) – áp dụng cho đa số giáo sĩ và giáo phẩm – và 2. *presbyter* (linh mục), là một thành viên của chức tư tế theo thừa tác vụ cũng giống như *episcopus* (giám mục) nhưng thuộc bậc thấp hơn. Ngoài ra nghĩa số 2 này không giới hạn vào hoạt động tư tế mà còn bao hàm hai hoạt động khác của *presbyter* là giảng dạy và quản trị một cộng đoàn. Từ “linh mục” trong ngôn ngữ Công Giáo Việt Nam hiện hành thường được dùng để dịch cả “*sacerdos*” và “*presbyter*”, mặc dầu theo nguyên tự hay nghĩa của chữ (tự) hơn là theo nghĩa của lời (từ) thì “linh mục” là người chân dất về mặt thiêng liêng, là chủ chăn thiêng liêng, và do đó dùng để dịch “*presbyter*” thì sát nghĩa hay thích hợp hơn là dịch “*sacerdos*” – một từ nên chỉ nên dịch là “tư tế”. Những gì vừa lưu ý cho thấy sự bất tiện và phần nào phức tạp hàm chứa trong việc chuyển dịch “priest”, “priesthood”, và “priestly” ra tiếng Việt. Trong sách này, người dịch phần lớn dùng từ “linh mục” để dịch những từ tiếng Anh này, ngoại trừ một số trường hợp cần phân biệt hay nhấn mạnh thì mới dùng từ “tư tế”.

⁴⁸ Công Đồng Trentô, Phiên Hợp 23, ngày 15 tháng 7 năm 1563, *Giáo Lý về Bí Tích Chức Thánh*, chương 1 (DS 1764).

Các Chức Thánh không có nguồn gốc từ cộng đồng...

... như thể chính cộng đồng đã “kêu gọi” hay “ủy quyền”. Chức tư tế bí tích thật sự là ơn huệ cho chính cộng đồng này và đến từ chính Đức Kitô, từ sự viên mãn của chức tư tế nơi Ngài. Sự viên mãn này được diễn tả bằng sự kiện là Đức Kitô, khi làm cho mọi người có khả năng dâng lên hy tế thiêng liêng, kêu gọi một số và ban cho họ khả năng làm thừa tác viên cho hy tế bí tích của Ngài là Mình Máu Thánh – việc hiến dâng hy tế đó được tất cả tín hữu thông phần – trong hy tế đó tất cả hy tế thiêng liêng của Dân Thiên Chúa được lấy dâng lên.⁴⁹

Bí tích các Chức Thánh ăn rễ trong sự nhập thể của Đức Kitô. Để thực thi sứ mạng được ban cho Ngài bởi Ngôi Cha, Con Thiên Chúa đã trở thành người. Việc làm của Ngài ở đây đạt tới đỉnh trong sự chết, sống lại, và lên trời của Ngài. Vậy thì chức linh mục đặt nền tảng trên bản thân và sứ mạng của Đức Kitô. Nhờ qua chức linh mục, Ngài sẽ tiếp tục làm thành hữu hình việc cứu rỗi của Ngài.

Đồng Nhất với Đức Kitô

Trọng tâm của sự hiểu biết về cách nào mà việc làm của Đức Kitô được truyền sang cho Giáo Hội của Ngài đó là ý niệm về sự tham dự vào bản thân và những hành động của Đức Kitô. Sự tham dự như thể đụng chạm đến chính đời sống của Đức Kitô như được thông phần nhờ qua ơn sung. Nhờ được truyền chức mà một tín hữu được chọn từ giữa các tín hữu khác để tham dự đầy đủ hơn vào sứ mạng tư tế của Đức Kitô.

Khi một người được truyền chức linh mục, người đó trở nên dấu chỉ cho sự hiện diện và quyền năng của Thiên Chúa trong thế giới. Sự thánh hiến vị ấy biểu trưng cho việc Đức Kitô hoàn toàn hủy ra không chính bản thân Ngài, và cũng như biểu hiện trước cái ngày khi mà vương quốc của Đức Kitô sẽ được hiện thực trọn vẹn. Vì linh mục được đồng nhất với Đức Kitô cách mật thiết, chức linh mục của ngài một cách nào đó là một phần vĩnh viễn của hữu thể ngài. Nói theo khía cạnh triết học, chức linh mục không thuần túy là một vai trò mà một người có, nhưng nó còn là một khía cạnh của những gì mà người đó là. Nói theo khía cạnh thần học, chức linh mục là một ơn huệ không thể thu hồi lại của Thiên Chúa. “Người là tư tế muôn đời theo phẩm trật Melkisêđek” (*Thánh Vịnh* 110,4).⁵⁰

Khi giải thích bằng cách nào mà linh mục có thể thi hành chức năng như Đức Kitô, Giáo Hội nói về chức linh mục như sự đồng nhất với Đức Kitô trên một bình diện căn bản nhất. Khi lãnh nhận các chức, các linh mục được “thánh hiến cho Thiên Chúa theo một cách thức mới” và các vị trở thành “những dụng cụ sống động của Đức Kitô Tư Tế Vĩnh Cửu”, để các vị có thể có khả năng “tiếp tục qua mọi thời đại việc làm kỳ diệu của Ngài là việc với quyền năng thiên quốc đã tái hiệp nhất toàn thể gia đình nhân loại” (*Sắc lệnh về đời sống và tác vụ linh mục*, 12). Tác vụ tư tế “được ban xuống bởi bí tích đặc biệt đó, nhờ qua nó mà các linh mục, bởi sự xúc dầu của Ngôi Thánh Thần, được ghi dấu với ấn tính đặc biệt và được làm đồng hình dạng với Đức Kitô đến nỗi các vị có thể hành

⁴⁹ Giáo Tông Gioan Phaolô II, *Thư gửi tất cả linh mục của Giáo Hội khi Thứ Năm Thánh đến gần* (ngày 8 tháng 4 năm 1979), số 4 (EV 6.1297).

⁵⁰ Trong phụng vụ truyền chức, *Thánh Vịnh* 110, bao gồm câu đã trích ra ở đây, được đọc ngay sau việc truyền chức thực thụ.

động nhờ trong bản thân Đức Kitô là Đầu” (*Sắc lệnh về đời sống và tác vụ linh mục*, 2; đối chiếu: *Hiến chế tín lý về Giáo Hội*, 10).

Giáo Tông Bênêdictô XVI làm nổi bật tương quan sống động giữa bí tích Mình Máu Thánh và các Chức Thánh bằng những lời này:

Sự nối kết giữa các Chức Thánh và [bt] Mình Máu Thánh được thấy rõ ràng nhất trong Thánh Lễ, khi vị giám mục hay linh mục chủ sự nhờ trong bản thân Đức Kitô là Đầu. Giáo Hội dạy rằng được truyền chức linh mục là điều kiện không thể thiếu được cho sự cử hành hiệu lực của [bt] Mình Máu Thánh... linh mục trên hết là tôi tớ của những người khác, và vị ấy phải không ngừng làm sao để là dấu hiệu chỉ vào Đức Kitô, là dụng cụ ngoan ngoãn trong tay Chúa. (*Bí Tích của Đức Báp-tít*, 23)

Đức Kitô sống và hành động bằng nhiều cách thức trong linh mục. Sự đồng nhất của linh mục với Đức Kitô là đề tài cho nhiều tác phẩm của các Giáo Phụ. Ví dụ, thánh Gioan Kim Khẩu nói rằng xem thường giáo huấn của linh mục là xem thường Thiên Chúa⁵¹; ngài cũng nói rằng bàn tay của Đức Kitô chuyển động nhờ qua bàn tay của linh mục, và những việc chữa lành của Đức Kitô được hoàn thành chỉ nhờ qua linh mục.⁵² Quyền năng của linh mục như “một Đức Kitô khác” được hình thành từ khả năng độc nhất vô nhị của ngài cử hành một số hành động là những việc làm của một mình Đức Kitô. “Khi bạn ngắm nhìn linh mục dâng lên Bánh được thánh hiến, hãy thấy nơi bàn tay vị ấy bàn tay của chính Đức Kitô”.⁵³

Sự hiệp nhất của linh mục với Đức Kitô được diễn tả bằng việc thực hành quyền năng độc nhất vô nhị cho phép vị ấy làm cho việc của Đức Kitô thành trường tồn (đối chiếu: *Hiến chế tín lý về Giáo Hội*, 10). Việc này là việc làm thiết yếu của các tông đồ: loan báo Tin Mừng, cử hành [bt] Mình Máu Thánh, thực hành việc cứu chuộc nhân loại của Đức Kitô, và tôn vinh Thiên Chúa. Nói tắt, những ai được truyền chức linh mục là “những người tham dự vào những chức năng thánh hóa, giảng dạy, và cai quản”.⁵⁴

Đồng Nhất với Việc của Đức Kitô

Như Đức Kitô là thầy dạy, chứng nhân, và phương thế của hy tế cứu rỗi thế nào, thì linh mục cũng vậy. Cội nguồn của tất cả hiện hữu và hoạt động linh mục là Đức Kitô. Nhờ qua linh mục mà Đức Kitô làm cho đời sống và việc linh mục của chính Ngài hiện diện tại đây và lúc này.

Linh mục phân biệt với tất cả những người khác chính xác bởi cách mà ngài được đồng nhất với việc làm độc nhất vô nhị của Đức Kitô. Giáo Hội lưu ý cách thức mà một số quyền năng được đồng nhất với sự tiếp tục việc làm của Đức Kitô được truyền xuống. Thánh Phaolô rõ ràng ý thức về việc ngài hành động bởi sứ mạng và mệnh lệnh của Đức Kitô (đối chiếu: *2 Corinthô* 5,18-20; 6,4). Mệnh lệnh này đã được truyền xuống với đòi buộc nó phải được truyền xuống nữa. Có sự cảnh giác: “Đừng vội vã đặt tay” (*1 Timôthê* 5,22). Hai *Thư gửi Timôthê* và *Thư gửi Titô* diễn tả những khía cạnh bí tích

⁵¹ Đối chiếu: Thánh Gioan Kim Khẩu, *Homilia 2 in Epistulam II ad Timotheum 2* (Bài Giảng 2 về Thư thứ II gửi Timôthê 2) (MG 62.610).

⁵² Đối chiếu: Thánh Gioan Kim Khẩu, *De Sacerdotio* (Về Chức Tư Tế) 3.6 (MG 48.643-644).

⁵³ Thánh Gioan Kim Khẩu, *Homilia 50 in Matthaëum 3* (Bài Giảng 50 về Matthêô 3) (MG 58.507-508).

⁵⁴ Tổng Công Nghị thứ II của Thượng Hội Đồng Giám Mục. *Chức Tư Tế theo Thừa Tác Vụ* (1971) Phần Một, số 4 (EV 4.1165).

của việc đặt tay, và chúng nhấn mạnh đến sự kiện là truyền chức không chỉ là kêu gọi đến phục vụ cộng đồng mà còn là sự thánh hiến.

Tính Trường Tồn của Chức Linh Mục

Sự thánh hiến linh mục là thế nào đó đến nỗi nó không thể bị mất đi. Một khi được truyền chức thành một linh mục, người nam tiếp tục là linh mục mãi mãi. Bí tích các Chức Thánh đụng chạm đến chính hữu thể của người lãnh nhận: vì ấy thuộc về Đức Kitô một cách trường tồn:

Sự tham dự đặc biệt này vào chức linh mục của Đức Kitô không biến mất cho dầu linh mục bị tháo giải hay đưa ra khỏi việc thi hành thừa tác vụ của mình vì lý do từ phía Giáo Hội hay từ phía cá nhân.⁵⁵

Tính trường tồn của chức linh mục phát sinh ra từ cách thức mà linh mục kết hiệp vào Đức Kitô nhờ bởi được truyền chức. Sự mạng của Đức Kitô sẽ chỉ được hoàn tất trong vinh quang của vương quốc Thiên Chúa. Cho tới khi sự hiện thực cuối cùng của vương quốc đó, linh mục vẫn còn là dấu chỉ sống động và lời hứa về sự hoàn tất đó trong vinh quang.

Vì vậy, việc truyền chức là một “dấu chỉ cánh chung”, nghĩa là, một dấu hiệu chỉ cho thấy vương quốc Đức Kitô đang đến. Sự tự nguyện trao ban chính mình của linh mục chỉ ra cái ngày mà vương quốc của Đức Kitô sẽ được hiện thực viên mãn. Trong vương quốc đó mọi người sẽ tự nguyện trao ban bản thân mình cho Đức Kitô một cách không thể thay đổi. Bằng việc chấp nhận các chức linh mục, linh mục giúp hoán cải tự do con người về với Thiên Chúa bằng cách hiệp nhất mình với Đức Kitô trong đức tin và ơn sủng một cách không thể thay đổi. Linh mục là dấu chỉ của vương quốc sẽ đến và là bảo chứng cho sự hiện diện cứu rỗi của Đức Kitô.

Giáo Hội luôn xem xét kỹ lưỡng bản tính của chức tư tế theo thừa tác vụ, một chức linh mục có thể được chứng tỏ đã được ban xuống theo một cách không thể thay đổi từ thời các tông đồ bằng một nghi thức thánh thiêng (đối chiếu: *1 Timôthêô* 4,14; *2 Timôthêô* 1,6). Nhờ bởi sự trợ giúp của Ngôi Thánh Thần, Giáo Hội theo thời gian đã công nhận ngày càng rõ ràng là Thiên Chúa muốn Giáo Hội hiểu rằng nghi thức này đã ban xuống trên các linh mục không chỉ sự gia tăng ơn sủng để thi hành các bổn phận giáo sĩ một cách thánh thiện, mà còn một sự đặc tuyển trường tồn bởi Đức Kitô, tức là ấn tích, nhờ bởi đó các ngài được trang bị cho việc của mình và được phú ban với quyền năng cần thiết phát sinh từ quyền năng tối thượng của Đức Kitô. Sự hiện hữu trường tồn của ấn tích này mà bản tính của nó được các thần học gia cắt nghĩa khác nhau được Công Đồng Florence dạy và được hai sắc lệnh của Công Đồng Trentô tái khẳng định. Trong thời gian gần đây Công Đồng Vaticanô II hơn một lần đã đề cập đến nó, và Tổng Công Nghị thứ Hai của Thượng Hội Đồng Giám Mục Thế Giới đã đúng đắn khi xem bản tính trường tồn suốt đời của ấn tích linh mục như thuộc về giáo huấn đức tin.⁵⁶

⁵⁵ Tổng Công Nghị thứ II của Thượng Hội Đồng Giám Mục. *Chức Tư Tế theo Thừa Tác Vụ* (1971) Phần Một, số 5 (EV 4.1170).

⁵⁶ Bộ Giáo Lý Đức Tin, *Mysterium Ecclesiae (Mầu Nhiệm của Giáo Hội)* (“Tuyên Ngôn Bảo Vệ Giáo Lý Công Giáo về Giáo Hội chống lại Một Số Sai Lầm Thời Nay”, ngày 24 tháng 6 năm 1973), số 6 (EV

Vậy thì chấp nhận được truyền chức là cam kết vĩnh viễn. Nhưng thỉnh thoảng Giáo Hội cho phép các linh mục chấm dứt thi hành tác vụ của họ. Vì những lý do nghiêm trọng Giáo Hội có thể tháo giải họ khỏi những bổn phận đặc biệt của linh mục, như bổn phận độc thân và bổn phận hàng ngày cầu nguyện Phụng Vụ các Giờ Kinh. Điều xem ra khác thường đối với một số người đó là trong khi Giáo Hội không cho phép một người có hôn phối bất hạnh rời bỏ cam kết mà tái kết hôn, thì Giáo Hội lại có thể cho phép một linh mục rời bỏ cam kết linh mục của mình mà kết hôn. Nhưng đây là những trường hợp khác nhau. Giáo Hội có thể tháo giải luật độc thân linh mục của chính Giáo Hội; Giáo Hội không có quyền năng tháo giải khỏi sự cấm đoán của Đức Kitô về ly dị và tái kết hôn. Tuy nhiên, có sự tương tự nào đó giữa các trường hợp; và mọi người trong Giáo Hội nên cầu nguyện cho tinh thần trung thành có thể tăng trưởng trong mọi ơn gọi kể cả vào những lúc sự bấp bênh lan tràn.

Thừa Tác Vụ Theo Bí Tích

Linh mục là một phương thể trỗi vượt của sự tiếp xúc bằng bí tích với Đức Kitô. Người Kitô hữu gặp gỡ Thiên Chúa trong các bí tích. Và chính qua linh mục mà Đức Kitô duy trì sự hiện diện bí tích của Ngài.

Linh mục được kêu gọi hành động trong chính bản thân của Đức Kitô.⁵⁷ Trong bí tích Sám Hối vị ấy nói: “Cha tẩy xóa khỏi con tội lỗi...” Và trong hy tế Mình Máu Thánh: “Đây là Mình Ta... Đây là Máu Ta...” Trong xúc dầu người bệnh, linh mục tiếp tục sứ mạng chữa lành của Đức Kitô một cách đặc biệt. Bằng việc ban phát các bí tích linh mục xây dựng cộng đồng đức tin. Bằng việc đem đời sống con người vào sự tiếp xúc với đời sống thiên linh, vị ấy tiếp tục và nối dài việc Đức Kitô thiết lập vương quốc Thiên Chúa giữa chúng ta.

Chức Tư Tế của Đức Kitô Được Tham Dự bằng Nhiều Cách Khác Nhau

Tất cả thành phần của Giáo Hội chia sẻ cùng một đức tin và một sứ mạng. Nhưng bản tính của sự tham dự vào sứ mạng của một thành phần phụ thuộc vào đời sống và ơn gọi bí tích của thành phần đó. Nhờ bởi Thanh Tẩy mỗi Kitô hữu được liên kết vào Đức Kitô và được làm thành người tham dự vào đời sống và sứ mạng thiên linh của Ngài. Tuy nhiên, bí tích các Chức Thánh làm cho một người tham dự cách độc nhất vô nhị vào sứ mạng của Đức Kitô; nó làm cho người lãnh nhận thành một đại diện đặc biệt, có uy quyền, và đích thật của Đức Kitô. Vì Đức Kitô trong bữa Tiệc Ly đã thiết lập chức tư tế theo thừa tác vụ như một bí tích phân biệt, nên chức tư tế của người được truyền chức khác và phân biệt với chức tư tế chung của người tín hữu.

4.2586). Đối chiếu: Công Đồng Florence, Sắc Chỉ *Exsultate Deo* (Hãy Hoan Hỉ đối với Thiên Chúa) (ngày 22 tháng 11 năm 1439); Công Đồng Trentô, Phiên Hợp 7, ngày 3 tháng 3 năm 1547, *Sắc Lệnh về các Bí Tích*, khoản 4 (DS 1609), và Phiên Hợp 23, ngày 15 tháng 7 năm 1563, *Giáo Lý về Bí Tích Chức Thánh*, chương 4 và khoản 4 (DS 1767 và 1774); Công Đồng Vaticanô II, *Hiển chế tín lý về Giáo Hội*, 21 và *Sắc lệnh về linh mục*, 2; Tổng Công Nghị thứ II của Thượng Hội Đồng Giám Mục, *Chức Tư Tế theo Thừa Tác Vụ* (1971), Phần Một, số 5 (EV 4.1169).

⁵⁷ Để biết sự cắt nghĩa “trong chính bản thân của Đức Kitô” xin đối chiếu: Giáo Tông Gioan Phaolô II, Thư gửi tất cả giám mục của Giáo Hội về mẫu nhiệm và sự tôn sùng [bt] Mình Máu Thánh, *Bữa Tiệc Chúa Nhặt*, (ngày 24 tháng 2 năm 1980), số 8 (EV 7.186).

Vậy thì linh mục có một vai trò phân biệt trong Giáo Hội:

Mặc dầu khác nhau về yếu tính chứ không chỉ về cấp bậc, chức tư tế chung của người tín hữu và chức tư tế theo thừa tác vụ hay theo phẩm trật có tương quan với nhau. Mỗi chức tư tế là sự tham dự vào một chức tư tế duy nhất của Đức Kitô theo cách đặc biệt riêng của nó. Vị tư tế theo thừa tác vụ nhờ bởi quyền năng thánh thiêng mà đào tạo và cai quản dân tư tế. Hành động trong chính bản thân của Đức Kitô, vị ấy hiện thực hy tế Minh Máu Thánh và hiến dâng hy tế đó lên Thiên Chúa nhân danh toàn thể dân chúng. Về phần các tín hữu, họ tham dự vào việc hiến dâng của [bt] Minh Máu Thánh nhờ bởi chức tư tế vương giả của mình. Một cách tương tự, họ cũng thi hành chức tư tế đó bằng cách lãnh nhận các bí tích, bằng cầu nguyện và tạ ơn, bằng chứng từ của một đời sống thánh thiện, và bằng sự từ bỏ chính mình và bác ái tích cực. (*Hiển chế tín lý về Giáo Hội*, 10)

Thánh Phaolô chỉ ra rằng Ngôi Thánh Thần là cội nguồn của sự phân chia việc làm trong Giáo Hội và rằng các tác vụ thật khá phân biệt (đối chiếu: *1 Corinthô* 12,4-11; *Roma* 12,4-8). Sự phân chia việc làm là kết quả của đồ án mà Thiên Chúa lập ra. Một số được kêu gọi phục vụ như các linh mục, số khác phục vụ trong các vai trò khác – và tất cả đều được kêu gọi xây dựng Giáo Hội của Đức Kitô (đối chiếu: *1 Corinthô* 12,27-31).

Thừa Tác Vụ Bên Trong Giáo Hội

Tất cả sứ mạng với Giáo Hội phát sinh từ việc sai đi nguyên thủy của Đức Kitô khi Ngài sai các tông đồ đi giảng dạy cho mọi người con đường của Ngài (đối chiếu: *Matthêu* 28,19; *Marcô* 3,14). Tất cả Kitô hữu chia sẻ phận vụ này.

Một số người phải được chọn từ trong Giáo Hội cho một số chức năng đặc thù. Điều này cần thiết cho bất kỳ tổ chức nào. Việc tuyển chọn và truyền chức cho một số người là phương thế nhờ bởi đó việc tư tế của Đức Kitô được tiếp tục làm. Giống như tất cả những người được thanh tẩy, những người này – các giám mục, các linh mục, các phó tế - thông phần vào sứ mạng của Đức Kitô. Bởi vì họ được tách riêng ra một cách độc nhất vô nhị, họ được chỉ định thông phần vào việc của Đức Kitô một cách đặc biệt.

Ngôi Thánh Thần dùng mọi thừa tác vụ để xây dựng Giáo Hội như cộng đồng hòa giải vì vinh quang của Thiên Chúa và vì sự cứu rỗi của mọi người (đối chiếu: *Êphêso* 4,11-13). Trong Tân Ước những hành động theo thừa tác vụ thì khác nhau, và chức năng cùng danh hiệu không hoàn toàn được định nghĩa chính xác. Tuy vậy, có sự nhấn mạnh minh nhiên đối với việc loan báo lời Thiên Chúa, việc bảo vệ giáo lý, việc chăm sóc đoàn chiên, và việc làm chứng cho đời sống Kitô hữu. Vào khoảng thời các thư gửi Timôthêô và Titô và thư thứ nhất của thánh Phêrô, một số chức năng theo thừa tác vụ được phân định rõ ràng hơn. Điều này gợi ý rằng khi Giáo Hội đã trưởng thành, tầm quan trọng của một số chức năng là nguyên nhân khiến chúng được cất đặt vào những viên chức nhất định của cộng đồng. Ở đây chúng ta có thể thấy rồi những yếu tố vẫn còn ở trung tâm của cái mà chúng ta hôm nay gọi là “truyền chức”. Việc đặt tay bởi một giám mục đóng ấn một người nam thành một tư tế. Nghi lễ này trong yếu tính của nó được tìm thấy trong những trang Thánh Kinh.

Tân Ước và Hiện Nay

Trong Giáo Hội ngày nay bí tích các Chức Thánh có ba cấp bậc theo phẩm trật hay ba

chức bậc: giám mục, linh mục, phó tế. Những tác vụ như thế đã phân biệt trong Giáo Hội sơ khai như chúng ta biết được từ những trước tác của các Giáo Phụ xưa nhất.⁵⁸ Trong chính Tân Ước có sự đề cập thường xuyên đến các giám mục (“những giám thị”), các linh mục (“những trưởng lão”), và các phó tế (đối chiếu: ví dụ *Philip* 1,1; *Titô* 1,5-7). Tuy nhiên, những từ ngữ Hy Lạp dành cho giám mục và linh mục xem ra thỉnh thoảng được dùng hoán đổi nhau. Một điều không hoàn toàn rõ ràng từ các sách Tân Ước đó là các tông đồ đã phân biệt tác vụ linh mục với tác vụ giám mục chưa khi các ngài truyền chức tư tế theo thừa tác vụ cho những cộng sự viên đầu tiên của mình. Có thể là sự phân biệt các chức thánh xuất hiện khi Giáo Hội đã phát triển, và một điều trở thành hữu ích khi không chỉ có những thừa tác viên hưởng được sự viên mãn của chức tư tế theo bí tích, nghĩa là các giám mục, mà còn có những trợ tá cho các vị, tức những thừa tác viên có sự tham dự thật sự vào cùng một chức tư tế nhưng bị giới hạn nhiều hơn. Nhưng ba chức bậc giám mục, linh mục, và phó tế đã xuất hiện trong Giáo Hội sơ khai và tiếp tục tồn tại từ lúc đó.

Một điều thật khá rõ ràng từ Tân Ước là Đức Kitô đã chọn các vị lãnh đạo cho Giáo Hội của Ngài và đã ban cho các ngài các quyền năng giảng dạy, cai quản và thánh hóa. Thật sự là các tông đồ đã có một số ơn huệ và bổn phận liên kết với vai trò độc nhất vô nhị của các ngài xét như là những bằng hữu của Đức Kitô và như là nền tảng mà trên đó Giáo Hội đã được xây dựng vào lúc khởi đầu. Nhưng các ngài cũng có những vai trò khác phải được tiếp tục trong Giáo Hội suốt mọi thời, theo ý muốn của Đức Kitô và chiếu theo sự hướng dẫn liên tục của Thần Khí Ngài.

Hai trong số các vai trò này đã phải tiếp tục trong Giáo Hội là thừa tác vụ tha thứ tội lỗi (đối chiếu: *Gioan* 20,21-23) và việc hiến dâng hy tế Mình Máu Thánh. Các quyền năng khác nhau còn lại mà chỉ một mình Thiên Chúa mới có thể ban cho con người cũng đã phải được tiếp tục trong Giáo Hội. Trong *Thư gửi Titô*, vị đồng hành này của thánh Phaolô là người đã được đặt coi sóc một giáo hội địa phương được bảo rằng:

Nhân vì lẽ này mà tôi đã để anh ở lại Crêta: ấy là để anh có thể sửa chữa những gì còn thiếu sót và cắt đặt các trưởng lão trong mỗi thành như tôi đã chỉ dạy cho anh... (*Titô* 1,5)

Trong khi Phaolô và các cộng sự viên của ngài làm các cuộc hành trình truyền giáo, các ngài “đã cắt đặt các trưởng lão... trong mỗi giáo hội” (*Công Vụ các Tông Đồ* 14,23). Từ ngữ Hy Lạp dành cho “trưởng lão” là *presbyter*; từ này đã trở thành từ ngữ thông dụng cho “linh mục”.

Khi Giáo Hội phát triển, các linh mục của Giáo Hội tiếp tục làm những việc thiên linh, những việc mà con người không thể làm trừ khi được sự ủy quyền của Thiên Chúa. Giáo Hội dạy rằng Đức Kitô kêu gọi các người nam làm những việc này bởi vì Ngài đã chọn các tông đồ và đã sai họ đi truyền giáo là việc phải duy trì cho đến khi Ngài lại đến. Những ai các tông đồ chọn để tiếp tục công việc của các ngài thì được xác lập trong Tác Vụ nhờ bởi Đức Kitô và Ngôi Thánh Thần. Đối với những ai được cắt đặt như vậy để cai quản Giáo Hội ở Tiểu Á, thánh Phaolô có thể nói: “Anh em hãy lưu ý thận trọng về chính mình, cũng như về đoàn chiên, trên đó Thánh Thần đã đặt anh em làm những người canh giữ” (*Công Vụ các Tông Đồ* 20,28).

⁵⁸ Đối chiếu: ví dụ Thánh Inhaxiô thành Antiôkia, *Epistula ad Magnesios* (*Thư gửi Magnesios*) 6.1 (MG 5.668 = ACW 1.70-71) và *Epistula ad Trallianos* (*Thư gửi Trallianos*) 3.1 (MG 5.667 = ACW 1.76).

Như vậy, một phần thiết yếu trong đức tin của Giáo Hội là sự liên tục về sứ mạng. Như Đức Kitô đã sai các tông đồ đi, thì các tông đồ nhân danh Ngài cũng chọn các người cộng sự và các người thừa kế, và đến phiên các người này lại đặt tay trên các người khác nhân danh Đức Kitô. Bởi sự hướng dẫn của Thần Khí Đức Kitô, chức tư tế theo phẩm trật đã xuất hiện trong Giáo Hội và tiếp tục hiện hữu theo ý muốn của Ngài (đối chiếu: *Hiến chế tín lý về Giáo Hội*, 18-22).

Các chức thánh được gặp thấy theo sự viên mãn của chúng nơi các giám mục, và theo cách đệ nhị nơi các linh mục, và cuối cùng nơi chức phó tế.

Các giám mục hưởng nhận sự viên mãn của bí tích các Chức Thánh, và các linh mục cũng như các phó tế phụ thuộc vào các ngài trong việc thi hành quyền năng của mình: chính các linh mục đã được thánh hiến thành những tư tế đích thật của Tân Ước để họ trở nên những cộng sự viên sáng suốt của chức bậc giám mục; còn các phó tế được truyền chức cho thừa tác vụ thì phục vụ dân Thiên Chúa trong sự thông hiệp với vị giám mục và linh mục đoàn của ngài. Vì vậy chính các giám mục là những người phân phát chính yếu các mầu nhiệm của Thiên Chúa, cũng như các vị là những người điều hành, cổ vũ, và bảo vệ toàn thể đời sống phụng vụ trong [các] giáo hội [địa phương] đã được ủy thác cho các vị. [*Christus Dominus* (Sắc lệnh về bốn phận mục vụ của các giám mục trong Giáo Hội), 15; đối chiếu: *Sắc lệnh về đời sống và tác vụ linh mục*, 2]

Các Giám Mục và sự Thừa Kế các Tông Đồ

Các giám mục là những người thừa kế các tông đồ. Bởi ý muốn của Đức Kitô các vị tiếp tục phận vụ trước tiên được các tông đồ làm, và các vị luôn được cần đến trong Giáo Hội. Vậy thì sự thừa kế các tông đồ là một thực tại được gặp thấy nơi các giám mục là những vị truy nguyên sứ mạng của mình từ các tông đồ và từ Đức Kitô.

Sứ mạng được Đức Giêsu giao phó cho các tông đồ phải kéo dài đến tận cùng thời gian (đối chiếu: *Matthêu* 28,20), vì Tin Mừng mà các ngài chịu trách nhiệm truyền xuống là sự sống của Giáo Hội ở mọi thời. Chính xác vì lý do này mà các tông đồ quan tâm đến việc cất đặt cho mình những người kế vị để như thánh Irênêô chứng thực, truyền thống các tông đồ có thể được tỏ bày ra và được duy trì xuống hết mọi thời.⁵⁹

Điều này đã được nhà thần học Tertullianô thế kỷ thứ ba tóm gọn: “Giáo Hội từ các tông đồ, các tông đồ từ Đức Kitô, Đức Kitô từ Thiên Chúa”.⁶⁰

Tính cách nhập thể của Giáo Hội đòi hỏi rằng những quyền năng của Đức Kitô phải được truyền qua các cá nhân, không chỉ qua “Giáo Hội” theo nghĩa trừu tượng nào đó. Sự thông truyền quyền năng thánh thiêng trong Giáo Hội phản ánh thực tại của sự nhập thể và đòi hỏi rằng những cá nhân sống động, có thật trong Giáo Hội, phải là những người mặc lấy quyền năng của Đức Kitô.

Những ảnh hưởng xã hội, văn hóa, lịch sử chắc chắn đã từng định hình cho kiểu loại trong đó tác vụ linh mục trong Giáo Hội từng được diễn tả. Khi Giáo Hội định nghĩa chức linh mục như sự thông phần vào sứ mạng cứu rỗi của Đức Kitô, Giáo Hội bỏ ra ngoài mà không xét đến những khác biệt lịch sử. Nhưng nhất định có những khác biệt

⁵⁹ Giáo Tông Gioan Phaolô II, Tông Huấn *Pastores Gregis* (Các Chủ Chăn của Đoàn Chiên) (ngày 16 tháng 10 năm 2003), số 6. Đối chiếu *Adv. Haer.* (Chống Lạc Giáo) III,2,2; 3,1: PG7: 847-848.

⁶⁰ Tertullianô, *De Praescr. Haer.* (Về Những Quy Định Chống Lạc Giáo) XXI,4.

theo tùy thể như thế. Nguyên lý nhập thể đòi hỏi rằng mọi sứ mạng phải được mặc trong bộ áo của thời đại. Việc Đức Kitô tiếp nhận điều kiện con người tạo nên gương mẫu cho Giáo Hội.

Các giám mục đối với Giáo Hội ngày nay là những gì mà các tông đồ đối với cộng đồng Kitô hữu ngày xưa. Các giám mục được truyền chức để làm điểm tập trung của giáo hội địa phương và nguồn hiệp nhất của giáo hội đó. Sự hiệp nhất đặc biệt xuất hiện khi các vị hiến dâng hy tế Mình Máu Thánh giữa các linh mục và giáo dân của mình. Các giám mục chỉ được truyền chức bởi các giám mục khác (đối chiếu: *Hiến chế tín lý về Giáo Hội*, 21), và truyền thống khả kính và tồn tại lâu đời trong Giáo Hội cũng chỉ dành cho các giám mục việc truyền chức linh mục và phó tế. Các giám mục cũng là những thừa tác viên thông thường của bí tích Thêm Sức, và xét như là nguồn và dấu chỉ của sự hiệp nhất nơi cộng đồng Kitô hữu ở cấp độ địa phương, các vị là những đứng đầu việc thờ phượng theo phụng vụ Giáo Hội, cũng như các vị là những thầy dạy chính yếu trong giáo phận mình.

Sứ mạng thiên linh đó được Đức Kitô giao phó cho các tông đồ phải kéo dài cho đến tận thế (đối chiếu: *Matthêu* 28,20)... Giống như vai trò mà Chúa đã giao phó riêng cho Phêrô, người đứng đầu các tông đồ, và nhằm được thông truyền cho các đấng kế vị ngài, phải trường tồn; thì cũng vậy tác vụ của các tông đồ chặn dất Giáo Hội phải trường tồn và nhằm được thi hành liên tục nhờ chức bậc thánh thiêng của các giám mục. (*Hiến chế tín lý về Giáo Hội*, 20)

Giáo Hội dạy rằng “nhờ bởi sự thiết lập thiên linh các giám mục kế vị các tông đồ như những mục tử của Giáo Hội, và ai nghe các ngài là nghe Đức Kitô, còn ai từ khước các ngài là từ khước Đức Kitô và Đấng đã sai Đức Kitô đến (đối chiếu: *Luca* 10,16)” (*Hiến chế tín lý về Giáo Hội*, 20).

Các Linh Mục

Các giám mục chia sẻ các chức tư tế của mình với các người khác:

[Các linh mục] được kêu gọi thông phần chức tư tế của các giám mục và đúc tạo mình nên giống với Đức Kitô, Tư Tế vĩnh cửu và tối cao. Nhờ bởi sự thánh hiến các vị sẽ rao giảng Tin Mừng, nâng đỡ dân Thiên Chúa, cử hành các nghi thức thánh thiêng, đặc biệt là hy tế của Chúa.⁶¹

Các linh mục được truyền chức để tiếp tục việc cứu rỗi của Đức Kitô trong và qua các bí tích. Linh mục tập hợp các tín hữu lại cho hy tế Mình Máu Thánh mà chỉ một mình linh mục có thể dâng hiến trong chính bản thân của Đức Kitô và ở vị trí của Ngài. Linh mục tha tội trong bí tích Sám Hối, cũng trong chính bản thân của Đức Kitô và nhân danh Ngài. Các chức năng đặc thù khác của linh mục là rao giảng, cầu nguyện cho Giáo Hội, xức dầu người bệnh, ban phát các bí tích khác, và chăm sóc đoàn chiên của Đức Kitô về mọi phương diện.

Chức linh mục phải được nhìn trong bối cảnh của Đức Kitô và Giáo Hội Ngài. Chính Giáo Hội có trách nhiệm trước tiên tiếp tục việc của Đức Kitô. Mỗi giám mục lo cho một giáo hội địa phương chịu trách nhiệm cho đời sống bí tích của đoàn chiên mình. Vị đó chăm sóc cho một vùng nào đó trong Giáo Hội, và trong vùng đó, thường là một giáo

⁶¹ Giáo Tông Rôma, *Nghi Thức Truyền Chức các Linh Mục*, số 14.

phận, ngài có bốn phận bảo đảm sao cho đức tin và trật tự Kitô giáo được duy trì. Giao trách nhiệm cho người khác để giúp ngài, ngài cho phép họ thi hành các chức thánh mà họ đã lãnh nhận. Khi một linh mục được phép như vậy, vị đó được nói là “lãnh nhận các năng quyền”. Nhờ bởi được truyền chức, một linh mục trở nên một thừa tác viên thích hợp của các bí tích. Nhưng để thi hành công việc linh mục, đặc biệt nghe xưng tội và rao giảng, vị đó còn phải được phép của giám mục trong khu vực mà ngài sẽ thi hành chức năng.

Các Người Nữ trong Thừa Tác Vụ

Giáo Hội luôn được phúc lành có các thánh nữ. Việc phục vụ của các người nữ trong Giáo Hội làm phong phú cộng đồng Kitô hữu từ những thời xa xưa nhất. Một số người nữ phục vụ Đức Giêsu trong sứ mạng của Ngài (đối chiếu: *Luca* 8,1-3), và Đức Maria, Mẹ Ngài, thông phần vào việc cứu rỗi của Đức Giêsu một cách mật thiết hơn bất kỳ người nào khác. Trong đời sống của Giáo Hội, các người nữ tham gia vào vô số mặt không thể miễn được: trong việc giáo dục, trong việc chăm sóc người bệnh và người nghèo, trong việc quản trị, và trong nhiều lãnh vực khác.

Nhưng các người nữ chưa bao giờ được truyền chức linh mục hay giám mục trong Giáo Hội. Ngay cả Đức Thánh Trinh Nữ Maria, Đấng mà vai trò trong Giáo Hội cao vượt hơn vai trò của bất kỳ người nào khác, cũng không được kêu gọi đến bất kỳ tác vụ tư tế nào. Qua các thế kỷ, Giáo Hội từng tin và dạy rằng chỉ có những người nam đã được thanh tẩy mới có thể được truyền chức có hiệu lực. Giáo Hội “chưa bao giờ có cảm nghĩ rằng bí tích truyền chức linh mục hay giám mục có thể được ban xuống cách hiệu lực trên các người nữ”,⁶² và “tiêu chuẩn này, đặt nền trên chính ví dụ của Đức Kitô, đã từng và vẫn còn được tuân giữ bởi vì nó được xem là phù hợp vóp chương trình của Thiên Chúa dành cho Giáo Hội Ngài”.⁶³

Bí tích các Chức Thánh không được nhằm đến như một phương thể làm phong phú người lãnh nhận, nhưng cho thiện ích của cộng đồng Giáo Hội. Giáo Hội có bốn phận kêu gọi đến các chức thánh những ai – và chỉ những người này – mà Giáo Hội, vì thiện ích của gia đình đức tin, phán đoán là phù hợp với ý muốn của Đức Kitô.

Đức Giáo Tông Gioan Phaolô đã viết vào ngày 22 tháng 5 năm 1994:

[Đề] mọi nghi vấn có thể bị loại trừ về một vấn đề có tầm quan trọng lớn lao, một vấn đề thuộc về chính sự cấu thành thiên linh của Giáo Hội, mà tôi, do bởi tác vụ của tôi là củng cố các anh em (đối chiếu: *Luca* 22,32), tuyên bố rằng Giáo Hội không có bất cứ quyền gì để ban bí tích truyền chức linh mục trên các người nữ và phán quyết này phải được tin giữ cách chung quyết bởi tất cả các tín hữu của Giáo Hội.⁶⁴

⁶² Bộ Giáo Lý Đức Tin, *Tuyên Ngôn về Vấn Đề Cho Phép Nhận Các Người Nữ vào Chức Tư Tế theo Thừa Tác Vụ* (ngày 15 tháng 10 năm 1976) số 1 (EV 5.2115). Cũng đối chiếu: *Bộ Giáo Luật*, khoản 1024.

⁶³ Bộ Giáo Lý Đức Tin, *Tuyên Ngôn về Vấn Đề Cho Phép Nhận Các Người Nữ vào Chức Tư Tế theo Thừa Tác Vụ* (ngày 15 tháng 10 năm 1976) số 4 (EV 5.2131).

⁶⁴ Giáo Tông Gioan Phaolô II, *Tông Thư Ordinatio Sacerdotalis (Việc Truyền Chức Tư Tế)* (ngày 22 tháng 4 năm 1994) (EV 14.732-740).

Các Phó Tế

Chức phó tế theo truyền thống được truy nguyên bắt nguồn từ thời các tông đồ và từ thời mà Giáo Hội sơ khai cần một thừa tác vụ mở rộng.

Vậy, hỡi anh em, hãy xét mà chọn giữa anh em bảy người nam có tiếng tốt, đầy Thần Khí và khôn ngoan, để chúng tôi có thể bổ nhiệm vào bổn phận ấy... Họ đưa những người này ra trước mặt các tông đồ, và các ngài cầu nguyện và đặt tay trên các ông. (*Công Vụ các Tông Đồ* 6,3.6).

Sự hiện hữu của chức phó tế như một tác vụ phân biệt trong Giáo Hội được lưu ý thường xuyên trong Thánh Kinh (đối chiếu: *Philip* 1,1; *1 Timôthêô* 3,8-13) và được xác lập bởi chứng từ của các Giáo Phụ đầu tiên.⁶⁵ Giống như chức giám mục và chức linh mục, chức phó tế là một chức bậc bí tích và thuộc về sự thiết lập thiên linh,⁶⁶ nó có vị trí trường tồn trong Giáo Hội của Đức Kitô.

Tước hiệu “phó tế” đến từ một từ Hy Lạp có nghĩa “phục vụ”. Phó tế phục vụ Giáo Hội. Trong thời các tông đồ tính phong phú của chức phó tế đã được gợi ý rồi. Các phó tế phục vụ tại bàn ăn, đáng lưu ý là bàn của bữa ăn Mình Máu Thánh. Các vị là những thừa tác viên của đức bác ái nơi Giáo Hội (đối chiếu: *Công Vụ các Tông Đồ* 6,1-4). Các vị là những chứng nhân của đức tin, và những người bảo vệ đức tin đó. Nhờ thể thánh phó tế Stêphanô đã trở nên vị tử đạo đầu tiên của Kitô giáo; và ngài đã loan báo đức tin với sự hùng biện can đảm và tình yêu tha thứ trước khi ngài bị hạ sát (đối chiếu: *Công Vụ các Tông Đồ* 7). Các phó tế cũng tham dự vào phận vụ rao giảng Tin Mừng của Giáo Hội, như phó tế Philip đã là tại Samaria (đối chiếu: *Công Vụ các Tông Đồ* 8,2-13).

Vào những thế kỷ đầu tiên của Giáo Hội tác vụ phó tế đã là một tác vụ trường tồn có tầm quan trọng lớn lao trong cộng đồng. Có sự sa sút từ từ về tầm mức và ảnh hưởng của tác vụ đó. Sau cùng tác vụ đó bên Giáo Hội Tây Phương trở thành một chức thánh được thi hành bởi một cá nhân trong một thời gian ngắn; nó là một tác vụ đảm nhận bởi người có ý định không lâu sau đó sẽ trở thành linh mục. Công Đồng Vaticanô II kêu gọi phục hồi chức phó tế trường tồn/vĩnh viễn (đối chiếu: *Hiến chế tín lý về Giáo Hội*, 29) để ơn gọi phục vụ cổ thời này có thể sáng lên lại trong Giáo Hội.

Giáo Hội La Tinh vào thời chúng ta đã quyết định cho phép những người nam có gia đình trở thành phó tế. Một hiệu quả của quyết định này đó là ở nhiều nơi người lãnh đạo quan trọng được truyền chức của một giáo xứ được lấy ra từ chính gia đình giáo xứ. Tuy nhiên chứng từ cổ thời về sự độc thân gắn liền với các Chức Thánh vẫn còn. Bất kỳ ai chấp nhận tác vụ phó tế vĩnh viễn, nếu người đó độc thân, thì phải tuyên hứa nhân danh Đức Kitô sẽ không kết hôn; và nếu người đó đã kết hôn rồi, người đó cam kết sẽ không tái kết hôn nếu vợ mình qua đời trước mình.

Các phục vụ thời xưa của phó tế được tiếp tục trong Giáo Hội ngày nay, với những phận vụ được thêm vào phù hợp với thời đại chúng ta. Phó tế trợ giúp trong phụng vụ; thầy phân phát sự Hiệp Lễ, và thầy thanh tẩy. Thầy loan báo Tin Mừng và giảng. Các phó tế được mời gọi trợ giúp trong nhiều phận vụ của Giáo Hội: trong việc dạy giáo lý, chăm

⁶⁵ Đối chiếu: thánh Giustinô Tử Đạo, *Apologia (Biện Giáo)* 1.65 (MG 6.428 = ACW 56.65); thánh Inhaxiô thành Antiôkia, *Epistula ad Philadelphenses (Thư gửi Các Tín Hữu ở Philadelphia)* 4 (MG 3.700 = ACW 1.87).

⁶⁶ Đối chiếu: Công Đồng Trentô, Phiên Hợp 23, ngày 15 tháng 7 năm 1563, *Giáo Lý về Bí Tích các Chức Thánh*, chương 2 đến 3 (DS 1765-1766).

sóc người nghèo, và thi hành thừa tác vụ đối với người bệnh (dầu việc ban phát bí tích Sám Hối và việc xức dầu người bệnh là phận vụ của linh mục). Tác vụ của phó tế là trợ giúp giám mục và linh mục trong mọi phận vụ chăm sóc cho đoàn chiên của Đức Kitô.

Ơn Gọi và Phẩm Tính Linh Mục

Chỉ những ai được Đức Kitô kêu gọi mới nên bước vào chức linh mục. Đức Kitô nhắm lời kêu gọi của Ngài, hay ơn gọi, vào những ai mà Ngài muốn. Những người nam còn trẻ được nói có những “dấu chỉ” của một ơn gọi nếu họ được phúc lành có sức khỏe, có khả năng trí tuệ, và có những sức mạnh của một cá tính mà chức linh mục đòi hỏi, và nếu họ gặp thấy trong lòng họ ước muốn làm việc linh mục cho vinh quang của Thiên Chúa và cho sự cứu rỗi của dân chúng. Nhưng một cá nhân chỉ có thể đề nghị với Giáo Hội sự phục vụ của mình. Khuynh hướng bên trong phải được xác minh bởi sự kêu gọi từ phía Giáo Hội. Giáo Hội có phận vụ xác minh thực tại tính của ơn gọi, và nhân danh Đức Kitô Giáo Hội truyền chức những ai được tuyển chọn. Sự chọn lựa luôn luôn thuộc về Đức Kitô. “Không phải các người đã chọn Ta, nhưng chính Ta đã chọn các người” (*Gioan 15,16*).⁶⁷

Không ai có thể đòi hỏi được truyền chức. Việc đặt tay trong bí tích các Chức Thánh không phải là sự thừa nhận công nghiệp hay sự đáp trả lại sở thích cá nhân. Đó là sự thừa nhận ơn gọi đặc biệt của Thiên Chúa và vai trò độc nhất vô nhị của Giáo Hội trong sự cứu rỗi.

Ơn gọi linh mục là lời kêu gọi đến một tình trạng sống đòi hỏi một người phục vụ Thiên Chúa vì ích lợi thiêng liêng của những người khác. Truyền chức thánh không phải là một nghi lễ thuần túy cất cử một người vào một vị trí hay một nghề nghiệp đặc thù trong Giáo Hội. Đó là một bí tích ban xuống không chỉ những quyền năng ban phát các bí tích và rao giảng lời Thiên Chúa mà còn ơn sủng làm cho một người có khả năng thi hành những quyền năng đó một cách thánh thiện. Bí tích đó thông ban một ơn sủng đặc biệt của tác vụ.

Một người chấp nhận ơn gọi phục vụ như một linh mục phải chuẩn bị mình để làm việc linh mục. Cũng giống như các nghề nghiệp thế tục, chức linh mục đòi hỏi những năng cách tự nhiên về thể xác và tinh thần. Một người cảm thấy có ơn gọi cũng nên nhận thức về những phẩm tính, đặc thù thiêng liêng, mà mình cần phát triển và duy trì. Rập khuôn theo gương của vị Thượng Tế vĩ đại, đời sống của người đó phải là một cuộc đời của sự cầu nguyện, khiêm nhường, và nghiên cứu. Và lại, một linh mục từ bỏ nhà cửa, gia đình, bởi vì vị ấy tìm thấy được niềm vui cao cả hơn trong sự tận tụy đối với việc của Chúa, trong công việc vì sự cứu rỗi của tất cả.

Sự Độc Thân

Khi nói về những hy sinh mà một người nam có thể làm để theo Ngài, Đức Kitô nói về những ai từ bỏ vợ và gia đình vì Tin Mừng (đối chiếu: *Matthêu 19,29*). Từ những ngày đầu tiên của Giáo Hội đã có những linh mục độc thân, nghĩa là, những người không kết hôn, để đối với việc phục vụ Đức Kitô họ có thể cho đi đời sống và lòng họ một cách không bị chia sẻ, còn trọn vẹn hơn nữa (đối chiếu: *I Corinthô 7,32-35; 9,5*). Những thực

⁶⁷ Đối chiếu: Giáo Tông Piô XII, Tông Hiến *Sedes Sapientiae* (Tòa Đức Khôn Ngoan) (ngày 31 tháng 5 năm 1956).

hành khác nhau đã phát triển ở những vùng khác nhau trong Giáo Hội. Nơi Giáo Hội Đông Phương, có tập tục cho phép truyền chức cho những người nam đã kết hôn; bên Tây Phương việc truyền chức chỉ cho những ai cảm thấy họ có thể và muốn sống cuộc đời độc thân vì Đức Kitô đã trở thành một phong tục. Cả bên Đông Phương lẫn bên Tây Phương người nam đều không được phép kết hôn sau khi đã lãnh nhận các Chức Thánh.

Độc thân được yêu chuộng trong Giáo Hội vì nhiều lý do. Nó làm cho linh mục giống Đức Kitô hơn. Thánh Phaolô đã lưu ý rằng độc thân cho một người sự tự do lớn lao trong việc phục vụ Đức Kitô, và đào sâu sự gắn bó bản thân với Ngài (đối chiếu: *1 Corinthô* 7,32-35). Hơn nữa, Giáo Hội muốn các linh mục, những người rao giảng về bốn phận vác thập giá và vâng theo các giới răn của Thiên Chúa ngay cả trong những hoàn cảnh khó khăn nhất, phải sống cách sao để thấy rõ ràng là các ngài đang thực hiện những hy sinh bản thân lớn lao vì Tin Mừng. Sự độc thân linh mục cũng từng được gọi là một dấu chỉ cánh chung, một dấu hiệu chỉ về đời sống vĩnh cửu, vì một người sống đời sống độc thân ở đời này đang sống một kiểu sống phù hợp với thực tại của đời sau, trong đó sẽ không còn kết hôn (đối chiếu: *Marcô* 12,25), và nhờ vậy bày tỏ ra đức tin của mình vào sự sống vĩnh cửu.

Trong những năm gần đây nhiều người thúc giục Giáo Hội Tây Phương bỏ đi yêu cầu khăng khăng của Giáo Hội về việc độc thân đối với các linh mục, để hoặc cho phép truyền chức cho những người nam đã kết hôn hoặc ngay cả cho phép những người nam đã được truyền chức được kết hôn. Vấn đề này đã được bàn luận lâu giờ và chi tiết tại Tổng Công Nghị thứ Hai của Thượng Hội Đồng Giám Mục (1971), Tổng Công Nghị kết luận rằng “luật độc thân linh mục hiện hữu trong Giáo Hội La Tinh phải được giữ trọn vẹn”.⁶⁸ Kết luận này đã được Đức Thánh Cha xác nhận thêm.⁶⁹

Chắc chắn không có nhân quyền nào bị xúc phạm do đòi hỏi độc thân đối với các linh mục, vì không ai bị đòi hỏi phải trở thành một linh mục. Và Giáo Hội có thể đứng đắn mà duy trì một phong tục đã được các thánh khích lệ rất nhiều qua các thế kỷ, một thực hành hỗ trợ rất mạnh mẽ cho đức tin của dân Công Giáo, và Giáo Hội tiếp tục gọi đến chức linh mục chỉ những ai phán đoán rằng họ có thể tự nguyện sống cuộc đời độc thân vì vương quốc [Thiên Chúa].

Theo sau những bản luận của Tổng Công Nghị Thông Thường thứ Mười Một của Thượng Hội Đồng Giám Mục (2005), Đức Giáo Tông Bênêdictô XVI tái khẳng định vẻ đẹp và tầm quan trọng của đời sống linh mục được sống trong sự độc thân như một dấu chỉ diễn tả sự tận hiến toàn bộ và chỉ dành riêng cho Đức Kitô và cho Giáo Hội:

Là sự thiếu sót nếu hiểu độc thân linh mục dưới những khía cạnh thuần túy mang tính chức năng. Sự độc thân thật sự là một con đường đặc biệt để làm cho bản thân đồng hình dạng với chính cách sống của Đức Kitô. Chọn lựa này trước tiên và trên hết mang ý nghĩa hôn nhân; đó là sự đồng nhất sâu thẳm với tâm lòng của Đức Kitô Đấng Hôn Phu trao ban đời sống mình cho vị Hôn Thê của Ngài... độc thân linh mục được sống với sự trưởng thành, niềm vui và sự dâng hiến là một phúc lành bao la cho Giáo Hội và cho chính xã hội. (*Bí Tích của Đức Báp Tiê*, 24)

⁶⁸ Tổng Công Nghị thứ Hai của Thượng Hội Đồng Giám Mục, *Chức Tư Tế theo Thừa Tác Vụ* (1971), Phần Hai, số 4 (EV 4.1219).

⁶⁹ Đối chiếu: Bản ghi lại cuộc Yết Kiến của Hồng Y Quốc Vụ Khanh với Đức Thánh Cha ngày 30 tháng 11 năm 1971 (EV 4.1134).

Đòi hỏi độc thân là một đòi hỏi mà Giáo Hội có quyền du di nếu Giáo Hội phán xét làm vậy là thích hợp. Nhưng đó không phải là một đòi hỏi võ đoán. Sứ điệp Tân Ước và kinh nghiệm của Giáo Hội chứng tỏ đặc sủng này được sống bởi các linh mục của Giáo Hội đã từng sinh hoa kết trái thế nào cho dân Thiên Chúa.

Đời Sống Cầu Nguyện

Linh mục nên là người của sự cầu nguyện. Vào ngày được truyền chức, ứng viên lãnh nhận bốn phận đặc biệt là đọc Phụng Vụ các Giờ Kinh hàng ngày. Do vậy Giáo Hội bổ nhiệm các linh mục của mình vào thừa tác vụ chúc tụng, thờ lạy, cầu xin, và tạ ơn. Các vị là một “tiếng nói” của Giáo Hội cầu xin Cha trên trời của chúng ta ban phúc lành cho toàn thế giới.

Suy niệm và phân tỉnh về những gì mình là và những gì mình được kêu gọi trở thành nên là một phần của đời sống mỗi linh mục. Không có những xác tín thiêng liêng sâu xa, không có tinh thần cầu nguyện và hy sinh, ngài không thể dẫn dắt đoàn chiên được giao phó cho ngài chăm sóc tới được Thiên Chúa. Một linh mục, được kêu gọi trở nên là một người của Thiên Chúa luôn mãi, phải giải thích các vấn đề của thế giới và của giáo dân trong giáo xứ mình trong tương quan với các thực tại thiêng liêng.

Chứng Nhân

Việc đồng nhất linh mục với Đức Kitô rõ ràng không bị giới hạn vào việc ban phát các bí tích nhân danh Ngài. Sứ mạng của linh mục cũng là tái diễn Đức Kitô cho thế giới và tích cực hoàn tất việc của Ngài trong thế giới. Nhân danh Đức Kitô vị ấy phải phục vụ lời Thiên Chúa, làm chứng và rao giảng Tin Mừng nhân danh Ngài, dẫn dắt cộng đồng Kitô hữu và xây dựng sự hiệp nhất Kitô hữu.

Tất cả những phận vụ này của linh mục là những khía cạnh của chỉ một thừa tác vụ được hợp nhất. Rao giảng sứ điệp của Đức Kitô, làm việc cứu rỗi của Ngài hiện diện trong các bí tích, và xây dựng cộng đồng nhân danh Ngài: tất cả phải là những thành phần của thừa tác vụ linh mục. Các linh mục phải thi hành toàn bộ sứ mạng được Đức Kitô giao phó cho các vị.

Phục Vụ có Quyền Hạn

Để phát sinh ra sự hiệp nhất, linh mục được ban cho quyền hạn. Cả việc rao giảng Tin Mừng lẫn đời sống bí tích đòi hỏi một *diaconia* (sự phục vụ) có quyền hạn. Giáo Hội là bối cảnh cho quyền hạn linh mục này, và thiện ích của Giáo Hội giới hạn và hướng dẫn việc thi hành quyền đó. Quyền hạn của một linh mục phải luôn luôn hoạt động hòa hợp với mục đích của Giáo Hội nhằm đến thiện ích thiêng liêng của mọi tín hữu và sự hiệp nhất của họ trong Giáo Hội.

Thi hành *diaconia* có quyền hạn rơi vào trong hai phạm trù: giảng dạy sự thật với quyền hạn và chỉ dẫn cộng đồng trên con đường hiệp nhất. Phạm trù thứ nhất đòi hỏi rằng linh mục theo quyền hạn giải thích lời Thiên Chúa cho dân mình bằng những cách thích hợp với thời đại mình. Phạm trù thứ hai tập trung vào sứ mạng của linh mục là duy trì và xây dựng cộng đồng Kitô hữu, hành động với quyền hạn được ban xuống bởi ước muốn của Đức Kitô rằng tất cả phải nên một (đôi chiếu: *Gioan 17,11*).

Bản tính của quyền hạn xây dựng cộng đồng nơi linh mục bị điều kiện hóa bởi bản tính của cộng đồng đức tin mà linh mục đảm nhận việc củng cố và xây dựng.

Sứ mạng thích hợp được Đức Kitô giao phó cho linh mục, cũng như cho Giáo Hội, không thuộc về trật tự xã hội, kinh tế, hay chính trị, nhưng thuộc về trật tự tôn giáo (đối chiếu: *Hiến chế mục vụ*, 42); dầu vậy, khi theo đuổi sứ mạng của mình, linh mục có thể góp phần lớn lao vào việc thiết lập một trật tự thể tục có công lý hơn, đặc biệt ở những nơi mà những vấn đề con người về sự bất công và áp bức nghiêm trọng hơn. Tuy nhiên, linh mục phải luôn luôn duy trì sự hiệp thông của Giáo Hội và khước từ bạo động theo lời nói hay trong việc làm như là những gì không phù hợp với Tin Mừng.⁷⁰

Chính Trị và Linh Mục

Chứng từ của linh mục sẽ luôn đụng đến các trật tự kinh tế, văn hóa, xã hội, và chính trị. Sứ điệp của vị đó phải đi ra đến với dân chúng trong những điều kiện mà họ đang sống. Vấn đề đó là bằng cách nào mà ngài phải làm cho chứng từ của mình được cảm nhận.

Việc làm của linh mục nên có ảnh hưởng cao cả trên đời sống chính trị và xã hội của cộng đồng. Linh mục vừa là một thành phần của cộng đồng chính trị vừa là một phát ngôn viên cho một số những nguyên lý được trân trọng nhất của nó. Trong việc rao giảng của mình và trong những tình huống khác, ngài nên làm rõ ra những mệnh lệnh luân lý được chứa đựng trong sứ điệp Tin Mừng mà liên quan đến trật tự xã hội. Giống như mọi Kitô hữu, linh mục có trách nhiệm giúp làm cho cộng đồng chính trị có công lý.

Nhưng những phương thế mà một linh mục có thể dùng thì thông thường khác với những phương thế thích hợp cho giáo dân là những người có vai trò trực tiếp hơn đó là thánh hóa những cấu trúc trần thế. Tầm mức của việc các linh mục dấn thân vào những hoạt động chính trị phải bị giới hạn, và được hướng dẫn nhờ bởi phán đoán của các giám mục các ngài.⁷¹ Tương tự, trong khi các linh mục nên rao giảng về bốn phận công cộng của người Kitô hữu, các vị không nên lạm dụng vai trò rao giảng của mình bằng cách cứ nhất định khẳng quyết về một chọn lựa kinh tế, xã hội, hay chính trị đặc thù, trong khi để hòa hợp với Tin Mừng vẫn có nhiều hơn là một chọn lựa.⁷²

Công Bố Tin Mừng

Linh mục phải liên tục loan báo vương quốc của Thiên Chúa đang đến và hiện diện giữa chúng ta. Vị đó, bằng lời nói và việc làm, phải truyền đi cho những người khác Tin Mừng mà mình đã lãnh nhận. Chứng từ linh mục diễn ra trong Giáo Hội. Chứng từ đó tham dự vào xác thực tính của chứng từ Giáo Hội, bởi vì nhờ qua giám mục mà một linh mục thông phần vào ơn gọi của Giáo Hội là loan truyền sứ điệp.

⁷⁰ Tổng Công Nghị thứ Hai của Thượng Hội Đồng Giám Mục, *Chức Tư Tế theo Thừa Tác Vụ* (1971), Phần Một, số 7 (EV 4.1175).

⁷¹ Đối chiếu: Tổng Công Nghị thứ Hai của Thượng Hội Đồng Giám Mục, *Chức Tư Tế theo Thừa Tác Vụ* (1971), Phần Hai, số 2 (EV 4.1192).

⁷² Đối chiếu: Tổng Công Nghị thứ Hai của Thượng Hội Đồng Giám Mục, *Chức Tư Tế theo Thừa Tác Vụ* (1971), Phần Hai, số 2 (EV 4.1195-1197).

Phận vụ “làm chứng” đầu tiên của linh mục là loan báo Tin Mừng. Bằng việc chấp nhận phận vụ này và thi hành nó, một linh mục tham dự vào sứ mạng của Đức Kitô như là Sự Thật, Ánh Sáng của thế giới. Nhờ vậy, linh mục đưa dân chúng đến đức tin mà họ dựa vào để đạt đến Thiên Chúa. Một linh mục xét như chứng nhân là “người bảo đảm” của Tin Mừng.⁷³

Truyền thống các Giáo Phụ về chứng nhân thì mạnh mẽ. Thánh Cyprianô viết rằng các linh mục phải làm chứng cho Đức Kitô bằng lời nói và việc làm để những người khác có thể thấy mà biết Đức Kitô.⁷⁴ Thánh Gioan Kim Khẩu lưu ý rằng chứng từ của linh mục phải “nhiệt thành” để có hiệu quả; ngài cũng lưu ý về bản tính độc hữu nơi việc làm của một linh mục trong việc tận hiến mình cách mình thi cho sự cứu rỗi vĩnh cửu của những người khác.⁷⁵ Thánh Grêgôriô Cả viết về sự nguy hiểm nổi lên khi một linh mục cống hiến thời gian và những năng lực của mình cho những hoạt động khác hơn là việc chăm sóc người tín hữu và những việc làm của Giáo Hội; nói về dần dần chính trị của một linh mục, ngài nhận xét rằng điều đó khiến cho “đoàn chiên ngài không có chủ chăn” và đặt người tín hữu vào một vị trí ở đó họ “không thể thấy ánh sáng của sự thật bởi vì tâm trí của mục tử họ nhắm vào những quan tâm trần thế”.⁷⁶

Chức năng của chứng nhân không thể thiếu được đối với đức tin. Thế giới sẽ không biết về vương quốc [của Thiên Chúa] trừ phi những người khác nói cho nó về vương quốc đó; dân của Thiên Chúa phải được nghe về ơn sủng, sự cứu chuộc, và sự sống vĩnh cửu nếu họ cần phải biết đến những điều đó.

Vậy thì linh mục phải làm chứng không chỉ cho Bản Thân của Đức Giêsu Kitô mà còn cho nội dung của đức tin, đem những lời của sự sống đến cho những ai sẽ tin và sẽ không có cách nào khác đến với những lời đó, và làm chứng cho sự thật bằng lời nói và hành vi.

Về phương diện này của chức linh mục nơi mình, linh mục phản ánh việc của Đức Kitô. Nói về vai trò của Ngài như người làm chứng của Ngôi Cha, Đức Giêsu đã nói Ngài không làm gì do tự quyền Ngài nhưng chỉ nói điều mà Ngài đã được Ngôi Cha dạy cho (đối chiếu: *Gioan* 8,28). Linh mục xét như chứng nhân nên thẩm nhuần sứ điệp và tiếp tục vang theo nó, thông truyền nó như nó là. Sứ mạng vẫn tiếp tục đồng nhất: làm chứng cho sự thật của Thiên Chúa như được mạc khải để nhờ qua sự thật mà tất cả có thể sống.

----- Những Câu Hỏi Thảo Luận -----

1. Hãy bàn về cách nào mà Bí Tích các Chức Thánh phát sinh từ sự nhập thể của Đức Giêsu Kitô trong thế giới. Tại sao Bí Tích các Chức Thánh hệ trọng đối với đời sống bí tích của Giáo Hội?
2. Bằng cách nào mà chức tư tế theo bí tích là sự tham dự độc nhất vô nhị vào chức tư tế của Đức Giêsu? Hãy bàn về những cách thế mà trong đó linh mục trở thành một dấu chỉ cho sự hiện diện và quyền năng của Thiên Chúa trong thế giới.

⁷³ Đối chiếu: Tổng Công Nghị thứ Hai của Thượng Hội Đồng Giám Mục, *Chức Tư Tế theo Thừa Tác Vụ* (1971), Phần Một, số 4 (EV 4.1167).

⁷⁴ Đối chiếu: thánh Cyprianô, *Epistula (Thư)* 63.14 (ML 4.385-386 = ACW 46.105f.).

⁷⁵ Đối chiếu: thánh Gioan Kim Khẩu, *Homilia 86 in Ioannem (Bài Giảng 86 về Tin Mừng Gioan)* 4 (MG 59.471-472).

⁷⁶ Thánh Grêgôriô Cả, *Regula Pastoralis (Quy Luật Mục Vụ)* 2.7 (ML 77.39 = ACW 11.68-74).

3. Hãy bàn về tầm quan trọng của mỗi một phẩm tính linh mục đã được cắt nghĩa trong chương này. Đây là một số cách thức cụ thể trong đó các linh mục và giáo dân nâng đỡ lẫn nhau vì thiện ích chung của Giáo Hội và thế giới?

Tham Khảo Thêm:

Giáo Lý Công Giáo Hoa Kỳ cho Người Lớn: Chương 20 – Các Chức Thánh.

Sách Giáo Lý của Hội Thánh Công Giáo, 1533-1600.

Giáo Tông Bênêđictô XVI, *Bí Tích của Đức Bác Ái*. Tông Huấn sau Công Nghị [các Giám Mục], ngày 22 tháng 2 năm 2007.

Những Điều Cần Nhớ...

- ✘ Đức Kitô đã thiết lập bí tích các Chức Thánh để nhờ qua các giám mục và các linh mục của Ngài, Ngài có thể canh giữ trong Giáo Hội sự hiện diện Minh Máu Thánh và ban xuống trên chúng ta những ơn huệ cứu rỗi của Ngài.
- ✘ Các Chức Thánh được ban xuống nhờ qua việc đặt tay bởi các giám mục là những người kế vị các tông đồ.
- ✘ Chỉ có những linh mục được truyền chức hiệu lực mới có thể hiến dâng Thánh Lễ và cử hành các bí tích mà Đức Kitô đã dành riêng cho thừa tác vụ của các vị.
- ✘ Chức linh mục thuộc về Đức Kitô, và chỉ những ai được Ngài kêu gọi mới nên tìm kiếm chức linh mục; sự kêu gọi của Đức Kitô được tỏ bày ra nhờ bởi những ơn huệ bên trong và lời mời của giám mục kêu gọi một người đến các chức thánh.
- ✘ Các chức thánh được ban xuống theo những cấp độ khác nhau: sự viên mãn của chức tư tế được ban xuống trên các giám mục; các linh mục được đặc biệt ban cho quyền năng cử hành Thánh Lễ, tha tội, và rao giảng; các phó tế lãnh nhận quyền hạn công bố lời [Thiên Chúa] và cung cấp sự phục vụ.

CHƯƠNG BỐN

Bí Tích Khai Tâm: Thanh Tẩy

(SGLHTCG 1212-1314)

Trong trong số các bí tích thì ba bí tích – Thanh Tẩy, Thêm Sức, và Mình Máu Thánh – liên quan đến việc khai tâm Kitô giáo: “Ba bí tích của việc khai tâm Kitô giáo nối kết chặt chẽ với nhau để đem người tín hữu đến tầm vóc đầy đủ của Đức Kitô và để ban cho họ khả năng thi hành sứ mạng của toàn bộ dân Thiên Chúa trong Giáo Hội và trong thế giới”.⁷⁷

Như Giáo Tông Bênêdictô XVI dạy chúng ta trong *Bí Tích của Đức Bác Ái*:

Không bao giờ được quên rằng việc chúng ta lãnh nhận Thanh Tẩy và Thêm Sức được sắp đặt để quy về [bt] Mình Máu Thánh. Bí tích Thanh Tẩy, nhờ bởi đó mà chúng ta được làm đồng hình dạng với Đức Kitô, được trở thành chi thể trong Giáo Hội và được làm thành con cái Thiên Chúa, là cửa ngõ dẫn đến tất cả các bí tích... Đó là sự tham dự của chúng ta vào hy tế Mình Máu Thánh, hy tế làm hoàn hảo nơi chúng ta những ơn huệ được ban cho chúng ta lúc Thanh Tẩy. (17)

[Bt] Mình Máu Thánh, trung tâm của tất cả đời sống bí tích đã được bàn đến rồi trong chi tiết ở một chương trước. Trong chương này chúng ta bàn về bí tích Thanh Tẩy.

Lịch Sử Cứu Rỗi và Thanh Tẩy

Chúng ta có thể tiếp cận bí tích Thanh Tẩy cách tốt nhất là qua phụng vụ Canh Thức Tối Thứ Bảy Thánh,^{*} là kiệt tác của nghệ thuật giảng dạy giáo lý nhờ phụng vụ của Giáo Hội. Phụng vụ này là sự phạm tôn giáo theo nghĩa đầy đủ nhất. Nó vượt qua một thứ trình bày trừu tượng về giáo huấn của Giáo Hội bằng việc sử dụng biểu tượng mang tính tiên tri có sẵn của Cựu Ước, biểu tượng này đến phiên nó lại dẫn chúng ta đến giáo huấn của Tân Ước. Rồi tất cả được đem đến với nhau trong một phụng vụ diễn tả phong phú ý nghĩa của Thanh Tẩy.

Bài đọc Thánh Kinh thứ nhất của phụng vụ Canh Thức là câu chuyện tạo thành từ sách *Khởi Nguyên* (đối chiếu: *Khởi Nguyên* 1,1-2,2). Nó minh họa quyền năng của Thiên Chúa, đặt tốt đỉnh trong việc tạo thành sự sống con người. Trình thuật này về quyền năng thiên linh được thấy ở đây như một biểu tượng của điều mà thánh Phaolô gọi là “sự tạo thành mới,” sự tạo thành mà Đức Giêsu Kitô là nguyên nhân nhờ qua cuộc khổ nạn và cái chết của Ngài.

Cho nên ai ở trong Đức Kitô, người ấy là một tạo thành mới; cái cũ đã qua đi, và này cái mới đã thành sự. (2 *Corinthô* 5,17)

⁷⁷ Bộ Phụng Tự và Kỷ Luật Bí Tích, *Nghi Thức Thanh Tẩy cho Trẻ Em*, được xuất bản bởi quyền hạn của Giáo Tông Phaolô VI, ngày 15 tháng 5 năm 1969, Hướng Dẫn Tổng Quát, số 2 (EV 3.1093). Ấn bản chuẩn lần thứ hai, được xuất bản ngày 29 tháng 8 năm 1973, liệt kê nhiều thay đổi quan trọng trong bản văn ở trang 6.

* Chú thích của người dịch: Hay thường được gọi gọn hơn là phụng vụ “(Đêm) Vọng Phục Sinh”.

Vì chúng cắt bì hay không chẳng có giá trị gì, điều có giá trị là nên một tạo thành mới. (*Galat 6,15*)

Sự tạo thành mới này thật sự xảy ra ở tột đỉnh của đêm canh thức – trong Thanh Tẩy.

Bài đọc hai (*Khởi Nguyên 22,1-18*) thuật lại đức tin của Abraham như được bày tỏ trong việc ông sẵn sàng hiến tế Isaac con ông. Đây là hình bóng tiên báo hy tế của Đức Kitô, từ đó mà Thanh Tẩy, giống như các bí tích khác, lãnh nhận quyền năng của nó. Isaac, được tha miễn, chỗi dậy từ bàn thờ vẫn sống; Đức Giêsu đã chết – Ngôi Cha “đã không tha miễn cho chính Con của Ngài” (*Rôma 8,32*) – nhưng chỗi dậy trong sự sống lại vĩ đại hơn nhiều sự sống của Isaac.

Bài đọc ba (*Xuất Hành 14,15-15,1*) kể về việc giải cứu người Do Thái tại Biển Đỏ. Việc này móc nối với tường thuật về hy tế vượt qua, được báo trước vào Thứ Năm Thánh. Tới lúc này có sự quan tâm đến ý tưởng giải cứu nhờ qua nước, một bối cảnh cần thiết để hiểu việc Chúa dùng nước và quyền năng của Thanh Tẩy. Sau này Ngài sẽ nói với Nicôđêmo: “Quả thật, quả thật, Ta bảo ông: ai không sinh bởi nước và Thần Khí, thì không thể vào được vương quốc Thiên Chúa” (*Gioan 3,5*). Thật vậy, Thần Khí đã có mặt rồi trong trình thuật tạo thành, khi Ngài vào trong nước với sự sáng tạo: “Và Thần Khí là là trên mặt nước” (*Khởi Nguyên 1,2*).

Nước trong sách *Khởi Nguyên* vừa đồng thời là phần của đất hoang và bóng tối mang tính hủy diệt vừa cũng là cội nguồn từ đó mà sự sống phát sinh. Biểu tượng đôi này của nước – chết và sống, hủy diệt và cứu rỗi – trở nên rõ hơn bao giờ trong câu chuyện của Noê, được ám chỉ đến trong bài đọc bốn (*Isaia 54,5-14*). Nước được Thiên Chúa dùng để tiêu diệt những kẻ thù của Ngài và để cứu thoát các bạn hữu của Ngài. Nhưng điển hình cổ điển của việc Thiên Chúa dùng nước là chuyện vượt qua Biển Đỏ của người Do Thái, là điều mà cùng với hy tế vượt qua đã trở thành trung tâm trong đời sống người Do Thái và trong lịch sử cứu rỗi, nhắm tới Đức Kitô “Chiên Vượt Qua của chúng ta” (*1 Corinthô 5,7*). Một lần nữa, những kẻ thù của Thiên Chúa bị tiêu diệt nhờ bởi nước, chứng minh công lý thiên linh, trong khi cũng nhờ chính hành động đó mà dân tuyển chọn của Ngài được giải cứu và vượt qua vào Đất Hứa.

Các bài đọc còn lại (*Isaia 55,1-11*; *Baruk 3,9-15.32-4,4*; *Ezêkiel 36,16-17a.18-28*) đến từ những tác phẩm của các ngôn sứ và chỉ ra hiệu quả thiêng liêng của Thanh Tẩy, khi vẫn ca ngợi việc Thiên Chúa sử dụng nước cách kỳ diệu, như Đức Giêsu sẽ dùng nó về sau: “Nước mà Ta sẽ ban cho người ấy sẽ trở nên trong người ấy mạch suối có nước vọt đến sự sống vĩnh cửu” (*Gioan 4,14*). Bài đọc sau cùng từ *Ezêkiel* tiên đoán “giao ước mới” bằng việc hứa ban một tấm lòng mới và một Thần Khí mới.

Như vậy sân khấu đã được sắp đặt cho “khi thời viên mãn đến” (*Galat 4,4*). Khi Gioan Tẩy Giả tỏ mình ra trong sa mạc Giudêa, ngài loan báo một “sự thanh tẩy hối cải để được tha thứ tội lỗi” (*Marcô 1,4*). Chính Đức Giêsu, khi đi xuống nước sông Giođan, đem đến chỗ hoàn tất cả một chuỗi dài đầy ẩn tượng của các biến cố về nước. Dầu bản thân Ngài vô tội, Ngài dẫn đưa dân Ngài nhờ qua nước của Thanh Tẩy mà ra khỏi tội và đến giao ước mới với Ngôi Cha.

Thánh Phaolô hiển nhiên nghĩ đến tất cả những điều này khi ngài viết: “Hay anh em lại không biết rằng hết thầy chúng ta đã được thanh tẩy vào trong Đức Kitô Giêsu thì đã được thanh tẩy chính trong sự chết của?” (*Rôma 6,3*). Nhưng ngài còn nghĩ đến nhiều điều hơn là việc giải cứu dân chúng tại Biển Đỏ. Ngài còn thấy sự quan trọng sau cùng của Thanh Tẩy. Chính Đức Giêsu đã nói: “Ta có một sự Thanh Tẩy mà Ta cần chịu, và

Ta những bồn chồn chờ đến lúc hoàn tất!” (*Luca* 12,50; đối chiếu: *Marcô* 10,38). Và vì vậy thánh Phaolô tiếp tục:

Vậy nhờ bởi Thanh Tẩy chúng ta đã được chôn táng làm một với Ngài trong sự chết, ngõ hầu như Đức Kitô đã được sống lại từ cõi chết nhờ bởi vinh quang của Cha, thì cả chúng ta cũng có thể bước đi trong sự sống mới. (*Rôma* 6,4)

Nhờ bởi nước Thanh Tẩy, tội lỗi và sự dữ bị tiêu diệt và chúng ta chỗi dậy cho đời sống mới, thông phần vào sự sống lại của Đức Giêsu. “Anh em đã lột bỏ con người cũ cùng với những thực hành của nó và đã mặc lấy con người mới được canh tân...” (*Colosê* 3,9-10). Thật vậy, “con người cũ của chúng ta đã cùng bị đóng đinh, để thân xác tội lỗi bị hủy diệt, ngõ hầu chúng ta không còn làm nô lệ cho tội lỗi nữa” (*Rôma* 6,6). Vậy thì toàn bộ Mầu Nhiệm Vượt Qua, sự chết và sống lại của Đức Kitô như nó bao phủ người chịu thanh tẩy được thánh Phaolô tóm tắt trong đoạn văn đọc vào sáng lễ Phục Sinh:

Vậy nếu đã cùng sống lại với Đức Kitô, thì anh em hãy tìm kiếm những điều trên cao, nơi Đức Kitô đang ngự bên hữu Thiên Chúa. Hãy để tâm trí vào những điều trên cao, không phải vào những điều dưới đất. Quả thật, anh em đã chết và sự sống của anh em được ẩn giấu với Đức Kitô trong Thiên Chúa. (*Colosê* 3,1-3)

Phụng Vụ Thanh Tẩy

Dựa trên bối cảnh lịch sử cứu rỗi đạt tới đỉnh nơi Đức Kitô, chúng ta có thể thấy được giá trị lớn lao của phụng vụ thanh tẩy. Chắc chắn trong trường hợp người lớn sự chuẩn bị đã được bắt đầu từ lâu trước lễ Phục Sinh; phụng vụ lễ Phục Sinh hoàn tất nó. Phục Sinh là thời gian thích hợp nhất cho Thanh Tẩy và sự tham dự đầy đủ vào [bt] Mình Máu Thánh, vì lúc đó chúng ta cử hành trên hết việc chúng ta thông phần vào sự chết và sống lại của Chúa. Từ đó kết luận rằng mùa Chay là thời gian thích hợp nhất chuẩn bị cho Thanh Tẩy (hay chuẩn bị cho việc làm mới lại những cam kết Thanh Tẩy), như đã có trong thời gian dự tòng thời xưa, thời kỳ hướng dẫn trước Thanh Tẩy. Một đặc trưng quan trọng của *Nghi Thức Khai Tâm Kitô Giáo cho Người Lớn*⁷⁸ đó là sự nhấn mạnh về khía cạnh cộng đoàn của Thanh Tẩy.

Chính đêm Canh Thức bắt đầu với Nghi Thức Ánh Sáng. Từ ngọn lửa mới, cây nến vượt qua được thấp sáng; nó biểu tượng cho Đức Kitô sống lại, những vết thương của Ngài được giờ đây được vinh hiển: “Ánh sáng chiếu rọi vào bóng tối, và bóng tối đã không thắng được ánh sáng” (*Gioan* 1,5). Trong khi nến được rước trong cuộc kiệu đến cung thánh, ánh sáng dần dần được lan tỏa khi trước tiên là vị chủ sự, rồi các thừa tác viên, và sau cùng là mọi người khác trong cộng đoàn thấp sáng nến của mình từ nến vượt qua. Bản Loan Báo Phục Sinh (*Exsultet*) được hát, mọi người vui mừng về chiến thắng của ánh sáng Thiên Chúa ở tận đỉnh của lịch sử cứu rỗi. Rồi thì đến các bài đọc Thánh Kinh đã được mô tả ở trên.

Giờ đây sự nhấn mạnh đổi sang niềm vui của sự sống lại. Các ngọn nến bàn thờ được thấp sáng, kinh *Gloria (Vinh Danh)* được hát, chuông nhà thờ được rung. Mọi cái sẵn

⁷⁸ Bộ Phụng Tự và Kỷ Luật Bí Tích, *Ordo Initiationis Christianae Adultorum* (*Nghi Thức Khai Tâm Kitô Giáo cho Người Lớn*), được xuất bản bởi quyền hạn của Giáo Tông Phaolô VI, ngày 6 tháng 1 năm 1972; một ấn bản mới của *Nghi Thức Khai Tâm Kitô Giáo cho Người Lớn*, với những sửa chữa, đã được chấp thuận cho sử dụng trong các giáo phận của Hoa Kỳ bởi Hội Đồng Giám Mục Công Giáo Toàn Quốc ngày 11 tháng 11 năm 1986, và được Tông Tòa [Rôma] thông qua ngày 19 tháng 2 năm 1988.

sàng cho Thanh Tẩy. Trước tiên, nước được thánh hóa với một kinh nguyện tóm tắt lịch sử cứu rỗi vừa được nghe trong các bài đọc. Nền vượt qua được hạ xuống [nhúng] vào trong nước. Nhờ qua Đức Kitô phục sinh là Đấng mà nền là dấu chỉ, giếng [thanh tẩy] giờ đây sẽ trở nên [nguồn] ban sự sống. Giếng đó, cung lòng Giáo Hội, sẽ sinh ra những con cái Thiên Chúa, vì một lần nữa Thần Khí Thiên Chúa đang là là “trên mặt nước”.

Những lời hứa Thanh Tẩy giờ đây được tuyên bố. Rồi theo sau là việc tuyên xưng đức tin. Cuối cùng là chính Thanh Tẩy. Những ai chịu thanh tẩy lúc đó được xúc dầu chrisma, gọi nhớ việc Đức Kitô được xúc dầu bởi Thần Khí là điều mà giờ đây được các tân Kitô hữu chia sẻ. Việc xúc dầu này là hình ảnh tiên báo và dự liệu cho việc xúc dầu của Thêm Sức là việc có thể xảy ra ở đây. Người chịu thanh tẩy do vậy được nhận vào dân kết giao ước của Thiên Chúa và giờ đây sẽ được phép thông phần vào “chức tư tế thánh thiện, để dâng lên hy tế thiêng liêng được Thiên Chúa vui nhận nhờ qua Đức Giêsu Kitô” (1 Phêrô 2,5). Nghi lễ được hoàn tất bằng việc mặc lên những người vừa được thanh tẩy tấm áo trắng biểu tượng, biểu tượng của sự vô tội của Thanh Tẩy. Giờ đây họ sẵn sàng thông phần vào [bt] Mình Máu Thánh trong đó chúng ta cử hành và tái diễn sự chết và sống lại của Chúa.

Mùa Chay

Các dự tòng đã và đang là một phần quan trọng của cộng đoàn trong mùa Chay. Họ biểu hiện sống động ý nghĩa của chết đi và sống lại với Đức Kitô trong sự hoán cải và chịu Thanh Tẩy của họ vào lễ Phục Sinh. Tuy nhiên, mùa Chay như đã phát triển thì thuộc về toàn thể cộng đoàn, vì họ mà nó đã trở nên thời kỳ đền tội và canh tân hàng năm. Mặc dầu mùa Chay không phải luôn luôn bao gồm bốn mươi ngày như hiện nay, số ngày hiện tại trong mùa Chay căn cứ trên chiều dài thời gian mà chính Chúa chúng ta giữ chay (đối chiếu: *Matthêu* 4,2).

Mùa Chay là thời kỳ để hướng dẫn các dự tòng, nhưng nó cũng là thời kỳ cho những người đã chịu thanh tẩy. Người Kitô hữu đã chịu thanh tẩy được khuyến khích tiến đến mỗi lễ Phục Sinh giống như một người nên làm khi long trọng chuẩn bị cho Thanh Tẩy. Ngày nay vào mùa Chay chúng ta cũng có cơ hội để sống lại kinh nghiệm Thanh Tẩy của chúng ta và để đào sâu việc hiện thực ý nghĩa của nó khi chúng ta tuyên hứa lại những lời thề Thanh Tẩy trong Đêm Canh Thức Phục Sinh.

Tất cả điều này giúp chúng ta hiểu kỷ luật mùa Chay của Giáo Hội hôm nay.⁷⁹ Mọi hành vi đền tội là một phần của sự hoán cải toàn vẹn đó được Thanh Tẩy kêu gọi, một sự canh tân toàn vẹn bên trong dẫn một người đến chỗ suy nghĩ, phán đoán, và sắp xếp toàn bộ đời mình dưới sự thúc đẩy của đức bác ái được mạc khải cho chúng ta trong Đức Kitô. Những hành vi đền tội không có tinh thần bên trong này thì không có sự sống. Dầu vậy, tinh thần bên trong cần phải nhập thể trong các việc làm. Phải có những việc đền tội về thể xác, không phải bởi vì thể xác được Đức Kitô thánh hiến như thế là cái gì xấu, nhưng bởi vì chúng ta phải coi trọng xác thịt và phải tìm giải thoát nó nữa. Chia sẻ thập giá của Đức Kitô là phải được Ngài giải thoát cách đầy đủ hơn khỏi những hậu quả của sự Sa Ngã.

Đền tội Kitô giáo theo truyền thống bao gồm cầu nguyện, ăn chay, và các việc làm bác ái. Có thể thích hợp với thời đại chúng ta, ngay cả cần thiết trong nhiều trường hợp,

⁷⁹ Đối chiếu: Giáo Tông Phaolô VI, Tông Hiến *Paenitemini* (*Hãy Ăn Năn*) (ngày 16 tháng 2 năm 1966) (EV 2.625-654).

đó là nhân mạnh ít hơn đối với việc ăn chay nhưng nhiều hơn đối với sự đền tội mà thiết yếu liên quan đến sự cầu nguyện trung thành và sự thực hành các việc bác ái. Nhưng chứng từ của Thánh Kinh và đời sống của Giáo Hội sẽ không để chúng ta bỏ rơi những việc đền tội về thể xác. Ăn chay và kiêng cử được khuyến khích trong mùa Chay, nhưng luật Giáo Hội không đòi hỏi chúng ta nhiều về phương diện này. Những quy định cụ thể thay đổi tùy theo những quốc gia khác nhau. Ví dụ, ở Hoa Kỳ, tất cả các ngày thứ Sáu trong mùa Chay là những ngày kiêng cử, nghĩa là, những ngày không được ăn thịt; và thứ Tư Tro và Thứ Sáu Thánh là những ngày ăn chay cũng như kiêng thịt. Vào những ngày ăn chay một người phải tránh không dùng thức ăn đặc ngoại trừ trong một bữa ăn chính và trong hai bữa ăn nhẹ được cho phép. Ăn chay ràng buộc những ai giữa tuổi 18 và 59; những ai đã đạt đến tuổi 14 buộc phải kiêng thịt. Nếu có đầy đủ lý do, người tín hữu có thể phán đoán mà tha cho mình hay tìm sự miễn chuẩn khỏi những quy định cụ thể này. Nhưng chúng ta không bao giờ có thể được tha khỏi bốn phận làm việc đền tội. Bởi vì Giáo Hội là một gia đình đức tin, nên trong mùa Chay Giáo Hội được kêu gọi làm việc đền tội cách tập thể.

Ăn chay và kiêng thịt đương nhiên không phải là những kiểu đền tội duy nhất.

Chúng ta hãy làm chứng cho tình yêu của chúng ta đối với Đức Kitô và việc chúng ta noi gương Ngài, bằng sự quan tâm đặc biệt đến những người bệnh, những người nghèo, những người không có đặc quyền, những người bị cầm tù, những người liệt giường, những người thất vọng, những khách lạ, những người cô đơn, và những cá nhân thuộc màu da, quốc tịch, hay xuất xứ khác với chúng ta.⁸⁰

Trong Thánh Kinh, ăn chay thường liên kết với bố thí (đối chiếu: *Tôbia* 12,8; *Matthêu* 6). Khi những người no đủ ăn chay, họ nhờ vậy có thể chia sẻ với những người đói thiếu; và sự chia sẻ này bằng việc bố thí chắc chắn là một hành vi yêu thương.

Những Phong Tục Phục Sinh

Ở Âu Châu phong tục phát triển (và thỉnh thoảng được đem vào các nơi khác) như mang “nước Phục Sinh” vào nhà để ban phúc lành cho mọi sự và canh tân chúng. Thức ăn tượng trưng cho sự chỗi dậy của thiên nhiên vào mùa xuân được đặt biệt để riêng ra để được ban phúc. Tất cả những điều này được làm để công nhận có “một tạo thành mới” mà thánh Phaolô nói đến và để vui mừng là “cái cũ đã qua đi”, và “cái mới đã thành sự” (2 *Corinthô* 5,17).

Những phong tục đơn giản như thế có ý nghĩa lớn lao. Nếu phụng vụ Phục Sinh của chúng ta phải thật sự là một cuộc cử hành vui tươi, làm nổi bật phụng vụ tốt đỉnh này của cả năm, thì nó phải có chiều kích con người, phải ăn rễ trong đời sống con người của chúng ta.

Một số người quan sát rằng mặc dầu Phục Sinh là lễ trọng đại nhất của Kitô giáo, Giáng Sinh thật sự được cử hành với niềm vui lớn hơn. Lý do xem ra rõ ràng. Giáng Sinh có nhiều rung cảm đối với tâm trí con người hơn. Có những cuộc nhóm họp hay đoàn tụ gia đình, trẻ em là trung tâm sân khấu, quà tặng được trao đổi. Để thực hiện được điều tương tự cho lễ Phục Sinh, chúng ta cần

⁸⁰ Hội Đồng Giám Mục Toàn Quốc Hoa Kỳ, *Tuyên Bố Mục Vụ về Đền Tội và Kiêng Cử*, số 15 (ngày 18 tháng 11 năm 1966).

những gì khác hơn là giải thích thần học. Nếu một cộng đồng giáo xứ có thể được đưa đến chỗ nhận ra Phục Sinh như cuộc cử hành hàng năm Thanh Tẩy và Hiệp Lễ Lần Đầu của tất cả giáo dân trong xứ, thì có lẽ cũng có những cuộc nhóm họp gia đình vui vẻ, với những người đỡ đầu cũng như với cha mẹ và ông bà.

Nghi Thức Thanh Tẩy

Thanh Tẩy thật sự được cử hành không chỉ vào mùa Phục Sinh nhưng mọi thời điểm trong năm. Dầu vậy tinh thần của Mầu Nhiệm Vượt Qua phải luôn thâm nhập việc cử hành nó. Thanh Tẩy có thể được ban phát hoặc bằng đổ nước Thanh Tẩy trên đầu ứng viên ba lần, hoặc bằng cách chìm ứng viên trong nước Thanh Tẩy ba lần. Trong khi nước được dùng, người cử hành nói công thức Thanh Tẩy: “Tên, tôi thanh tẩy anh, chị... nhân danh Cha, và Con, và Thánh Thần”. Nước và lời nói biểu tượng sự sống mới của Ba Ngôi mà con người được kêu gọi tới, bằng cách thông phần vào sự chết và sống lại của Đức Kitô.

Các giám mục, các linh mục, và các phó tế là những thừa tác viên thông thường của Thanh Tẩy. Tuy nhiên, bất cứ người nào ngay cả người không phải là Kitô hữu đều có thể ban phát bí tích này cách hiệu lực bằng cách cử hành nghi thức với ý định nghiêm túc là thanh tẩy phù hợp với tâm trí của Giáo Hội. Mỗi người Công Giáo nên có khả năng ban phát bí tích này nếu trường hợp khẩn cấp đòi hỏi vậy. Trong những trường hợp như thế Giáo Hội đã chuẩn bị một nghi lễ vắn gọn thích hợp. Nếu nghi lễ này không thể dùng được, thì vẫn đầy đủ nếu đọc Kinh Tin Kính Các Tông Đồ (ngay cả việc này cũng có thể bỏ qua nếu cần thiết) và đổ nước trên người được thanh tẩy trong khi nói công thức Thanh Tẩy như đã lưu ý ở trên. Trẻ em được rửa tội trong những trường hợp khẩn cấp phải được chào đón bởi cộng đoàn Giáo Hội với những nghi lễ đặc biệt được chuẩn bị cho thời điểm mà chúng có thể đến nhà thờ được.

Mỗi ứng viên Thanh Tẩy nên có tối thiểu một cha hay một mẹ đỡ đầu. Cha hay mẹ đỡ đầu được chọn bởi hay cho người được thanh tẩy nên là một người trưởng thành (thông thường tối thiểu là 16 tuổi), là một người Công Giáo sống đức tin, là người có thể và muốn hoàn thành vai trò quan tâm thiêng liêng đến người được thanh tẩy. Trong những trường hợp đặc biệt, như trong trường hợp con cái của hôn phối hỗn hợp, một Kitô hữu đã được thanh tẩy và có đức tin của một cộng đồng ly khai có thể giúp vào như một nhân chứng thêm của Thanh Tẩy.⁸¹

Tên gọi phải được cho vào lúc Thanh Tẩy nên hòa hợp với ơn gọi Kitô hữu của một người. Người ta thường cho tên của một vị thánh. Cách lý tưởng thì người được thanh tẩy nên quen thuộc với vị thánh mà tên của ngài được chọn, như quen với một vị bảo trợ (quan thầy) và người bạn.

Những Hiệu Quả của Thanh Tẩy

Những hiệu quả của Thanh Tẩy đã được chỉ ra trong những đoạn Thánh Kinh đã được trích và cũng như trong những dấu chỉ phụng vụ của Giáo Hội đã được mô tả ở trên. Việc còn lại là đem chúng lại với nhau. Trong việc này chúng ta được cuốn *Nghi Thức Thanh Tẩy Cho Trẻ Em* giúp đỡ, vì nó xác định rõ ràng những giáo huấn của Giáo Hội về bí tích

⁸¹ Về đoạn này, đối chiếu: *Bộ Giáo Luật*, các khoản 873-874.

này. Một trong những giáo huấn đó, làm nền tảng để hiểu tất cả các bí tích, liên quan đến cách thể công chính hóa nhờ ơn sủng. Giáo Hội dạy rằng chúng ta được công chính hóa nhờ bởi ơn sủng và các ơn huệ của Thiên Chúa, và việc này “không chỉ là sự xóa bỏ tội lỗi, mà còn là sự thánh hóa và canh tân con người bên trong...”⁸² Giáo huấn này phi bác một sai lầm cho rằng công chính hóa chỉ là cái áo choàng khoát bên ngoài cho dầu được thực hiện nhờ bởi ơn sủng của Thiên Chúa. Giáo Hội khẳng định dứt khoát rằng công chính hóa là một sự thánh hóa bên trong, một sự canh tân bên trong thật sự được thực hiện “khi nhờ bởi công nghiệp của cùng một cuộc khổ nạn cực thánh, đức bác ái của Thiên Chúa, nhờ qua Ngôi Thánh Thần, được tuôn đổ vào cõi lòng của những ai được công chính hóa (đối chiếu: *Rôma* 5,5) và hiện diện trong đó [như một tính cách của họ]”⁸³.

Nhờ bởi Thanh Tẩy người ta “được sáp nhập vào Mầu Nhiệm Vượt Qua của Đức Kitô: cùng chết, cùng chịu mai táng, và cùng sống lại với Ngài...” (*Hiến chế phụng vụ*, 6). *Nghi Thức* thêm vào:

Trôi vượt hơn nhiều những thanh tẩy của lề luật cũ, Thanh Tẩy tạo ra tất cả những hiệu quả này nhờ bởi quyền năng của mầu nhiệm sự chết và sống lại của Chúa.⁸⁴

“Tất cả những hiệu quả này” được bao hàm trong Mầu Nhiệm Vượt Qua là gì?

Chết Với Đức Kitô

Trong phần ôn lại những dấu chỉ Cựu Ước của Thanh Tẩy, chúng ta đã thấy nước đồng thời vừa hủy diệt vừa ban sự sống. Cũng vậy trong Thanh Tẩy có một quá trình hủy diệt: “Những ai chịu thanh tẩy được sáp nhập giống với sự chết của Đức Kitô. Họ được mai táng với Ngài...”⁸⁵ Thánh Phaolô cắt nghĩa:

Chúng ta biết rằng con người cũ của chúng ta đã cùng bị đóng đinh, để thân xác tội lỗi bị hủy diệt, ngõ hầu chúng ta không còn làm nô lệ cho tội lỗi nữa. (*Rôma* 6,6)

Bằng cách nào chúng ta được sáp nhập giống với sự chết của Đức Kitô? Bằng cách nào chúng ta được mai táng với Ngài để chúng ta có thể vượt qua từ cõi chết đến cõi sống? Bằng cách nào chúng ta có thể cởi bỏ cái bản thân cũ? Bằng cách tẩy rửa chúng ta khỏi tội lỗi, nước của Thanh Tẩy đặt chúng ta trên con đường mới của sự sống. Khi những người trưởng thành được thanh tẩy, tội lỗi của họ được tha thứ ngay khi họ lãnh nhận sự sống mới của ơn sủng; vì ơn sủng thiên linh, nhờ bởi cuộc khổ nạn và cái chết của Đức Kitô, có hiệu quả tha thứ và chữa lành. Do vậy, Thanh Tẩy tẩy xóa tội nguyên tổ và cũng như mọi tội riêng cho những ai được thanh tẩy sau tuổi thơ ấu, những tội được thành tâm hối cải:

⁸² Công Đồng Trentô, Phiên Hợp 6, ngày 13 tháng 1 năm 1547, *Sắc Lệnh về Công Chính Hóa*, chương 7 (DS 1528).

⁸³ Công Đồng Trentô, Phiên Hợp 6, ngày 13 tháng 1 năm 1547, *Sắc Lệnh về Công Chính Hóa*, chương 7 (DS 1530).

⁸⁴ *Nghi Thức Thanh Tẩy Cho Trẻ Em*, Dẫn Nhập Tổng Quát, số 6 (EV 3.1097).

⁸⁵ *Nghi Thức Thanh Tẩy Cho Trẻ Em*, Dẫn Nhập Tổng Quát, số 6 (EV 3.1097).

Hỡi mỗi người trong anh em, hãy hối cải và hãy chịu thanh tẩy nhân danh Đức Giêsu Kitô để tội lỗi anh em được tha thứ, và anh em sẽ được lãnh nhận ơn huệ của Thánh Thần. (*Công Vụ các Tông Đồ 2,38*)

Những người trở lại với Đức Kitô không cần quy phục quyền năng của các chìa khóa bằng việc xưng thú tội lỗi của họ; trong Thanh Tẩy họ được tha thứ bởi hành vi ân xá thiên linh.

Vì tội nguyên tổ liên quan đến tất cả thành viên trong chủng loại chúng ta, xét theo phương diện này thì trẻ nhỏ cũng như người lớn đều phải “chết” với Đức Kitô và đi đến đời sống mới của ơn sung. Điều này được làm rõ bằng lời nguyện từ tạ trong nghi lễ Thanh Tẩy:

Lạy Thiên Chúa toàn năng hằng hữu,
Chúa đã sai Con Chúa xuống thế gian
Để trục xuất quyền lực của ác thần Satan...
Chúng con nài xin Chúa làm cho những trẻ nhỏ này,
được khỏi tội nguyên tổ,
được Chúa Thánh Thần ngự trong tâm hồn,
và được trở nên đền thờ của Chúa uy linh.⁸⁶

Mặc dầu sự mắc tội nguyên tổ bị lấy đi, một số hậu quả của nó vẫn còn.
Vì vậy Giáo Hội cũng cầu nguyện:

Giờ đây chúng ta cầu nguyện cho những trẻ nhỏ này
là những người sẽ phải đối diện với thế gian với những cám dỗ của nó,
và sẽ phải chiến đấu với quỷ dữ với mọi mưu chước của nó.⁸⁷

Thánh Phaolô nói về hậu quả của tội lỗi như ước muốn mãnh liệt hay dục vọng, điều mà ngài thỉnh thoảng cũng gọi là “tội”.

Khuynh hướng về tội lỗi này vẫn còn trong những ai đã được sinh lại trong Thanh Tẩy. Nó được “để lại cho chúng ta vật lộn với nó”, nhưng nó “không thể làm hại những ai không ưng theo nhưng can đảm chống lại nó nhờ vào ơn sung của Đức Giêsu Kitô”.⁸⁸ “Cuộc vật lộn” này, cuộc chiến đấu vật này với chính những ước muốn của chúng ta, liên quan đến sự tham dự suốt đời vào cơn hấp hối của Đức Giêsu. Thiên Chúa cho phép chúng ta chịu đựng cuộc chiến này để chúng ta có thể thông phần trọn vẹn hơn vào công việc vĩ đại là sự cứu rỗi của chính chúng ta. Thỉnh thoảng cuộc chiến đấu này dường như quá mức đối với chúng ta. Nhưng sự kiên vững được làm thành khả dĩ nhờ bởi ơn sung ban sự sống và chữa lành của Đức Giêsu phục sinh, ơn sung này cũng bảo đảm sự chiến thắng cho những ai muốn chiến thắng.

Chỗi Dậy với Đức Kitô

Người được thanh tẩy chết với Đức Kitô để chỗi dậy với Ngài và chia sẻ sự sống của Ngài:

⁸⁶ *Nghi Thức Thanh Tẩy Cho Trẻ Em*, số 49.

⁸⁷ *Nghi Thức Thanh Tẩy Cho Trẻ Em*, số 49.

⁸⁸ Công Đồng Trentô, Phiên Hợp 5, ngày 17 tháng 6 năm 1546, *Sắc Lệnh về Tội Nguyên Tổ*, số 5 (DS 1515)

“Họ được mai táng với Ngài, họ lại được ban cho sự sống với Ngài, và họ lại chỗi dậy với Ngài. Vì Thanh Tẩy gọi lại những kết quả của chính Mầu Nhiệm Vượt Qua, bởi vì nhờ nó người nam người nữ vượt qua từ cái chết của tội lỗi vào trong sự sống.”⁸⁹

Chính sự sống lại của Đức Kitô mà chúng ta chia sẻ. Khi thánh Phaolô nói: “Tôi đã cùng bị đóng đinh thập giá với Đức Kitô. Tôi sống, nhưng không phải tôi, mà là chính Đức Kitô sống trong tôi,” ngài đang viết về sự sống lại, vì ngài thêm:

Đời sống mà tôi lúc này đang sống trong thân xác, thì tôi sống nó trong lòng tin vào Con Thiên Chúa, Đấng đã yêu thương tôi và phó nộp mình vì tôi. (*Galat* 2,19-20)

Sự đổi mới bên trong mà chúng ta đã nói trên đây là hiệu quả của của việc thông phần này vào sự sống lại của Đức Kitô.

Thanh Tẩy làm chúng ta thành những thành phần của Giáo Hội. Nhưng trở nên thành phần của Giáo Hội là được biến đổi triệt để; đó là được sáp nhập vào cây nho (đối chiếu: *Gioan* 15,4-6) và được nối kết sống động vào Thân Mình của Đức Kitô. Nhờ qua sự ràng buộc tràn khắp của sự sống mà chúng ta trở nên những thành phần của dân được ký giao ước của Thiên Chúa. Tất cả điều này được tạo ra trong Mầu Nhiệm Vượt Qua: “Chén này là Giao Ước Mới trong máu Ta, phải đổ ra vì các ngươi” (*Luca* 22,20).

Con Cái của Thiên Chúa

“Thanh Tẩy, việc tẩy rửa bằng nước nhờ bởi quyền năng của Lời hằng sống, làm chúng ta thành những người thông phần vào sự sống của chính Thiên Chúa và những dưỡng tử của Ngài”.⁹⁰ Thanh Tẩy vừa là sự chỗi dậy với Đức Kitô vừa là sự sinh ra lại. Như thánh Phêrô đã viết:

“Chúc tụng Thiên Chúa và là Cha của Chúa chúng ta, Đức Giêsu Kitô! Đấng theo lòng thương xót bao la của Ngài đã làm cho chúng ta sinh ra lại cho niềm hy vọng luôn sống nhờ qua sự sống lại từ cõi chết của Đức Giêsu Kitô...” (*1 Phêrô* 1,3).

Chúng ta trở nên con cái Thiên Chúa nhờ qua Thanh Tẩy là điều chính Chúa Giêsu nói cho chúng ta:

Quả thật, quả thật, Ta bảo ông, ai không sinh ra bởi nước và Thần Khí, thì không thể vào được vương quốc của Thiên Chúa. (*Gioan* 3,5)

Vì Đức Giêsu Kitô là “Con Một của Thiên Chúa” (*Gioan* 3,18), chúng ta lãnh nhận địa vị của chúng ta nhờ bởi việc “nhận làm con” (*Galat* 4,5). Dầu vậy, như thánh Gioan bảo đảm với chúng ta, việc nhận làm con này là gì đó nhiều hơn là một tiến trình luật pháp, như khi những đứa trẻ được nhận làm con theo luật pháp:

“Hãy xem tình yêu Cha đã ban cho chúng ta lớn lao chừng nào: đó là chúng ta được gọi là con cái Thiên Chúa; và thực chúng ta là thế” (*1 Gioan* 3,1).

⁸⁹ *Nghị Thức Thanh Tẩy Cho Trẻ Em*, Dẫn Nhập Tổng Quát, số 6 (EV 3.1097).

⁹⁰ *Nghị Thức Thanh Tẩy Cho Trẻ Em*, Dẫn Nhập Tổng Quát, số 5 (EV 3.1096).

Con cái chia sẻ bản tính của cha mẹ mình. Nếu chúng ta thật sự là con cái Thiên Chúa, thì chúng ta cách nào đó phải thông phần vào bản tính và sự sống của Thiên Chúa. Thánh Kinh bảo đảm với chúng ta rằng chúng ta phải như vậy:

Ngài đã ban xuống cho chúng ta những lời hứa cao quý vĩ đại, ngõ hầu nhờ vậy anh em thoát khỏi sự bại hoại bởi đam mê thể tục và được thông phần vào cùng một bản tính thiên linh. (2 Phêrô 1,4)

Chức Tư Tế Vương Giả

Thư thứ nhất của thánh Phêrô phần lớn là sự suy niệm về Thanh Tẩy, những hiệu quả của nó, và những hàm ý mang tính thực hành của nó. Thư đem những chủ đề trên lại với nhau mặc dầu diễn tả bằng ngôn từ phân biệt riêng của thư: “Như những viên đá sống động hãy để Ngài xây cất anh em thành tòa nhà thiêng liêng, cho chức tư tế thánh thiện, để dâng lên hy tế thiêng liêng được Thiên Chúa vui nhận nhờ qua Đức Giêsu Kitô” (1 Phêrô 2,5). Trong phần nghiên cứu về bí tích các Chức Thánh chúng ta đã thấy sự khác biệt giữa chức tư tế của giáo dân và chức tư tế theo thừa tác vụ. Thánh Phêrô ở đây nói về Thanh Tẩy, nhờ bởi nó mà tất cả trở thành những người thờ phượng Thiên Chúa trong Thần Khí và sự thật:

Anh em là dòng giống được tuyển chọn, bậc tư tế vương giả, quốc gia thánh thiện, dân được chọn làm sở hữu của Thiên Chúa, ngõ hầu anh em loan truyền những kỳ công của Đấng đã kêu gọi anh em ra khỏi sự tối tăm vào trong ánh sáng huyền diệu của Ngài; [anh em là] những kẻ xưa kia không phải là dân [Ngài] mà nay là dân của Thiên Chúa. (1 Phêrô 2,9-10)

Thánh tông đồ gợi nhớ sự Xuất Hành trong đó dân Do Thái được nói đến như một bậc tư tế vương giả (đối chiếu: *Xuất Hành* 19,6) mặc dầu chỉ những thầy Lêvi được chỉ định đặc biệt cho việc phục vụ thiên linh.

Một cách tương tự, trong khi một chức bậc mới của các tư tế, chia sẻ chức Thượng Tế của Đức Kitô, đã được thiết lập để tiếp tục và làm lại hy tế của Ngài, mọi người được thanh tẩy giờ đây được kêu gọi gia nhập vào việc thờ phượng Thiên Chúa cách trọn vẹn, có ý thức, và năng động. Như văn cảnh cũng cho thấy, thánh Phêrô ở đây đang nói đến sự thờ phượng của dân chúng không chỉ theo nghĩa phụng vụ của nó mà còn theo nghĩa rộng hơn, bao hàm và thánh hóa mọi bồn phận của đời sống. *Nghi Thức Thanh Tẩy Cho Trẻ Em* đem những ý tưởng này lại với nhau khi sách nói rằng:

Thanh Tẩy là bí tích mà nhờ bởi nó người nam và người nữ trở nên thành phần của Giáo Hội, được xây dựng thành ngôi nhà nơi Thiên Chúa sống, trong Ngôi Thánh Thần, [và] thành phần của một dân tộc thánh thiện và của một chức tư tế vương giả.⁹¹

Thanh Tẩy Trẻ Nhỏ

Cho đến đây chúng ta đã lưu tâm khá nhiều đến Thanh Tẩy Người Lớn. Bây giờ chúng ta chuyển qua Thanh Tẩy Trẻ Nhỏ.⁹² Việc thực hành thanh tẩy trẻ nhỏ từng bị một số người

⁹¹ *Nghi Thức Thanh Tẩy Cho Trẻ Em*, Dẫn Nhập Tổng Quát, số 4 (EV 3.1095).

⁹² Đối chiếu: Bộ Giáo Lý Đức Tin, *De Baptismo Parvulorum (Về Thanh Tẩy của Các Trẻ Em)* (ngày 20 tháng 10 năm 1980) (EV 7.587-630).

chất vẫn trong quá khứ thì cũng bị một số người chất vấn lại hôm nay. “Tại sao thanh tẩy một trẻ nhỏ, nó không có hiểu biết, nó không thể cam kết dần thân?” “Không phải là điều không khôn ngoan hay thậm chí bất công sao việc cha mẹ quyết định trước tôn giáo của một đứa trẻ, như vậy lấy đi hay giảm đi tự do chọn lựa sau này?”

Giáo Hội đã long trọng xác định hiệu lực tính của Thanh Tẩy Trẻ Nhỏ.⁹³ Thật vậy, luật Giáo Hội truyền lệnh cho người Công Giáo phải cho con cái mình được thanh tẩy trong những tuần đầu tiên sau khi sinh.⁹⁴

Hầu như từ lúc đầu, nếu không phải là ngay từ khởi đầu của Kitô giáo, Thanh Tẩy Trẻ Nhỏ đã được thực hành khi cả gia đình được thanh tẩy. Chắc đã có những trẻ em trong số “các người thân thích cùng bằng hữu nghĩa thiết” (*Công Vụ các Tông Đồ* 10,24) mà Cornêliô mời nghe thánh Phêrô rao giảng và sau đó được thanh tẩy với ông (đối chiếu: *Công Vụ các Tông Đồ* 10,48). Dầu sao, Thanh Tẩy Trẻ Nhỏ rõ ràng đã được thực hành rất sớm. Origenê viết vào thế kỷ thứ ba nói rõ là truyền thống thanh tẩy trẻ nhỏ của Giáo Hội đến từ các tông đồ.⁹⁵ Thánh Augustinô trích dẫn thực hành phổ quát việc thanh tẩy trẻ nhỏ như bằng chứng cho xác tín truyền thống của Giáo Hội về tội nguyên tổ.⁹⁶

Lý do thần học của Thanh Tẩy Trẻ Nhỏ được chính Đức Giêsu cho:

Quả thật, quả thật, Ta bảo ông, ai không sinh ra bởi nước và Thần Khí, thì không thể vào được vương quốc của Thiên Chúa. (*Gioan* 3,5)

Không thể có tuyên bố nào mạnh mẽ hơn về sự cần thiết của Thanh Tẩy. Sau sự phục sinh của Ngài, Đức Giêsu đã tóm tắt toàn bộ lịch sử quyền năng cứu rỗi của Thiên Chúa hành động nhờ qua nước, khi Ngài đã đặt tất cả dưới sự đòi buộc lãnh nhận Thanh Tẩy:

Hãy đi khắp thế giới rao giảng Tin Mừng cho mọi loài thụ tạo. Ai tin và chịu thanh tẩy thì sẽ được cứu rỗi, còn ai không tin sẽ bị kết án. (*Marcô* 16,15)

Vả lại, cha mẹ đã trở lại Kitô giáo, đặc biệt khi sự trở lại đã là một kinh nghiệm thiêng liêng sâu xa, chẳng lẽ họ lại không khát khao chia sẻ điều đó với con cái mình sao? Chẳng lẽ họ không lo lắng nhiều nhất để con cái mình cũng trở nên những công dân của vương quốc Thiên Chúa và có toàn bộ đời sống quy hướng về Ngài như là sự thiện tối cao và cứu cánh sau cùng và chân thật sao? Chẳng lẽ họ lại không ước muốn chúng lãnh nhận sự định hướng này trong khi chúng còn mở rộng lòng nhiều nhất cho sự hướng dẫn từ những người mà chúng yêu thương sao?

Thật ra, chính xã hội cũng quan tâm đến việc chào đời của một đứa trẻ. Sự ra đời của một em nhỏ là biến cố quan trọng trong đời sống của một gia đình và cũng như trong đời sống của một xã hội, xã hội đang đón nhận một thành viên mới có thể mang tính sáng tạo mà cũng có thể mang tính hủy diệt.

Trẻ em sinh ra từ cha mẹ Kitô hữu được gia nhập vào dân được ký giao ước của Thiên Chúa nhờ bởi Thanh Tẩy. Các em được cho một vị trí, không chỉ trong gia đình của các em mà còn trong cộng đồng Giáo Hội và cũng như trong vũ trụ; các em được

⁹³ Đối chiếu: Công Đồng Trentô, Phiên Hợp 7, ngày 3 tháng 3 năm 1547, *Sắc Lệnh về Các Bí Tích*, khoản 13 về bí tích Thanh Tẩy (DS 1626).

⁹⁴ Đối chiếu: *Bộ Giáo Luật*, khoản 867.

⁹⁵ Đối chiếu: Origen, *In Romanos Commentarii* (*Bình Giải về Thư Gửi Tín Hữu Rôma*) 5.9 (MG 14.1047). Cũng đối chiếu: Thánh Cyprianô, *Epistula* (*Thư*) 64.5.2 (ML 3.1018 = ACW 46.112).

⁹⁶ Đối chiếu: ví dụ thánh Augustinô, *Contra Iulianum Opus Imperfectum* (*Chống Lại Tác Phẩm Khiếm Khuyết của Giulian*) 1.50 (ML 45.1073).

trang bị với một mục đích, một chìa khóa vào ý nghĩa cuộc đời, và một vị trí trong nhiệm vụ của sự cứu rỗi mà trong đó những điều này được làm thành hiện thực. Một trẻ em được thanh tẩy thì được gia nhập vào “đòng giống được tuyển chọn, bậc tư tế vương giả, quốc gia thánh thiện, dân được chọn làm sở hữu của Thiên Chúa” (1 Phêrô 2,9). Lúc Thanh Tẩy chúng ta được đón chào trên trần thế này bởi chính Thiên Chúa Đấng đã sáng tạo nên chúng ta, được tiếp nhận nhờ qua Ngôi Con và đồng thời được làm thành những chi thể của Thân Mình mà Đầu là Đức Kitô.

Cha mẹ, bằng việc đem con đi thanh tẩy, cũng đang hành động như những thành viên của dân được ký giao ước của Thiên Chúa; họ đang thi hành chức tư tế vương giả của mình bằng việc đưa con mình gia nhập vào quốc gia thánh thiện của Thiên Chúa.

Sự Cần Thiết của Thanh Tẩy

Giáo Hội, lắng nghe những lời của Tin Mừng (đối chiếu: ví dụ *Gioan* 3,3.5), dạy rằng không ai có thể vào vương quốc thiên đàng trừ phi người đó được thanh tẩy.⁹⁷

Đòi hỏi dứt khoát này về tính cần thiết của Thanh Tẩy để được cứu rỗi có lẽ xem ra khó hiểu đối với nhiều người. Chẳng phải nó không dẫn tới kết luận là sự cứu rỗi không thể có cho những ai không bao giờ nghe đến Đức Kitô hay sự Thanh Tẩy sao? Đây không hề là một câu hỏi mới. Câu trả lời cũng không phải mới. Không phải tất cả sự Thanh Tẩy là thanh tẩy theo bí tích với nước. Cũng có “thanh tẩy của máu” và “thanh tẩy của lòng khao khát”.

Thanh tẩy của máu được lãnh nhận bằng cách chết cho Đức Kitô. Các Thánh Anh Hải (đối chiếu *Matthêu* 2,16-18) đã lãnh nhận sự Thanh Tẩy như thế, những dự tòng thời sơ khai cũng vậy khi họ chết mà làm chứng cho Đức Kitô.

Thanh tẩy của lòng khao khát có một phạm vi rộng hơn nhiều. Nó hiện diện rõ ràng nhất nơi những ai minh nhiên ước muốn được thanh tẩy nhưng chết trước khi ý định của họ có thể thực hiện được. Và lại, khao khát Thanh Tẩy không buộc phải minh nhiên. Thanh Tẩy của lòng khao khát có thể hiện diện nơi một người đáp trả ơn sủng của Thiên Chúa có đức tin vào Ngài và yêu mến Ngài. Thanh Tẩy của lòng khao khát chắc chắn được lãnh nhận bởi những ai mặc nhiên hay minh nhiên khao khát Thanh Tẩy nhưng vì một lý do nào đó không thể lãnh nhận nó theo cách bí tích. Ngay cả những ai không biết Đức Kitô và Giáo Hội Ngài nhưng không phải do lỗi của họ thì vẫn có thể được kể như những Kitô hữu vô danh nếu nỗ lực của họ sống một đời sống tốt lành thật sự là sự đáp trả ơn sủng của Ngài, ơn sủng được ban với mức đầy đủ cho tất cả (đối chiếu: *Hiến chế tín lý về Giáo Hội*, 16).⁹⁸

Ngay cả đức tin vô danh này cũng được hướng vào Giáo Hội cách mặc nhiên. Chỉ có một Đức Kitô mà trong Ngài loài người được cứu rỗi. Những ai yêu mến Ngài mà không biết Ngài thật sự ước muốn làm theo toàn bộ ý muốn của Ngài dù một cách lơ mờ. Vậy thì một cách mặc nhiên họ thật sự khao khát Thanh Tẩy, và chúng ta gọi điều này là “thanh tẩy của lòng khao khát”.

⁹⁷ Đối chiếu: ví dụ Công Đồng Florence, Bulla (Sắc Chỉ) *Exsultate Deo* (Hãy Hoan Hỉ đối với Thiên Chúa) (ngày 22 tháng 11 năm 1439) (DS 1314); Công Đồng Trentô, Phiên Hợp 6, ngày 13 tháng 1 năm 1547, *Sắc Lệnh về Công Chính Hóa*, chương 4 (DS 1524) và Phiên Hợp 7, ngày 3 tháng 3 năm 1547, *Sắc Lệnh về Các Bí Tích*, khoản 5 về bí tích Thanh Tẩy (DS 1618). Cũng đối chiếu: *Bộ Giáo Luật*, khoản 849.

⁹⁸ Cũng đối chiếu: Bộ Thánh Vụ [nay là Bộ Giáo Lý Đức Tin], *Thư Gửi Tổng Giám Mục Boston* (ngày 8 tháng 8 năm 1949) (DS 3866-3873).

Ấn Tích Thanh Tẩy

Giáo Hội dạy rằng Thanh Tẩy, giống như Thêm Sức và các Chức Thánh, in một ấn tích hay dấu chỉ vĩnh viễn.⁹⁹ Thánh Augustinô, người đã đem cách dùng của từ “ấn tích” vào trong thần học Kitô giáo, rút ra cách dùng đó từ dấu ấn mà nhờ bởi nó quân lính được nhận dạng như thuộc quyền một vị tư lệnh cụ thể nào, có bốn phận trung thành với ông ta. Trong Thánh Kinh từ được dùng là “ấn”, là cái cũng đánh dấu hay nhận dạng. Tuy nhiên ấn tích bí tích chỉ hữu hình trong điều này đó là nó được ban xuống trong một nghi thức hữu hình.

Để hiểu thực tại thiêng liêng mà từ “ấn tích” ở đây diễn tả cách biểu tượng, chúng ta phải lưu ý sự khác biệt quan trọng giữa những bí tích này và những bí tích kia. Những bí tích kia có thể được lãnh nhận hơn một lần, nhưng Thanh Tẩy, Thêm Sức, và các Chức Thánh không thể. Điều này có lý do. Bên cạnh ơn sủng mà chúng ban xuống, những ơn sủng có thể bị mất đi vì tội lỗi, các bí tích Thanh Tẩy, Thêm Sức, và các Chức Thánh cũng ban xuống một hiệu quả trường tồn. Hiệu quả này tiếp tục tồn tại ngay cả khi người lãnh nhận phạm tội nghiêm trọng. Nó còn đó vĩnh cửu. Thánh Gioan trong một thị kiến về trời cao thấy một thiên thần với “ấn của Thiên Chúa hằng sống”, được dùng đánh dấu “trên trán họ, các tội tở của Thiên Chúa chúng ta” (*Khải Huyền* 7,3). Mặt khác, thánh Phaolô nói về hữu thể của chúng ta đã được đóng dấu rồi trong việc chấp nhận Tin Mừng: “Trong Ngài, cả anh em nữa, bởi đã nghe lời sự thật, Tin Mừng cứu rỗi anh em, và đã tin vào Ngài, thì được niêm ấn Thánh Thần, bảo đảm cho lời hứa” (*Êphêsô* 1,13). Con dấu cũng được liên kết với việc xức dầu và Ngôi Thánh Thần (do vậy mà dùng dầu chrisma trong nghi lễ Thanh Tẩy và Thêm Sức): “Chính Thiên Chúa là Đấng làm cho chúng tôi cùng với anh em được kiên cố trong Đức Kitô và đã xức dầu cho chúng ta. Chính Ngài cũng đã niêm ấn của Ngài trên chúng ta, và ban xuống lòng chúng ta Thần Khí Ngài như một bảo chứng” (2 *Corinthô* 1,21-22). Giống như thánh Gioan, thánh Phaolô cũng thấy con dấu này trường tồn vĩnh cửu: “Anh em đừng làm buồn lòng Thánh Thần của Thiên Chúa, ấn tín mà anh em đã được niêm đợi ngày cứu chuộc” (*Êphêsô* 4,30).

Ấn tích chỉ vào tính cách ổn định và trường tồn của Giáo Hội. Ấn tích kêu lên rằng những ơn huệ của Thiên Chúa là trường tồn, và Ngài sẽ tiếp tục việc làm của lòng thương xót Ngài trong và nhờ qua những ai Ngài đã chọn. “Anh em thuộc về Đức Kitô; và Đức Kitô thuộc về Thiên Chúa” (1 *Corinthô* 3,23). Giống như các linh mục thông phần đầy đủ vào chức tư tế của Đức Kitô, và được truyền chức để làm cho hy tế của Ngài hiện diện khắp nơi, thì cũng vậy nhờ bởi Thanh Tẩy, tất cả đều căn bản tham dự vào chức tư tế vương giả của Đức Kitô, được chỉ định cho việc thờ phượng thiên linh, và được ban cho khả năng dâng hiến toàn bộ cuộc đời của mình kết hiệp với hy tế của Ngài. Ngay cả khi họ sa ngã, họ có thể được hòa giải với Giáo Hội nhờ bởi bí tích Sám Hối mà không lặp lại Thanh Tẩy.

Đức Kitô đánh dấu riêng những ai thuộc về Ngài. Ngài đã chọn chúng ta. Chúng ta thuộc về Ngài. Ngài cầu nguyện – thật sự, Ngài chết – để Ngài sẽ giữ được tất cả chúng ta:

⁹⁹ Công Đồng Trentô, Phiên Họp 7, ngày 3 tháng 3 năm 1547, *Sắc Lệnh về các Bí Tích*, khoản 9 về các bí tích nói chung (DS 1609). Cũng đối chiếu: *Bộ Giáo Luật*, khoản 849.

Lạy Cha, những ai mà Cha đã ban cho con, thì Con muốn là Con ở đâu, họ cũng ở đó với Con... Đây là ý muốn của Đấng đã sai Ta là phạm sự gì Ngài đã ban cho Ta, thì Ta không được để hư mất đi điều gì. (*Gioan 17,24; 6,39*)

Ấn tích Thanh Tẩy đồng thời là dấu chỉ của ơn gọi vĩnh viễn làm người Kitô hữu, của việc người đó được gọi bởi Đức Giêsu Kitô, và trước nhất của tình yêu khởi xướng trước về phía Thiên Chúa.

----- Những Câu Hỏi Thảo Luận -----

1. Hãy bàn về tương quan giữa bí tích Thanh Tẩy, mùa Chay và Canh Thức Đêm Phục Sinh
2. Trong bí tích Thanh Tẩy chúng ta được “được sáp nhập vào Mầu Nhiệm Vượt Qua của Đức Kitô”, nhờ chết với Ngài, mai táng với Ngài và chỗi dậy với Ngài đến với đời sống mới. Bằng cách nào mà bạn có kinh nghiệm về ơn sủng của Thanh Tẩy trong đời sống hàng ngày như một môn đệ của Đức Kitô?
3. Hãy bàn về ý nghĩa của mỗi biểu tượng bí tích và mỗi Nghi Thức Thanh Tẩy. Bằng cách nào ấn tích Thanh Tẩy của bạn khích lệ việc hàng ngày hoán cải đời sống?

Tham Khảo Thêm:

Giáo Lý Công Giáo Hoa Kỳ cho Người Lớn: Chương 15 – Thanh Tẩy: Trở Thành Một Kitô Hữu.

Sách Giáo Lý của Hội Thánh Công Giáo, 1210-1284.

Giáo Tông Bênêđictô XVI, *Bí Tích của Đức Báp Ti. Tông Huấn sau Công Nghị* [các Giám Mục], ngày 22 tháng 2 năm 2007.

Những Điều Cần Nhớ...

- ✘ Thanh Tẩy là một bí tích trong đó chúng ta được sinh ra lại; trong bí tích đó chúng ta chết với Đức Kitô và tội lỗi của chúng ta được tha thứ, và nhờ qua bí tích đó chúng ta chỗi dậy tới đời sống thiên linh và mới mẻ như những chi thể của Đức Kitô, những con cái của Thiên Chúa, và những người thừa kế của đời sống vĩnh cửu.
- ✘ Thanh Tẩy cần thiết cho sự cứu rỗi; trong khi thanh tẩy bằng nước là hình thức thông thường, một người không thể lãnh nhận sự Thanh Tẩy theo bí tích này có thể được cứu rỗi nhờ bởi «thanh tẩy của lòng khao khát» và «thanh tẩy của máu».
- ✘ Trong trường hợp khẩn cấp, bất kỳ ai, ngay cả một người không phải Kitô hữu, đều có thể thanh tẩy hiệu lực.
- ✘ Thanh Tẩy, giống như Thêm Sức và các Chức Thánh, in một ấn tích hay dấu chỉ vĩnh viễn; ấn tích này nhận dạng người lãnh nhận như mãi mãi thuộc về Đức Kitô một cách đặc biệt, và những bí tích này không thể được lặp lại.

CHƯƠNG NĂM

Bí Tích Thêm Sứ

(SGLHTCG 1285-1321)

Nguồn Gốc Thiên Linh của Thêm Sứ

Thêm Sứ (giống như Xức Dầu Bệnh Nhân và Hôn Phôi) là một bí tích mà chúng ta biết đến lần đầu tiên là trong các đoạn văn Tân Ước nói đến việc dùng nó trong phụng vụ của Giáo Hội. Các Tin Mừng không chứa đựng giáo huấn trực tiếp nào về bí tích này, như chứa đựng giáo huấn về [bt] Minh Máu Thánh, Thanh Tẩy, và Sám Hối. Khi chúng ta nghe về bí tích này lần đầu tiên trong Tân Ước, thì nó đã được ban phát rồi trong Giáo Hội sơ khai – Đức Kitô đã lên trời rồi. Có hai chỗ trong Công Vụ các Tông Đồ trong đó bí tích này được ghi lại.

Các tông đồ ở Giêrusalem nghe tin xứ Samaria đã đón nhận lời Thiên Chúa thì sai Phêrô và Gioan đến với họ. Các ngài xuống và đã khấn nguyện cho họ được chịu lấy Thánh Thần. Vì Thánh Thần chưa xuống trên ai trong nhóm họ, họ mới chỉ được thanh tẩy nhân Danh Chúa Giêsu. Bấy giờ các ngài đặt tay cho họ, và họ đã được chịu lấy Thánh Thần. (*Công Vụ các Tông Đồ* 8,14-17)

Đoạn văn kia là *Công Vụ các Tông Đồ* 19,5-7.

Việc chúng ta biết về Thêm Sứ nhờ qua phụng vụ của nó là điều quan trọng. Điều này làm nổi bật tầm quan trọng của phụng vụ như một phương thể để học biết và loan truyền giáo huấn tôn giáo.¹⁰⁰

Một số Kitô hữu phủ nhận giáo huấn chắc chắn của Giáo Hội dạy rằng Thêm Sứ là một bí tích phân biệt được Đức Kitô thiết lập. Sự phủ nhận của họ có thể phát sinh từ việc giải thích sai lầm về cách thức mà đức tin được loan truyền. Không phải mọi điều mà Giáo Hội tin đều được diễn giải cách minh nhiên bằng những mệnh đề trừu tượng. Đức tin có thể được nhập thể trong những thái độ và nghi thức của nó trước khi nó được công thức hóa cách minh nhiên. Điều này chắc chắn đúng thật với bí tích Thêm Sứ (và cũng như với Xức Dầu Bệnh Nhân và Hôn Phôi). Chúng ta phải bắt đầu với bí tích này như được cử hành, rồi thì đi ngược lại đến các Tin Mừng và đến các kiểu mẫu Cựu Ước để khám phá những ý nghĩa phong phú được đem đến với nhau trong nghi thức bí tích này.

Xức Dầu trong Thánh Kinh

Việc xức dầu được thêm vào việc đặt tay, được mô tả trong *Công Vụ các Tông Đồ*. Dầu ôliu là một sản phẩm có giá ở Pha-lê-tinh (Palestine) như ở hầu hết thế giới cổ thời. Bởi vì có nhiều công dụng nên nó cũng phong phú về ý nghĩa. Nó là gia vị đồ ăn, một thứ giúp làm đẹp, một phương thuốc, một chất sệt bôi cho lực sĩ và trộn với nước hoa bôi cho tươi mát sau khi tắm; và nó là một dấu chỉ của niềm vui. Nó cũng đã là nhiên liệu thông thường của đèn, ngay cả trong cung thánh. Một thứ dầu thánh thiêng đặc biệt cho việc

¹⁰⁰ Đối chiếu: Giáo Tông Piô XII, Thông Điệp *Mediator Dei* (*Đấng Trung Gian của Thiên Chúa*) (ngày 20 tháng 11 năm 1947), các số 47-48.

xức dầu đã được chuẩn bị theo sự chỉ dẫn của Môsê (đối chiếu *Xuất Hành* 30,25 và tiếp theo). Aharon đã được xức dầu như thượng tế, và rồi đến các con trai của Aharon (đối chiếu: *Lêvi* 8,12.30). Sau đó Samuel xức dầu Saul làm vua, rồi đến David (đối chiếu: *1 Samuel* 10,1 và tiếp theo; 16,13 và tiếp theo). Trong những điển hình này, việc xức dầu đem Thần Khí đến trên những người lãnh nhận nó, phát sinh ra những hành động phi thường: Saul thì nói tiên tri còn “Thần Khí của Giavê đã mạnh mẽ đáp xuống trên David” (*1 Samuel* 16,13).

Vì Đức Giêsu thuộc dòng dõi David là Đấng Mêsia, Ngài chắc chắn sẽ được xức dầu. Isaia đã tiên báo như vậy (đối chiếu: *Isaia* 61,1), và đây chính là lời tiên tri mà Đức Giêsu đọc và giải thích khi giảng dạy tại Nazaret: “Thần Khí Chúa ở trên tôi, bởi vì Ngài đã xức dầu cho tôi...” (*Luca* 4,18). Chắc chắn Đức Giêsu đã trực tiếp được xức dầu bởi Thần Khí trực tiếp xức dầu, theo sau việc Ngài chịu thanh tẩy bởi Gioan. Tuy nhiên, *Thư gửi tín hữu Do Thái* áp dụng cho Đức Giêsu, ít nhất là cách biểu tượng, một đoạn văn của Cựu Ước nói đến việc xức dầu bằng dầu:

Nhưng về Con, thì Ngài nói, ‘... Ngài đã yêu chuộng chính trực và ghét gian tà, nên hỡi Thiên Chúa, Thiên Chúa của Ngài, đã xức dầu cho Ngài bằng dầu hoan lạc, vượt trên các kẻ tranh thủ với Con. (*Do Thái* 1,8-9; đối chiếu: *Thánh Vịnh* 45,7-8)

Bí Tích của Ngôi Thánh Thần

Như vậy dầu đã đi đến chỗ biểu tượng cho việc Ngôi Thánh Thần đến, như một sự chia sẻ quà tặng trước tiên được gửi đến các tông đồ. Đã có những lúc việc đặt tay bị hòa nhập vào trong hành vi xức dầu (như trong các Giáo Hội Đông Phương), và đã có những lúc khác cả hai hành động này được giữ phân biệt nhau. Nên lưu ý rằng ngày nay trong lễ điển Latin, “bí tích Thêm Sức được trao ban bằng việc xức dầu thánh (chrisma) trên trán, đồng thời với việc đặt tay và đọc lời này: ‘T..., hãy lãnh nhận ấn tín ơn Chúa Thánh Thần (Accipe signaculum doni Spiritus Sancti)’”¹⁰¹.

Trong việc ban phát bí tích này, dầu oliu được làm thơm với chất balsam (nhựa thơm từ cây bóng nước) được dùng (mặc dầu các dầu thực vật thích hợp khác và các thứ chất thơm khác cũng có thể chấp nhận tùy theo sự hữu dụng có sẵn). Khi thánh hiến dầu chrisma này, giám mục gọi lại rằng tên của nó đến từ Đức Kitô (Christus), là Đấng Messiah, “Đấng Được Xức Dầu”. Giám mục tiếp tục cầu nguyện rằng những ai lãnh nhận bí tích này có thể được ban cho “sự đầy đủ của quyền năng ngôn sứ, tư tế, và vương đế”. Với dầu chrisma, người Kitô hữu được làm thành Đức Kitô, nếu có thể nói như vậy.

Thêm Sức hiện hữu để mở rộng ra cho Giáo Hội ở mọi thời và mọi nơi Quà Tặng là Ngôi Thánh Thần được sai gửi đến các tông đồ vào ngày lễ Ngũ Tuần (Năm Mươi). Ngôi Thánh Thần là ơn huệ của Đức Kitô:

Ta sẽ xin Cha và Ngài sẽ ban cho các ngươi một Đấng Bầu Chứa khác, để ở với các ngươi luôn mãi, [Ngài là] Thần Khí sự thật... Đấng Bầu Chứa, Thánh Thần mà Cha sẽ sai đến nhân danh Ta, chính Ngài sẽ dạy các ngươi mọi sự, và sẽ làm các ngươi nhớ lại mọi điều Ta đã nói với các ngươi... Khi Đấng Bầu Chứa đến, Đấng mà Ta sẽ sai gửi đến từ nơi Cha... Ngài sẽ làm chứng về Ta. (*Gioan* 14,16-17.26; 15,26)

¹⁰¹ *Sách Giáo Lý của Hội Thánh Công Giáo*, 1300.

Lời Hứa của Đức Kitô được hoàn tất cho các tông đồ vào lễ Ngũ Tuần:

Khi thời gian đã mãn, đến lễ Ngũ Tuần, mọi người cùng nhau đang tề tựu một nơi; thì bỗng xảy đến từ trời một tiếng rào rào như thể do cuồng phong thổi đến, vang dậy cả nhà, nơi họ đang ngồi. Và họ thấy những lưỡi như thể là lửa, phân tán dần mà đậu trên mỗi người trong họ. Và hết thấy họ được đầy Thánh Thần, và bắt đầu nói những tiếng lạ, tùy theo Thần Khí ban cho họ phát ngôn. (*Công Vụ các Tông Đồ 2,1-4*)

Những điều kỳ diệu đi kèm việc Thần Khí đến – trận gió mầu nhiệm, những lưỡi lửa, ơn huệ nói tiếng lạ, sự loan báo mạnh dạn, và vô số sự trở lại. Nhưng có lẽ hiệu quả đáng lưu ý nhất là sự biến đổi đám đàn ông sợ hãi, nhát胆 này thành những chứng nhân không sợ hãi, đầy hứng khởi cho sự phục sinh của Chúa: “Tiếng họ đã lan đi khắp địa cầu, và lời họ đạt đến tận cùng thế giới” (*Rôma 10,18; đối chiếu: Thánh Vịnh 19,4*).

Do vậy Thêm Sức là bí tích bởi đó mà các tông đồ và các người kế vị các ngài, nhờ bởi việc đặt tay và xức dầu chrisma, thông truyền cho toàn thể Giáo Hội và cho mọi thành phần Giáo Hội ơn huệ Thần Khí được lãnh nhận vào lễ Ngũ Tuần. Đó là lễ Ngũ Tuần được mở rộng ra cho khắp cả thế giới, được làm trường tồn, và được làm hiện diện luôn trong Giáo Hội. Đó là tiếng gọi loan truyền vương quốc của Đức Kitô, loan truyền sứ điệp cứu rỗi.

Mặc dầu mỗi linh mục được cho quyền ban phát bí tích Thêm Sức khi nhu cầu thúc đẩy và khi Giáo Hội đặc ủy ngài, có một sự thích đáng đặc biệt trong việc bí tích này được ban xuống bởi giám mục:

Thừa tác viên nguyên thủy của Thêm Sức là giám mục. Thông thường bí tích này được giám mục ban phát để có được tương quan hiển nhiên hơn với việc đổ xuống Ngôi Thánh Thần lần đầu tiên vào ngày lễ Ngũ Tuần. Sau khi các ngài được đầy Ngôi Thánh Thần, chính các tông đồ ban Thần Khí cho các tín hữu nhờ qua việc đặt tay. Bằng cách này việc lãnh nhận Thần Khí nhờ qua thừa tác vụ của giám mục chứng tỏ sự ràng buộc gần gũi nối kết người được thêm sức vào Giáo Hội và lệnh truyền của Đức Kitô làm chứng nhân giữa nhân loại.¹⁰²

Bí Tích của Sự Trưởng Thành Kitô Hữu

Trong những thế kỷ đầu của Giáo Hội, Thêm Sức được ban phát không bao lâu sau khi được thanh tẩy. Nó trở nên một phần của phụng vụ Canh Thức Phục Sinh thứ Bảy Thánh, theo sau Thanh Tẩy và đi trước Mình Máu Thánh. Thanh Tẩy, mặc dầu là một sự sinh lại, một tạo thành mới, được lãnh nhận với đòi hỏi phải được làm hoàn hảo bởi Thần Khí. Những ai đã được thanh tẩy vẫn cần bảo đảm hơn nữa về sự hướng dẫn, khích lệ, can đảm, và tăng triển. Giáo Tông Phaolô VI viết:

Việc thông phần vào bản tính thiên linh được ban cho con người nhờ qua ơn sủng của Đức Kitô có sự tương tự nào đó với nguồn gốc, sự phát triển, và sự nuôi dưỡng của đời sống tự nhiên. Người tín hữu được sinh ra lại nhờ bởi Thanh Tẩy,

¹⁰² Bộ Phụng Tự và Kỷ Luật Bí Tích, *Nghi Thức Thêm Sức*, được xuất bản bởi quyền của Giáo Tông Phaolô VI, ngày 22 tháng 8 năm 1971, Dẫn Nhập, số 7 (EV 4.1093).

được làm vững mạnh nhờ bí tích Thêm Sức, và cuối cùng được duy trì nâng đỡ bằng thức ăn của sự sống vĩnh cửu trong [bt] Minh Máu Thánh.¹⁰³

Giáo Tông đang dùng ở đây ngôn ngữ thần học cổ điển, đặc biệt của thánh Tôma Aquinô – thánh nhân đã dạy rằng sự sống thiên linh của ơn sung mà người Kitô hữu thông phần song song với những giai đoạn của sự phát triển con người.¹⁰⁴ Ba bí tích của sự gia nhập/khai tâm sinh ra, làm tăng triển, và nuôi dưỡng sự sống này. Sám Hối và Xức Dầu [Bệnh Nhân] để chữa lành và canh tân sự sống đó. Hôn Phôi và các Chức Thánh liên quan đến việc tiếp tục và thông truyền sự sống đó.

Các nhà nhân chủng học, nghiên cứu cung cách nghi thức của các dân tộc khác nhau, đã đi đến một cái nhìn về nghi thức xác nhận giáo huấn của thánh Tôma một cách đáng lưu ý. Họ tìm thấy rằng tôn giáo, dùng nghi thức, can thiệp vào đời sống ở những thời điểm và thời kỳ quan trọng nào đó của sự phát triển đời sống. Sinh ra là một thời gian quan trọng; vị thành niên lại là một thời gian quan trọng khác; rồi hôn phối, bệnh hoạn, và chết cũng vậy. Các bí tích Kitô giáo tương ứng với những thời gian quan trọng như thế và qua chúng mà giúp cá nhân cũng như cộng đồng. Một lần nữa chúng ta thấy tôn giáo Kitô cũng đáp ứng những nhu cầu con người sâu thẳm nhất của chúng ta thế nào.

Tuy nhiên, có sự không chắc chắn nào đó về vị trí của Thêm Sức trong quá trình này của sự phát triển con người. Một số người muốn thấy trong Thêm Sức một dấu chỉ bí tích của việc đạt đến sự trưởng thành thiêng liêng hay sự cam kết tận tụy của một người lớn đối với Đức Kitô. Về điều này họ được ủng hộ bởi những ví dụ của Tân Ước về việc thêm sức cho những người thành niên. Họ xem ra cũng được ủng hộ bởi giáo huấn rằng Thêm Sức ban xuống sức mạnh và thuộc về sự phát triển Kitô hữu.

Mặc khác, chính bởi vì Thêm Sức là một bí tích của sự gia nhập theo sau Thanh Tẩy, các tín hữu Công Giáo Đông Phương thêm sức ngay cả trẻ nhỏ sau Thanh Tẩy của chúng. Một số người khác lưu ý rằng bởi vì Thêm Sức là một bí tích của sự gia nhập, nó tối thiểu nên đi trước sự tham dự đầy đủ vào [bt] Minh Máu Thánh, là tột đỉnh của sự gia nhập. Vì vậy, một số suy xét về phụng vụ xem ra ủng hộ việc Thêm Sức sớm; một số nhân tố tâm lý xem ra thúc đẩy việc trì hoãn nó cho tới khi tối thiểu ở ngưỡng cửa của sự trưởng thành.

Tòa Thánh vẫn đề vấn đề phần nào bỏ ngỏ. Nghi Thức Thêm Sức nói rằng xét về các trẻ em trong Giáo Hội Latin, “việc ban phát Thêm Sức nói chung được trì hoãn tới khoảng bảy tuổi” tuy nhiên cho phép rằng vì những lý do mục vụ nó có thể được trì hoãn cho tới “một tuổi trưởng thành hơn”.¹⁰⁵ Tại nhiều nơi khuynh hướng trì hoãn Thêm Sức tối thiểu tới lúc bắt đầu vị thành niên. Nếu chúng ta thấy đời sống Kitô hữu như một toàn thể, tiến triển từ lúc được sinh ra lại cho tới thành người trưởng thành trong Đức Kitô (đối chiếu: *Êphêso* 4,13), sẽ không có khó khăn gì trong việc xem Thêm Sức như một bí tích của sự gia nhập, ngay cả khi được ban phát vào tuổi vị thành niên hay trẻ hơn. Ở giữa những khác biệt về thực hành mục vụ, chìa khóa là phải xem “thực hành nào tốt hơn trong việc làm cho cho người tín hữu có khả năng đặt bí tích Minh Máu Thánh ở trung tâm, như mục đích của toàn bộ quá trình gia nhập” (Giáo Tông Bênêdictô XVI, *Bí Tích của Đức Báp Ti, 18*).

¹⁰³ Giáo Tông Phaolô VI, Tông Hiến *Divinae Consortium Naturae* (*Sự Hiệp Nhất của Bản Tính Thiên Linh*) (ngày 15 tháng 8 năm 1971) (EV 4.1067).

¹⁰⁴ Đối chiếu: Thánh Tôma Aquinô, *Summa Theologica* (*Tổng Yếu Thần Học*) III, 65, 1.

¹⁰⁵ *Nghi Thức Thêm Sức*, Dẫn Nhập, số 11 (EV 4.1099-1100). *Bộ Giáo Luật*, khoản 891, nói rằng thông thường bí tích này được ban phát vào tuổi biết phán đoán nhưng cho phép có những luật trừ.

Người đỡ đầu cho Thêm Sức nên phải giống như cha mẹ đỡ đầu được chọn cho Thanh Tẩy. Thực vậy, là điều thích hợp nếu dùng cùng một người.¹⁰⁶

Những Hiệu Quả Kéo Dài của Thêm Sức

Thêm Sức ám chỉ sự phát triển, và nuôi trồng sự phát triển là một thách đố liên tục cho người lãnh nhận. Sự sống được đòi hỏi cho sự phát triển này, và người lãnh nhận phải trong tình trạng ơn sung. Tuy nhiên Thêm Sức không thể được cậy dựa như tạo ra một sự phát triển có ngay lập tức; nó cũng không nhằm làm vậy. Như một trong những bí tích được ban phát cho một người chỉ có một lần và hiệu quả của chúng vì vậy trường tồn, Thêm Sức ban xuống một ấn tích trường tồn. Điều này được chứng tỏ bởi những lời mà với những lời đó nó được ban phát: “Hãy lãnh nhận ấn tín ơn Chúa Thánh Thần”. Chúng ta đã nghe Thánh Phaolô nói về dấu ấn này; những lời ngài viết cho những tín hữu ở Corinthô được trích dẫn rồi trên đây xem ra có thể áp dụng cách đặc biệt cho Thêm Sức:

Chính Thiên Chúa là Đấng làm cho chúng tôi cùng với anh em được kiên cố trong Đức Kitô và đã xức dầu cho chúng ta. Chính Ngài cũng đã niêm ấn của Ngài trên chúng ta, và ban xuống lòng chúng ta Thần Khí Ngài như một bảo chứng. (2 Corinthô 1,21-22)

Được tay vị giám mục ghi dấu với dầu được làm thơm, người được thanh tẩy lãnh nhận ấn tích không thể xóa được, dấu ấn của Thiên Chúa, cùng với ơn huệ Thần Khí, việc này làm cho người đó đồng hình dạng với Đức Kitô gần hơn và ban cho người đó ơn sung loan truyền sự hiện diện của Chúa giữa loài người.¹⁰⁷

Tăng Trưởng trong Thần Khí

Như Ngũ Tuần theo sau Phục Sinh và là hoa quả của Mầu Nhiệm Vượt Qua thế nào, thì cũng vậy Thêm Sức làm cho Lễ Ngũ Tuần trường tồn trong Giáo Hội và trong đời sống của các thành phần Giáo Hội. Ngôi Thánh Thần là ơn huệ không bao giờ hồi tiếc của Thiên Chúa; người nhận lãnh ơn huệ này trở nên một “đền thờ của Thánh Thần” (1 Corinthô 6,19). Cho dầu một người đi lạc ra khỏi đoàn chiên, dấu ấn vẫn tồn tại, vẫn luôn có đó một sự mời gọi trở về.

Trong lúc đó, như lễ Ngũ Tuần đem đến chỗ hoàn tất một phần của năm phụng vụ và làm chủ thời gian theo sau lễ đó thế nào, thì cũng vậy Thần Khí trị vì đời sống của những ai đã lãnh nhận ơn huệ đầu tiên này của Thiên Chúa. Sự hiện diện của Ngài là sự sống, và sự sống là sự tăng trưởng. Thánh Phaolô mô tả quá trình tăng trưởng này như phát sinh ra từ “mầu nhiệm”:

... mầu nhiệm ấy... tức là Đức Kitô ở trong anh em... Về Ngài, chúng tôi loan báo, cảnh tỉnh mọi người và giảng dạy mọi người, với tất cả sự khôn ngoan có được, làm sao cho mọi người nên thành toàn trong Đức Kitô. (Côlôse 1,27-28)

Chính Đức Giêsu đòi hỏi sự tăng trưởng từ nơi chúng ta. Ngài so sánh giáo huấn của Ngài với những vật sống – cây nho, hạt giống sinh ra hoa trái, hạt cải trở thành cây lớn (đối chiếu: Gioan 15,1-8; Marcô 4,3-20.31-32; Matthêu 13,31-32). Ngài làm các tông đồ

¹⁰⁶ Bộ Giáo Luật, khoản 893.

¹⁰⁷ Nghi Thức Thêm Sức, Dẫn Nhập, số 9 (EV 4.1096-1097).

ngạc nhiên khi nguyên rửa cây và không có trái cho dầu đó không phải là mùa và (đối chiếu: *Marcô* 11,5.20). Trong dụ ngôn của Ngài về những quan tiền Ngài cũng có ý đó dầu theo một cách khác. Anh chàng chôn quan tiền của mình bị lên án. “Người, đây tớ bắt hảo và lười biếng! Người đã biết ta gặt nơi ta không gieo, và thu góp nơi ta không gieo vãi?” (*Matthêu* 25,26). Đức Giêsu nói với những ai theo Ngài: “Vậy các người hãy nên trồn lành, như Cha các người trên trời là Đấng trồn lành” (*Matthêu* 5,48). Dầu unction Thêm Sức không để chúng ta quên sự thách đố này, quên định mệnh này.

Sự tăng triển trong đời sống Kitô hữu không thể bị chương trình hóa chính xác bởi vì đó là một đời sống. Đây là điều khó khăn của việc xem Thêm Sức như một nghi thức cam kết của người lớn. Thật vậy, ơn sủng phát sinh ra sự tăng triển. Tuy nhiên sự tăng triển cũng phụ thuộc vào nhiều nhân tố cá vị, và có lẽ ngay cả vào kinh nghiệm của những khủng hoảng thiêng liêng, để tạo ra sự hiện thực hóa của những gì có nghĩa là một người con của Thiên Chúa và một đền thờ cá vị của Ngôi Thánh Thần. Cho dầu ơn sủng của Thêm Sức không lập tức tạo ra sự hiện thực hóa cá vị đầy đủ như thế, nó vẫn có thể giúp tạo ra nó. Thảm kịch thật sự là khi không có sự tăng triển, khi những người được thanh tẩy – và có lẽ được thêm sức – sống ơn gọi Kitô hữu của mình một cách tầm thường theo thông lệ.

Làm Chứng và Bảo Vệ Đức Tin

Chính Đức Kitô liên kết ơn huệ Thánh Thần với sứ mạng tông đồ Kitô hữu. “Các người sẽ lãnh nhận quyền năng Thánh Thần đến trên các người; và các người sẽ là những chứng nhân của Ta... cho đến mút cùng cõi đất” (*Công Vụ các Tông Đồ* 1,8). Giáo Hội tuyên bố rằng những ai đã lãnh nhận sức mạnh đặc biệt này của Ngôi Thánh Thần trong Thêm Sức “có bổn phận khẩn thiết hơn phải loan truyền và bảo vệ đức tin bằng cả lời nói và việc làm như những chứng nhân đích thật của Đức Kitô” (*Hiến chế tín lý về Giáo Hội*, 11). Liên quan đến bí tích này là lời kêu gọi giáo dân đến các phận vụ tông đồ trong thế giới và vai trò của họ trong việc hình thành vương quốc [Thiên Chúa] trên trần thế. Bởi lẽ giáo dân, “nhờ qua Thêm Sức được nên mạnh mẽ bởi quyền năng của Ngôi Thánh Thần, được chính Chúa sai phái làm việc tông đồ” (*Sắc lệnh về tông đồ giáo dân*, 3).

Thêm Sức và Mầu Nhiệm Vượt Qua

Thêm Sức, giống như mọi bí tích khác, rút ra hiệu lực tính của nó từ Mầu Nhiệm Vượt Qua của sự chết và sống lại của Chúa. Điều này được chỉ ra trong việc “Thêm Sức thông thường diễn ra trong Thánh Lễ...”¹⁰⁸ Nhưng cho dầu Thêm Sức được cử hành ngoài Thánh Lễ, nguồn gốc của nó vẫn là Mầu Nhiệm Vượt Qua. Việc xức dầu chrisma cũng vậy, nó có nghĩa là người lãnh nhận thông phần vào mầu nhiệm này. Nó gọi lại chính việc xức dầu của Chúa (đối chiếu: *Isaia* 42,1; *Marcô* 1,11).

Dầu sao, việc xức dầu chrisma cũng là dấu chỉ của việc chúng ta thông phần vào vận mạng của Ngôi Con như là Đấng Được Xức Dầu của Chúa, như là Đấng Mê-sia. Mạc khải của Thiên Chúa về Người Tôi Tớ Đau Khổ bí nhiệm đã nói cho chúng ta một điều mới

¹⁰⁸ *Nghi Thức Thêm Sức, Dẫn Nhập*, số 13 (EV 4.1104).

mẻ và đáng ngạc nhiên về Đấng Mêsia. Thay vì là một kẻ chinh phạt huy hoàng, Ngài phải là, và đã là, “con người đón đau và ốm o xọ bại... bị khinh rẻ, và chúng tôi đã chẳng thêm đếm xia” (*Isaia* 53,3). Thầy thế nào, thì môn đệ cũng vậy: “Hãy nhớ lại lời Ta đã nói với các ngươi: ‘Tôi tớ không lớn hơn chủ mình!’” (*Gioan* 15,20).

Không một Kitô hữu nào có thể tăng triển tới mức trưởng thành trong Đức Kitô mà không chấp nhận lời mời gọi của Ngài: “Nếu ai muốn theo sau Ta thì hãy chối bỏ chính mình, hãy vác lấy thập giá mình hàng ngày và hãy theo Ta” (*Luca* 9,23). Với thánh Phaolô chúng ta phải có khả năng nói được: “Tôi đã cùng bị đóng đinh thập giá với Đức Kitô,” nếu chúng ta cũng muốn nói, “Tôi sống, nhưng không phải tôi, mà là chính Đức Kitô sống trong tôi” (*Galat* 2,19-20). Thánh Phaolô đã viết cho Timôthêô: “Anh hãy chung phần cam khổ như một tinh binh của Đức Kitô Giêsu” (2 *Timôthêô* 2,3).

Cách thể xúc dầu của Ngôi Thánh Thần để làm phấn khởi và nâng đỡ các Kitô hữu suốt cả mùa Ngũ Tuần dài của cuộc đời đã từng được thánh Gioan nói đến. Thần Khí là Đấng An Ủi, Đấng Bào Chữa của chúng ta, Đấng Khuyến Bảo của chúng ta.

Isaia đã nói với chúng ta rồi bằng cách nào mà Ngôi Thánh Thần, Đấng cư ngụ trong chúng ta, làm việc nhờ qua các ơn huệ của Ngài:

Một chồi sẽ xuất từ gốc Isai, và từ rễ nó, lộc sẽ mọc lên. Trên ngài Thần Khí
Giavê sẽ đậu xuống, Thần Khí khôn ngoan và trí tuệ, Thần Khí biết lo liệu và anh
dũng, Thần Khí hiểu biết và kính sợ Giavê. (*Isaia* 11,1-2)

Khôn ngoan, hiểu biết, biết lo liệu, anh dũng, trí tuệ, đạo đức, và kính sợ Chúa thường được biết như là những ơn huệ của Ngôi Thánh Thần.

Sau cùng, Ngôi Thánh Thần ngự trong lòng sẽ phát sinh ra nơi những ai tiếp nhận sự hiện diện của Ngài những gì được biết như là những hoa trái của Ngôi Thánh Thần: yêu thương, vui mừng, bình an, nhẫn nại, tử tế, quảng đại, trung tín, hiền lành, tin tưởng, nét na, tiết độ, và khiết tịnh (đối chiếu *Galat* 5,22-23).

----- Những Câu Hỏi Thảo Luận -----

1. Những ơn sủng bí tích nào của Thêm Sức tiếp tục hiện diện trong đời sống của một môn đệ Kitô giáo? Việc bạn chịu Thêm Sức theo bí tích có nghĩa gì đối với bạn hôm nay?
2. Hãy bàn về những ví dụ của những ơn sủng bí tích nơi Thêm Sức nhờ qua đó mà sự hướng dẫn và sức mạnh của Ngôi Thánh Thần được ban xuống để sống đời sống luân lý Kitô hữu.
3. Bằng cách nào mà những ơn huệ của Ngôi Thánh Thần được làm thành có thật trong đời sống hàng ngày của bạn? Hoa trái nào của Ngôi Thánh Thần cần thiết cho bạn để trưởng thành và tăng triển như một chứng nhân cho đức tin Kitô giáo?

Tham Khảo Thêm:

Giáo Lý Công Giáo Hoa Kỳ cho Người Lớn: Chương 16 – Thêm Sức: Thánh Hiến cho Sứ Mạng.

Sách Giáo Lý của Giáo Hội Công Giáo, 1285-1321.

Giáo Tông Bênêdictô XVI, *Bí Tích của Đức Bác Ái*. Tông Huấn sau Công Nghị [các Giám Mục], ngày 22 tháng 2 năm 2007.

Những Điều Cần Nhớ...

- ✘ Thêm Sức là một bí tích nhờ qua đó mà chúng ta lãnh nhận Ngôi Thánh Thần với những ơn sủng và ơn huệ của Ngài, và nhờ vậy chúng ta được ban cho sự can đảm và sức mạnh để sống đời sống Kitô hữu.
- ✘ Thêm Sức hiện hữu để mở rộng đến Giáo Hội thuộc mọi thời và mọi nơi.Ơn Huệ Ngôi Thánh Thần đã được sai gửi đến các tông đồ vào ngày lễ Ngũ Tuần.
- ✘ Những ai đã lãnh nhận Thêm Sức “có bổn phận khẩn thiết hơn phải loan truyền và bảo vệ đức tin bằng cả lời nói và việc làm như những chứng nhân đích thật của Đức Kitô” (*Hiến chế tín lý về Giáo Hội*, 11).
- ✘ Mặc dầu mỗi linh mục được cho quyền để ban phát bí tích Thêm Sức, có sự thích đáng đặc biệt trong việc bí tích này được ban xuống bởi giám mục.

CHƯƠNG SÁU

Bí Tích Chữa Lành: Sám Hối và Hòa Giải

(SGLTHCG 1420-1525; 1680-1690)

Những ai đến với bí tích Sám Hối thì nhận được sự tha thứ từ lòng thương xót của Thiên Chúa đối với những xúc phạm đến Ngài. Đồng thời họ được hòa giải với Giáo Hội mà họ đã làm tổn thương do những tội của mình. Và Giáo Hội hằng tìm cách hoán cải họ bằng bác ái, gương lành, và kinh nguyện. Nhờ bí tích Xức Dầu Thánh và lời cầu nguyện của các linh mục, toàn thể Giáo Hội phó thác các bệnh nhân cho Đức Chúa đã chịu đau khổ và được hiển vinh để Ngài có thể giảm nhẹ những đau khổ của họ và cứu thoát họ (đối chiếu: *Giacôbê 5,14-16*). (*Hiển chế tín lý về Giáo Hội*, 11)

Trong chương này chúng ta sẽ bàn về bí tích Sám Hối, một trong những bí tích của sự chữa lành được Đức Kitô Lương Y của chúng ta thiết lập.

Những Dấu Chỉ Tin Mừng

Đức Giêsu công bố bí tích Sám Hối vào ngày Phục Sinh, như vậy cho thấy rõ ràng bằng cách nào mà bí tích này phát xuất từ mầu nhiệm sự chết và sống lại của Ngài:

Vào lúc xế chiều ngày ấy, ngày thứ nhất trong tuần, nơi ở của các môn đệ các cửa đều đóng kín, vì sợ người Do Thái; Đức Giêsu đã đến, đứng giữa họ, và Ngài nói: “Bình an cho các người!” Nói thế rồi, Ngài cho họ thấy tay và cạnh sườn Ngài. Các môn đồ mừng rỡ, vì được thấy Chúa. Một lần nữa, Ngài nói với họ: “Bình an cho các người! Cũng như Cha đã sai Ta, Ta cũng sai các người”. Nói thế rồi, Ngài thổi hơi trên họ và nói với họ: “Hãy chịu lấy Thánh Thần. Các người tha tội cho ai, thì tội họ được tha; các người cầm giữ tội ai, thì tội họ bị cầm giữ”. (*Gioan 20,19-23*)

Bí tích Sám Hối đã được thiết lập như thế đó.¹⁰⁹

... Đấng Cứu Thế của chúng ta, Đức Giêsu Kitô, khi Ngài ban cho các tông đồ Ngài và những người kế vị các ngài quyền năng tha tội, đã thiết lập bí tích Sám Hối trong Giáo Hội Ngài. Như vậy người tín hữu sa ngã phạm tội sau Thanh Tẩy có thể được hòa giải với Thiên Chúa và được đổi mới trong ơn sủng.¹¹⁰

Trước đó, như được ghi lại trong Tin Mừng của thánh Matthêu, Đức Giêsu đã tiên dự ơn huệ này. Ngài nói với Phêrô vừa mới tuyên xưng Ngài là Đấng Mêsia và được Ngài ân thưởng bằng cách làm thành nền tảng vững chắc của Giáo Hội:

¹⁰⁹ Đối chiếu: Công Đồng Trentô, Phiên Hợp 14, ngày 25 tháng 11 năm 1551, *Giáo Lý về Bí Tích Sám Hối*, chương 1 (DS 1670) và khoản 3 về bí tích Sám Hối (DS 1703).

¹¹⁰ Bộ Phụng Tự và Kỷ Luật Bí Tích, *Nghi Thức Sám Hối*, được xuất bản bởi quyền của Giáo Tông Phaolô VI, ngày 2 tháng 12 năm 1973, Dẫn Nhập, số 2 (EV 4.2677).

Ta sẽ ban cho người chia khóa Nước Trời, và điều gì người cầm buộc dưới đất, thì cũng sẽ bị cầm buộc trên trời, và điều gì con tháo cởi dưới đất, thì cũng sẽ được tháo cởi trên trời. (*Matthêô 16,19*)

Sau lời hứa với Phêrô một chút, Ngài mở rộng quyền năng cầm buộc và tháo cởi này ra cho “các môn đệ”:

Quả thật, Ta bảo các người: mọi điều các người cầm buộc dưới đất, thì cũng sẽ bị cầm buộc trên trời, và mọi điều các người tháo cởi dưới đất, thì cũng sẽ được tháo cởi trên trời. (*Matthêô 18,18*)

Dấu Chỉ Bí Tích

Những ơn sủng của Đức Kitô được ban xuống trong các bí tích nhờ qua các dấu chỉ hữu hình – những dấu chỉ là những hành vi thờ phượng, những biểu tượng của ơn sủng được ban xuống, và những cử chỉ có thể nhận ra được nhờ qua đó mà đó Chúa ban xuống các ơn huệ của Ngài. Sự tha thứ tội lỗi và sự phục hồi những ơn sủng của Thanh Tẩy cũng được gắn vào một dấu chỉ bề ngoài.

Đức Giêsu đã so sánh Ngài với lương y (đối chiếu: *Marcô 2,17*). Chính sứ mạng của Ngài là chữa lành. Trong khi Ngài chữa lành những đau yếu thân xác, và Ngài thực sự có lòng thương xót của một con người, Ngài đã không đảm nhận việc chữa lành mọi bệnh tật của con người. Nhưng đúng hơn, Ngài đã dùng những việc chữa lành như thế như những dấu chỉ của một sự điều trị thiêng liêng và luân lý mà triệt để hơn nhiều, một sự điều trị mà Ngài khao khát áp dụng rộng ra cho mọi người.

“Nhưng để các người biết rằng Con Người có quyền tha tội dưới đất”, Ngài nói với người bất toại, “Ta bảo người hãy chỗi dậy vác chông mà về nhà”. (*Marcô 2,10-11*)

Trong sự việc này, việc chữa lành thân xác người đó đã là một dấu chỉ hữu hình của việc tha thứ, nhưng việc chữa lành đó đã không phải là một dấu chỉ bí tích nhờ qua đó mà Đức Kitô trực tiếp ban xuống ơn sủng.

Dấu chỉ thích hợp cho bí tích tha thứ có thể hiểu được nhờ suy tư về loại bệnh được chữa lành trong bí tích Sám Hối. Chúng ta giờ đây quan tâm đến sự đau yếu thiêng liêng; và sự đau yếu như thế, ảnh hưởng đến cá nhân trong trật tự luân lý – nghĩa là, trong phạm vi tự do và trách nhiệm của người đó – cũng có những hậu quả xã hội. Dấu chỉ một lương y áp dụng một thứ chữa lành thể lý trong bối cảnh đang nói không hoàn toàn thích hợp. Trong Sám Hối có hai điều xảy ra. Tội nhân được phục hồi với ơn sủng chữa lành để thông phần vào đời sống thiêng linh, như được cho biết bởi dấu hiệu là người thanh niên được làm cho sống lại tại Naim (đối chiếu: *Luca 7, 14*), và được Cha đón tiếp trở lại, như đưa con hoang đàng (đối chiếu: *Luca 15,20-24*). Đồng thời, tội nhân được tái nhập vào cộng đoàn và lại chia sẻ tại bàn tiệc Mình Máu Thánh của cộng đoàn. Thiên Chúa có thể kín đáo tha thứ tội lỗi, nhưng việc tội nhân được hòa giải bề ngoài, cách hữu hình với cộng đồng Giáo Hội là một điều thích đáng. Chính cộng đồng được chữa lành khi hối nhân được chữa lành.

Tòa Án Cứu Rỗi

Một loại suy cho việc chữa lành bệnh tật mà ảnh hưởng cả cá nhân và cộng đồng được gặp thấy trong cách mà xã hội xử sự với những kẻ vi phạm nhờ qua một quá trình xét xử. Công Đồng Trentô dùng hình ảnh này để phát triển thần học Sám Hối và phân biệt bí tích này với Thanh Tẩy. Công Đồng cắt nghĩa và biện minh sự tiếp cận này bằng cách nại đến quyền của các chìa khóa được ban cho Phêrô.¹¹¹ Và lại, giáo huấn của Trentô, và của Giáo Hội ngày nay, đó là “sự tẩy xóa (xá giải) tội được ban cho linh mục là người hành động như một thẩm phán”.¹¹² Thật vậy, theo cách của một thẩm phán nhân từ, linh mục – ngoại trừ trong trường hợp nguy tử – thông thường phải nhận quyền phán xét từ giám mục địa phương để tẩy xóa tội lỗi.¹¹³ Sách *Nghị Thức Sám Hối* nói rằng:

Xung Tội đòi hỏi nơi hồi nhân ý muốn mở lòng cho thừa tác viên của Thiên Chúa, và [đòi hỏi] nơi thừa tác viên một phán đoán thiêng liêng nhờ bởi đó mà ngài, bằng cách hành động trong chính bản thân Đức Kitô, tuyên bố quyết định tha thứ tội lỗi hay cầm giữ tội lỗi chiếu theo quyền năng của các chìa khóa.¹¹⁴

Chính Đức Giêsu dĩ nhiên đã biết những thẩm phán như Philatô, Herôđê, và Caipha. Tuy nhiên, Ngài đã chấp nhận liềm lĩnh một quá trình xét xử con người thành dấu chỉ của công lý thiên linh khi Ngài cho Phêrô quyền năng của các chìa khóa và ban quyền cho các tông đồ ràng buộc và tháo cởi trên mặt đất (đối chiếu: *Matthêu* 18,18), giống như các ngài sẽ có quyền phán xét trong thời sẽ đến (*Matthêu* 19,28). Rõ ràng, theo nhận xét của Ngài, dấu chỉ đó không bất xứng với một bí tích quá cần thiết và thánh thiện.

Những lời mà qua đó Đức Giêsu thiết lập bí tích này (“Nếu các ngươi tha tội cho ai...”) cũng bao hàm quyền phán xét. Một điều thích hợp cho tòa án thiên linh là bao gồm đối thoại và khuyên dạy thiêng liêng. Tuy vậy, chúng ta chính xác không cần một bí tích của đối thoại hay khuyên dạy; các phương tiện khác có thể dùng được thì thích hợp cho những mục đích này. Xét như những tội nhân, chúng ta cần sự tha thứ thiên linh. Đức Giêsu đã chỉ định tòa án bí tích như con đường đến sự tha thứ và hòa giải của Ngài – một con đường mà bằng việc chữa lành một cá nhân phạm tội cũng chữa lành cộng đồng bị tổn thương.

Phán Xét của Lòng Thương Xót

Bí tích Sám Hối là một tòa án khác thường. Hồi nhân đến với Thiên Chúa trong hối hận, thừa nhận tội lỗi trước mặt đại diện của Ngài. Linh mục, thừa tác viên của Đức Kitô trong Sám Hối, lắng nghe sự thú tội nhân danh Chúa, để tìm ra trong sự cởi mở, sự hối hận, và ý muốn hoán cải những lý do cho một phán xét tha thứ. Chính vì cho Đức Kitô mà linh mục nghe sự thú tội; những lời nói với ngài ở đó vì vậy được bảo vệ bởi bốn phận nghiêm trọng nhất phải bảo mật hoàn toàn. Chính nhân danh Đức Kitô mà linh mục

¹¹¹ Đối chiếu: Công Đồng Trentô, Phiên Hợp 14, ngày 25 tháng 11 năm 1551, *Giáo Lý về Bí Tích Sám Hối*, các chương 2 (DS 1671) và 5 (DS 1679).

¹¹² Bộ Giáo Lý Đức Tin, *Sacramentum Paenitentiae (Bí Tích Sám Hối)* (“Những Tiêu Chuẩn liên quan đến việc Ban Phát sự Tẩy Xóa Chung theo Bí Tích”, ngày 16 tháng 6 năm 1972) (EV 4.1653). Đối chiếu: Công Đồng Trentô, Phiên Hợp 14, ngày 25 tháng 11 năm 1551, *Giáo Lý về Bí Tích Sám Hối*, chương 6 (DS 1685) và khoản 9 về bí tích Sám Hối (DS 1709).

¹¹³ Đối chiếu: ví dụ *Nghị Thức Sám Hối*, Dẫn Nhập, số 9b (EV 4.2690); *Bộ Giáo Luật*, khoản 969.

¹¹⁴ *Nghị Thức Sám Hối*, Dẫn Nhập, số 6b (EV 4.2683).

nói ra lời phán xét của lòng thương xót nơi Đấng Cứu Thế: “Tôi tẩy xóa anh, chị... khỏi tội lỗi, nhân danh Cha, và Con, và Thánh Thần.” Một dấu chỉ bí tích như thế là thích hợp. Vì Đức Kitô, hành động nhờ qua dấu chỉ, là Thấm Phán của chúng ta (đối chiếu: *Matthêu* 25,31-46). “Vì chúng ta hết thảy sẽ ra trước tòa phán xét của Thiên Chúa” (*Rôma* 14,10).

Hình thức này của Sám Hối cũng nhắc nhở chúng ta rằng lời Thiên Chúa đem đến sự phán xét nhân từ và liên tục suốt mọi ngày trong cuộc lữ hành của chúng ta. Điều này được chứng tỏ trong *Thư gửi tín hữu Do Thái*:

Quả thế, Lời Thiên Chúa sống động và linh hoạt, sắc bén hơn mọi thứ gươm hai lưỡi, và đâm phập vào tận ranh giới hồn phách, gân cốt và tủy não, cùng biện phân ra được tình và ý tưởng của lòng dạ. Trước mặt Ngài không tạo vật nào lại là u uẩn; phải, trước mắt Ngài, mọi sự đều bị lột trần, thất điên bát đảo, với Người, ta phải trả lễ! (*Do Thái* 4,12-13).

Sự liên tục của đoạn văn này chỉ ra rằng đối với những ai sống bởi đức tin, sự phán xét vẫn còn mang tính cứu chuộc, một sự phán xét được ban ra bởi “vị thượng tế vĩ đại đáng đã vượt qua các tầng trời” (*Do Thái* 4,14).

Tương tự, trong bí tích Sám Hối, khi chúng ta đi theo con đường lữ thứ của chúng ta, chúng ta có một tòa án của lòng thương xót mà trong đó sự phán xét không phải là trừng phạt hay chung cục, mà là chữa lành và cứu chuộc.

Sự Thống Hối Cá Vị

Tội lỗi không được tha thứ cách tự động. Trong các bí tích, chính Đức Kitô làm việc bởi quyền năng mạnh mẽ của Ngài. Dầu vậy, như chúng ta đã thấy, các bí tích giả thiết (dưới ơn sủng của Thiên Chúa) sự tìm kiếm Thiên Chúa của một người, cốt lõi của mọi tôn giáo, được diễn tả bằng một đức tin dẫn đưa tới Thiên Chúa. Để có hiệu quả, các bí tích cũng đòi hỏi sự đáp trả cá vị đối với ơn sủng của Thiên Chúa được thông truyền qua chúng. Không có trong bí tích nào mà những hành vi cá vị này cần thiết hơn trong Sám Hối. Những tính cách chuẩn bị bên trong nặng tính cá vị thì cần phải có nơi một người đến với Đức Kitô để được tha thứ.

Để có sự tha thứ đầy đủ và hoàn hảo đối với tội lỗi, có ba hành vi được đòi hỏi từ phía hối nhân như là những thành phần của bí tích. Đó là ăn năn, xưng thú, và đền bù.¹¹⁵

Sự Cần Thiết của Bí Tích này

Đối với những ai đã phạm tội trọng sau khi thanh tẩy, thì cần thiết lãnh nhận bí tích này để phục hồi ơn sủng và tình bạn với Thiên Chúa. Sự lãnh nhận xứng đáng bí tích này là...

cách thế thông thường để có được sự tha thứ và tẩy xóa những tội nghiêm trọng phạm sau khi thanh tẩy... Vì vậy thật là một điều ngu xuẩn cũng như tự phụ...

¹¹⁵ Đối chiếu: *Nghi Thức Sám Hối*, Dẫn Nhập, số 6 (EV 4.2681-2684). Đối chiếu: Công Đồng Trentô, Phiên Hợp 14, ngày 25 tháng 11 năm 1551, *Giáo Lý về Bí Tích Sám Hối*, chương 3 (DS 1673) và khoản 4 về bí tích Sám Hối (DS 1704); Bộ Giáo Lý Đức Tin, *Sacramentum Paenitentiae (Bí Tích Sám Hối)* (“Những Tiêu Chuẩn liên quan đến việc Ban Phát sự Tẩy Xóa Chung theo Bí Tích”, ngày 16 tháng 6 năm 1972) (EV 4.1653-1667).

việc dám quả quyết lãnh nhận được sự tha thứ trong khi không cần dùng đến bí tích mà Đức Kitô đã thiết lập chính thật là nhằm để tha thứ.¹¹⁶

Người thông hối một tội trọng nhưng không thể lập tức lãnh nhận bí tích Sám Hối có thể nhận được sự tha thứ nhờ qua một hành vi ăn năn trọn hảo, nghĩa là, sự hối hận được thúc đẩy bởi lòng mến đích thật đối với Thiên Chúa, nếu như người đó quyết tâm xưng tội sớm hết sức có thể.* Nhưng những ai từ khước bí tích này của lòng thương xót, dầu biết đến ơn huệ đó và ý muốn của Đức Kitô rằng chúng ta phải dùng nó, thì không thể tìm được sự tha thứ bằng những cách thức khác.

Ăn Năn

Ăn năn, hay hối hận thành thật vì đã xúc phạm đến Thiên Chúa, là hành vi quan trọng nhất của ba hành vi được đòi hỏi về phía hối nhân. Ăn năn thật sự không là gì khác hơn bộ mặt khác của yêu mến; đó là sự yêu mến từ khước tất cả những gì hủy diệt hay đe dọa nó. Vì vậy ăn năn được đặt trước, giống như đức mến phải luôn được cho vị trí đầu tiên (đôi chiếu *1 Corinthô* 13,13).

Tội nhân phải đến với Thiên Chúa bằng sự hối cải. Từ khởi đầu của Tin Mừng, sám hối được rao giảng như là sự chuẩn bị và điều kiện để vào vương quốc Thiên Chúa. Gioan Tẩy Giả đã xuất hiện “rao giảng sự thanh tẩy hối cải, để được tha thứ tội khiên” (*Marcô* 1,4). Hối cải (trong tiếng Hy Lạp, *metanoia*) có nghĩa là một sự thay đổi hoàn toàn của tâm trí, suy nghĩ; đó là một sự quay lại, quay khỏi tội lỗi và quay về Thiên Chúa. Trong đó chúng ta tìm gặp lại chính chúng ta trong tâm điểm của Mầu Nhiệm Vượt Qua, chết đi để sống:

Vì trong khi chúng ta sống, chúng ta luôn được giao nộp cho cái chết vì cho Đức Giêsu, để sự sống của Đức Giêsu có thể tỏ hiện trong xác thịt chết dỡ của chúng ta. (*2 Corinthô* 4,11)

Không thể có sự tha thứ tội lỗi nếu chúng ta không có sự hối hận, nghĩa là, nếu chúng ta không hối tiếc về tội lỗi của chúng ta, quyết tâm không phạm nó lại, và quay về lại với Thiên Chúa. Hối hận phải thuộc bên trong, từ trong lòng, không phải chỉ được diễn tả trên môi miệng. Nó phải vọt lên từ những động lực của đức tin, và không phải chỉ là một sự hối hận mang tính con người căn cứ trên sự hối tiếc đối với những hậu quả xấu tự nhiên của những hành động nơi chúng ta. Hối hận phải nên tốt đẹp: sự trở về lại với Thiên Chúa có nghĩa là đặt Ngài ở vị trí đầu tiên và quyết tâm rằng chúng ta, được ơn sủng Ngài giúp đỡ, sẽ không muốn điều gì khác hơn Ngài. Sự hối hận của chúng ta phải

¹¹⁶ Giáo Tông Gioan Phaolô II, Tông Huấn Sau Thượng Hội Đồng Giám Mục *Reconciliatio et Paenitentia* (*Hòa Giải và Sám Hối*) (ngày 2 tháng 12 năm 1984) số 31 (EV 9.1181).

* Chú thích của người dịch: Trong khi hành vi ăn năn tội cách chẳng trọn (*attritio* – úy hối) chỉ có đức Tin và đức Cậy mà *không có* đức Mến (dù sự ăn năn tội đó thực sự mở rộng ra cho nhân đức đối thần này) vì hối nhân đang ở trong tình trạng tội trọng, thì trái lại hành vi ăn năn trọn hảo hay ăn năn tội cách trọn (*contritio* – ái hối) *đã có* đức Mến là nguyên lý của nó rồi (dù là một đức Mến bất toàn). Vì đức Mến theo bản tính đối nghịch với tội trọng, không thể hiện hữu trong một người còn mắc tội trọng, nên ăn năn tội cách trọn phải là hiệu quả của sự tha thứ tội lỗi xét theo một phương diện nào đó của sự tha thứ, rồi (không nhất thiết theo trật tự thời gian) nó mới có thể trở thành điều kiện đầy đủ và cần thiết cho sự tha thứ xét theo một phương diện khác. Hay nói như các thần học gia Kinh Viện thời trung cổ: nhờ bởi quyền năng của bí tích (*absolutio*) hối nhân của úy hối trở thành ái hối.

phổ quát: chúng ta phải hối hận về mọi tội trọng hay tội nặng, tức những tội loại trừ một người ra khỏi tình bạn với Thiên Chúa.

Chúng ta được thúc đẩy có sự hối hận về tất cả tội lỗi của mình, ngay cả những tội nhẹ hơn. Thật vậy, việc xưng tội thường xuyên được khuyến khích chính vì phần lớn là để chinh phục những lỗi nhẹ của chúng ta, và nhờ vậy cho phép một đức tin và một đức mến có cường độ mạnh hơn trị vì đời sống chúng ta. Chắc chắn, một người phải có sự hối hận thành thật đối với bất kỳ tội gì mà người đó hy vọng được tha thứ.

Ăn năn được gọi là “ăn năn trọn hảo/cách trọn” nếu động lực của hối hận là tình yêu đích thật đối với Thiên Chúa; nếu chúng ta hối hận bởi vì chúng ta đã xúc phạm một vị Thiên Chúa mà chúng ta chọn yêu mến trên hết mọi sự. Nó được gọi là “trọn hảo/cách trọn”, không phải bởi vì chính phẩm tính hành vi ăn năn của hối nhân là trọn hảo, những bởi vì đức bác ái là động lực hoàn hảo cho sự hoán cải. Ăn năn được gọi là “bất toàn/chẳng trọn” nếu nó đặt căn cứ trên động lực nào khác của đức tin, ví dụ nếu một người hối hận vì người đó tin Thiên Chúa, biết Thiên Chúa công minh và trung tín đối với lời của Ngài, và biết người đó sẽ bị Thiên Chúa trừng phạt đúng đắn nếu người đó không quay khỏi tội lỗi để phục vụ Ngài.

Bởi vì đó là một hành vi của đức mến đối với Thiên Chúa và là hoa quả của ơn sủng Thiên Chúa kêu gọi một người thống hối, một hành vi ăn năn trọn hảo có thể lập tức phục hồi tình bạn với Thiên Chúa cho một người đã sa vào tội nghiêm trọng. Nhưng, ngoại trừ trong những hoàn cảnh bất thường, một người đã tách rời khỏi Đức Kitô và gia đình đức tin bởi tội nặng bị đòi buộc cách nghiêm trọng phải lãnh nhận bí tích Sám Hối trước khi rước Mình Máu Thánh. Một người có nhu cầu nghiêm trọng phải hiệp lễ và không có cơ hội đi xưng tội bị đòi buộc phải làm hành vi ăn năn trọn hảo, điều này bao gồm việc hứa xưng tội sớm hết sức có thể.¹¹⁷

Hối hận đối với tội lỗi ám chỉ quyết tâm không sa ngã vào tội lại. Trong khi chúng ta không có thể chắc chắn rằng sự mỏng giòn của chúng ta sẽ không phản bội chúng ta nữa, quyết tâm hiện tại của chúng ta phải thành thật và thực tế. Chúng ta phải muốn thay đổi, muốn trung thành với Chúa chúng ta, muốn có những bước thực tế để làm cho sự trung thành nên khả dĩ. Sự tha thứ của Đức Kitô luôn luôn đòi hỏi điều này: “Hãy đi và từ nay đừng phạm tội nữa!” (Gioan 8,11).

Xưng Thú

Những lời của Đức Kitô thiết lập bí tích Sám Hối gợi ý rằng thừa tác viên cho sự tha thứ của Ngài phải khôn ngoan phân biệt: “Nếu các người tha tội cho bất kỳ ai...” Giáo Hội dạy¹¹⁸ rằng bởi luật thiên linh cần thiết phải xưng thú với linh mục mỗi và mọi tội trọng – và cũng như những hoàn cảnh làm cho một tội thành một loại tội nặng nghiêm trọng hơn – mà một người có thể nhớ sau khi cẩn thận xem xét lương tâm. Những tội đã phạm trước Thanh Tẩy không phải xưng thú, vì trong Thanh Tẩy mọi tội lỗi của quá khứ

¹¹⁷ Đối chiếu: *Bộ Giáo Luật*, khoản 916; Công Đồng Trentô, Phiên Hợp 13, ngày 11 tháng Mười năm 1551, *Sắc Lệnh về [bt] Mình Máu Cực Thánh*, chương 7 (DS 1647).

¹¹⁸ Đối chiếu: *Nghi Thức Sám Hối*, Dẫn Nhập, số 7a (EV 4.2687); Công Đồng Trentô, Phiên Hợp 14, ngày 25 tháng 11 năm 1551, *Giáo Lý về Bí Tích Sám Hối*, khoản 7 về bí tích Sám Hối (DS 1707); Bộ Giáo Lý Đức Tin, *Sacramentum Paenitentiae (Bí Tích Sám Hối)* (“Những Tiêu Chuẩn liên quan đến việc Ban Phát sự Tẩy Xóa Chung theo Bí Tích”, ngày 16 tháng 6 năm 1972) (EV 4.1653-1667); Cũng đối chiếu: *Bộ Giáo Luật*, khoản 988.1.

được tha thứ. Ngoài ra, một tội trọng đã từng được xưng thú và sự tẩy xóa nó đã được lãnh nhận thì không cần phải xưng thú lại [trừ khi tái phạm].

Những hối nhân đạo đức thường mắc những tội không nghiêm trọng; nhưng một cách hữu ích, với lòng hối hận họ có thể đem đến trước Đức Kitô những tội nhẹ làm hại đời sống mình hay giới hạn đức bác ái của mình, lo cho có lòng hối hận thật sự đối với những tội mà mình xưng thú. Một cách hữu ích, xưng thú tội vì lòng đạo đức có thể tập trung vào những lỗi phạm mà một người có thể và nên có lòng hối hận chân thành hơn, bởi vì tổn hại mà những lỗi phạm đó gây ra cho những người khác, hay bởi vì cách thức mà trong đó chúng cản trở sự phát triển của người đó trong ơn sủng.

Đền Bù

Giáo Hội tin rằng có “những hình phạt tạm” cho tội lỗi.* Điều này có nghĩa là Thiên Chúa công minh và thương xót đòi hỏi một tội nhân hối cải phải đền bù những tội của mình; người đó sẽ nhận hình phạt cho chúng hoặc ở đời này hoặc sau khi chết trong luyện ngục, trừ khi người đó tự phạt mình bằng những hành động đền tội.

Chuyện có những hình phạt tạm cho tội có bằng chứng rõ ràng trong suốt lịch sử dài của Israel nơi tất cả những gì mà dân tộc này gánh chịu vì những bất trung của mình, đặc biệt trong tình trạng giam cầm. Những tội lỗi của các cá nhân có những hậu quả tương tự. Moses được tha thứ đối với tội nghi ngờ của ông, nhưng bởi vì nó mà ông không được phép vào Đất Hứa. Davit được tha thứ đối với tội ngoại tình của ông, nhưng đứa con ông muốn có của việc kết hợp tội lỗi không sống sót được. Những hình phạt tạm kéo dài ngay cả khi chết rồi. Vì thế chúng ta đọc thấy trong *Sách Macabê quyển hai* giá trị của việc cầu nguyện cho kẻ chết (đối chiếu 2 *Macabê* 12,43-46). Thánh Phaolô chỉ ra rằng có sự thanh luyện bên kia cái chết (đối chiếu: 1 *Corinthô* 3,10-15).

Vậy thì các hối nhân phải hoàn tất những hành vi hối cải của mình bằng việc đền bù những tội lỗi của mình, bằng cách làm việc “đền tội” mà linh mục ấn định. Việc đền tội ấn định ngày xưa thường nghiêm khắc. Ngày nay việc đền tội thường là đọc một số kinh nguyện mà linh mục giao cho hối nhân.

Kiểu loại và tầm mức của việc đền bù phải nên thích hợp với điều kiện cá nhân của mỗi hối nhân để mỗi người có thể phục hồi trật tự mà mình đã xáo trộn và nhờ qua việc chữa trị tương ứng có thể được chữa khỏi bệnh hoạn mà mình đã gánh chịu. Vì vậy, điều cần thiết là hành vi đền tội phải thật là sự chữa trị đối với tội lỗi và sự giúp đỡ để canh tân đời sống.¹¹⁹

Tội lỗi của chúng ta nghiêm trọng hơn những gì chúng ta nhận ra được, và những hành động đền tội của chúng ta thường nhỏ nhặt. Để giúp chúng ta trong sự mỏng giòn của mình, Giáo Hội cũng khiến các ân xá thành khả dĩ cho người tín hữu. Ân xá là sự tha

* Chú thích của người dịch: Sách chỉ đề cập đến “hình phạt tạm” mà không đi vào giải thích hình phạt tạm thật sự là gì. Hình phạt tạm là một thứ hậu quả của tội nhưng không phải hiểu như là sự trừng phạt từ bên ngoài mà Thiên Chúa giáng xuống trên tội nhân cho bằng là hậu quả xuất phát từ trong bản tính của tội. Nhưng khác với hình phạt đời đời là sự mất đi sự thông hiệp với Thiên Chúa, mất đi khả năng hưởng sự sống vĩnh cửu, hình phạt tạm là “một sự quyền luyện lệch lạc với các thụ tạo, nên cần được thanh tẩy, hoặc ngay ở đời này, hoặc sau khi chết, trong tình trạng được gọi là luyện ngục” (*SGLHTCG*, 1472).

¹¹⁹ *Nghi Thức Sám Hối*, Dẫn Nhập, số 6c (EV 4.2684).

thứ trước mặt Thiên Chúa tất cả (đại xá) hay một phần (tiểu xá) các hình phạt tạm phải chịu vì những tội đã được tha thứ.¹²⁰

Nguyên lý đằng sau các ân xá thì xưa như Giáo Hội. Nó được đặt nền trên giáo lý về Thân Mình Mầu Nhiệm của Đức Kitô. Như thánh Phaolô viết (đối chiếu *1 Corinthô* 12,21-26), mọi thành phần của Thân Mình này nên góp phần vào thiện ích của một thành phần đau yếu. Nhận thức đầy đủ về giá trị quyết định và vô hạn của cái chết đền bù nơi Đức Kitô, Phaolô vui mừng rằng những đau khổ của riêng ngài có thể ích lợi cho các Kitô hữu ở Colosê, và ngài thêm:

Trong thân xác tôi, tôi bù đắp những gì còn thiếu nơi những khổ nạn mà Đức Kitô phải chịu vì Thân Mình Ngài, tức là Giáo Hội. (*Colosê* 1,24)

Giáo Hội dạy rằng do bởi quyền mà Đức Kitô ban cho Giáo Hội, Giáo Hội có thể ban cho các tội nhân đã nhận được sự tha thứ cho tội lỗi của họ rồi sự thông phần vào các công nghiệp của Đức Kitô và các thánh, để gánh nặng của hình phạt tạm phải chịu vì tội có thể được lấy đi hay giảm nhẹ.

Để có được ân xá, một người phải đọc kinh nguyện và làm việc lành mà Giáo Hội kèm theo ân xá, phải ở trong tình trạng ơn sủng, và phải có ý định thích hợp. Thật vậy, nhờ một thứ đòn bẩy thiêng liêng, mà một hành vi đạo đức tương đối nhỏ nhặt về phía cá nhân lại mang đến cho người đó sự thương xót lớn lao.¹²¹

Sự “Thanh Tẩy Vắt Vả”

Công Đồng Trentô, trích dẫn thánh Grêgôriô Nazianzêno và thánh Gioan Damascênô, tuyên bố rằng bí tích Sám Hối “từng được các thánh Giáo Phụ gọi đúng đắn là ‘một loại Thanh Tẩy vắt vả’”.¹²² Cùng một chỗ, Công Đồng Trentô, chống lại một số giáo thuyết thời đó, cũng khẳng định rằng đó là một bí tích phân biệt với Thanh Tẩy. Nó được gọi là “một loại Thanh Tẩy” bởi vì nó phục hồi sự thánh thiện của Thanh Tẩy, và “vắt vả” bởi vì nó không thể làm được vậy “mà không với nhiều nước mắt và công sức về phía chúng ta”.

Sám Hối thực sự phục hồi và canh tân sự thánh thiện của Thanh Tẩy. Khi sự thánh thiện này bị mất đi, nó có thể được phục hồi trong bí tích Sám Hối. Một người Công Giáo phạm tội nặng được đòi buộc xin sự tha thứ cho tội mình bằng bí tích này. Một người nên làm vậy đúng lúc. Luật Giáo Hội đòi hỏi xưng tội mỗi năm một lần, mặc dầu, nói cho đúng nghĩa, luật cụ thể này không ràng buộc những ai không có tội nặng để phải xưng thú.¹²³

Nhưng Sám Hối cũng hữu ích để canh tân sự trong trắng của Thanh Tẩy, nghĩa là, để trả nó về lại sự rạng ngời trọn vẹn, ngay cả khi chỉ có những tội nhẹ

¹²⁰ Đối chiếu: Giáo Tông Phaolô VI, Tông Hiến *Indulgentiarum Doctrina* (Giáo Lý về các Ân Xá) (ngày 1 tháng Một năm 1967) Tiêu Chí 1 (EV 2.935). Văn kiện này, cũng như trên các trang 85-118 trong *Enchiridion Indulgentiarum* (Tuyển Tập về các Ân Xá) (Libreria Editrice Vaticana, 1968), giải thích lịch sử và thần học của các ân xá khá đầy đủ. Cũng đối chiếu: Công Đồng Trentô, Phiên Hợp 25, ngày 4 tháng 12 năm 1563, *Sắc Lệnh về các Ân Xá* (DS 1835).

¹²¹ Đối chiếu: *Bộ Giáo Luật*, khoản 996.

¹²² Công Đồng Trentô, Phiên Hợp 14, ngày 25 tháng 11 năm 1551, *Giáo Lý về Bí Tích Sám Hối*, chương 2 (DS 1672). Đối chiếu: Thánh Grêgôriô Nazianzêno, *Oratio* (Diễn Thuyết) 39.17 (MG 36.356); Thánh Gioan Damascênô, *De Fide Orthodoxa* (Về Đức Tin Chính Thống) 4.9 (MG 94.1124).

¹²³ Đối chiếu: *Bộ Giáo Luật*, khoản 989.

hay những lỗi phạm trong những chiến đấu luân lý của đời sống hàng ngày. Thật vậy...

việc cử hành cẩn thận và thường xuyên bí tích này cũng rất hữu ích xét như là sự chữa trị những tội nhẹ. Đây không phải là việc lặp đi lặp lại thuần túy nghi thức hay thao luyện tâm lý, nhưng là một nỗ lực lớn, nghiêm túc hoàn thiện ơn sủng của Thanh Tẩy để sự sống của Đức Giêsu Kitô có thể không ngừng được thấy rõ ràng hơn nơi chúng ta, giống như chúng ta mang trong thân mình cái chết của Ngài.¹²⁴

Sám Hối và Các Trẻ Em

Đối với các trẻ em ý tưởng “sự thanh tẩy vất vả” đề nghị một chương trình thực tế chuẩn bị các em cho bí tích Sám Hối. Khi các trẻ nhỏ được thanh tẩy, cha mẹ và người đỡ đầu hành động thay cho chúng. Tuy nhiên, khi tâm trí chúng phát triển, chúng có thể học biết ý nghĩa của Thanh Tẩy và cũng như chuẩn bị cho sự “thanh tẩy vất vả” và lần thứ hai. Chúng có thể thể hiện ra và sống lại sự thanh tẩy trẻ nhỏ của mình khi chúng chuẩn bị lãnh nhận bí tích Sám Hối.

Việc dẫn đưa một trẻ em vào bí tích Sám Hối không được trì hoãn lâu, vì khi khả năng về lý luận từ từ phát triển trong một đứa trẻ, lương tâm luân lý của nó cũng đang được huấn luyện, nghĩa là, khả năng phán đoán hành vi của nó trong tương quan với một tiêu chuẩn luân lý. Việc sớm dẫn đưa vào Sám Hối sẽ giúp trẻ em biến sự chọn lựa mặc nhiên trong Thanh Tẩy của nó thành một hành vi cá vị. Sự thanh tẩy đó đã là một sự hoán cải, một sự quay về với Đức Kitô; xưng tội lần đầu có thể là một sự giúp đỡ sớm khi làm cho sự hoán cải căn bản đó thành tự do và cá vị hơn. Luật Giáo Hội đòi hỏi phải duy trì tập tục cho các trẻ em lãnh nhận bí tích Sám Hối trước Hiệp Lễ lần đầu.¹²⁵

Tuổi thích hợp cho việc lãnh nhận lần đầu những bí tích này (Sám Hối và Mình Máu Thánh) được xem là tuổi mà trong các văn kiện của Giáo Hội được gọi là tuổi khôn hay tuổi biết phán đoán. Tuổi này cho cả Xưng Tội và Hiệp Lễ là tuổi mà đứa trẻ bắt đầu lý luận, nghĩa là, hơn kém khoảng 7 tuổi. Bốn phận hoàn thành những giới luật của Xưng Tội và Hiệp Lễ được bắt đầu từ đó trở đi.¹²⁶

Chiều Kích Cộng Đồng

Nhìn bí tích Sám Hối như một Thanh Tẩy thứ hai cho chúng ta khả năng cũng nhận ra được rằng nó thật sự là thành phần của phụng vụ công khai của Giáo Hội. Giống như Thanh Tẩy trước tiên làm chúng ta trở nên thành phần của Thân Mình Đức Kitô, thì cũng vậy Sám Hối phục hồi sự sống trong Thân Mình đó cho một người do bởi tội nặng đã chấm dứt là một thành phần sống động. Một nghi thức công cộng của sự hòa giải đã làm rõ điều này trong Giáo Hội sơ khai. Ngày nay, bằng việc tiếp cận lại Sám Hối như sự hòa giải với cộng đồng cũng như với Thiên Chúa, và có lẽ trong một phụng vụ mang tính

¹²⁴ *Nghi Thức Sám Hối*, Dẫn Nhập, số 7b (EV 4.2687).

¹²⁵ Đối chiếu: Bộ Giáo Sĩ, *General Directory for Catechesis (Danh Bạ Tổng Quát cho Giảng Dạy Giáo Lý)* (ngày 11 tháng 8 năm 1997), các số 177-181 (EV 16.608-1011).

¹²⁶ Đối chiếu: Bộ các Bí Tích, *Quam Singulari* (ngày 8 tháng 8 năm 1910), và bằng không thì thường xuyên.

cộng đoàn, sự song song với Thanh Tẩy đưa ra một viễn tượng để thấy Sám Hối như thuộc về cử hành phụng vụ của toàn thể cộng đồng Giáo Hội.

Như Giáo Tông Bê-nê-đi-cô XVI lưu ý:

Tương quan giữa [bt] Minh Máu Thánh và bí tích Hòa Giải nhắc nhở chúng ta rằng tội lỗi không bao giờ là chuyện thuần túy cá nhân; nó luôn luôn gây tổn hại cho sự hiệp thông giáo hội mà chúng ta tham dự vào nhờ qua Thanh Tẩy. (*Bí Tích của Đức Bác Ái*, 20)

Sám Hối Mang Tính Cộng Đoàn

Công Đồng Vaticanô II truyền lệnh rằng:

Nghi thức và công thức cho bí tích Sám Hối phải được duyệt xét lại để diễn tả rõ ràng hơn bản tính và hiệu quả của bí tích này. (*Hiến chế về phụng vụ*, 72)

Như vậy, Sám Hối không thể tiếp tục mà không chịu ảnh hưởng bởi sự thay đổi nền tảng của toàn thể cuộc cải cách phụng vụ hiện đại, nghĩa là, cảm thức tăng triển về cộng đồng như dân được ký giao ước của Thiên Chúa, mỗi thành phần của dân đó được mời gọi tham dự đầy đủ sự thờ phượng Ngài. Và lại, vì Sám Hối đã là một cử hành cộng đoàn nơi những Kitô hữu sơ khai, đã có sẵn rồi một kiểu mẫu cho việc cải cách nghi thức này, một nghi thức mà vào thời hiện đại đã trở nên tương đối tách biệt khỏi việc cử hành cộng đoàn. Do vậy, điều đã cần và dần dần xảy ra là sự phục hồi Sám Hối như một cử hành mang tính cộng đoàn trong Giáo Hội.

Để chứng tỏ rõ ràng hơn Sám Hối là một cử hành phụng vụ chân chính, nó có thể được cử hành như một hành vi thờ phượng cộng đoàn, hình thành bối cảnh cho việc xưng tội riêng. Đó đã là một thực hành của Giáo Hội sơ khai. Trong khi một số loại tội được xưng thú riêng với giám mục và sau cùng với linh mục, việc này được làm trong một phụng vụ công khai được thực hiện trong mùa Chay. Điều này đã đi song song và mở rộng phụng vụ Phục Sinh tập trung trước tiên quanh các dự tòng.

Tuy nhiên, còn cần đến điều gì khác nữa, nếu nên có một phụng vụ Sám Hối đích thực mang tính cộng đoàn. Còn phải có một cảm thức về chiều kích giáo hội và cộng đồng của tội. Trong Giáo Hội sơ khai các tội nhân mắc một số tội nặng thì bị tuyệt thông, bị đòi hỏi phải làm những việc sám hối công khai, và được hòa giải với Thiên Chúa nhờ qua Giáo Hội vào ngày thứ Năm Thánh bằng việc trở về với [bt] Minh Máu Thánh. Ngay trong xưng tội riêng cũng có vết tích còn lại của việc sám hối công khai này. Các hối nhân công khai xếp vào hàng những người chờ đợi xưng tội. Trong khi nếu mắc tội nặng, họ phải loại mình ra khỏi việc Hiệp Lễ cho đến khi họ trở về đời sống ơn sủng trong Giáo Hội nhờ qua bí tích Sám Hối. Sự hòa giải của họ với Thiên Chúa và với cộng đồng được hoàn tất khi họ công khai trở về lại bàn tiệc Minh Máu Thánh.

Thừa nhận – ngay cả đi đến chỗ nhận ra – rằng tội lỗi của chúng ta có một chiều kích cộng đồng không phải luôn luôn dễ dàng, và có lẽ không dễ chịu nhiều cho nhiều người trong một thời đại đánh dấu bởi suy nghĩ rất nặng tính cá nhân. Nhờ bởi sám hối công khai chúng ta không trốn tránh trách nhiệm cá vị; chúng ta thật sự mở rộng phạm vi nhận thức của chúng ta về trách nhiệm đối với những tội của xã hội mà chúng ta là một thành viên.

Vì tất cả chúng ta là những chi thể của một thân mình trong Đức Kitô, bệnh hoạn của một chi thể gây cảm nhận đau yếu khắp cả thân mình. Tối thiểu, những thất bại của các cá nhân cũng cản trở sự phát triển và hạn chế sức sống của toàn thân mình.

Cho nên một bộ phận đau, thì hết các bộ phận cùng đau; nếu một bộ phận được tôn vinh, thì hết các bộ phận cùng được tôn vinh. (*1 Corinthô 12,26*)

Nhờ bởi màu nhiệm yêu thương và ẩn giấu của kế hoạch nơi Thiên Chúa mà con người được nối kết với nhau trong những ràng buộc của sự liên đới siêu nhiên, hết mức như thể đến nỗi tội của một người làm hại đến những người khác cũng như sự thánh thiện của một người làm lợi những người khác.¹²⁷

Những Chiều Kích Xã Hội của Tội Lỗi

Trong bối cảnh rộng hơn này, mọi tội cụ thể, ngoại trừ những tội trực tiếp chống lại Thiên Chúa như phạm thượng, là những xúc phạm chống lại luật của Thiên Chúa chính bởi vì chúng gây thương hại đến người lân cận hay chính bản thân. Ngay cả những tội trực tiếp làm hại chỉ một mình bản thân vẫn có khả năng xáo trộn sự hòa hợp cộng đồng. Bảy giới răn sau của Thập Giới (Mười Điều Răn) liên quan đến người lân cận chúng ta. Ví dụ, nếu tôi ăn cắp, tôi làm hại người lân cận và có lẽ gây ra sự mất mát quan trọng cho gia đình người lân cận đó. Tôi cũng làm suy giảm sự cởi mở và tin tưởng lẫn nhau trong toàn thể cộng đồng, và theo một nghĩa nào đó tôi làm suy giảm nhịp đập và sự luân chuyển sự sống trong Thân Mình của Đức Kitô. Điều này đúng cho cả những tội “bí mật” ngược lại giới răn thứ chín và thứ mười, những giới răn đó cũng liên quan đến người lân cận của tôi. Ngay cả phạm thượng và những tội khác ngược lại ba giới răn đầu cũng có thể gây có vấp phạm. Tóm lại, những tội bí mật và cá nhân của tôi có thể có những hậu quả lan rộng trong cộng đồng.

Hơn nữa, một số sự xấu liên quan đến lỗi phạm cá nhân, đặc biệt những tội thiếu sót, cũng có một chiều kích cộng đồng. Một ví dụ ở đây là sự phân biệt chủng tộc. Như một mạng nhện, nó vướng víu tất cả chúng ta trong hậu quả của nó.

Cũng đúng vậy cho tất cả những bất công xã hội lan rộng. Cho dầu ít người trong chúng ta mới có thể dính líu nhiều vào cách nổi bật, thì đại đa số chúng ta cũng chịu trách nhiệm trong chừng mực nào đó.

Biết bao nhiêu triệu người đang chết đói, biết bao nhiêu gia đình túng quẫn, biết bao nhiêu người mang nặng ngu dốt; biết bao nhiêu người cần học đường, bệnh viện, và nhà cửa xứng đáng. Trong những hoàn cảnh như thế, chúng ta không thể khoan dung đối với những chi tiêu cá nhân hay công cộng mang tính phung phí; chúng ta không thể chuẩn nhận cuộc chạy đua vũ trang làm suy yếu... Không ai được phép xem thường tình cảnh đau thương của anh em mình đang sống trong sự nghèo khổ tột cùng, bị vướng mắc trong sự ngu dốt, và bị đau đớn dẫn vật bởi sự mất an ninh. Người Kitô hữu, động lòng trước tình trạng này, nên làm vọng lại lời của Đức Kitô: “Ta thương xót đám dân chúng” (*Marcô 8,2*).¹²⁸

Thượng Hội Đồng Giám Mục Thế Giới năm 1971 đã nói về “những bất công nghiêm trọng đang dựng lên quanh thế giới con người một mạng lưới làm việc của sự thống trị,

¹²⁷ *Nghi Thức Sám Hối*, Dẫn Nhập, số 5 (EV 4.2680).

¹²⁸ Giáo Tông Phaolô VI, Thông Điệp *Progressio Populorum* (*Sự Phát Triển của các Dân Tộc*) (ngày 26 tháng 3 năm 1967), các số 53, 74 (EV 2.1098-1119).

đàn áp, và những lạm dụng mà bóp nghẹt tự do và cản trở phần lớn nhân loại khỏi thông phần vào việc xây dựng và hưởng được một thế giới huynh đệ và công bằng hơn”; thế giới bị đánh dấu bởi “tội nghiêm trọng của sự bất công”.¹²⁹

Khi kiểm thảo lương tâm mình, người theo Đức Kitô nhất định xét đến những trách nhiệm xã hội của mình và những chiêu kích xã hội của tội lỗi.¹³⁰

Cử Hành Bí Tích Này

Bí tích Sám Hối có thể được ban phát bằng hai cách, hoặc trong một nghi thức mang tính cộng đoàn hoặc trong một nghi thức mang tính cá nhân. Ngay cả nghi thức mang tính cộng đoàn cũng bảo vệ những yếu tố cá nhân quan trọng của bí tích: cá nhân của hối nhân xưng thú những tội của mình cách riêng tư và có sự tẩy xóa riêng đối với tội lỗi. Và ngay cả hình thức cá nhân cũng bảo vệ một số yếu tố công cộng, như một hành vi của phụng vụ Giáo Hội phải làm. Bí tích này thường được ban phát trong một nơi được nhìn nhận công khai; hối nhân phạm tội nặng phải tránh thông phần vào bàn tiệc Mình Máu Thánh cho đến khi người đó được tẩy xóa khỏi tội lỗi; linh mục ban phát bí tích này phải là người được giám mục địa phương ban cho quyền công khai tẩy xóa tội lỗi.

Thực Hành Thời Xưa

Những Kitô hữu sơ khai cũng xưng thú tội họ cách riêng tư, mặc dầu trong một cử hành cộng đoàn. Tuy nhiên, sự khác biệt thật sự giữa thực hành thời xưa và thực hành thời nay đó là một số Kitô hữu thời sơ khai cảm thấy họ chỉ có thể lãnh nhận bí tích Sám Hối một lần thôi, và rất khó khăn cho họ đi đến chỗ cảm nhận rằng Sám Hối có thể lãnh nhận thường xuyên hơn. Những Kitô hữu sơ khai có một ý tưởng cao vời về sự thánh thiện tương xứng với một người đã được thanh tẩy đến nỗi rất khó cho họ chấp nhận ý tưởng một Kitô hữu lại sa ngã vào một tội nghiêm trọng, ít nữa là lặp đi lặp lại. Từ đó mà phát triển khuynh hướng trì hoãn sự tẩy xóa tội cho đến khi gần chết.

Các thầy dòng Celtic phá giải được khó khăn này bằng cách tạo ra việc xưng tội thường xuyên và riêng tư, trước tiên trong các tu viện của các vị, rồi thì ở ngoài, và sau cùng trong các hành trình truyền giáo ở Lục Địa khi Âu Châu cố gắng phục hồi từ những cuộc xâm lăng của các dân man di. Đối với người bị lương tâm hành hạ, Sám Hối đã trở thành một bí tích không chỉ của sự chữa lành mà còn của lòng thương xót liên li. Đối với người đạo đức, nó đã trở thành một phương thế để đào sâu sự hoán cải của họ và thúc đẩy sự tăng triển của họ trong Thần Khí. Theo tinh thần này mà Giáo Hội khuyến khích việc xưng tội thường xuyên và đều đặn. Việc đó kêu gọi những ai phạm tội nặng đến sự hoán cải lập tức. Nó thúc giục người đạo đức lãnh nhận những ơn huệ thánh hóa và chữa lành của Đức Kitô nhờ qua việc dùng đến các bí tích.

Nghi Thức Sám Hối

Sách *Nghi Thức Sám Hối* liên kết thực hành xưa và nay trong nghi lễ hòa giải. Việc ban phát riêng của bí tích này, trong khi giữ đặc tính thẩm phán của nó, cũng tiếp tục đưa

¹²⁹ Tổng Công Nghị lần thứ Hai của Thượng Hội Đồng Giám Mục Thế Giới, 1971, *Công Lý trong Thế Giới*, Dẫn Nhập và Phần II (EV 4.1238-1243, 1264-1273).

¹³⁰ Đối chiếu: Dân Bài Kiểm Thảo Lương Tâm trong *Nghi Thức Sám Hối*, Phụ Lục III.

ra sự chữa lành đầy tình thương xót của nó. Nó có thể làm vậy trong bối cảnh của một cử hành mang tính cộng đoàn. “Cử hành mang tính cộng đoàn bày tỏ rõ ràng hơn bản tính Giáo Hội của Sám Hối”.¹³¹ Những cử hành như thế thừa nhận chiều kích xã hội của tội lỗi và sự cần thiết được hòa giải với cộng đồng khi một người trở về với Thiên Chúa. Người tín hữu nâng đỡ nhau trong việc họ tham dự vào cử hành mang tính cộng đoàn của Sám Hối. Các bài đọc, các thánh ca, và các kinh nguyện của nghi lễ ràng buộc họ với nhau như một gia đình của Thiên Chúa đến trước Ngài trong hối hận và giúp mỗi hối nhân đi đến sự thống hối cá vị sâu hơn và một quyết tâm mới.

Nghi lễ cá nhân cũng có một số thuận lợi nào đó. Nó giữ lại một số tính cách của thờ phượng công cộng, như đã lưu ý ở trên. Các nghi lễ được đề nghị cho nó, như việc linh mục hay hối nhân đọc một đoạn văn Thánh Kinh và việc linh mục đưa tay ra trên đầu hối nhân trong khi đọc những lời tẩy xóa tội, có thể thêm ngay cả nhiều phẩm giá hơn cho việc cử hành nó. Nghi lễ cá nhân có sự uyển chuyển đáng kể và cung cấp một cơ hội để nối kết sự hướng dẫn thiêng liêng và chỉ dẫn mục vụ với việc ban phát bí tích này. Dầu vậy nó cũng vẫn là một hành vi của Giáo Hội, một sự hòa giải với cộng đồng Kitô hữu, như phần dẫn nhập của những lời tẩy xóa tội làm rõ ra:

Thiên Chúa, là Cha của Lòng Thương Xót,
nhờ qua sự chết và sống lại của Con Một Ngài
đã hòa giải thế gian với Ngài
và đã ban Ngôi Thánh Thần đến giữa chúng ta nhằm tha thứ tội lỗi:
nhờ qua thừa tác vụ của Giáo Hội, xin Thiên Chúa ban cho anh/chị... sự tha thứ
và sự an bình,
và tôi tẩy xóa anh/chị...¹³²

Khi vì những lý do ngoại thường mà các nhóm người không thể xưng thú tội họ theo từng cá nhân, thì trong một số hoàn cảnh họ có thể lãnh nhận sự tha thứ theo bí tích nhờ bởi sự tẩy xóa chung. Tuy nhiên, sự tẩy xóa chung như thế có thể được ban cho chỉ khi có một “sự cần thiết nghiêm trọng”, là điều được xác định bởi giám mục địa phương và “vị đó phải bàn hỏi với các vị khác trong hội đồng giám mục”.¹³³ Trừ phi bị ngăn cản bởi một lý do đúng đắn nào đó, những ai lãnh nhận sự tẩy xóa chung phải nên đi xưng tội trước khi lãnh nhận lại sự tẩy xóa chung.¹³⁴ Trừ phi làm được vậy đối với họ là điều bất khả dĩ theo luân lý, thì họ có bổn phận đi xưng tội trong vòng một năm.

Xưng thú và tẩy xóa [tội] toàn vẹn và cá nhân vẫn tiếp tục là con đường thông thường duy nhất cho người tín hữu hòa giải họ với Thiên Chúa và Giáo Hội, trừ phi sự bất khả dĩ về luân lý và thể lý miễn cho họ khỏi sự xưng thú loại này.¹³⁵

Dù bí tích Sám Hối được ban phát trong một nghi lễ cá nhân hay trong một cử hành chung, niềm vui sâu xa nhất của người mắc tội nằm ở chỗ họ được giải thoát khỏi tội lỗi trong một cuộc Vượt Qua mới giải phóng họ khỏi một thứ nô lệ đáng căm ghét nhất. Khi hoàn thành việc quay về với Thiên Chúa, họ tiến ra từ bí tích này trong niềm vui sướng

¹³¹ *Nghi Thức Sám Hối*, Dẫn Nhập, số 22 (EV 4.2703).

¹³² *Nghi Thức Sám Hối*, số 46.

¹³³ Đối chiếu: *Nghi Thức Sám Hối*, Dẫn Nhập, các số 31-33 (EV 4.2712-2715). Đối chiếu: *Bộ Giáo Luật*, khoản 961.

¹³⁴ Đối chiếu: *Nghi Thức Sám Hối*, Dẫn Nhập, số 34 (EV 4.2716). Cũng đối chiếu: *Bộ Giáo Luật*, khoản 962.1

¹³⁵ *Nghi Thức Sám Hối*, Dẫn Nhập, số 31 (EV 4.2712).

của một lương tâm trong sạch và của công lý được phục hồi, với viễn tượng phần khởi của một sự bắt đầu mới mẻ. Một lần nữa họ là “một tạo thành mới”, một lần nữa đối với họ “cái mới đã thành sự” (2 *Corinthô* 5,17).

----- Những Câu Hỏi Thảo Luận -----

1. Tại sao bí tích Sám Hối và Hòa Giải được ban cho chúng ta sau Thanh Tẩy?
2. Hãy bàn về ví dụ một tội nhân trở thành thánh, như thánh Augustinô. Bằng cách nào mà đời sống của vị thánh bày tỏ tình yêu thương tha thứ và vô điều kiện của Thiên Chúa được làm hiện diện theo cách bí tích trong Sám Hối và Hòa Giải?
3. Tại sao lại xưng tội chúng ta với linh mục? (*SGLHTCG* 1461-1467). Hãy bàn về những lý do tại sao việc tham dự bí tích này quan trọng cho việc hoán cải tiếp diễn và tăng triển trong đời sống Kitô hữu?

Tham Khảo Thêm:

Giáo Lý Công Giáo Hoa Kỳ cho Người Lớn: Chương 18 – Bí Tích Sám Hối và Hòa Giải; Thiên Chúa Giàu Lòng Thương Xót.

Sách Giáo Lý của Hội Thánh Công Giáo, 1420-1525.

Giáo Tông Bênêdictô XVI, *Bí Tích của Đức Bác Ái*. Tông Huấn sau Công Nghị [các Giám Mục], ngày 22 tháng 2 năm 2007.

Những Điều Cần Nhớ...

- ✘ Đức Kitô đã ban cho chúng ta bí tích Sám Hối vào ngày Phục Sinh, ngày Ngài sống lại từ cõi kẻ chết.
- ✘ Những ai đi xưng tội phải có sự hối hận đích thật về những tội của mình và phải có mục đích sửa chữa; họ phải xưng thú các tội của mình, đặc biệt tất cả tội trọng mà chưa được tha thứ trước đó; và họ phải quyết tâm thi hành việc đền tội được giao cho.
- ✘ Những người Kitô hữu phạm tội nặng có bổn phận nghiêm trọng phải lãnh nhận bí tích Sám Hối; những ai chỉ phạm những tội nhẹ hơn cũng có thể được ích lợi lớn từ bí tích này.

CHƯƠNG BẢY

Bí Tích Xức Dầu Bệnh Nhân

(SGLHTCG 1499-1532)

Đức Kitô và Người Đau Yếu

Chúa chúng ta có lòng thương xót đến người bệnh. Ngài tỏ mình ra cho Gioan như Đấng Thiên Sai (Mêsia) chỉ bằng cách nói rằng:

Người mù được sáng mắt và người què đi được, người phung hủi được sạch và người điếc nghe được, và người chết được sống lại, và người nghèo được nghe loan báo Tin Mừng. (*Matthêu 11,5*)

Trong dụ ngôn về bữa đại tiệc, các đầy tớ được truyền lệnh: “Hãy mau ra ngoài phố và các ngõ hẻm trong thành mà dẫn vào đây những người ăn xin, tật nguyền, đui mù và què quặt” (*Luca 14,21*). Nhiều việc làm của Ngài là những việc chữa lành người bệnh; và chúng ta đã thấy trong phần trước bằng cách nào mà chính Ngài cũng như các thánh sứ chủ ý dùng những việc này như những dấu chỉ của một sự chữa lành thiêng liêng (đối chiếu: *Marcô 2,10-11*).

Xức Dầu trong Thánh Kinh

Đức Giêsu không chỉ dạy các môn đệ của Ngài phải có lòng thương xót, mà Ngài còn bảo họ ai nên là những đối tượng đặc biệt của lòng thương xót nơi họ. Trước dụ ngôn về đại tiệc với những vị khách khiêm hạ Ngài đã cho một lời hướng dẫn tại bữa tiệc: “Nhưng khi nào hết yến tiệc, các ngươi hãy mời những người ăn xin, tật nguyền, què quặt, đui mù” (*Luca 14,13*). Trong dụ ngôn duyệt trước sự Phán Xét chung cục, Ngài nói với những ai bị trừng phạt: “Ta đau yếu... mà các ngươi đã không thăm viếng...” (*Matthêu 25,43*). Mặt khác, Ngài nói với những ai được ân thưởng: “Ta đau yếu mà các ngươi đã thăm viếng...” (*Matthêu 25,36*).

Trong lúc đó, các tông đồ trợ giúp Ngài trong sứ mạng của Ngài:

Gọi mười hai môn đệ của Ngài lại, Ngài ban cho họ quyền năng trên các thần ô uế, khiến họ có thể trừ đuổi chúng và chữa lành mọi bệnh hoạn tật nguyền. (*Matthêu 10,1*)

Một sự ủy thác tương tự được ban cho họ sau Phục Sinh:

... họ sẽ đặt tay trên những kẻ liệt lảo và các kẻ đó sẽ được an lành mạnh khỏe. (*Marcô 16,18*)

Trong một đoạn văn trước đó của Tin Mừng theo thánh Marcô chúng ta đọc:

Và họ xua trừ nhiều quỷ, và xức dầu mà chữa lành nhiều kẻ ốm đau. (*Marcô 6,13*)

Đây là ám chỉ đầu tiên về bí tích Xức Dầu Bệnh Nhân.¹³⁶ Đức Giêsu ở đây ban quyền cho một thực hành có thể đã hiện hữu trong những việc chữa lành bằng cách trừ quỷ; nhưng Ngài cho nó một ý nghĩa mới. Cũng giống như những việc chữa lành mà chính Ngài làm, những việc chữa lành của các môn đệ Ngài đã là những dấu chỉ công bố vương quốc [Thiên Chúa] đến:

Thần Khí Chúa ở trên tôi, bởi vì Ngài đã xức dầu cho tôi, Ngài đã sai tôi đem Tin Mừng cho người nghèo khó, ban ân xá cho kẻ tù đầy, cho người đui mù thấy được, cho người bị áp bức được giải oan; loan báo năm hồng ân của Chúa. (*Luca* 4,18-19; đối chiếu: *Isaia* 61,1-2)

Trong Giáo Hội Ngài, Đức Kitô muốn tất cả chăm sóc người bệnh. Thừa tác vụ đối với người bệnh là một bổn phận của mọi Kitô hữu. Tuy nhiên, một cách đặc biệt, Ngài giao cho các linh mục trách nhiệm xức dầu người bệnh trong khi cầu nguyện trên họ bằng một cử chỉ mang tính bí tích, cử chỉ này một cách thích hợp hơn sẽ là việc chăm sóc cá vị của chính Ngài (*Giacôbê* 5,14).

Giống như với bí tích Thêm Sức, chúng ta lần đầu tiên thấy việc xức dầu thực sự cho bệnh nhân trong Giáo Hội sơ khai được mô tả trong *Thư của thánh Giacôbê*. Thư này chính yếu là sự khích lệ luân lý, và chỉ như một phần của sự khích lệ như thế mà bí tích này được nói đến. Như vậy:

Trong anh em, ai phải đau khổ, hãy cầu nguyện; ai được vui mừng, hãy hát tụng ca. (*Giacôbê* 5,13)

Rồi thì:

Ai trong anh em phải yếu liệt, hãy mời các trưởng lão của Giáo Hội đến; họ hãy cầu nguyện trên người ấy, sau khi đã xức dầu cho người ấy nhân danh Chúa. Và lời khẩn cầu do tự lòng tin sẽ cứu người bệnh, và Chúa sẽ cho hồi phục, và nếu người ấy đã phạm tội, thì cũng sẽ được tha thứ. (*Giacôbê* 5,14-15)

Đoạn văn này được Công Đồng Trentô trích dẫn khi tuyên bố:

Việc xức dầu thánh thiêng này cho người bệnh được Đức Kitô Chúa chúng ta thiết lập thật sự và thích đáng như một bí tích của Tân Ước...¹³⁷

Bí Tích của Bệnh Nhân

Như lời thánh Giacôbê cho thấy rõ, bí tích Xức Dầu Bệnh Nhân là để cho người bệnh tật và đau yếu.

Vì vậy, “nên có sự chăm sóc và quan tâm đặc biệt để những ai đau yếu nguy ngập do bệnh tật hay do tuổi già lãnh nhận được bí tích này”.¹³⁸ Người thân và bạn bè của những người bệnh có trách nhiệm trong đức bác ái giúp đỡ họ bằng việc gọi linh mục hay giúp

¹³⁶ Đối chiếu: Công Đồng Trentô, Phiên Hợp 14, ngày 25 tháng 11 năm 1551, *Giáo Lý về Bí Tích Xức Dầu Sau Hết*, chương 1 (DS 1695).

¹³⁷ Công Đồng Trentô, Phiên Hợp 14, ngày 25 tháng 11 năm 1551, *Giáo Lý về Bí Tích Xức Dầu Sau Hết*, chương 1 (DS 1695).

¹³⁸ Bộ Phụng Tự và Kỷ Luật Bí Tích, *Nghi Thức Xức Dầu và Chăm Sóc Mục Vụ Bệnh Nhân*, được xuất bản bởi quyền của Giáo Tông Phaolô VI, ngày 7 tháng 12 năm 1972, Dẫn Nhập, số 8 (EV 4.1867).

họ sẵn sàng để lãnh nhận bí tích này cách xứng đáng, đặc biệt trong trường hợp những yếu đau nghiêm trọng hơn.

Trong một vài thế kỷ đã có khuynh hướng chỉ dành bí tích này cho những ai kề bên cái chết, và bí tích này thành ra được gọi “xức dầu lâm tử,” nghĩa là, “xức dầu sau hết”. Tuy nhiên, Giáo Hội đã minh định rằng Giáo Hội ước muốn bí tích dành cho người bệnh này được hữu dụng nhiều hơn.

“Xức Dầu Sau Hết” hay thích hợp hơn còn có thể gọi “Xức Dầu Bệnh Nhân” không phải là một bí tích chỉ dành cho những ai hấp hối. Do đó, thời gian thích hợp để lãnh nhận bí tích này chắc chắn là lúc người tín hữu bắt đầu nguy tử vì bệnh tật hay già yếu. (*Hiển chế về phụng vụ*, 73)

Như thế không cần đợi đến lúc một người hấp hối. Để xác định có sự đau yếu nguy hiểm hay không, chỉ cần một phán đoán khôn ngoan là đủ; không cần phải quá tỉ mỉ.¹³⁹ “Bí tích này có thể được lặp lại nếu người bệnh hồi phục sau khi xức dầu hay nếu trong thời gian của cùng một sự đau yếu, nguy hiểm trở nên nghiêm trọng hơn”.¹⁴⁰ Ngoài ra, “người bệnh nên được xức dầu trước khi giải phẫu khi sự đau yếu nghiêm trọng là lý do của việc giải phẫu”.¹⁴¹

Giáo Hội còn dạy thêm:

Những người già có thể được xức dầu nếu họ ở trong tình trạng suy yếu cho dầu không có sự đau yếu nghiêm trọng. Các trẻ em bị bệnh có thể được xức dầu nếu chúng có đủ khôn để được an ủi nhờ bởi bí tích này.

Người tín hữu “nên được khích lệ xin xức dầu và lãnh nhận nó với đức tin và lòng sốt sắng ngay khi thời gian để xức dầu đến, không lạm dụng bí tích này bằng cách trì hoãn nó”. Những người không còn ý thức hay không dùng được lý trí cũng có thể được xức dầu “nếu xét như là những tín hữu Kitô họ sẽ xin xức dầu nếu họ còn làm chủ được các khả năng nhận thức”. Linh mục không được xức dầu “một người đã chết rồi”. Nếu nghi ngờ không biết đã chết chưa, linh mục có thể ban phát bí tích này cách có điều kiện.¹⁴²

Bí tích Xức Dầu Bệnh Nhân nối dài bàn tay chữa lành của Đức Kitô; nó là sự gặp gỡ Đức Kitô Đấng Chữa Lành, Đức Kitô Lương Y Thiên Linh. Người phụ nữ trong Tin Mừng đã hăm hở đụng dù chỉ áo choàng của Chúa: bà ta nghĩ: “Dầu tôi chỉ sờ được áo choàng của Ngài, tôi cũng sẽ được chữa lành” (*Marcô* 5, 28). Người bệnh hôm nay “đụng” đến Đức Kitô và kinh nghiệm quyền năng của Ngài nhờ qua việc xức dầu theo bí tích.

Chiều Kích Cộng Đồng

Bệnh tật là một khủng hoảng của đời sống, đối với những cá nhân đau yếu và cả những cộng đồng mà họ thuộc về. Ngay cả những xã hội ngoại giáo cũng đã hiểu vậy và đã cung cấp một nghi thức tôn giáo và xã hội nào đó để giúp giải quyết khủng hoảng đó. Thánh Giacôbê rõ ràng thấy được chiều kích cộng đồng của bệnh tật khi ngài nói rằng người

¹³⁹ Đối chiếu: *Nghi Thức Xức Dầu...*, Dẫn Nhập, số 8 (EV 4.1867).

¹⁴⁰ *Nghi Thức Xức Dầu...*, Dẫn Nhập, số 9 (EV 4.1868).

¹⁴¹ *Nghi Thức Xức Dầu...*, Dẫn Nhập, số 10 (EV 4.1869).

¹⁴² Cho cả đoạn, đối chiếu: *Nghi Thức Xức Dầu...*, Dẫn Nhập, các số 11-15 (EV 4.1870-1875).

bệnh nên “mời các trưởng lão của Giáo Hội đến”. Các “trưởng lão” này, nghĩa là các “linh mục”, đại diện cho cộng đồng và sự quan tâm của cộng đồng. Sự quan tâm như thế được chứng tỏ hơn nữa trong “lời khẩn cầu do tự lòng tin” mà thánh Giacôbê nói sẽ làm người đau hồi phục; lời cầu nguyện phát xuất từ cộng đồng của đức tin, Giáo Hội được tập hợp quanh người bệnh chính xác để cầu khẩn “đanh Chúa”.

Sách *Nghi Thức Xức Dầu và Chăm Sóc Mục Vụ Bệnh Nhân* cung cấp một phụng vụ diễm cảm và trọng yếu. Nó bắt đầu với lời chào, dẫn nhập, và nghi thức sám hối (có thể được thay thế bằng bí tích Sám Hối). Phụng Vụ Lời theo sau đó. Những bài đọc thích hợp được đề nghị. Bạn bè và người thân có thể thêm vào khía cạnh cộng đồng; họ có thể giúp vào các bài đọc, cũng như các lời cầu nguyện và hát xướng. Có thể có bài giảng, sau đó bí tích này được ban phát.

Trước tiên có việc đặt tay – cử chỉ ban phúc lành đặc trưng trong Thánh Kinh – bởi tất cả các linh mục đang tham dự. Rồi thì thừa tác viên bí tích xức dầu trên trán và các bàn tay của người lãnh nhận, hay trong trường hợp cần thiết chỉ trên trán thôi hay một bộ phận khác của thân mình. Việc xức dầu này cũng là một việc đặt tay, giờ đây với dầu được thánh hiến.

Dầu chỉ bí tích đặc biệt là việc xức dầu này, cùng với lời nguyện đi kèm nó:

Nhờ việc xức dầu thánh này
và nhờ lòng từ bi nhân hậu của Chúa,
xin Chúa dùng ơn Chúa Thánh Thần mà giúp đỡ anh/chị...
(Amen)
Để Ngài giải thoát anh/chị... khỏi mọi tội lỗi,
cứu chữa anh/chị... và thương làm cho anh/chị... thuyên giảm.
(Amen)¹⁴³

Lời nguyện này nói về sự cứu rỗi và phục sinh mà không xác định rõ ý nghĩa theo sự khôn ngoan của thánh Giacôbê, và nó xem bí tích này như một ơn huệ của Ngôi Thánh Thần, Đấng là quà tặng hàng đầu của Thiên Chúa cho Giáo Hội nhờ qua Mầu Nhiệm Vượt Qua.

Dầu được dùng cho bí tích Xức Dầu là dầu ôliu, mặc dầu dùng một thứ dầu khác cũng được phép nếu dầu ôliu không có sẵn để dùng. Thông thường dầu được giám mục thánh hiến trong lễ Dầu vào Thứ Năm Thánh, một phong tục cũng gợi nhớ làm sao mà bí tích này rút ra quyền năng của nó từ Mầu Nhiệm Vượt Qua. Dầu là dấu chỉ của sức mạnh và sức khỏe. Trong khi thánh hiến, giám mục cầu nguyện rằng: “tất cả những ai được xức với dầu này... có thể được giải thoát khỏi đau đớn, yếu đau, và bệnh tật và được chữa lành lại trong thân thể, tâm trí, và linh hồn”. Bằng lời khẩn cầu lấy ra từ sự thánh hiến xưa nhất biết được đối với dầu bệnh nhân, ngài cầu xin thêm rằng Thiên Chúa sẽ “sai Ngôi Thánh Thần, Đấng An Ủi, từ trời xuống trên dầu này mà thiên nhiên đã cung cấp”. Vì thế, ngay cả trong bệnh tật, Ngôi Thánh Thần, quà tặng của Mầu Nhiệm Vượt Qua, vẫn tiếp tục sự chăm sóc của Ngài.

Nghi lễ xức dầu bệnh nhân kết thúc với lời cầu nguyện đặc biệt cho người bệnh, được theo sau bằng Kinh Nguyện của Chúa [Kinh Lạy Cha], rồi cũng có thể là việc lãnh nhận Hiệp Lễ, và ban phép lành.

Việc Xức Dầu cũng có thể được làm trong Thánh Lễ. Điều này chỉ ra cội nguồn của bí tích này, mầu nhiệm sự chết và sống lại của Chúa, được tiếp tục trong Thánh Lễ và là

¹⁴³ *Nghi Thức Xức Dầu...*, số 76.

nguồn gốc của mọi quyền năng bí tích. Mầu nhiệm này cũng cho đau khổ con người một ý nghĩa, như chúng ta sẽ thấy, và sẽ lôi kéo nó cùng với cuộc khổ nạn của Chúa vào trong sự phục sinh.

Ơn Sủng Bí Tích

Hoa trái của bí tích này được chỉ ra trong những lời này của thánh Giacôbê:

...Và lời khẩn cầu do tự lòng tin sẽ cứu người bệnh, và Chúa sẽ cho hồi phục.
(*Giacôbê 5,15*)

Ý nghĩa không xác định ở đây chỉ là kết quả của cách thức mà những người trong Thánh Kinh nhìn vào bệnh tật, phân biệt với cách nhìn hiện đại của chúng ta. Họ thấy nó không chỉ là một thực tại thể lý, nhưng như được đặt vào trong điều kiện hiện hành của tội lỗi. Hơn nữa, họ không phân biệt rõ ràng giữa xác và hồn, nhưng thấy cá nhân như một sự duy nhất; việc chữa lành được nhắm đến cả vị toàn vẹn.

Giáo Tông Phaolô VI, trích Công Đồng Trentô, cắt nghĩa và tóm tắt những hiệu quả của bí tích này:

Thực tại này thật sự là ơn sủng của Ngôi Thánh Thần mà việc xức dầu của Ngài lấy đi hết tội lỗi, nếu bất cứ tội nào vẫn còn phải được lấy đi, và những hậu quả của tội lỗi; nó cũng chữa lành và làm vững mạnh linh hồn người bệnh, làm trở dậy trong người đó sự tín thác lớn lao vào lòng thương xót thiên linh; nhờ được nâng đỡ như vậy, người đó dễ chịu đựng những thử thách và khó khăn của bệnh tật nơi mình, để chống lại hơn những cám dỗ của quỷ “đang nằm rình” (đối chiếu: *Khởi Nguyên 3,15*), và thỉnh thoảng phục hồi lại sức khỏe thân xác, nếu điều này hữu ích cho sức khỏe của linh hồn.¹⁴⁴

Việc xức dầu bệnh nhân không nhằm thay thế bí tích Sám Hối. Bí tích Sám Hối nên đi trước việc xức dầu,¹⁴⁵ và sẽ là một sai lầm nghiêm trọng khi một người biết mình mắc tội nặng mà vẫn lãnh nhận bí tích xức dầu bệnh nhân. Tuy nhiên, trong một số hoàn cảnh, việc xức dầu bệnh nhân có thể thay thế Sám Hối. Nếu người cần được xức dầu không còn ý thức và ở trong tội nặng, nhưng được chuẩn bị nhờ bởi những hành vi trước đó của đức tin và đức cậy và lòng kính sợ phải phép đối với Thiên Chúa đến nỗi người đó được chuẩn bị thích hợp để lãnh nhận những ơn huệ của một bí tích, thì bí tích Xức Dầu Bệnh Nhân mang đến sự tha thứ cho cả tội nghiêm trọng.

Bí tích này lôi kéo những ai lãnh nhận nó vào trong sự sám hối nội tâm, *metanoia*, là điều dẫn vào trong mầu nhiệm của Đức Kitô. Việc một bí tích như thế đã được thiết lập cũng chứng tỏ rằng đau khổ bởi chính nó không đem đến sự cứu rỗi; nếu đau khổ của chúng ta phải là một phương thế của sự chữa lành, thì chính Chúa phải liên kết nó với sự chết và sống lại của Ngài. Như thánh Giacôbê chỉ ra, đó là ơn sủng bí tích phân biệt của Xức Dầu Bệnh Nhân.

Bí tích này “kéo dài sự quan tâm mà chính Chúa đã tỏ ra trong phúc lợi thiêng liêng và thể lý của người bệnh, như các Tin Mừng làm chứng, và Ngài đã yêu cầu những ai

¹⁴⁴ Giáo Tông Phaolô VI, Tông Hiến *Sacram Unctionem Infirmorum* (Xức Dầu Thánh các Bệnh Nhân) (ngày 30 tháng 11 năm 1972) (EV 4.1838-1848). Đối chiếu: Công Đồng Trentô, Phiên Hợp 14, ngày 25 tháng 11 năm 1551, *Giáo Lý về Bí Tích Xức Dầu Sau Hết*, chương 2 (DS 1696).

¹⁴⁵ *Nghi Thức Xức Dầu...*, số 65.

theo Ngài cũng phải tỏ ra”.¹⁴⁶ Nó “cung cấp cho người bệnh ơn sủng của Ngôi Thánh Thần, nhờ bởi đó sức khỏe được đem lại cho toàn bộ con người, sự tin cậy vào Thiên Chúa được khích lệ, và sức mạnh được ban cho để chống trả những cám dỗ của Đứa Ác [Satan] và sự lo lắng về cái chết”.¹⁴⁷

Trong khi có thể dẫn đến sự chữa lành thể lý, hành động bí tích của Đức Kitô trên toàn thể con người, xác và hồn, vượt quá sự chữa lành này mà đi đến sức khỏe thiêng liêng và tinh thần và ngay cả đến sự sống vĩnh cửu:

Người bệnh sẽ được cứu thoát nhờ bởi đức tin của mình và [nhờ bởi] đức tin của Giáo Hội là đức tin nhìn lui lại sự chết và sự sống lại của Đức Kitô, cội nguồn của quyền năng bí tích này, và nhìn tới vương quốc tương lai được hứa bảo đảm trong các bí tích.¹⁴⁸

Thánh Giacôbê nói tất cả những điều này khi ngài quy sự chữa lành cho Chúa, nhân danh Ngài mà lời nguyện của đức tin được thốt ra. Trong mọi yếu đuối và mọi tín thác của họ, những người bệnh gặp được trong bí tích này quyền năng chữa lành nơi sự chết và sống lại của Chúa. Chúa “sẽ cứu người bệnh” và “cho hồi phục” (*Giacôbê* 5,15).

Bệnh Tật và Mầu Nhiệm Vượt Qua

Công Đồng Vaticanô II khi nói về Xức Dầu Bệnh Nhân đã chứng tỏ làm sao mà những đau khổ do bệnh tật gây ra có thể được lôi kéo vào trong Mầu Nhiệm Vượt Qua. Công Đồng nói toàn thể Giáo Hội khuyến dụ người bệnh “đóng góp vào ích lợi của Dân Thiên Chúa bằng cách tự nguyện kết hiệp với cuộc khổ nạn và cái chết của Đức Kitô” (*Hiến chế tín lý về Giáo Hội*, 11). Công Đồng trích dẫn để minh họa một số đoạn văn của Tân Ước:

Chúng ta là con cái của Thiên Chúa, mà nếu là con cái, thì cũng là những người thừa tự, những người thừa tự của Thiên Chúa, và đồng thừa tự với Đức Kitô, nếu như chúng ta cùng chịu đau khổ với Ngài, để rồi cũng chia phần vinh hiển với Ngài. (*Rôma* 8,16-17)

Giờ đây tôi vui mừng trong các nỗi thống khổ tôi chịu vì anh em; và trong thân xác tôi, tôi bù đắp những gì còn thiếu nơi những khổ nạn mà Đức Kitô phải chịu vì Thân Mình Ngài, tức là Giáo Hội. (*Cô-lô-sê* 1,24)

Lời này đáng tin: Quả nếu chúng ta cùng chết với Ngài, chúng ta sẽ cùng sống với Ngài; nếu chúng ta kiên trì, chúng ta sẽ cùng cai trị với Ngài. (*2 Timôthêô* 2,11-12)

Nhưng càng được chia sẻ những đau khổ của Đức Kitô chừng nào, thì anh em hãy vui mừng! Ngõ hầu khi vinh quang của Ngài mạc khải ra, anh em cũng được vui mừng hơn hờ. (*1 Phê-rô* 4,13)

Dù có chữa lành thân xác hay không, Xức Dầu Bệnh Nhân vẫn trở thành một sự trị liệu cho tinh thần trong đó mọi biến cố được lôi kéo với nhau vào trong một kinh nghiệm vui tươi và đầy hy vọng về đời sống ngay cả trong những gian khổ của nó.

¹⁴⁶ *Nghi Thức Xức Dầu...*, số 5.

¹⁴⁷ *Nghi Thức Xức Dầu...*, số 6.

¹⁴⁸ *Nghi Thức Xức Dầu...*, số 7.

Bởi thế, chúng tôi không quản ngại từ nan. Trái lại, dầu rằng con người bên ngoài nơi chúng tôi tiêu hao tàn tạ, thì con người bên trong nơi chúng tôi cứ ngày ngày canh tân đổi mới. Vì rằng chút gian truân nhẹ bồng trong hiện tại gây nên cho chúng ta đời đời một khối vinh quang siêu vời, tuyệt đỉnh, miễn sao chúng ta đừng dán mắt vào những điều mắt trông thấy được, nhưng là vào những điều mắt không trông thấy, vì hữu hình là phù vân, vô hình mới trường cửu. (2 *Corinthô* 4,16-18)

Bí Tích của Người Hấp Hối

Mọi điều trị thể lý cuối cùng cũng thất bại. Theo chu kỳ sự sống trong điều kiện hiện tại của một người, sự sống khởi đầu, tăng triển, trưởng thành, suy thoái, và kết thúc với cái chết. Mặc dầu xúc dầu nên được ban cho vào lúc bắt đầu của một sự đau yếu nguy hiểm và trong suy yếu của tuổi già, Giáo Hội cho phép bí tích này được ban phát lại nếu đã có sự phục hồi rồi suy sụp lại hay nếu mỗi nguy hiểm trở nên nghiêm trọng hơn. Nếu căn bệnh tiếp tục và thâm sâu, người bệnh có thể và nên lãnh nhận [bt] Minh Máu Thánh đều đặn.

Hiệp Lễ được người hấp hối lãnh nhận được gọi là Viaticum, “Đồ Ăn cho Cuộc Hành Trình (Của Ăn Đường)”, ở đây là đồ ăn thiêng liêng một người lãnh nhận cho hành trình sau cùng của mình.

Khi người Kitô hữu khi vượt qua từ đời sống này được Minh và Máu Đức Kitô làm vững mạnh, người đó có bảo chứng của sự sống lại mà Chúa đã hứa: “Ai ăn thịt Ta và uống máu Ta thì có sự sống đời đời, và Ta sẽ cho người ấy sống lại trong ngày sau hết” (*Gioan* 6,54). Viaticum nên được lãnh nhận trong Thánh Lễ nếu có thể được để người bệnh có thể lãnh nhận Hiệp Lễ dưới hai hình. Hiệp Lễ được lãnh nhận như Viaticum nên được xem là một dấu chỉ đặc biệt của sự thông phần vào mầu nhiệm sự chết của Chúa và việc Ngài đến với Ngôi Cha, mầu nhiệm được cử hành trong [bt] Minh Máu Thánh.¹⁴⁹

Khi chết, dấu chỉ nhường chỗ cho Thực Tại; nhưng trong cuộc hành trình dấu chỉ Minh Máu Thánh chứa đựng Thực Tại là đồ dự phòng thích hợp nhất, đó chính là ý nghĩa của từ *Viaticum*. Tuy nhiên, không bao lâu những ràng buộc của dấu chỉ sẽ bức tung, và Thực Tại sẽ được thấy “mặt đối mặt” (1 *Corinthô* 13,12).

Ngay cả “sự chết đã bị vùi dập trong chiến thắng” (1 *Corinthô* 15,54), và chỉ khi chết mà người Kitô hữu lấy lại được tất cả những mất mát quá khứ và gặt hái gấp trăm lần và lãnh nhận sự sống vĩnh cửu (đối chiếu: *Matthêô* 19,29). Thử thách của bệnh tật, những mất mát và những thiếu thốn qua những thử thách khác, và những suy giảm ngày càng tăng lên của tuổi tác là biết bao nhiêu cái chết nhỏ – những cái chết bí nhiệm như các văn sĩ từng gọi chúng, [là biết bao nhiêu] những mất mát báo trước sự chia ly sau cùng qua cái chết đối với mọi thứ được yêu thích trên đời này. Dầu vậy trong sự mất mát toàn diện và sau cùng này, mọi cái sẽ được phục hồi. “Ai gieo hạt hĩ thì sẽ gặt hạt hĩ” (2 *Corinthô* 9,6).

¹⁴⁹ *Nghi Thức Xức Dầu...*, số 26.

Các Tang Lễ Công Giáo

Tang lễ của người Kitô hữu gợi nhớ những lời của Đức Kitô về hạt giống: “Nhưng nếu nó chết đi, nó mới sai hoa lắm trái” (*Gioan* 12,24). Trong mỗi [cử hành] Minh Máu Thánh chúng ta nói là “chúng con mong đợi niềm hy vọng hồng phúc, và ngày trở lại của Chúa Giêsu Kitô, Đấng Cứu Độ chúng con”. Những ai đã chết thì đã vượt qua sự chăm sóc của Giáo Hội bằng bí tích. Nhưng nếu họ đã chết trong ơn sủng, cho dầu họ cần sự thanh tẩy cuối cùng trong luyện ngục, họ vẫn được an toàn “trú ngụ bên Chúa” (2 *Corinthô* 5,8).

Dầu vậy Giáo Hội không quên họ, vì họ vẫn là một với chúng ta trong sự Hiệp Thông của các Thánh (các Thánh Thông Công).

Ngay cả chết đi, chúng ta không tách rời nhau chút nào, bởi vì chúng ta hết thấy chạy cùng đường và chúng ta sẽ gặp thấy nhau lại cùng một nơi. Chúng ta sẽ không bao giờ bị tách rời... chúng ta hết thấy sẽ ở với nhau trong Đức Kitô.¹⁵⁰

Có một vài hình thức tang lễ đơn giản. Nhưng trong nghi thức tang lễ có thể mong muốn nhất, thì hy tế Minh Máu Thánh vẫn là trung tâm của việc cử hành nỗi đau buồn, lòng cậy trông, và đức tin của chúng ta. Ở đó sự chết và sống lại của Đức Kitô được làm hiện diện cho chúng ta. Những ai yêu thương những người đã qua đời có thể lãnh nhận Chúa, trong Ngài chúng ta hết thấy là một và trong Ngài chúng ta hết thấy đều sống, [lãnh nhận] Chúa Đáng đối với mỗi người chúng ta là “sự sống lại và là sự sống” (*Gioan* 11,25).

----- Những Câu Hỏi Thảo Luận -----

1. Hãy bàn về những cách thể cụ thể trong đó bí tích Xức Dầu Người Bệnh và Người Hấp Hối tiếp tục thừa tác vụ chữa lành của Đức Giêsu trong các Tin Mừng.
2. Hãy bàn về tương quan của bí tích Thanh Tẩy đối với bí tích Xức Dầu Người Bệnh và Người Hấp Hối.
3. Hãy suy tư về Nghi Thức Xức Dầu Người Bệnh và Người Hấp Hối và ý nghĩa bí tích của mỗi hành động nghi thức.

Tham Khảo Thêm:

Giáo Lý Công Giáo Hoa Kỳ cho Người Lớn: Chương 19 – Xức Dầu Người Bệnh và Người Hấp Hối.

Sách Giáo Lý của Hội Thánh Công Giáo, 1499-1532.

Giáo Tông Bênêđictô XVI, *Bí Tích của Đức Bác Ái*. Tông Huấn sau Công Nghị [các Giám Mục], ngày 22 tháng 2 năm 2007.

¹⁵⁰ Thánh Simêon thành Thessalônica, *De Ordine Sepulturae (Về Nghi Thức Chôn Táng)* 336 (MG 155.686).

Những Điều Cần Nhớ...

- ✧ Đức Kitô đã thiết lập Xức Dầu Bệnh Nhân để an ủi người bệnh và người hấp hối và để nâng đỡ họ về mặt thiêng liêng và thể xác.
- ✧ Chỉ có các linh mục và các giám mục mới có thể ban phát [bí tích] Xức Dầu Bệnh Nhân, dùng dầu được thánh hiến cho mục đích này.
- ✧ Thời gian xức dầu người bệnh chắc chắn đã đến khi người bệnh lâm tình trạng nguy hiểm có thể chết vì bệnh tật, vì những yếu đau kéo dài, hay chỉ vì tuổi tác.
- ✧ Những hoa trái của việc Xức Dầu này bao gồm sự an ủi, bình an, và can đảm đối diện với cái chết; sự hiệp nhất người bệnh với cuộc khổ nạn mang tính chữa lành của Đức Kitô; sự tha thứ tội lỗi nếu người bệnh không thể lãnh nhận bí tích Sám Hối; sự phục hồi sức khỏe nếu điều này có thể giúp đưa đến sự cứu rỗi của linh hồn.

CHƯƠNG TÁM

Hôn Phối Kitô Giáo: Đức Kitô và Tình Yêu Con Người

(SGLHTCG 1601-1658)

Chúng ta đã thấy rằng các dấu chỉ bí tích mà bởi đó Đức Giêsu chọn để tác động trên chúng ta nhờ qua Giáo Hội Ngài hầu hết sử dụng những yếu tố vật chất – nước, bánh, rượu, và dầu. Hôn Phối có một dấu hiệu cao quý hơn, nó được lấy từ tình yêu con người. Dấu chỉ bí tích này được diễn tả bằng lời hứa cam kết lâu bền. Tình yêu của vợ chồng đối với nhau là dấu chỉ cho tình yêu vĩnh cửu của Thiên Chúa đối với dân Ngài và tình yêu ràng buộc Đức Kitô và Giáo Hội Ngài với nhau.

Giáo Hội tôn vinh ơn gọi hôn phối và công nhận sự tán thành tốt đỉnh mà Đức Kitô đã dành cho hôn phối bằng cách ban cho nó địa vị bí tích. Giáo Hội loan báo hôn phối là một dấu chỉ thánh thiêng, một bí tích, một hành vi thờ phượng, một sự nhắc nhở về tình yêu của Đức Kitô, một phương thế hữu hiệu bởi đó Ngài tác động làm cho tình yêu con người có khả năng trường tồn, chung thủy, sinh hoa trái, giống như tình yêu của chính Ngài đối với Giáo Hội.

Trong chương này chúng ta bàn về tình yêu giao ước trong hôn phối, tương quan giữa đồng trình và hôn phối, và bộ ba thiện ích của hôn phối: con cái, chung thủy, và bí tích. Cũng được xem xét ở đây là vấn đề những hôn phối đổ vỡ, những hành động Giáo Hội làm để bảo vệ tình trạng hôn phối, và ơn gọi nên thánh của những ai kết hôn.

Tình Yêu Giao Ước trong Hôn Phối

Trong Cựu Ước, hôn phối đã không thánh thiêng theo nghĩa của chúng ta, nó cũng không được cử hành với một nghi lễ tôn giáo. Dầu vậy, hôn phối đã được sắp đặt trước bởi Thiên Chúa, Đấng đã thiết lập nó ở tốt đỉnh của việc tạo thành. Như *Sách Giáo Lý của Hội Thánh Công Giáo* dạy:

Kinh Thánh mở đầu bằng việc tạo dựng người nam và người nữ theo hình ảnh và giống như Thiên Chúa và kết thúc bằng viễn ảnh về “tiệc cưới Con Chiên” (*Khải Huyền* 19,9). Từ đầu đến cuối, Thánh Kinh nói về hôn nhân và mầu nhiệm hôn nhân, về việc thiết lập và ý nghĩa mà Thiên Chúa đã ban cho hôn nhân, về nguồn gốc và mục đích của hôn nhân, về những việc thực hiện khác nhau của hôn nhân qua dòng lịch sử cứu độ, về những khó khăn của hôn nhân phát sinh do tội lỗi, và việc canh tân hôn nhân “trong Chúa” (*1 Corinthô* 7,39), trong Giao Ước Mới của Đức Kitô và của Hội Thánh. (SGLHTCG, 1602)

Giống như có hai trình thuật về sáng tạo, thì cũng có hai trình thuật về việc thiết lập hôn phối. Mỗi trình thuật chỉ ra một yếu tố thuộc ý nghĩa của hôn phối, và cả hai chủ đề được nối kết với nhau xuyên suốt lịch sử hôn phối cho đến hiện tại. Trong trình thuật sáng tạo thứ nhất, việc sinh sản được nhấn mạnh:

Và Thiên Chúa đã tạo thành con người theo hình ảnh mình. Theo hình ảnh của Thiên Chúa mà Ngài đã tạo thành nó: Ngài đã tạo thành chúng là nam là nữ. Và Thiên Chúa đã ban phúc lành cho chúng, và Thiên Chúa đã phán bảo chúng,

“Hãy sinh sôi nảy nở và hãy nên đầy đầy trên đất. Và hãy làm chủ nó!” (*Khởi Nguyên* 1,27-28)

Trong trình thuật kia, sự đồng hành giữa người nam và người nữ nổi bật. Tất cả thú vật đã được tạo dựng, “nhưng phần con người, con người vẫn không gặp được sự trợ giúp nào tương xứng với mình”. Nhưng sau khi người nữ được tạo thành, người nam nói: “Phen này, nàng là xương từ xương tôi, thịt từ thịt tôi”. Thánh ký thêm: “Bởi thế mà người nam sẽ bỏ cha mẹ và khấn khít với vợ mình và chúng sẽ nên một thân xác” (*Khởi Nguyên* 2,20-24).

Đồ án cổ xưa của Thiên Chúa về đơn hôn [nhất phu nhất phụ] chung thủy đã không được duy trì – bởi vì “sự cứng lòng của các người”, như Đức Giêsu sẽ nói với những Biệt Phát (*Matthêu* 19,8).

Dầu sao, sự gán bó dành riêng cho một người duy nhất đã được khen thưởng trong Cựu Ước. Trong khi người vợ phục tùng chồng mình, nàng không phải là vật sở hữu thuần túy, như với những người ngoại giáo. Chân dung nổi tiếng của người vợ lý tưởng trong Sách *Cách Ngón* cho thấy nàng là người phối ngẫu có trách nhiệm và phẩm giá (đối chiếu: *Cách Ngón* 31,10-31). Sách *Diệu Ca* bày tỏ một cuộc đối thoại say đắm giữa hai người phối ngẫu có tự do mà tình yêu đối với nhau rõ ràng không bị chia sẻ. Như thế nó đưa ra một bức họa về hôn phối như sự hiệp nhất tình yêu trong Israel thời cổ. Lịch sử của ông Tobit cho thấy một mái nhà có đời sống tôn giáo sâu sắc, xuất thân từ đó con trai ông là Tobia đi kết hôn với Sara và cùng với nàng bước vào sự hiệp nhất vừa thật sự đầy yêu thương vừa đẹp lòng Chúa.

Giao Ước Mới

Cả sách *Diệu Ca* và sách *Tobia* dẫn chúng ta vào các gia đình Do Thái sau lưu đày. Cũng vào lúc đó các nhà hiền triết viết các tác phẩm Khôn Ngoan ca ngợi đơn hôn và khuyến giục sự chung thủy trong hôn phối (đối chiếu: *Cách Ngón* 5,1-23, 6,20-35). Malaki viết:

Hãy coi chừng trên sinh khí các người. Người đừng phản bội người vợ tuổi xuân xanh người. Vì chưng Ta ghét việc ly dị – Giavê Thiên Chúa của Israel đã phán.
(*Malaki* 2,15-16)

Ở đây Ngài cũng nói về hôn nhân như **giao ước giữa người nam và người nữ**, so sánh nó với giao ước của Thiên Chúa với Israel.

Tột đỉnh của thiên truyện dài về giao ước tình yêu và hôn phối và cũng là điểm mà hôn phối trở thành bí tích trong Tân Ước được ghi nhận trong thư thánh Phaolô gửi các tín hữu Êphêsô:

Chồng hãy yêu mến vợ, cũng như Đức Kitô đã yêu mến Giáo Hội, và đã phó nộp mình đi vì cho nàng, ngõ hầu tác thánh, tẩy sạch, là tắm rửa nàng bằng nước và lời, hầu tự hiến cho mình một Giáo Hội quang vinh, không một vết nhơ hay nét nhăn, hay chút gì như thế; trái lại để Giáo Hội thực sự là thánh thiện, vô tì tích. Cũng vậy, chồng phải yêu mến vợ mình, như chính thân mình. Mà yêu mến vợ thì khác gì là yêu mến mình! Quả có ai bao giờ lại đi ghét xác thịt mình, trái lại người ta dưỡng nuôi mặc ăm, cũng như Đức Kitô xử với Giáo Hội, vì ta là chi thể của Thân Mình Ngài. “Bởi thế mà đàn ông sẽ bỏ cả cha mẹ và khấn khít với

vợ mình, và hai chúng sẽ nên một thân xác”. Đó là một mẫu nhiệm lớn, tôi muốn ám chỉ về Đức Kitô và Giáo Hội. (*Êphêsô 5,25-32*)

Có lẽ chúng ta có thể hiểu đúng nhất điều thánh tông đồ đang nói ở đây bằng cách bắt đầu ở phần cuối. Từ được dịch như “mẫu nhiệm” là *sacramentum* trong tiếng Latin và *mysterion* trong tiếng Hy Lạp. Đây chính là từ mà thánh Phaolô dùng và mở rộng ra ở phần đầu thư của ngài, khi mô tả kế hoạch ẩn dấu của Thiên Chúa bởi đó mà mọi người sẽ được hiệp nhất trong Đức Kitô: mẫu nhiệm của Thiên Chúa trong Đức Kitô, Mẫu Nhiệm Vượt Qua, nằm ở trung tâm và phần quan trọng nhất của Giao Ước Mới. Những gì thánh tông đồ nói về hôn phối vì vậy liên quan đến hay rơi vào trong kế hoạch thiên linh. Sự hiệp nhất của Đức Kitô với Giáo Hội Ngài quá mật thiết đến nỗi không tìm thấy sự so sánh nào thích hợp hơn là tương quan vợ chồng. Và lại, vì sự hiệp nhất của Đức Kitô với Giáo Hội đang thánh hóa, đang làm cho Giáo Hội thánh thiện, thì cũng vậy sự hiệp nhất vợ chồng đang thánh hiến lẫn nhau bởi vì nó được đặt định bên trong mẫu nhiệm sự hiệp nhất của Đức Kitô với Giáo Hội Ngài. Điều này đặc biệt như vậy vì Đức Kitô “đã phó nộp mình đi” vì Giáo Hội, thanh tẩy Giáo Hội. Bằng cách này sự hiệp nhất vợ chồng được lôi kéo vào trong tình yêu hy sinh của Đức Kitô đối với Giáo Hội Ngài, và như thế vào trong mẫu nhiệm sự chết và sống lại của Ngài.

Vậy thì hôn phối là một bí tích giữa những người được rửa tội. Nó là một giao ước giữa người nam và người nữ, cam kết sống với nhau trong sự ràng buộc của tình yêu hôn phối mà hiến chương của nó do Thiên Chúa thiết lập. Giao ước này là một biểu tượng của giao ước tình yêu không bao giờ hết hạn được Đức Kitô thiết lập với Giáo Hội Ngài trong Mẫu Nhiệm Vượt Qua. Đó là sự gặp gỡ với Đức Kitô: nó phát sinh ra hiệu quả là những ơn sủng mà nó là dấu chỉ, những ơn sủng cần thiết để làm cho tình yêu con người kéo dài, chung thủy, và sinh hoa trái, và do vậy thành một hình ảnh thích hợp của tình yêu giữa Đức Kitô và Giáo Hội Ngài.

Hôn Phối là Sự Hiệp Nhất của Người Nam và Người Nữ

Đức Giêsu dạy ý nghĩa nguyên thủy của sự hiệp nhất của người nam và người nữ đã được Thiên Chúa muốn từ ban đầu. Trong khi rao giảng Ngài nhắc nhở người nghe là chính Thiên Chúa muốn hôn phối như sự hiệp nhất của một người nam và một người nữ. Hôn phối là sự hiệp nhất của người nam và người nữ và phải được định nghĩa như thế. Trong thời gian gần đây, đối diện với những thách đố xã hội về định nghĩa hôn phối, Giáo Hội tiếp tục dạy với lòng yêu thương và sự minh bạch rằng hôn phối là sự hiệp nhất của người nam và người nữ diễn tả sự ưng thuận cách tự do.

Thánh Kinh khẳng định rằng người nam và người nữ đã được sáng tạo cho nhau. *Sách Giáo Lý Hội Thánh Công Giáo* dạy rằng “Ơn gọi hôn nhân đã được khắc ghi trong chính bản tính của người nam và người nữ, như chính họ phát xuất từ bàn tay Đấng Tạo Hóa”. *Sách Giáo Lý* cũng nhắc nhở chúng ta rằng:

Hôn nhân không phải chỉ là một định chế của phạm nhân... “Ơn cứu độ của cá nhân và của xã hội nhân loại và xã hội Kitô giáo, liên kết chặt chẽ với tình trạng lành mạnh của cộng đồng hôn nhân và gia đình”. (*SGLHTCG*, 1603)

Từ Thánh Kinh và Thánh Truyền, Giáo Hội vững tin mà dạy rằng “hôn phối theo bản tính thuộc về tương quan giữa một người nam và một người nữ”.

Xuyên qua thời gian và ở khắp các nền văn hóa, hôn nhân đã có một ý nghĩa đặc thù: đó là sự hiệp nhất của người nam và người nữ mở ra cho việc sinh sản và dưỡng dục con cái, với những ơn huệ bổ sung và chỉ có cho họ. Sự hiệp nhất này của một người nam và một người nữ cần thiết cho mục đích chính của hôn phối: thiện ích của vợ chồng, và sự mở lòng ra cho việc sinh sản và giáo dục con cái. Theo định nghĩa, hôn phối phải là giữa một người nam và một người nữ.

Được nâng lên phẩm giá của một bí tích trong sự hiệp nhất của một người nam và một người nữ, hôn phối mô phỏng tình yêu của Đức Kitô đối với Giáo Hội. Giao ước tình yêu này giữa người nam và người nữ ban cho con cái một bối cảnh ổn định, một mái gia đình, trong đó chúng được sinh ra và nuôi dưỡng, có lợi từ những ơn huệ độc nhất của cả cha lẫn mẹ. Hôn phối bảo vệ quyền của trẻ em có – và nhận được phúc lợi từ – cả cha lẫn mẹ. Hôn phối được định nghĩa như sự hiệp nhất của người nam và người nữ nuôi dưỡng thiện ích của xã hội nhờ qua thiện ích của gia đình như một “Hội Thánh tại gia”, một cộng đồng của ơn sung và cầu nguyện, một trường học của các nhân đức nhân bản và của đức bác ái Kitô giáo (*SGLHTCG*, 1666).

Hôn Phối và Đồng Trinh

Mặc dầu thánh Phaolô là một chứng nhân nổi bật về sự thánh thiện của hôn phối, ngài cũng nồng nhiệt khen ngợi một cách sống khác, đó là đồng trinh hay độc thân.

Còn tôi, tôi muốn cho anh em thoát khỏi lo âu. Người độc thân chỉ lo việc Chúa, sao cho hài lòng Chúa. Người đã kết bạn thì lo việc đời, sao cho hài lòng vợ, và (như thế là) bị chia sẻ. Phụ nữ độc thân và người trinh nữ thì lo việc Chúa, để nên thánh, thân xác và thân hồn. Còn người đã kết bạn thì lo việc đời, sao cho hài lòng chồng. (*1 Corinhtô 7,32-34*)

Chúng ta vừa chỉ ra đây một hình thức thay thế khác của đời sống Kitô hữu. Cùng một đức tin tôn vinh hôn phối cũng tôn vinh hình thức đó của một đời sống bỏ qua những phúc lành của hôn phối đúng là để giúp phát triển vương quốc Thiên Chúa và để làm chứng cách nổi bật cho đức tin vào đời sống vĩnh cửu. Đời sống đồng trinh Kitô giáo có thể được sống trong một cộng đoàn tu sĩ hay ở giữa những trách nhiệm trần thế. Đối với những ai được gọi đến một đời sống như thế, đồng trinh đề nghị một sự tự do phong phú hơn để trao hiến họ cho Chúa một cách chuyên nhất trọn vẹn hơn. Đồng trinh là một cách thức mạnh mẽ diễn tả đức tin vào sự sống vĩnh cửu trong khi mà “bộ dạng của thế giới này đang qua đi” (*1 Corinhtô 7,31*).

Chúng ta có thể hiểu được sự nghịch thường bề ngoài của giáo huấn mô tả hôn phối như một bí tích và tuy nhiên lại tích cực giới thiệu sự đồng trinh, nếu chúng ta xem cả hai cách này như rút cục đều dẫn đến tình yêu của Thiên Chúa. Trong bối cảnh của tình yêu đó, những đề nghị của thánh tông đồ không mâu thuẫn nhau – mà ngay cả sự nghịch thường cũng biến mất.

Những ai được nối kết trong hôn phối theo bí tích là dấu chỉ hữu hình cho tình yêu của Thiên Chúa đối với Giáo Hội và của tình yêu Ngài đối với nhân loại. Họ nhắc nhở tất cả chúng ta về tình yêu của Thiên Chúa, và về sự kiện mọi tình yêu đều phát xuất từ Thiên Chúa, vì “Thiên Chúa là đức mến” (*1 Gioan 4,16*), và nên dẫn về lại Thiên Chúa. Về phần những ai độc thân, trong khi khước từ hôn phối, họ không khước từ tình yêu: đúng hơn họ là những chứng nhân một cách đặc biệt cho tình yêu cao cả hơn đó của Đức Kitô, tình yêu mà dấu chỉ của nó là hôn phối. Họ nhắc nhở cho tất cả rằng tình yêu hôn

phối, mặc dầu thánh thiêng, vẫn mang tính tạm thời như một phương thể đến với tình yêu hoàn hảo đó đối với Thiên Chúa và đối với nhau, một tình yêu mà chúng ta phải cố gắng vươn đến và sẽ có được cách hoàn hảo trong đời sống vĩnh cửu. Cả tình yêu hôn nhân và sự khiết tịnh hoàn hảo nên hướng lòng đến sự vĩnh cửu và đến tình yêu được làm viên mãn. Ý nghĩa bí tích của hôn phối chỉ ra như vậy. Đời sống của những ai thề hứa khiết tịnh hoàn hảo cũng vậy; tình yêu quảng đại của họ “gợi ra trước mặt mọi Kitô hữu sự kết hôn kỳ diệu được Thiên Chúa thiết lập và sẽ được làm cho tỏ hiện đầy đủ ở đời sau, đó là sự kết hôn mà bởi đó Giáo Hội có được Đức Kitô như Hôn Phu độc nhất của mình” [*Perfectae Caritatis (Sắc lệnh về canh tân thích nghi đời sống dòng tu)*, 12]. Vậy thì, các ơn gọi độc thân và hôn phối không hề đối lập nhau nhưng nâng đỡ nhau trong ơn gọi Kitô giáo căn bản là tìm kiếm sự thánh thiện trong tình yêu.

Thiện Ích Bộ Ba của Hôn Phối

“Trong hôn phối, hãy yêu chuộng những thiện ích của hôn phối: con cái, sự chung thủy, và bí tích”.¹⁵¹ Bằng ít lời này, thánh Augustinô đã xác định rõ ràng giáo huấn của đức tin về những mục đích của hôn phối, những thiện ích vì chúng mà Thiên Chúa đã thiết lập và thánh hóa hôn phối. Thánh nhân lấy hai thiện ích của hôn phối đã được chỉ ra trong các trình thuật về tạo dựng trong sách *Khởi Nguyên*: con cái và chung thủy, và tôn vinh chúng cùng với sự tạo lập bí tích của Tân Ước. Bằng cách làm vậy, ngài cung cấp một khung nền cho việc nghiên cứu hôn phối Kitô giáo, một khung nền đã được Giáo Hội dùng cho đến hôm nay (đối chiếu: *Hiển chế mục vụ*, 48).

Tình Yêu Vợ Chồng

Thánh Augustinô nói: “Sự nối buộc tự nhiên đầu tiên của xã hội loài người là người nam và người nữ”.¹⁵² Công Đồng Vaticanô II gọi hôn phối là “cộng đồng yêu thương” (*Hiển chế mục vụ*, 47). Sự chung thủy với nhau ở mức độ tối thiểu và được xét cách tiêu cực cảm đoán sự giao hợp với bất cứ ai khác hơn là người phối ngẫu của mình trong hôn phối; do vậy, nó là tường lũy bảo vệ tình yêu vợ chồng.

Đấng Tạo Hóa đã thiết lập và ban những lề luật riêng cho đời sống chung thân mật và cộng đồng tình yêu hôn phối. Đời sống chung này được gầy dựng từ giao ước vợ chồng, nghĩa là sự ưng thuận cá vị không thể rút lại... Sự hiệp nhất thân mật này như quà tặng hai người trao cho nhau và thiện ích của con cái đòi hỏi sự chung thủy toàn vẹn của hai vợ chồng và lôi kéo sự hiệp nhất bất khả phân ly của họ. (*Hiển chế mục vụ*, 48)

Sự chung thủy yêu thương và hỗ tương giả thiết sự bình đẳng căn bản giữa hai người phối ngẫu trong hôn phối:

Nhờ việc phẩm giá cá vị bình đẳng của vợ cũng như của chồng phải được nhìn nhận trong tình tương ái trọn vẹn mà tính cách duy nhất của hôn phối đã được Chúa xác lập tỏ hiện rạng ngời. (*Hiển chế mục vụ*, 49)

¹⁵¹ Thánh Augustinô, *De Nuptiis et Concupiscentia (Về Hôn Phối và Lòng Dục)* 1.17.19 (ML 44.424).

¹⁵² Thánh Augustinô, *De Bono Coniugali (Về Thiện Ích Vợ Chồng)* 1 (ML 40.373).

Sự bình đẳng này không thể được xem là điều dĩ nhiên ngay cả hôm nay. Một trong những phận vụ đầu tiên của Giáo Hội, để làm cho hôn nhân Kitô giáo khả dĩ, là bảo đảm sự bình đẳng cá vị căn bản này. Lời của Đức Giêsu được ghi lại trong Tin Mừng đặt nền tảng cho điểm này bằng cách dạy một điều thật là một ý tưởng cách mạng vào lúc đó, nghĩa là, các bổn phận của vợ chồng đối với nhau là giống như nhau:

Ai ly dị vợ mình mà cưới vợ khác, thì phạm tội ngoại tình đối với vợ mình, và nếu người đàn bà ly dị chồng mình mà cưới chồng khác, thì nó phạm tội ngoại tình. (*Marcô 10,11-12*)

Thánh Phaolô đem vào trong gia đình nguyên tắc về các quyền bình đẳng này:

Vợ không có quyền trên thân xác mình, nhưng là chồng; cũng vậy, chồng không có quyền trên thân xác mình, nhưng là vợ. Đừng từ khước với nhau, họa chăng là đã đồng tình và tạm thời để anh em chuyên chú cầu nguyện. (*1 Corinthô 7,4-5*)

Các Giáo Phụ và các thần học gia, và Công Đồng Vaticanô II, thỉnh thoảng nói về tình yêu vợ chồng như tình bạn. “Tình bạn” đối với một số người có thể xem ra là một từ ngữ yếu ớt cho một sự hiệp nhất quá gần gũi như thế; nhưng “tình bạn” chính thật là một khái niệm phong phú. Tình bạn là hình thức hoàn hảo nhất của tình yêu: Đức Kitô gọi những ai ràng buộc hết sức mạnh mẽ với Ngài bằng tình yêu thiên linh là những bạn hữu của Ngài (đối chiếu: *Gioan 15,15*). Vì tình bạn, trong hình thức chân chính nhất của nó, là một tình yêu hỗ tương và vị tha mà các cá vị có đối với nhau, khi mỗi người biết mình được người kia yêu thương. Trong tình bạn chân thành, sự nối buộc của tình yêu kéo dài, vì nó không căn cứ trên hy vọng được thỏa mãn từ nơi những tính cách cá vị có thể phai nhạt theo thời gian, nhưng trên cam kết vững chắc và tự do của mỗi người nhằm theo đuổi thiện ích của người kia, vì chính người kia.¹⁵³ Nói về tình bạn hôn phối là công nhận sự bình đẳng căn bản của vợ chồng, và vì vậy khả năng chia sẻ cuộc sống cách thân mật không chỉ theo mức độ thể lý mà còn theo mức độ của tâm trí và tinh thần. Một tình bạn hôn phối như thế phải là một thành tố nhân bản của tình yêu vợ chồng Kitô giáo, đó là một tình yêu con người chân chính được ơn sủng thiên linh làm sinh hoa trái và nhờ vậy được biến dạng thành một sự diễn tả của đức bác ái. Không giống như chủ nghĩa ái tình thuần túy, tình bạn hôn nhân không khai thác cái cảm giác, mặt khác nó cũng không ép mình theo một thứ chủ nghĩa thiên thần bất khả dĩ; nó tìm cách kết hợp tính dục vào “con người mới đã được tạo thành theo như Thiên Chúa trong công chính và thánh thiện bắt nguồn từ sự thật” (*Êphêso 4,24*).

Tình yêu vợ chồng Kitô giáo “do đó vượt xa khuynh hướng nhục dục thuần túy, một khuynh hướng, nếu theo đuổi cách ích kỷ, sẽ mau chóng tan biến và kéo theo những hậu quả thảm hại” (*Hiến chế mục vụ, 49*). Tuy nhiên:

chừng nào còn mang tính nhân linh cao cả, tình yêu này được quy hướng đến cá vị này từ cá vị kia bằng sự triu mến tự ý, và nó bao gồm thiện ích của toàn thể cá vị, và vì vậy nó có thể làm phong phú những biểu lộ của thân xác và tâm hồn bằng một phẩm giá đặc thù và làm những biểu lộ này thành cao quý như những yếu tố và dấu chỉ đặc biệt của tình bạn hôn phối. Tình yêu này Chúa đã đoái

¹⁵³ Đối chiếu: Thánh Tôma Aquinô, *Commentarium in Librum III Sententiarum* (Bình Giải về Sách Các Luận Đề Cuốn III), q.27, a.2, c. Cũng xem Giáo Tông Gioan Phaolô II, Tông Huấn *Familiaris Consortio* (Chia Sẻ Gia Đình) (ngày 22 tháng 11 năm 1981), các số 18-19 (EV 7.1582-1585).

thương chữa lành, hoàn thiện, và siêu thắng nhờ bởi quà tặng đặc biệt của ơn sung và đức bác ái. (*Hiến chế mục vụ*, 49)

Với quà tặng đặc biệt này, một yếu tố thiên linh thâm nhập tương quan con người giữa vợ chồng, làm cho nó giống với tình yêu của Thiên Chúa và ban cho nó sức trường tồn và quyền năng của tình yêu này:

Vì vậy, các đôi bạn Kitô giáo nuôi dưỡng và phát triển hôn phối của họ bằng sự triu mến không chia sẻ, vọt lên từ nguồn mạch của tình yêu thiên linh, trong khi họ, bằng việc nhập tình yêu thiên linh và con người với nhau, tiếp tục chung thủy trong thân xác và tâm trí, lúc thuận cũng như lúc nghịch.¹⁵⁴

Con Cái

Xem ra như thể lặp lại một điều hiển nhiên khi đề cập đến dòng giống, con cái, như một phúc lành và mục đích của hôn nhân. Dầu vậy, điều này đã không thể được xem là chuyện dĩ nhiên vào thời của thánh Augustinô, cũng như vào thời chúng ta hiện nay. Vào thời trước đó nữa, những người thuộc phái Manikêô công kích chính hôn phối như một điều xấu và vì vậy con cái của hôn phối cũng thế. Trong thế giới hôm nay không có phái Manikêô như thế, nhưng có một thái độ lan rộng thù nghịch với thiện ích sinh sản và có ý làm suy yếu sự ràng buộc giữa hôn phối và lòng quan tâm đến sự sống mới.

Công Đồng Vaticanô II tái khẳng định vào thời của chúng ta rằng sinh sản con cái là một thiện ích căn bản của hôn phối, được định nghĩa như sự hiệp nhất của người nam và người nữ. Thiện ích này không thể bị tấn công mà không làm tổn hại tình yêu vợ chồng. Những tích cách phân biệt của hôn phối được sắp đặt cho thiện ích của con cái. Tình yêu hôn phối phải chung thủy và trường tồn đúng là để hiệp nhất vợ chồng trong một tình yêu có sức mạnh và sự quan tâm cá vị đến mức họ có thể thi hành thích đáng những bổn phận của cha mẹ:

Hôn phối và tình yêu vợ chồng theo bản tính quy hướng về việc sinh sản và giáo dục con cái. Con cái thật là ơn huệ cao quý nhất của hôn phối... (*Hiến chế mục vụ*, 50)¹⁵⁵

Điều này không hề làm giảm đi thiện ích của những mục đích khác trong hôn phối:

Vì vậy, trong khi không làm cho những mục đích khác của hôn phối kém quan trọng, thực hành đích thật của tình yêu vợ chồng cũng như của toàn bộ ý nghĩa đời sống gia đình phát sinh từ đó nhằm mục đích sao để đôi vợ chồng can đảm và sẵn sàng cộng tác với tình yêu của Đấng Tạo Hóa và Cứu Thế, Đấng mà qua họ đang hàng ngày mở rộng và làm phong phú chính gia đình Ngài. (*Hiến chế mục vụ*, 50)

Điều này không muốn nói là cha mẹ cho con cái ra đời cách vô trách nhiệm. Như chúng ta đã lưu ý trong một chương trước, các đôi vợ chồng Kitô giáo thật sự có thể suy nghĩ về số con cái mà họ có thể khôn ngoan cho ra đời, xem xét đến ở đây tất cả mọi

¹⁵⁴ Bộ Phụng Tự và Kỷ Luật Thiên Linh, *Nghi Thức Hôn Phối*, được xuất bản bởi quyền của Giáo Tông Phaolô VI, ngày 19 tháng 3 năm 1969, Dẫn Nhập, số 3 (EV 3.867).

¹⁵⁵ Đối chiếu: Giáo Tông Gioan Phaolô II, Tông Huấn *Chia Sẻ Gia Đình* (ngày 22 tháng 11 năm 1981), các số 36-41 (EV 7.1638-1661).

nhân tố liên hệ. Tuy nhiên, họ đồng thời phải loại trừ bất kỳ hình thức hạn chế sinh sản cách nhân tạo.

“Thiên Chúa là đức mến” (1 Gioan 4,8). Bởi vì Ngài là đức mến, Ngài đã tạo thành chúng ta. Đã không thể có động lực nào cho điều này khác hơn là để mở rộng, đổ tràn, và chia sẻ sự tốt lành vô hạn của Ngài. Tình yêu của Ngài quá bao la, quá vô hạn đến nỗi Ngài tuôn đổ nó vào thụ tạo. Vậy thì điều phải được mong đợi đó là khi muốn chia sẻ tình yêu của Ngài với con người, Ngài cũng sẽ muốn chia sẻ với họ quyền năng tạo thành của tình yêu Ngài. Ngài thực hiện điều này bằng cách làm cho họ có khả năng của tình yêu vợ chồng, một tình yêu sinh sản:

Trong phận vụ thông truyền và giáo dục sự sống con người phải được xem như sứ mạng riêng của họ, đôi vợ chồng nhận biết rằng họ là những người cộng tác với tình yêu của Thiên Chúa là Đấng Tạo Hóa và có thể nói được là những người giải thích tình yêu đó. (*Hiến chế mục vụ*, 50)

Tình yêu hỗ tương của họ cũng phá vỡ những giới hạn của nó thành sự tác tạo. Đối với điều này mọi kẻ sống có thể biết ơn.

Bí Tích

Thiện ích hay phúc lành thứ ba của hôn phối là tính bí tích. Hôn phối là giao ước của một tình yêu không thể tháo gỡ. Nó là một dấu chỉ thánh thiêng gợi nhớ và dùng như nguồn cung cấp tình yêu trường cửu giữa Đức Kitô và Giáo Hội của Ngài. Giống như giao ước đó, một hôn phối theo bí tích đã hoàn hợp thì hoàn toàn không thể tháo gỡ. Nó trường tồn đến chết.

Thừa tác viên của bí tích hôn phối là chính những người phối ngẫu của hôn phối. Linh mục trợ giúp trong hôn phối “phải thăm vấn và tiếp nhận sự ưng thuận của những người phối ngẫu đang kết ước” (*Hiến chế phụng vụ*, 77). Sự hoàn hợp của hôn phối niêm ấn sự ưng thuận đó bằng sự trao mình cho nhau và mang tính cá vị của kết hiệp tính dục:

Nhưng chính Đức Kitô, người hướng dẫn và hoàn thiện những bí tích đáng kính, nhờ cuộc khổ nạn của Ngài đã lập công nghiệp có được cho chúng ta một ơn sủng sẽ hoàn thiện tình yêu tự nhiên và củng cố sự hiệp nhất không thể phân ly, và thánh hóa những người có hôn phối.¹⁵⁶

Hôn phối theo nghĩa của một tình yêu được kết ước – thánh thiêng, trọng thể, và nghiêm túc – thì chính nó đòi hỏi sự hiệp nhất không thể tháo gỡ theo khuôn mẫu của tình yêu nơi Thiên Chúa.

Đấng Tạo Hóa đã thiết lập và ban những lề luật riêng cho đời sống chung thân mật và cộng đồng tình yêu hôn phối. Đời sống chung này được gầy dựng từ giao ước vợ chồng, nghĩa là sự ưng thuận cá vị không thể rút lại. (*Hiến chế mục vụ*, 48)

Hôn phối phát sinh trong giao ước hôn phối hay sự ưng thuận không thể rút lại mà mỗi người phối ngẫu tự do trao ban và tiếp nhận từ người kia. Sự hiệp nhất thân mật này và thiện ích của con cái đòi hỏi sự chung thủy toàn vẹn của hai vợ

¹⁵⁶ Công Đồng Trentô, Phiên Hợp 24, ngày 11 tháng 11 năm 1563, *Giáo Lý về Bí Tích Hôn Phối* (DS 1799).

chồng và lời kéo sự hiệp nhất bất khả phân ly của họ. Đức Kitô Chúa đã nâng sự hiệp nhất này lên phẩm giá của một bí tích để nó có thể gợi lại rõ ràng hơn và phản ánh dễ dàng hơn sự hiệp nhất không thể phá vỡ của Ngài với Giáo Hội Ngài.¹⁵⁷

Ở đây hôn phối được nhìn như sự đồng hành suốt đời, phản ánh sự hy sinh chính mình và tình yêu cứu chuộc của Đức Kitô trong giao ước mới của Ngài với Giáo Hội (đối chiếu: *Hiến chế mục vụ*, 48).

Giáo Hội dạy rằng hôn phối, ngay cả xét như là một định chế tự nhiên, không thể bị tháo gỡ bởi ý muốn của những người phối ngẫu hay bởi bất cứ quyền hành nào của con người.¹⁵⁸ Dạy như thế chắc chắn không phải là dạy rằng tiếp tục chung thủy cho đến chết trong hôn phối là chuyện dễ dàng, hay nói rằng những người phối ngẫu trong hôn phối có thể thành công làm được vậy mà không cần ơn sủng của Thiên Chúa. Nhưng Giáo Hội dạy rằng do bởi luật thiên linh hôn phối đòi hỏi sự chung thủy như thế và chỉ quyền hành thiên linh đặc biệt mới có thể hợp pháp tháo gỡ sự ràng buộc như thế. “Cho nên họ không còn là hai mà là một thân xác. Vậy điều Thiên Chúa đã phối hợp, thì người ta chớ có phân ly” (*Matthêu* 19,6).

Trong một số trường hợp Thiên Chúa cho phép tháo gỡ một ràng buộc hôn phối thuần túy tự nhiên, nghĩa là, hôn phối không được cam kết giữa hai người đã được thanh tẩy. Trong trường hợp những người không tin đã kết hôn, một trong hai người trở thành Kitô hữu, Giáo Hội có thể cho phép người Kitô hữu đó tái kết hôn, nếu người phối ngẫu không tin từ chối sống an bình với người ấy. Giáo Hội đã hiểu những lời của thánh Phaolô như thế (đối chiếu: *1 Corinthô* 7,12-16), và đã phán quyết rằng trong những trường hợp như thế Thiên Chúa cho Giáo Hội quyền tháo gỡ một hôn nhân không phải bí tích. Quyền này được gọi là đặc ân Phaolô. Khởi sự từ nguyên tắc này và nại đến “quyền các chìa khóa” được ban cho mình, Giáo Hội vì lợi ích của đức tin tiếp tục tháo gỡ hôn phối tự nhiên, không phải bí tích, ở đâu mà các điều kiện được bảo đảm.

Nhưng Giáo Hội vẫn tuyên bố cách chắc chắn và vẫn luôn dạy rằng một hôn phối thuộc bí tích giữa những Kitô hữu mà trong đó có sự ưng thuận và sự hoàn hợp hôn phối đích thật thì tuyệt đối không thể tháo gỡ ngoại trừ bởi cái chết của một trong hai người phối ngẫu. Là một bí tích gợi lại tình yêu bất tử của Đức Kitô đối với Giáo Hội, hôn phối được diễn tả trong sự kết nối ràng buộc kéo dài đến chết, bất luận điều gì xảy ra giữa hai vợ chồng.¹⁵⁹

Những Vấn Đề Hôn Phối Đặc Biệt

Không có lãnh vực nào trong đời sống với mọi vấn đề của nó mà người ta đau buồn và lo lắng cho bằng trong những hôn phối bị đổ vỡ. Người Công Giáo không được miễn khỏi những áp lực dẫn đến những khó khăn như thế; số những người ly dị và có lẽ kết hôn lại ở ngoài Giáo Hội đem đến một mối quan tâm mục vụ khẩn thiết.

¹⁵⁷ *Nghị Thức Hôn Phối*, Dẫn Nhập, số 3 (EV 3.867).

¹⁵⁸ Đối chiếu: Công Đồng Trentô, Phiên Hợp 24, ngày 11 tháng 11 năm 1563, *Giáo Lý về Bí Tích Hôn Phối* (DS 1797-1799, 1870); Giáo Tông Piô XI, Thông Điệp *Casti Connubii* (*Hôn Phối Khiết Tịnh*) (ngày 31 tháng 12 năm 1930) (DS 3712, 3724); Giáo Tông Gioan Phaolô II, Tông Huấn *Chia Sẻ Gia Đình* (ngày 22 tháng 11 năm 1981), số 20 (EV 7.1586-1588). Cũng đối chiếu: *Hiến chế mục vụ*, 48-49; *Sắc lệnh về tông đồ giáo dân*, 11.

¹⁵⁹ Xem chú thích số 8.

Trung thành với lời Đức Kitô loại bỏ sự ly dị (đối chiếu: *Matthêu* 19,3-12; *Marcô* 10,1-12), Giáo Hội không và không thể cho phép ly dị và tái kết hôn như một giải pháp cho những vấn đề này.¹⁶⁰ Trong khi một giải pháp như thế nó có thể xem ra tử tế đối với những cá nhân trong những hoàn cảnh đau khổ, thì nó lại bị giới răn thiên linh loại bỏ. Và lại thiện ích của các người chồng, các người vợ, và con cái nói chung đó là sức mạnh trường tồn của giao ước hôn phối phải được khẳng định. Đúng là bởi vì nó không thể bị tháo gỡ mà các đôi hôn phối được nâng đỡ trong những nỗ lực của họ để khuất phục những chướng ngại nghiêm trọng có thể đe dọa bất cứ đời sống hôn phối nào.

Dẫu vậy Giáo Hội cho phép tách rời khỏi đời sống chung với nhau của những người phối ngẫu trong hôn phối khi có những lý do nghiêm trọng cho sự ly thân đó.¹⁶¹

Trong một số hoàn cảnh tốt cùng, việc đôi vợ chồng tiếp tục sống với nhau không thể là một điều khôn ngoan. Tuy nhiên, những trường hợp như thế không bao giờ biện minh cho bất kỳ đòi hỏi nào cho rằng mình có quyền tháo gỡ sự ràng buộc hôn phối theo bí tích hay quyền bước vào một cuộc hôn phối mới.

Một số hôn phối là bề ngoài và “thất bại” thật ra đã chưa bao giờ là những hôn phối đích thật. Không có giao ước hôn phối thật sự nào đã được thiết lập nếu một trong hai hay cả hai người phối ngẫu đã không hay đã không thể trao ra sự ưng thuận tự do; hay nếu một trong hai hay cả hai đã không nhằm đến một hôn phối thật sự, một sự ràng buộc của tình yêu chung thủy tối thiểu về nguyên tắc mở ra cho con cái. Nếu vì bất cứ lý do nào mà một hôn phối bề ngoài đã không là một hôn phối đích thật từ ban đầu, thì người ta có thể xin được từ Giáo Hội một sự công nhận chính thức về sự kiện đó, nghĩa là, một sự hủy bỏ, hay chính xác hơn, một sắc lệnh về sự vô hiệu/bất thành [của hôn phối]. Mỗi giáo phận đòi hỏi phải có một tòa án hôn phối để nghe và xét xử các trường hợp hôn phối. Nếu một người đã không có hôn phối hiệu lực, thì hôn phối chân chính với một người phối ngẫu khác sẽ không bị loại trừ.

Vì ly dị bị cấm bởi Đức Kitô, Giáo Hội muốn cẩn thận bảo vệ việc bước vào tình trạng hôn phối. Thông thường những người Công Giáo chỉ có thể kết hôn hiệu lực trong sự hiện diện của một tư tế và các nhân chứng.¹⁶² Tư tế trợ giúp hôn phối phải là giám mục hay cha sở của một nơi hay người được vị đó ủy thác và có trách nhiệm sao để thấy được rằng đôi bạn thật sự tự do kết hôn, lãnh nhận sự giáo dục đầy đủ để nhận ra tầm quan trọng và phẩm giá của bí tích mà họ sẽ lãnh nhận, nhận biết những mục đích và ý nghĩa của của hôn phối, và đang bước vào một giao ước hôn phối chân chính.

Những Ngăn Trở

Để bảo vệ tình trạng hôn phối, Giáo Hội cũng có quyền công bố sự hiện hữu của những ngăn trở đối với hôn phối hay thiết lập chúng. Một sự ngăn trở triệt hủy là một hoàn cảnh bởi vì luật thiên linh hay luật Giáo Hội gây ra sự vô hiệu đối với hôn phối.

Ví dụ, Giáo Hội dạy rằng sự bất lực khi có trước hôn phối và kéo dài mãi sẽ làm cho hôn phối vô hiệu bởi chính luật tự nhiên, và cũng chính luật tự nhiên loại trừ khả năng có

¹⁶⁰ Đối chiếu: Công Đồng Trentô, Phiên Hợp 24, ngày 11 tháng 11 năm 1563, *Giáo Lý về Bí Tích Hôn Phối*, đặc biệt các khoản 7 và 8 (DS 1807, 1808); Việc chăm sóc mục vụ thích hợp đối với hôn phối bị xáo trộn được bàn đến trong: Giáo Tông Gioan Phaolô II, Tông Huấn *Chia Sẻ Gia Đình* (ngày 22 tháng 11 năm 1981), các số 77-85 (EV 7.1768-1804).

¹⁶¹ Đối chiếu: *Bộ Giáo Luật*, các khoản 1152-1153; Công Đồng Trentô, Phiên Hợp 24, ngày 11 tháng 11 năm 1563, *Giáo Lý về Bí Tích Hôn Phối*, khoản 8 (DS 1807).

¹⁶² Đối chiếu: *Bộ Giáo Luật*, khoản 1108.1.

hôn phối hiệu lực giữa một số bà con thân thích quá gần.¹⁶³ Những ngăn trở triệt hủy khác bao gồm chưa đủ tuổi, một hôn phối có trước và còn hiện hữu, việc lãnh nhận các Chức Thánh trước đó, việc tuyên khấn khiết tịnh trước đó trong một cơ cấu tu trì, và một số tội ác có trước.¹⁶⁴ Hôn phối được toan tính giữa một người Công Giáo với một người không được thanh tẩy mà không có sự miễn chuẩn trước cũng bị tuyên bố là vô hiệu lực.

Luật Giáo Hội cũng tuyên bố hôn phối bất hợp pháp trong một số trường hợp. Ví dụ, Giáo Hội cấm hôn phối giữa một người Công Giáo và một người đã thanh tẩy mà không phải Công Giáo. Nếu một người Công Giáo muốn kết hôn với một người đã thanh tẩy không phải Công Giáo, trước tiên phải được sự cho phép của giám mục đối với một hôn phối như thế. Giám mục có thể cho phép một hôn phối như thế nếu có một nguyên do hợp lý. Trước khi cho phép, Giáo Hội cố gắng bảo đảm cho được là những đe dọa đối với sự thành công của hôn phối thường phát xuất từ những khác biệt về niềm tin phải bị ngăn cản bằng cách tiến hành các bước vừa cung cấp sự giáo dục thích hợp để trợ giúp mỗi người trong họ¹⁶⁵ vừa bảo vệ đức tin của người phối ngẫu Công Giáo, vì Giáo Hội có trách nhiệm đặc biệt về đức tin đó.

Những Hôn Phối Vô Hiệu

Một người Công Giáo biết rằng mình là người phối ngẫu trong một hôn phối vô hiệu thì trong thực tại và trước mặt Thiên Chúa không có hôn phối với người có vẻ là chồng mình hay vợ mình. Vậy thì, thi hành việc ăn ở vợ chồng trong sự kết hiệp đó không phải là một dấu ấn thánh thiện và linh thiêng của tình yêu hôn phối mà thực sự là việc sử dụng tính dục sai trái. Những ai bất tuân nghiêm trọng luật của Giáo Hội hay của Thiên Chúa bằng cách bước vào một hôn phối vô hiệu, và có lẽ phạm nhiều tội trong sự liên kết đó, có bốn phận phải trở về với tình trạng ơn sủng sớm hết sức có thể và đương nhiên phải tránh Hiệp Lễ Thánh cho tới khi họ làm vậy. Vẫn luôn có thể có một giải pháp nào đó ngay cả trong những trường hợp khó khăn nhất. Đôi lúc một người phải chấp nhận một số từ bỏ bản thân đáng kể và phải mang thập giá cách quảng đại; nhưng ơn sủng của Thiên Chúa có thể làm cho người ta chịu đựng được ngay cả những gánh nặng khó khăn. Cho dầu các cá nhân cảm thấy họ hiện tại không có sức mạnh luân lý để làm điều mà luật Thiên Chúa đòi hỏi, họ không được tuyệt vọng. Bằng sự cầu nguyện, bằng sự trung thành tham dự Thánh Lễ, và bằng sự thi hành những việc làm của tình yêu Kitô giáo, thì với ơn sủng của Thiên Chúa họ có thể dần dần đạt được sự can đảm cần thiết để an bình làm bất cứ điều gì cần thiết. Các cha sở và các tòa án hôn phối giáo phận phải cố trợ giúp những ai đang mắc phải một hôn phối vô hiệu. Những ai tìm kiếm một lương tâm tốt lành trong những vấn đề này phải nhớ rằng lương tâm của họ phải được hình thành theo giáo huấn của Giáo Hội. Mọi giải pháp đạt đến được phải hoàn toàn trung thành với lệnh truyền của Đức Kitô rằng những hôn phối theo bí tích và được hoàn hợp không thể nào bị tháo gỡ hay bị xử sự như thể những hôn phối đó có thể vậy.¹⁶⁶

¹⁶³ Đối chiếu: *Bộ Giáo Luật*, các khoản 1084 và 1091.

¹⁶⁴ Đối chiếu: *Bộ Giáo Luật*, các khoản 1083, 1085, 1087, 1088, 1089, và 1090.

¹⁶⁵ Đối chiếu: *Bộ Giáo Luật*, các khoản 1124, 1125.

¹⁶⁶ Giáo Tông Gioan Phaolô II, Tông Huấn *Chia Sẻ Gia Đình* (ngày 22 tháng 11 năm 1981), số 84 (EV 7.1796-1802); cũng đối chiếu: Bộ Giáo Lý Đức Tin, *Thư gửi tất cả giám mục* (ngày 11 tháng 4 năm 1973) (EV 4.2383).

Ơn Gọi Hôn Phối

Mặc dầu tính bất khả phân ly làm vững mạnh nền tảng của tình yêu vợ chồng, nó không khai thác hết ý nghĩa của giao ước hôn phối. Giáo Hội “được tin là thánh thiện một cách bất khả khuyết. Thật vậy, Đức Kitô... đã yêu mến Giáo Hội như Hôn Thê của Ngài, phó nộp Ngài đi thánh hóa Giáo Hội (đối chiếu: *Êphêsô* 5,25-26)... Vì thế, trong Giáo Hội mọi người... đều được kêu gọi nên thánh” (*Hiển chế tín lý về Giáo Hội*, 39).

Công Đồng Vaticanô II đã nói về cách nào mà nguyên lý này bao gồm những ai bước vào giao ước bí tích:

Những đôi vợ chồng và các cha mẹ Kitô hữu phải theo đuổi con đường nên thánh thích hợp riêng cho họ bằng cách nhờ ơn sủng mà trung thành yêu thương và nâng đỡ nhau suốt đời. Đối với con cái mà trong yêu thương họ đã đón nhận từ Chúa, họ phải làm cho chúng hấp thụ đầy đủ các sự thật Kitô giáo và các nhân đức của Tin Mừng. Nhờ đó họ nêu lên cho mọi người tấm gương yêu thương quảng đại vững bền, xây dựng tình huynh đệ của đức bác ái, và làm chứng cùng cộng tác vào việc sinh sản phong phú của Mẹ Giáo Hội. Bằng đời sống như thế, họ trở nên dấu chỉ và thông phần vào chính tình yêu mà Đức Kitô đã yêu Hôn Thê của Ngài và bởi vì tình yêu đó mà Ngài đã phó nộp chính mình vì cho nàng. (*Hiển chế tín lý về Giáo Hội*, 41)

Giáo Tông Piô XI đã tuyên bố giáo huấn này cho những ai có hôn phối:

Sự diễn tả bề ngoài của tình yêu trong đời sống gia đình không chỉ bao gồm sự giúp đỡ lẫn nhau, mà còn nên mở rộng đến điều này, và thật sự nên xem điều này như mục đích hàng đầu của nó, đó là các người phối ngẫu trong hôn phối giúp nhau huấn luyện và hoàn thiện bản thân hàng ngày nhiều hơn trong đời sống nội tâm, để nhờ qua sự cộng thông của họ trong đời sống, họ có thể không ngừng tiến triển ngày càng nhiều về nhân đức, và đặc biệt để họ có thể tăng triển trong tình yêu đích thật đối với Thiên Chúa và những người xung quanh, thật vậy “toàn bộ lề luật cùng các tiên tri đều quy vào” đó (*Matthêu* 22,40). Vì mọi người, thuộc mọi điều kiện, trong bất kỳ đường đời nào của họ mà đáng kính trọng, đều có thể và nên noi theo tấm gương hoàn hảo nhất mà Thiên Chúa đã đặt ra trước mặt con người, đó là Đức Kitô Chúa chúng ta, và nhờ bởi ơn sủng Thiên Chúa mà đạt đến tột đỉnh của sự hoàn hảo, như được minh chứng bởi gương của nhiều đáng thánh đã nêu ra cho chúng ta.¹⁶⁷

Hôn Phối và Mầu Nhiệm Vượt Qua

Tình yêu của Đức Kitô đối với Giáo Hội là khuôn mẫu cho tình yêu hôn phối. Tình yêu của Đức Kitô đã là một tình yêu hy sinh, và nó đã bao gồm đau khổ ở đâu cần thiết. “Không có lòng mến nào lớn hơn là hiến mạng sống mình vì bạn hữu” (*Gioan* 15,13). Đó cũng là tình yêu mà Ngài đòi hỏi những ai theo Ngài phải có đối với nhau cũng như đối với chính Ngài. “Ta ban cho các ngươi một điều răn mới là các ngươi hãy yêu mến nhau. Như Ta đã yêu mến các ngươi, các ngươi cũng hãy yêu mến nhau” (*Gioan* 13,34). Điều này đi xa hơn yêu người lân cận như chính mình; nó đi quá Điều Luật Vàng, ngay cả đến giới hạn: “Noi điều này mà chúng ta biết được lòng mến đó là Ngài đã hiến mạng sống mình vì chúng ta; và chúng ta cũng phải hiến mạng sống mình vì anh em” (*1 Gioan* 3,16).

¹⁶⁷ Giáo Tông Piô XI, Thông Điệp *Hôn Phối Khiết Tịnh* (ngày 31 tháng 12 năm 1930) (DS 3712, 3707).

Thế mà chính tình yêu hy sinh này là gương mẫu của hôn phối Kitô giáo và của bí tích này, tức dấu chỉ huyền nhiệm [mysterion] hay hình bóng ám chỉ nhờ qua đó mà Đức Kitô giáng phúc trên đôi hôn phối. Để yêu thương nhau chung thủy đến chết, họ phải học tha thứ cho nhau và học vác thập giá cho đúng. Khi tạo lập gia đình, với mọi niềm vui và mọi nỗi đau lòng mà việc đó ám chỉ, họ nhất định được đòi hỏi trao ban chính mình.

Thánh Phaolô khuyến dụ: “Chồng hãy yêu mến vợ, cũng như Đức Kitô đã yêu mến Giáo Hội, và đã phó nộp mình đi vì cho nàng...” (*Êphêso* 5,25). Như vậy đôi hôn phối được đặc biệt chìm vào trong màu nhiệm chết và sống lại của Chúa; nhờ qua bí tích này tình yêu của họ thông phần vào màu nhiệm cứu rỗi của Đức Kitô và là dấu chỉ cho sự hoàn hảo sau cùng của nó khi Giáo Hội được thể hiện trọn vẹn. Đó là tại sao hôn phối Kitô giáo phải là bất khả phân ly, theo nghĩa đen là cho đến chết. Đó là tại sao sự hoàn hảo của tình yêu Kitô giáo hết sức cần thiết cho đôi hôn phối kéo sự ích kỷ của con người chia rẽ điều mà Thiên Chúa đã liên kết với nhau; và do vậy đó là tại sao mà một bí tích đặc biệt được trao ban để nuôi dưỡng tình yêu như thế. Giao ước hôn phối phải thông phần vào phẩm tính và sự trường tồn của tình yêu nơi Đấng đã phán: “Ta đã yêu người bằng một tình yêu vĩnh viễn” (*Giêrêmia* 31,3).

Cử hành hôn phối “thông thường nên trong Thánh Lễ”.¹⁶⁸ Điều này cũng chỉ ra sự phát xuất của nó từ Màu Nhiệm Vượt Qua. Trong Thánh Lễ cưới, Phụng Vụ Lời “cho thấy tầm quan trọng của hôn phối Kitô giáo trong lịch sử cứu rỗi và những bổn phận và trách nhiệm của đôi bạn trong việc chăm sóc cho sự thánh thiện của con cái mình”.¹⁶⁹

Rồi trong Phụng Vụ Mình Máu Thánh, trong đó lịch sử cứu rỗi vươn tới tột đỉnh của nó, đôi bạn nay đã có hôn phối bước vào cội nguồn bí tích của Màu Nhiệm Vượt Qua và “ăn bánh ấy và uống chén ấy” để “loan báo sự chết của Chúa cho tới lúc Ngài đến” (*I Corinthô* 11,26). Ngay cả trong nghi lễ của mình, Giáo Hội tìm cách làm cho hôn phối thành trọng đại và thánh hiến nó bằng sở hữu cao quý nhất của Giáo Hội, tức màu nhiệm đức tin [nghĩa là bí tích Mình Máu Thánh].

----- Những Câu Hỏi Thảo Luận -----

1. Hãy bàn về những cách nào mà đôi bạn bước vào bí tích Hôn Phối phản ánh Màu Nhiệm Vượt Qua của tình yêu Đức Kitô đối với Giáo Hội.
2. Hãy bàn về giáo huấn của Giáo Hội về Thiên Chúa là tác giả của Hôn Phối như sự hiệp nhất duy nhất của một người nam và một người nữ được nâng lên phẩm giá của bí tích Hôn Phối.
3. Bằng cách nào mà gia đình bạn có thể phản ánh rõ ràng hơn vai trò của nó như là một “Giáo Hội tại gia”? Sự hỗ trợ nào mà bạn có thể đưa ra cho những đôi bạn đang gặp rắc rối trong đời sống hôn phối ở trong gia đình bạn, giáo xứ bạn hay trong xã hội?

¹⁶⁸ *Nghi Thức Hôn Phối*, Dẫn Nhập, số 6 (EV 3.870).

¹⁶⁹ *Nghi Thức Hôn Phối*, Dẫn Nhập, số 6 (EV 3.870).

Tham Khảo Thêm:

Giáo Lý Công Giáo Hoa Kỳ cho Người Lớn: Chương 21 – Bí Tích Hôn Phối.

Sách Giáo Lý của Hội Thánh Công Giáo, 1601-1658.

Giáo Tông Bênêdictô XVI, *Bí Tích của Đức Bác Ái*. Tông Huấn sau Công Nghị [các Giám Mục], ngày 22 tháng 2 năm 2007.

Tổng Giáo Phận Hoa Thịnh Đốn, *Các Vấn Đề Hôn Phối* – <http://www.adw.org/family/marriage.asp>

Những Điều Cần Nhớ...

- ✘ Thiên Chúa là Tác Giả của hôn phối, và Đức Kitô đã nâng hôn phối của những kẻ theo Ngài lên phẩm giá của một bí tích.
- ✘ Hôn phối là sự hiệp nhất của người nam và người nữ mở ra cho việc sinh sản và dưỡng nuôi con cái với những ơn huệ bổ sung và chỉ có cho họ.
- ✘ Nhờ qua bí tích Hôn Phối vợ chồng nên tăng triển trong tình yêu quảng đại đối với nhau và vui mừng trong những thiện ích mà vì chúng hôn phối hiện hữu: tình yêu chung thủy, niềm vui con cái, và thiện ích bí tích – nghĩa là, những phúc lành của một tình yêu trường tồn như tình yêu giữa Đức Kitô và Giáo Hội.
- ✘ Đức Kitô đã dạy rằng không có quyền hành nào của con người có thể tháo gỡ hôn phối.
- ✘ Những ai muốn kết hôn nên chuẩn bị cẩn thận cho việc đó; họ nên chắc chắn họ có tự do để kết hôn.
- ✘ Các thừa tác viên của bí tích Hôn Phối là chính những người phối ngẫu trong hôn phối; giám mục, linh mục, hay phó tế trợ giúp cho hôn phối phục vụ như một nhân chứng cho bí tích mà vợ chồng ban phát cho nhau.
- ✘ Sự hủy bỏ không tháo gỡ hôn phối; nó chỉ là sự tuyên bố rằng một hôn phối bề ngoài đã chưa bao giờ là một hôn phối thật sự, bởi vì một khiếm khuyết nghiêm trọng nào đó mà nó chịu từ ban đầu.

KẾT LUẬN

Là con người tức là có những hoài bão và khát vọng. Ở tận cùng, khát vọng sâu thẳm nhất của con người là về Thiên Chúa. Vì chúng ta được tạo thành bởi Thiên Chúa để hiệp nhất với Thiên Chúa và để hiệp thông với nhau. Các bí tích của Giáo Hội được ban ra cho chúng ta như những phương thể độc nhất vô nhị cho sự hiệp nhất sâu xa hơn với Đức Kitô, ở trong sự hiệp thông của Giáo Hội.

Cuốn *Các Bí Tích: Gặp Gỡ Liên Tục với Đức Kitô* là một cơ hội để tăng triển trong nhận thức về đời sống bí tích của Giáo Hội Công Giáo. Tuy nhiên, nghiên cứu, bàn luận, và suy tư cầu nguyện chỉ là khởi đầu. Giáo lý bí tích được trình bày trong những trang này cũng là sự mời gọi tham dự vào và sống cách cá vị ý nghĩa cứu rỗi của Mầu Nhiệm Vượt Qua nơi Đức Giêsu, trung tâm của mọi cử hành bí tích. Suy tư về các bí tích trở nên thật sự hiệu quả và thay đổi đời sống khi nó dẫn đến việc gặp gỡ lại Đức Kitô không ngừng hiện diện giữa chúng ta, trong Lời của Ngài và trong các bí tích của Giáo Hội.

Thông phần vào sự phong phú của đời sống bí tích trong Giáo Hội phải là bản thân được làm thành đồng hình dạng với Chúa Giêsu trong và qua sự hiện diện bí tích của Ngài. Giáo dục đức tin cho người lớn phát sinh hoa trái phong phú khi đời sống hàng ngày được đổi mới và biến dạng dần dần nhờ qua sự tham dự vào các mầu nhiệm thánh được cử hành trong các bí tích. Nghiên cứu, bàn luận, suy tư, cầu nguyện, và hoán cải hàng ngày phát sinh ra từ nhau. Vì như Giáo Tông Bênêdictô XVI lưu ý:

Mục đích của tất cả giáo dục Kitô giáo là huấn luyện người tín hữu trong một đức tin trưởng thành có thể làm cho người đó thành một ‘tạo thành mới’, có khả năng làm chứng cho niềm hy vọng Kitô giáo đối với những gì xung quanh mình.
(*Bí Tích của Đức Bác Ái*, 64)

Nhờ qua thừa tác vụ của Giáo Hội, chúng ta lãnh nhận các bí tích của tình yêu Thiên Chúa, một tình yêu chữa lành, tha thứ, và làm vững mạnh. Các bí tích đánh dấu những thời điểm quan trọng của đời sống: chào đời, ơn gọi, bệnh tật, và ly trần. Và chúng tương xứng với những khát vọng sâu thẳm nhất của con người nơi chúng ta : [khát vọng] thuộc về, tha thứ và được thứ tha, được chữa lành, và sống trọn vẹn ơn gọi của mình trong cuộc đời.

Giáo Hội ban ra các bí tích như những quà tặng của ơn sủng thiên linh cho hành trình hàng ngày của đức tin. Đối với những quà tặng này về sự hiện diện liên tục của Đức Kitô, đáp trả con người của chúng ta là đức tin và lòng cảm tạ, được diễn tả trong chứng từ và đời sống môn đệ Kitô giáo. Như Giáo Tông Bênêdictô XVI đã nhắc nhở chúng ta về ơn huệ của đời sống bí tích nơi Giáo Hội khi ngài đưa ra những lời thách đố này trong chuyến viếng thăm mục vụ của Ngài tại Hoa Kỳ:

Nhờ qua quyền năng trời vượt của ơn sủng Đức Kitô, được giao phó cho những thừa tác vụ con người mỏng giòn, Giáo Hội liên tục được tái sinh và mỗi một chúng ta được ban cho niềm hy vọng về một sự khởi đầu mới. Chúng ta hãy tin cậy vào quyền năng của Ngôi Thánh Thần thúc sự hoán cải, chữa lành mọi vết thương, khuất phục mọi chia rẽ, và đẩy lên khả năng sống một đời sống và tự do mới mẻ. Chúng ta cần những ơn huệ này biết bao! (*Bài Giảng*, Vận Động Trường Washington Nationals, ngày 17 tháng 4 năm 2008)